Vietnamese holdings in the Library of Congress. compiled by A. Kohar Rony.
Library of Congress.
Washington : The Library : 1987.

http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912

HathiTrust

www.hathitrust.org

Public Domain, Google-digitized
http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

We have determined this work to be in the public domain, meaning that it is not subject to copyright. Users are free to copy, use, and redistribute the work in part or in whole. It is possible that current copyright holders, heirs or the estate of the authors of individual portions of the work, such as illustrations or photographs, assert copyrights over these portions. Depending on the nature of subsequent use that is made, additional rights may need to be obtained independently of anything we can address. The digital images and OCR of this work were produced by Google, Inc. (indicated by a watermark on each page in the PageTurner). Google requests that the images and OCR not be re-hosted, redistributed or used commercially. The images are provided for educational, scholarly, non-commercial purposes.

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

UNIVERSITY OF ILLINOIS-URBANA
3 0112 039943912

Digitized by Google

Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Vũ Duy Nghĩa, 1443
Vũ Đình Hải, 1116
Vũ Đình Phòng, 1673
Vũ Hùng, 574
Vũ Kiên, 1406
Vũ Kim Thu, 732
Vũ Lê Mai, Bức tượng không xây. 1979, 32
Vũ Mẫn, 1566
Vũ Thanh Thủy, 1101
Vũ Trung Du, 353
Vũ Tương Khanh, 1717
Vụ Văn Hóa và Thông Tin, 1856
Vương Anh, 411
Vương Kim, 1308
Wakabayashi, 1608
Williams, Charles, 425

Xiên Trai, 92
Xuân Diệu, 942
Xuân Đức, 256
Xuân Mai, 1432
Xuân Thiều, 654
Xuân Tùng, 253

Y Đạt, 532
Y Điêng, 1546, 1791
Y Đứp, 221
Y Khoa Đại Học Saigon, 920
Yên Đức, 3

☆ U.S. GOVERNMENT PRINTING OFFICE : 1987 O - 192-712 : QL 3

Digitized by Google
Original from UNIVERSITY OF ILLINOIS AT URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Thanh Tịnh, 308
Thao Trương, 207
Thê Long, 741
Thi Hoàng, 1316
Thị Nhi, 994
Thiết Vũ, 1673
Thợ Đầu, 1291
Thông Tấn Xã Việt Nam, 191, 1265
Thông Tin Lý Luận, 1612
Thu Giang, 1309
Thư Viện Quốc Gia, 980
Thương Nguyễn, 168
Tô Giang Tử, 287
Tô Hòai, 926
Tô Hữu, 1680
Tô Vũ, 85
Tôn Đức Lượng, 1237, 1723
Tôn Tích Thạch, 782
Tổng Công Đoàn Việt Nam. Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Công Đòan Việt Nam, 717
Tổng Cục Thống Kê, 1359
Tổng Vụ Hải Ngoại, 1854
Trại Thí Nghiệm Chè Phú Hộ, 540
Trạm Nghiên Cứu Cây Nhiệt Đới Phủ Qùy, 538
Trần Gia Bích, 1619
Trần Hương Nam, 1013
Trần Hữu Thung, 253
Trần Huy Bá, 1078
Trần Huy Liệu, 839
Trần Lê Văn, 74
Trần Linh Qúy, 251
Trần Mạnh Thương, 747
Trần Ngọc Thanh, 817
Trần Nhật Duật, 748
Trần Nhường, 1051
Trần Phương, 468
Trần Quang Nhật, 72
Trần Quốc Bảo, 412
Trần Thanh Đạm, 1035, 1276
Trần Thanh Giao. Giữa Hai Làn Nước, 1420
Trần Thị Mỹ Hạnh, 690
Trần Trọng San, 224, 1161, 1162, 1163, 1164
Trần Văn Giáp, 681
Trần Văn Khang, 681
Trần Văn Thịnh, 26
Trần Văn Trị, 1626
Trần Việt Ngũ, 163
Triệu Dương, 141
Triệu Hữu Lý, 1500
Triệu Khắc Lê, 1785
Trịnh Căn, 742
Trinh Lai, 85
Trinh Quốc Quang, 1543
Trịnh Sanh, 1046
Trọng Minh Vũ Trọng Chất, 1869
Trúc Đương, 74
Trung Tâm Học Liệu. Bộ Giáo-dục, 918
Trung Tâm Quốc Gia Khảo Cứu Khoa Học, 920
Trung Tâm Văn Hóa VN, 1866
Trung Trung Đỉnh, 1307
Trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội, 1189
Trương Đình Quang, 163
Trương Sĩ Hùng, 1145
Tư Quê, 1291
Tùng Sơn, 322
Tướng Năng Tiền, 1688
Ty Văn Hóa Thông Tin Nghĩa Bình, 1115
Ủy Ban Dạy Nghề Thuộc Hội Đồng Bộ Trưởng Liên Xô, 783
Ủy Ban Điều Tra Tội Ác Chiến Tranh, 1400
Ủy Ban Khoa Học và Kỹ Thuật Nhà Nước, 79
Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, 1037, 1039, 1130
Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam. Ban Cận Đại Viện Sử Học, 198
Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam. Ban Hán Nôm, 485
Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam. Viện Dân Tộc Học, 931
Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam. Viện Sử Học, 100, 1223, 1263
Ủy Ban Ô-Lim-Pic Việt Nam, 722
Ủy Ban Tranh Đấu Cho Tù Nhân Chính Trị Tại Việt Nam, 1353

Văn Cao, 1256
Văn Phòng Phật Giáo Hòa Hảo Hải Ngoại, 1824
Văn Tiến Dũng, 1153
Văn Tùng, 1719
Viện Bảo Tàng Lịch Sử Việt Nam, 1182
Viện Cây Công Nghiệp, Cây Ăn Quả và Cây Làm Thuốc (Vietnam), 541
Viện Chăn Nuôi (Vietnam), 542, 1623
Viện Công Vụ và Cơ Giới Hóa Nông Nghiệp (Vietnam), 892
Viện Dân Tộc Học, 90, 931
Viện Đại Học Huế. Ủy Ban Phiên Dịch Sử Liệu Việt Nam, 715
Viện Địa Chất và Khoáng Sản. Tổng Cục Địa Chất, 400
Viện Đông Y (Vietnam), 106
Viện Khảo Cổ Học, 484, 1117
Viện Kinh Tế, 468
Viện Nghiên Cứu Mỹ Thuật, 483
Viện Ngôn Ngữ Học, 393, 1241, 1560
Viện Quốc Gia Thống Kê, 271
Viện Sử Học (Vietnam), 100, 198, 1037, 1130, 1200, 1263, 1409, 1663, 1725
Viện Thông Tin Khoa Học Xã Hội, 1039
Viện triết Học (Vietnam), 83, 1458
Viện Văn Học (Vietnam), 1220
Việt Dũng, 74
Việt Đoàn Thống Nhất, 1814
Vietnam. Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Quân Đội, 718
Vietnam. Ban Tuyên Huấn Trung Ương. Vụ Biên Soạn, 130
Vietnam. Bộ Giáo-dục, 316
Vietnam. Bộ Nội Thương, 562
Vietnam. Bộ Quốc-gia Giáo-dục, 317
Vietnam. Cục Thông Tin và Cổ Động, 895
Vietnam. Nha Công Tác Xã Hội Miền Thượng, 153
Vietnam. Nha Quốc Gia Du Lịch, 1088
Vietnam Nha Tổng Giám-đốc Thông-tin, 1238
Vietnam. Phủ Quốc-vụ-khanh Đặc-trách Văn-hóa, 1036
Vietnam. Quân Đội Nhân Dân, 111
Vietnam. Quân Lực. Phòng Nhì, 110
Vietnam. Thư Viện Quốc Gia, 80, 1040, 1408
Vietnam. Tổng Cục Thể Dục Thể Thao, 1611
Vietnam. Ủy Ban Thiếu Niên Nhi Đồng Trung Ương, 547
Vietnam (Democratic Republic). Bộ Nông Nghiệp, 537
Vietnam (Democratic Republic). Bộ Y Tế, 1406
Vietnam (Democratic Republic). Cục Đào Tạo và Bồi Dưỡng Giáo Viên, 517, 1509
Vietnam (Democratic Republic). Ủy Ban Khoa Học và Kỹ Thuật Nhà Nước. Tổ Tự Điển Khoa Học và Kỹ Thuật, 1557
Vietnamese Christian Community, 1836
Vietnamese Refugee Camp, 1864
Vietnamese Senior Citizens Association, 1829, 1830
Vietnamese Service Center, 1807
Vietnamese Students Association at UCI, 1846
Võ Hà Anh, 188, 189, 190
Võ Nguyên Giáp, 1536
Võ Quang Nhơn, 1546, 1578
Vụ Biên Soạn, 716

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Người Việt Tự Do Tại Lyon, 1883
Nguyễn Án, 1142
Nguyễn Anh Bắc, 1493
Nguyễn Bảo, 304, 1306
Nguyễn Bé, 1572
Nguyễn Bích, 699
Nguyễn Bỉnh Khiêm, 1330
Nguyễn Bùi Vợi, 820, 1592
Nguyễn Châu, 814
Nguyễn Chí Vũ, 85
Nguyễn Cường, 495
Nguyễn Duy Bột, 1271
Nguyễn Đắc Xuân, 301
Nguyễn Đăng Châu, 953
Nguyễn Đình Chú, 141
Nguyễn Đình Diệm, 1508
Nguyễn Đình Dũng, 1068
Nguyễn Đình Nam, 782
Nguyễn Đình Qúy, 1789
Nguyễn Đồng Chi, 1223, 1409
Nguyễn Đức Nam, 1249
Nguyễn Đức Ninh, 878
Nguyễn Đức Vân, 815
Nguyễn Gia Phong, 922
Nguyễn Hải Hà, 284
Nguyễn Hùng, 495
Nguyễn Hữu Nghĩa, 158
Nguyễn Huy Đàn, 1509
Nguyễn Huy Hồng, 1145, 1585
Nguyễn Khắc Nhân, 1162
Nguyễn Khánh Toàn, 825
Nguyễn Kim Thản, 1061
Nguyễn Linh, 1044
Nguyễn Minh Châu, 397
Nguyễn Mộng Mênh, 821
Nguyễn Mỹ, 969
Nguyễn Ngọc Bích, 477
Nguyễn Ngọc Linh, 1126
Nguyễn Ngọc Nhuận, 1201
Nguyễn Ngọc Tiếp, 74
Nguyễn Phan Hách, 834
Nguyễn Phúc, 774
Nguyễn Phương, 1271
Nguyễn Quang Nhạ, 287
Nguyễn Quang Tính, 708
Nguyễn Sinh, 1729
Nguyễn Sỹ Lâm, 896
Nguyễn Tạo, 217, 1508
Nguyễn Thạch Giang, 896
Nguyễn Thị Hồng Ngát, 690
Nguyễn Thị Lê, 1210
Nguyễn Thị Phúc, 1297
Nguyễn Thiện, 924
Nguyễn Thọ, 835
Nguyễn Thụ, 801, 1467
Nguyễn Trần Đản, 1467
Nguyễn Trần Thiết, 1517
Nguyễn Triệu, 1507
Nguyễn Trực, 1406
Nguyễn Trương, 1166
Nguyễn Trường Lịch, 284
Nguyễn Tư Chi, 1467
Nguyễn Tùng Linh, 1316
Nguyễn Văn Chí, 1212
Nguyễn Văn Đạm, 1598
Nguyễn Văn Huyên, 1183
Nguyễn Văn Nghĩa, 885
Nguyễn Văn Sâm, 241
Nguyễn Văn Xước, 1482
Nguyễn Xuân Hiển, 1456
Nhà Xuất Bản Văn Học, 327
Nhật Giang Tử, 1193
Nhất Uyên, 1401, 1457
Nhóm giáo sư kỹ sư Trung Tâm kỹ thuật, 800
Nhóm Sinh Viên Việt Nam Quốc Gia, 1872
Nông Phúc Tước, 221

Phạm Đức Duật, 1145, 1585
Phạm Giật Đức, 443
Phạm Hồng Chinh, 1102
Phạm Hùng, 910
Phạm Huy Châu, 1217
Phạm Khuê, 1452
Phạm Kim Khánh, 1367
Phạm Ngọc Cảnh, 1780
Pham Nguyễn Vũ, 207
Phạm Như Cương, 1217
Phạm Quang Tòan, 104
Phạm Thành, 1274
Phạm Thanh Biên, 158
Phạm Thị Ngọc Dung, 1188
Phạm Thiên Thư, 161
Pham Thủy Ba, 1503
Phạm Tuyên, 85
Phạm Văn Miên, 240
Phạm Văn Sơn, 159
Phạm Văn Thứ, 953
Phạm Xuân Nam, 1600
Phan Huy Lê, 825, 940
Phan Sĩ Tân, 1035
Phan Tất Đắc, 1155
Phong Trào Quốc Gia Yểm Trợ Kháng Chiến, 1813, 1855
Phúc Tước, 351
Phương Anh, 1303
Phương Bằng, 162, 575
Phương Lưu, 584

Q. Minh, 548
Quang Đạm, 131
Quang Tâm, 1406
Quang Trung, 917
Quốc Bảo, 85
Quốc Thăng, 351
Quỳnh Cư, 104
Quỳnh Liên Tử, 37

Raymond, René, 427

Sáng Hội Việt Nam, 1891
Sherwood, Robert E., 433
Song Linh, 207

Tạ Phương Thảo, 1012
Tạ Thúc Bình, 333, 925
Tân Huyên, 1156
Tạp Chí Cộng Sản, 839
Thạch Can, 829
Thạch Chương, 207
Thạch Qùy, 3
Thái Bá Trừng, 1456
Thái Nam, 1318
Thái Trân Bái, 240
Thành Duy, 1491
Thành Đức, 1156

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

H-T, 1673
Hà Bình Nhưỡng, 516, 1370
Hà Mai Phương, 250
Hà Minh Đức, 1195
Hà Quang Phương, 966
Hà Văn Cầu, 1574
Hà Văn Tấn, 825
Hà Văn Thư, 572, 1546
Hải Hô, 1261
Hanoi (Vietnam). Sở Văn Hóa Thông tin Hà-nội, 346, 1414
Hồ Nga, 1154
Hồ Phương, 1425
Hồ Văn Xuân Nhị, 1901
Hoài Sơn, 1311
Hoài Việt, 74
Hoàng Anh Nhân, 1550
Hoàng Châu Ký, 349
Hoàng Chí, 472
Hoàng Chương, 163
Hoàng Công Luân, 1460
Hoàng Đạo Chúc, 522
Hoàng Hà, 532
Hoàng Hữu, 835
Hoàng Khôi, 152, 1036
Hoàng Minh Nhân, 1306
Hoàng Minh Thảo, 1261
Hoàng Ngọc Phách, 528
Hoàng Như Mai, 349
Hoàng Thao, 168, 1791
Hoàng Tích Chỉ, 31, 1392
Hoàng Trung Thông, 1220
Hoàng Văn Hòe, 917, 918
Hoàng Xuân, 864
Hoàng Xuân Chinh, 709
Học Phi, 1127
Học Sinh Trưng Vương, 1857
Học Viện Quân Sự Cao Cấp (Vietnam). Ban Tổng Kết Kinh Nghiệm Chiến Tranh, 157
Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, 1125
Hội Ái Hữu Đại Học Dalat, 1884
Hội Ái Hữu Việt Kiều Toronto, 1798
Hội Công Giáo Việt Nam Tại Đức, 1876
Hội Phật Giáo Việt Nam Gia Nã Đại, 1897
Hội Phật Tử Việt Mỹ, 1796
Hội Phụ Nữ Việt Nam, 1858
Hội Sinh Viên Việt Nam, 1816
Hội Sinh Viên Việt Nam Tại UCB, 1815, 1867
Hội Sinh Viên Việt Nam Tại University of California, 789
Hội Thân Hữu Việt Mỹ, 1880
Hội Văn Nghệ Hà Nội, 1038
Hồn Việt, 155
Hồng Dương, 457, 1393
Hồng Dương Hàm Châu, 502
Hồng Kỳ, 957
Hồng Liên, 729
Hồng Thao, 251
Hướng Đạo Việt Nam Hải Ngoại, 1890
Huy Tòan, 1782
Huỳnh Lý, 1202
Huỳnh Sanh Thông, 867
Huỳnh Thúc Kháng, 1194
Huỳnh Văn Đô, 1187

Indochinese Ecumenical Community Center of the First United Methodist Church, 1859

Kao Sơn, 1129
Khắc Lợi. Bức tường không xây. 1979, 32
Khắc Tính, 1251
Khoa Học Xã Hội, 328, 824, 825, 828, 829
Khoa Xuất Bản. Trường Tuyên Huấn Trung Ương, 813
Khối Báo Chí Cơ Sở Dân Quyền, 1810
Khổng Doãn Hợi, 438
Khuất Quang Thụy, 1051, 1371
Khương Hữu Dụng, 829, 1035
Kiều Thu Hoạch, 815
Kim Dung, 118, 119

Lã Văn Lô, 650
Lâm Tâm, 321
Lê Bá Kông, 585
Lê Đức Bình, 468
Lê Đức Tòan, 1570
Lê Hồng Hà, 1217
Lê Hữu Tầng, 885
Lê Khả Kê, 957
Lê Minh, 1025
Lê Ngô, 1267
Lê Ngọc Cầu, 827
Lê Quang Bảo, 957
Lê Tắc, 715
Lê Tân, 1154
Lê Thanh Nghị, 1106, 1653
Lê Thành Uyên, 1504
Lê Thi Mây, 202
Lê Thước, 875
Lê Trần Đức, 578
Lê Trung Vũ, 167, 1548
Lê Văn Dương, 159
Lê Xuân Khoa, 1161, 1163, 1164
Lê Xuân Mai, 550
Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ, 1847
Liên Đoàn Sinh Viên Việt Nam Tự Do, 1842
Liên Đoàn Tự Do Việt Nam, 1819
Linh Phương, 187
Lộng Chương, 74, 1574
Lữ Huy Nguyên, 16
Lục Văn Pảo, 472
Lương Văn Đang, 325, 896, 953
Lưu Yên, 1222, 1297
Lý Khắc Cung, 1267

Mã Nguyên Lương, 550
Mặc Châu, 1228
Mạc Phi, 164, 1348, 1349
Mai Cao Chương, 273
Mai Hữu Khuê, 782, 1121
Mai Quốc Liên, 829
Mai Thanh Hải, 729
Mai Thảo, 207
Mai Thị Ngọc Chúc, 296
Mai Trung Tính, 207
Minh Châu, Thích, 1364, 1365, 1368
Minh Đức Hoài Trinh, 1834
Minh Hiệu, 1550
Minh Kính, 933

Nam Hà, 142
National Center for Vietnamese Resettlement, 1853
Ngô Đức Thọ, 825
Ngô Linh Ngọc, 829
Ngô Quốc Quýnh, 236
Ngọc Anh, 1549
Ngọc Ngà, 143

Digitized by Google
Original from UNIVERSITY OF ILLINOIS AT URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Corporate and Joint Authors—Monographs

American Vietnamese Society, 1841
Amigo, Cesar, 754
Ảh I-Si-Ca-Oa Bun Dô, 533

Bá Dũng, 1519
Ba Nam, 1247
Bạch Điệp, 31
Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Công Đoàn Việt Nam, 717
Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Đảng Tỉnh Ủy Nghệ Tĩnh, 1113
Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Đảng Trung Ương, 795
Ban Thư Ký Ngành Sử Các Trường Đại Học, 1123
Bảo Vân, 941
Bê Kiền Quốc, 747
Blessed Vietnamese Martyrs Church, 1875
Bộ Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1189
Bộ Nội Thương, 562
Bộ Quốc-gia Giáo-dục, 350, 1043, 1161, 1162, 1163, 1164, 1264
Bộ Quốc Gia Giáo Dục. Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia, 928
Bộ Tổng-Tham-Mưu, Phòng 2, 110
Boileau, Pierre, 423
Bu Pha Nu Vông, 1767
Bùi Anh Tuấn, 849, 850, 851, 852, 853, 854
Bùi Duy Tân, 273, 953
Bùi Đàn, 748
Bùi Hữu Sủng, 250
Bùi Nghĩa Bình, 920
Bùi Ngọc Trác, 584
Bùi Thiện, 411
Bùi Văn Nguyên, 1167
Bùi Viết Nghi, 1044
Bửu Cầm, 1507

C. Hùng, 548
Ca Văn Thỉnh, 896
Cẩm Giang, 654
Cao Huy Giu, 219, 823, 824
Cao Phong, 1311
Cao Văn Lương, 1600
Cao Xuân Huy, 828, 829
Center for Applied Linguistics. Language and Orientation Resource Center, 1243
Center for Southeast Asian Refugee Resettlement, 1818
Chase, James Hadley, 427
Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam Tại Nhật, 1839
Chi Xuân, 1043
Chiêm Tê, 1189
Chu Xuân Anh, 1004
Cổ Tần Long Châu, 768
Committee for Social Sciences of the Socialist Republic of Vietnam, 940
Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam Giáo Phận Harrisburg, 1837
Cộng Đồng Phục Sinh, 1843
Cubuat, 1760

Diệu Không, Thích Nữ, 582, 1512
Doãn Hoàng Giang, 1789
Doãn Thanh, 1548
Donaldson, Jean, 270
Dung Sàigòn, 1686
Dương Đình Bá. Bức tường không xây. 1979, 32
Dương Hàm Châu, 502
Dương Kinh Quốc, 832
Dương Nghiễm Mậu, 207
Dương Phục, 1101
Dương Tấn Bé, 286
Dương Tường, 1249
Dương Xuân Hảo, 400
Duy Khán, 1780
Duy Ma Cật, 1513
Duy Thanh, 207
Đại Học Sư Phạm I Hà Nội. Khoa Ngữ Văn, 737
Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 325, 1041, 1123
Đàm Duy Tạo, 679
Đặng Anh Đào, 1302
Đảng Cộng Sản Việt Nam. Ban Chấp Hành Trung Ương, 799
Đảng Cộng Sản Việt Nam. Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Đảng, 1118, 1119
Đảng Cộng Sản Việt Nam. Đại Hội (4th: 1976: Hanoi, Vietnam), 83, 255, 307
Đặng Đình Sưa, 473
Đặng Đình Thương, 1041
Đặng Đức Siêu, 1535
Đặng Đức Sinh, 804
Đặng Kim Châu, 879
Đảng Lao Động Việt-Nam. Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Đảng. Thành Ủy Hà nội, 160
Đặng Thái Mai, 940
Đặng Trương, 556
Đặng Văn Ký, 1473
Đào Cảng, 495
Đào Duy Anh, 823, 824, 924
Đào Duy Tử, 1438
Đào Đăng Vỹ, 250
Đào Nguyên, 858
Đào Phương Bình, 1201
Đinh Kim Cương, 1578
Đinh Thái Hương, 325, 737
Đinh Thụ, 917, 918
Đinh Văn Thành, 1549
Đinh Xuân Lâm, 237
Đỗ Dương Thái, 1511
Đỗ Hữu Châu, 957
Đỗ Ngọc Toại, 1035, 1201
Đỗ Thị Khuê, 1563
Đỗ Thiện, 1549
Đỗ Văn, 1332
Đỗ Văn Nhung, 1189
Đoàn Đình Ca, 95
Đoàn Thanh, 835
Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh, 727
Đoàn Thanh Sinh Công, 1877
Đoàn Thị Điểm, 1705–48, 250
Đoàn Trung Còn, 205, 1513
Đoàn Văn Thụ, 1212
Đoàn Yên, 1504
Đức Minh, 547

Fleming, Ian, 422
Friberg, Timothy, 563

Governor's Resettlement Office, 1821
Gritter, Winabelle, 1481

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Tý, 1097

Vài hồi ức về Điện-biên-phủ, 1702
Vài nét về văn nghệ truyền thống Campuchia, 900
Vân đài loại ngữ, 681, 682
Vấn đề cấu tạo từ của tiếng Việt hiện đại, 393
Vấn đề dân cày, 1536
Vấn đề đối lập chính trị, 1032
Vấn đề kết hợp kinh tế với quốc phòng ở nước ta, 1493
Vấn đề ngoại khoa trong loét dạ dày, tá tràng, 1075
Văn hóa Hoa Lộc, 1182
Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận, 377
Văn học, cuộc sống, nhà văn, 460
Văn học dân gian Thái Bình, 1145
Văn học Việt Nam, 273, 951, 952
Văn học Việt Nam chống Mỹ, 1220
Văn kiện Đại hội lần thứ IV Công đoàn Việt Nam, 1404
Văn kiện Đảng về công tác thành vận, 234
Vần tiếng Việt, 1181
Văn xuôi Việt Nam trên con đường hiện thực xã hội chủ nghĩa, 1219
Vang Krum: tiểu thuyết, 888
Vàng lụa: truyện, 1582
Vào mùa: truyện ký, 1571
Ve bét và côn trùng ký sinh ở Việt Nam, 1212
Về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, 378
Về chủ nghĩa bành trướng Đại Hán trong lịch sử, 859
Về công tác Hậu cần quân đội, 379
Về đạo đức cách mạng, 380
Vẻ đẹp, 345, 1301
Về đường lối giáo dục xã hội chủ nghĩa, 632
Về giáo dục thanh niên, 381
Về hợp tác hóa nông nghiệp, 626
Về khoa học và nghệ thuật trong phê bình văn học, 459
Về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, 627
Về làng: tập truyện ngắn, 1214
Về Lê-nin và chủ nghĩa Lê-nin, 382
Về liên minh công nông, 383
Về nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước, 384
Về nhiệm vụ công tác chính trị trong quân đội nhân dân, 1260
Về nhiệm vụ xây dựng kinh tế của quân đội nhân dân Việt Nam, 1698
Về những thông số sinh học người Việt Nam, 1505
Về những xã tiến tiến ngoại thành, 1708
Về quá trình từ sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, 628
Về R, 558
Về sức mạnh tổng hợp của cách mạng Việt Nam, 1699
Về tình dân tộc trong văn học, 1294
Về vai trò và nhiệm vụ của thanh niên Hồ Chí Minh, 385
Về vấn đề Cam-Pu-Chia, 1534
Về vấn đề học tập, 386
Về xây dựng Đảng, 387, 629
Vì cả nước, 630
Vì độc lập tự do vì chủ nghĩa xã hội thanh niên ta hăng hái tiến lên, 388
Vi sinh vật học, 1540
Vì tổ quốc: kịch chín cảnh, 256
Vị trí chiến lược của chiến tranh nhân dân ở địa phương và của các lực lượng vũ trang địa phương, 1700
Vì tuổi thơ, 975
Vích-to Huy gô, 249
Việt-giáo phục-hưng, 507
Việt Nam: những sự kiện lịch sử, 1858–1945, 198
Việt Nam ba lần đánh Nguyên toàn thắng, 956
Việt Nam kháng Pháp sử, 342
Việt Nam Phật giáo sử luận, 949
Việt-Nam Phật-giáo tranh-đấu sử, 1569
Việt Nam thắng cảnh, 1272
Việt-Nam thi văn hợp tuyển, 199
Việt-Nam thương-mại niên-giám vùng Bay area, 343
Việt Nam thường-thức, hay là, những điều cần biết về đất-nước và nòi giống Việt Nam, 36
Việt Nam, Tổ quốc Em, 1154
Việt Nam truyện ký tập truyện, 1396
Việt Pháp thực hành đặc biệt cho người tỵ nạn, 1363
Việt-sử danh nhân lược chí: lớp ba, 1427
Việt-sử: tiểu truyện: lớp tư, 1428
Việt thi, 1475
Việt-văn độc-bản, 1476
Việt-văn độc-bản lớp đệ-nhị, 224
Vĩnh biệt Phương, 197
Vinh dự đoàn viên: hồi ký về đoàn, 649
Vịnh Hạ Long, 1325
Vĩnh-Long xưa và nay, 529
Vơ bơ: tiểu thuyết, 901
Vô môn quan, 505
Vợ thầy Hương, 713
Vòm trời biên giới, 292, 1712
Vòm trời quen thuộc, 281
Vọng gác tiền tiêu, 735
Vòng tay học trò: truyện dài, 1016
Vòng tay yêu tinh, 428
Vũ điệu trong bóng mờ, 433, 1250
Vụ mùa chưa gặt: tập truyện ngắn, 944
Vùng bão lửa, 714
Vùng cao: truyện, 293
Vùng chân hòn tàu, 1284
Vùng đất ngày mai: tiểu thuyết, 1444
Vùng đất xa xăm: tập truyện, 129
Vùng điểm lửa: truyện ngắn, 988
Vùng tranh chấp, 1298
Vườn hoa giữa núi, 1473
Vươn tới những đỉnh cao của sự nghiệp khoa học và kỹ thuật, 1178

Wei-mo-chieh ching, 205

Xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông-công nghiệp, 689
Xây dựng kinh tế, 1701
Xây dựng kinh tế địa phương vững mạnh, 631
Xây dựng và nhận điển hình, 1239
Xing nhã, Đăm di, 1792
Xoa bóp: tăng cường sức khỏe phòng bệnh và chữa bệnh, 962
Xóm vắng, 1789
Xứ sầm sét: tập truyện, 1682
Xử trí cấp cứu bỏng, 1185
Xuân-thu tam truyện, 152
Xưởng máy nhỏ vất vả của tôi, 899
Yết Kiêu, 322.
Yêu nhau bằng mồm, 429

Zen và dưỡng-sinh, 1287

Digitized by Google
Original from UNIVERSITY OF ILLINOIS AT URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Tổ chức và quản lý sản xuất xí nghiệp công nghiệp quốc doanh dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp, 258
Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ, 1176
Tổ quốc và quản lý sản xuất xí nghiệp công nghiệp quốc doanh dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp, 258
Tổ quốc Việt Nam ngàn lần yêu qúy, 1500
Tóc mơ nghìn sợi, 182
Tóc xõa ngang lưng, 183
Tội ác và cái giá phải trả, 752
Tội ác và di hại, 94
Tôi tìm Tôi, 1327
Tôi vẫn về nhà máy cũ: tập truyện ngắn, 964
Tóm tắt đặc điểm các họ cây thuốc, 1743
Tổng mục lục và sách dẫn, 1223
Trái bóng tròn lăn tới Tây Ban Nha, 1311
Trại Đầm Đùn, 1490
Trái đất tên Người: bút ký, 1378
Trái tim mặt trời, 1094
Trận đánh cuối cùng, 515
Trận địa ở đây, 1224
Trần Phú, 1257
Trận thắng trong làng, 1466
Trăng tháng chạp, 4
Trạng Trình Nguyễn-Bỉnh-Khiêm thi-tập, 864
Tre xanh: truyện, 1730
Trên biên giới phía bắc, 1393
Trên đất bạn: truyện, 1591
Trên đầu sóng, 403
Trên quê hương những anh hùng Điện-Ngọc, 1052
Trên sông truyền hịch, 334
Trên từng cánh lá: tiểu thuyết, 291
Triết học và cuộc đấu tranh ý thức hệ, 1157
Triết-lý đã đi đến đâu, 1433
Trong cơn gió lốc, 552
Trong vô số buổi chiều, 184
Trong vòng tay du đãng, 427
Trung bộ kinh, 1368
Trung-dung thuyết-ước, 702
Trung Quốc sau Đại hội lần thứ XII, 1005
Trước mùa mưa bão, 1460
Trương bô kinh, 1364
Trường ca, 1774
Trường ca sư đoàn, 909
Trường Hận, 273
Trường hận ca, 775
Trưởng thành trong chiến đấu: hồi ký, 1758
Truyện cổ Cao Lan, 575
Truyện cổ Chàm, 1192
Truyện cổ dân tộc Mèo, 168
Truyện cổ Dao, 167
Truyện cổ Ê-đê, 1791
Truyện cổ Mường, 411
Truyện cổ Thái, 1128
Truyện cổ Vân Kiều, 757
Truyện cổ Việt Bắc, 454
Truyện cổ Việt Nam, 1717
Truyện Hoa tiên, 924
Truyện Kiều, 876
Truyện Kiều và thể loại truyện nôm, 247
Truyện Tây bắc, 1379
Truyền thống của dân tộc Mèo đoàn kết đấu tranh bảo vệ tổ quốc Việt Nam, 321
Truyền thống dựng nước . . . , 1639
Truyền thống đoàn kết vô cùng qúy giá, 650
Truyện trinh thử, 391
Truyện và ký, 1010
Từ Binh-pháp Tôn-Ngô đến chiến-lược nguyên-tử, 811
Tù binh và hòa-bình, 1206
Từ cuộc đời chiến sĩ, 826
Từ dạo biết buồn, 185
Tự điển Anh-Việt các khoa học trái đất, 1526
Tự điển Anh-Việt hiện đại, 248
Tự-điển căn-bản thảo-chương điện-toán Anh-Việt, 1485
Tự điển địa chất, 1527
Tự điển điện và điện tử Anh Việt, 800
Tự điển hóa học, 1004
Tự điển học sinh, 957
Tự điển Khơme-Việt, 430
Tự điển kỹ thuật vô tuyến điện tử Anh-Việt, 1169
Tự điển Latinh-Việt tên thực vật, 968
Tự điển Nga-Việt, 970
Tự-điển Nhật-Việt-Anh, 286
Tự điển Pháp-Việt, 651, 1041
Tự-điển Pháp-Việt pháp-chính kinh-tài xã-hội, 1744
Tự điển sản phụ khoa, 456
Từ điển Tày-Nùng-Việt, 472
Tự điển Thành-ngữ Anh, 299
Tự điển thực vật học Pháp-Việt, 652
Tự điển tiếng Việt, 1598
Tự-điển tiêu-chuẩn Anh-Việt, 585
Tự điển tinh thể học Nga-Việt, 856
Tự điển Trung Việt, 1597
Tự điển vật lý Anh-Việt, 236
Tự điển Việt-Anh, 57
Tự điển Việt-Gia Rai, 1241
Tự điển Việt-Khơme, 431
Tự-điển Việt-Nam phổ-thông, 260
Tự-điển Việt-Nhật thông thoại, 1608
Tự điển y dược Pháp-Việt, 1647
Từ giã thơ ngây, 186
Từ Hà-Nội đến Mạc-Tư-Khoa, 1147
Tư Mã Quang, Vương An Thạch, 145
Từ mảnh đất này, 23
Từ một vùng đất tô, 561
Từ mùa thu ấy: tập ký và truyện, 1594
Từ nhớ đến thương, 458
Từ sinh lý đến dưỡng sinh, 933
Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc, 1151
Tư-tưởng chính-trị trong triết-học Khổng-giáo, 1464
Tử vi áo bí biện chứng học, 338
Tử vi đại toàn, 1286
Tuần trăng mật màu xanh: tiểu thuyết, 1015
Tục-ngữ, ca-dao [i.e., và] dân-ca, 35
Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam, 1732
Tục ngữ Thái, 788
Tuổi mười bảy, 532
Tuổi thơ: tập truyện, 736
Tuổi trẻ anh hùng xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, 625
Tượng đài hùng vĩ của tình hữu nghị Việt-Xô, 1533
Tuồng hài, 671
Tương lai thiền học Việt Nam, 1095
Tương lai văn hóa Việt Nam, 1096
Tướng mệnh học khảo luận, 1736
Tưởng niệm: pour flûte, alto et 2 harpes, 1402
Tướng pháp áo bí diện tướng học, 339
Tuyển tập các công trình nghiên cứu khoa học và kỹ thuật nông nghiệp, 1644, 1645
Tuyển tập Măng Đầu Mùa, 1688
Tuyển tập Nguyễn Tuân, 1058
Tuyển tập thi phẩm, 1373
Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm, 829
Tuyển truyện không quân, 945
Tuyển truyện sáng-tạo, 207

Digitized by Google
Original from UNIVERSITY OF ILLINOIS AT URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Tăng thương ngẫu lục, 1142
Tập bản đồ Việt-Nam, 1650
Tập làm văn và ngữ pháp, 922
Tất cả vì tổ quốc xã hội chủ nghĩa, 615
Tầu ngựa cũ: truyện ngắn, 724
Tây Nguyên, 470
Tây Nguyên đoàn kết tiến lên, 616
Tây Nguyên mùa cày, 47
Tên đời, 725
Thăm đất nước Cu-Ba anh hùng, 871
Tham luận tại Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ IV, 229
Thảm thực vật rừng Việt Nam, 1289
Thần-diệu đại-hiệp, 1193
Tháng giêng: truyện ngắn, 745
Tháng năm, mùa gặt: thơ, 833
Thánh ca: thơ, 1772
Thành ngữ tiếng Việt, 953
Thanh niên trong các lực lượng vũ trang với sự nghiệp, bảo vệ tổ quốc và xây dựng đất nước, 124
Thanh niên trong sự nghiệp xây dựng, 617
Thanh niên với cách mạng khoa học kỹ thuật, 1697
Thành phố chúng ta, 1296
Thành phố tương lai, 1338
Thành-thật luận, 359
Thề chiến nhân dân, 531
Thế hệ trẻ Việt Nam với sự nghiệp bảo vệ tổ quốc, 1606
Thế tiến công của ba dòng thác cách mạng, 466
Theo bác đi chiến dịch, 2
Thi ca chiến tranh và tình yêu, 836
Thi-nhân Việt-Nam hiện-đại, 1160
Thiên định theo pháp lý vô vi, 410
Thiên-long bát bộ, 119
Thiên nhiên Việt Nam, 586
Thơ, 893
Thơ: văn nghệ quân đội, 1049
Thơ: ca, 1314
Thơ chữ Hán Nguyễn Du, 875
Thơ Du Tử Lê, 171
Thơ Hồ Chí Minh, 376
Thơ Nôm Yên Đổ, Tú Xương, 941
Thơ Thanh Hải, 1300
Thơ thơ, 1773
Thơ tình, 869
Thơ Tô Hữu, 591, 1386
Thơ tuyển, 636
Thơ văn Ngô Thì Nhậm, 828
Thơ văn Nguyễn Khuyến, 942
Thơ văn Nguyễn Trãi, 1035
Thơ văn Phạm Văn Nghị, 1069, 1183
Thơ văn Phan Châu Trinh, 528
Thơ văn yêu nước và cách mạng, đầu thế kỷ XX, 141
Thơ vui như Tết, 312
Thoát-ly, 544
Thời gian ta mãi mãi còn xanh, 1457
Thời thanh niên của bác Hồ, 499
Thời tiết ngày mai: tiểu thuyết, 1788
Thơm hương mái tóc: thơ, 690
Thông điệp của Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa trước Quốc Hội ngày 9-2-1968, 1656
Thông tin văn hóa và nghệ thuật, 1343
Thú chơi cổ ngoạn, 1754
Thủ-đoạn chính-trị, 1735
Thú hoang: truyện dài, 1026
Thư mục sách, 1344
Thư mục về cuộc bành trướng quốc thổ Việt-Nam, 592
Thử tìm dấu chân trên cát, 93
Thư tình trên cát: truyện dài, 213
Thú xem truyện Tàu, 1755
Thực tế không phô trương, 8
Thung lũng Đặc Hoa, 1307
Thung lũng không tên: kịch bản điện ảnh, 693
Thung lũng thử thách, 1283
Thung lũng tình yêu, 646
Thương mẩu phần bảng, 1685
Thương yêu: truyện dài, 1027
Thúy Kiều Giao Chỉ, 903
Thủy Mặc, 907
Thủy triều: truyện ký, 1711
Thuyết sinh vật học Mit-su-rin, 884
Tị nạn trường ca, 1678
Tia nắng: tập truyện ngắn, 759
Tiến bước dưới ngọn cờ của đảng, 618
Tiến bước theo phương hướng chiến lược đã vạch ra, 619
Tiến lên dưới ngọn cờ cách mạng Tháng mười vĩ đại, 620
Tiến lên dưới ngọn cờ vẻ vang của đảng, 621
Tiếng chim đổi mùa, 500
Tiếng dương cầm, 1347
Tiếng đàn tranh: tiểu thuyết, 772.
Tiếng gọi, 11
Tiếng kèn, 1100
Tiếng khèn A Pá, 1497
Tiếng ngày xanh: truyện ngắn, 1033
Tiếng nói của đồng ruộng hay là nghề nông Việt-Nam qua ca-dao tục-ngữ, 1047
Tiếng quyên: thi tuyển, 559
Tiếng sáo chiều, 1577
Tiếng trống Mê Linh, 1
Tiếng Việt và dạy đại học bằng tiếng Việt, 939
Tiếp tục đấu tranh xóa bỏ tàn dư "văn hóa" thực dân mới, 356
Tiếp tục nghiên cứu xây dựng lý luận quân sự Việt Nam, 622
Tiểu-truyện danh-nhân: Nguyễn-Thái-Học, 144
Tìm hiểu bộ máy nhà nước, 1073, 1279
Tìm hiểu các quan điểm cơ bản, 1727
Tìm hiểu chế độ ruộng đất Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX, 1725
Tìm hiểu chủ nghĩa vật biện chứng, 885
Tìm hiểu chung thủy, 1572
Tìm hiểu đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, 1468
Tìm hiểu đường lối văn nghệ, 478
Tìm hiểu kho sách Hán Nôm, 1482
Tìm hiểu khoa học kỹ thuật trong lịch sử Việt Nam, 1662
Tìm hiểu mỹ học Mác—Lê-Nin, 404
Tìm hiểu phong trào đồng khởi ở miền nam Việt Nam, 104
Tìm hiểu phương hướng chủ yếu của chiến lược kinh tế-xã hội những năm 80, 637
Tìm hiểu quốc sách ấp chiến lược, 432
Tìm hiểu và suy nghĩ, 1499
Tìm hiểu về khoa học bảo vệ thực vật, 196
Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý-Trần, 1663
Tín hiệu bình yên: truyện, 1441
Tình cao thượng, 961
Tình còn: thơ, 1748
Tình hình quân sự Mỹ, 1109
Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của chúng ta, 623
Tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của đảng ta, 624
Tình người, 1273
Tình sử Võ Tắc Thiên, 574
Tinh-thần bình-đẳng, 121
Tinh thần sáng chế Việt-Nam, 996
Tinh-thần trọng nghĩa phương đông, 1395
Tình thơ trong mắt ngọc, 243
Tình yêu làng quê: truyện, 1061
Tình yêu như băng sơn, 647
Tô: tập truyện, 1093

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Núi đá tiên tri, 854
Núi non nước ta, 1046
Núi rừng yên tĩnh, 397
Nước lại về nguồn, 1104
Nước Việt-Nam trên con đường suy vong (1858–84), 60

Ở đất Hoa lộc, 834
Ở hai đầu đất nước, 497
Ở làng Phước Hậu, 1492
Ở phía sau anh: truyện, 666

Pa Sua: tiểu thuyết, 1590
Phạm Kim Vinh đọc đại thắng mùa xuân, 1153, 1604
Phan Bội Châu, 406
Phấn đấu vì một nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa, 1384
Phấn đấu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu đẹp, 611
Phần đóng góp, 1545
Phan Trần truyện, 981
Pháo đài đồng bằng, 69
Pháo thủ số 7, 1068
Phát động quần chúng xây dựng quyền làm chủ tập thể, 612
Phật-giáo Việt-Nam xưa & nay, 1326
Phật học thường thức khóa bản, 1568
Phật-học tinh-hoa, 882
Phát huy quyền làm chủ tập thể xây dựng nhà nước vững mạnh, 613
Phát huy thắng lợi vĩ đại tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên, 614
Phát huy tinh thần cầu học cầu tiến bộ, 374
Phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng, 947
Phẫu thuật ống tiêu hóa, 878
Phê bình và tiểu luận, 407
Phê phán văn học hiện sinh chủ nghĩa, 283
Phía tây mặt trận, 396
Phía trước là mặt trận, 514
Phiêu sinh vật trong vịnh Nha Trang, 453
Phim hoạt hóa Việt Nam, 817
Phố tôi những ngày nổi dậy, 950
Phong-lưu cũ mới, 1752
Phóng sự 30-4-75: thơ, 880
Phong trào công nhân miền Nam, 1692
Phong trào công nhân trong cao trào Xô-viết nghệ tĩnh, 1045
Phóng xạ y học, 1215
Phụ nữ Campuchia, 1313
Phục hưng làng xã, 1453
Phương hướng, 1173
Phương hướng nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch nhà nước năm 1977, 1653
Pui Kơ Lớ, 551
Qua Hướng-hóa: truyện và ký, 1718
Quả nhỏ: thơ, 554
Qua những miền đất: thơ, 994
Quả trong lòng tay: truyện ngắn, 746
Quần Đảo San Hô, 336
Quan họ: nguồn gốc và qúa trình phát triển, 251
Quân sự địa phương, 677
Quán triệt tính đảng trong Mỹ học, 1108
Quán triệt và đẩy mạnh hơn nữa việc chấp hành đường lối phương châm xây dựng đảng, 634
Quân với dân một ý chí, 203
Quê chồng, 408
Quê hương: truyện dài, 1056
Quê hương đồng đội: thơ, 392
Quê hương và dân tộc, 1722
Quê nhà: tiểu thuyết, 1377
Quốc-sử, 1186, 1187, 1188
Quốc văn cụ-thể, 54
Quốc-văn tổng-giảng, 18
Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, 223

Ra sức nâng cao chất lượng, 635
Ra sức phấn đấu để có những thành tựu mới trong văn nghệ, 491
Ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi góp phần đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội, 887
Ranh giới: tiểu thuyết, 667
Rất nhiều ánh lửa, 450
Réo cao: tập truyện ngắn, 973
Rồng vàng vượt biển, 1740
Rừng dừa xào xạc, 409
Rừng lá đỏ, 1498
Rừng sáng, 678, 1233
Rừng và biển: tập truyện ngắn, 1143
Rượu chát: tiểu thuyết, 1691

Sắc biển, 87
Sách học tiếng Việt, 1166
Sách lược xâm lăng của cộng sản, 776
Sách-sổ, 192
Sách sổ sang chép các việc, 40
Sài-Gòn năm xưa, 1753
Sài-Gòn rực lửa, 534
Sài Gòn vĩnh biệt: thơ, 444
Sao biển, 1012
Sao vui, 1221
Sát thát, 699
Sau khi bão tới, 755
Sau màn sương lạnh, 1440
Sáu trăm năm Nguyễn Trãi, 1179
Sen tháp mười, 55
Sli, lượn dân ca trữ tình Tây-Nùng, 1617
Sơ-lược về ảnh-hưởng Trung-Hoa trong tiếng Việt, 1180
Sổ tay công tác thư viện thiếu nhi, 285
Sổ tay dùng từ, 449
Sổ tay từ ngữ thường dùng, 1061
Sơ-thảo mục-lục thư-tịch về phật-giáo Việt-Nam, 928
Sóc nâu, 645
Sóng cửa sông: truyện, 275
Sông Đà, 1057
Sông Lô, 1252
Sóng lửa: tập truyện, 891
Sống mãi với thủ đô: tiểu thuyết, 927
Sông núi Điện Biên, 1450
Sống và viết với Nhất Linh, 842
Sử dụng vi sinh vật để phòng trừ sâu hại cây trồng, 948
Sư đoàn Chiến Thắng: ký sự, 1472
Sự nghiệp giáo dục trong chế độ xã hội chủ nghĩa, 1174
Sư-phạm lý-thuyết, 1486
Sư-phạm thực-hành, 1487
Sức mạnh giữ nước vĩ đại của dân tộc Việt Nam trong kỷ nguyên mới, 1605
Suối mùa xuân, 1437
Suy nghĩ về văn học, 1064

Ta lại là ta, 1776
Tác phẩm, 246
Tác phẩm: thơ, 1385
Tai mũi họng thực hành, 1705
Tâm-lược Trương-Tử-Phòng, 960
Tâm-lý học ứng-dụng, 1191
80 trò chơi lành mạnh, 1064
Tám năm kháng chiến thắng lợi, 375
Tam-qui ngũ-giới, 1315
Tan theo ngày nắng vội, 170
Tăng cường công tác tài chính, 1150
Tăng cường lãnh đạo quản lý kinh tế tài chính, 1175

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Ngọn lửa rực sáng, 464
Ngọn lửa thần kỳ, 1463
Ngọn lửa xanh: tiểu thuyết, 1067
Ngữ âm tiếng Việt Nam, 305
Ngữ pháp tiếng Việt, 461
Ngữ Pháp tiếng Việt hiện đại, 518
Ngữ-vựng Chàm, 563
Ngữ-vựng Pacoh-Việt-Anh, 1760
Ngữ-vựng Thái-Việt-Anh, 270
Ngựa Ông đã về, 402
Người anh hùng Đồng Tháp, 324
Người anh nuôi của đơn vị, 654
Người bạn chiến đấu Pa-Le.Xtin, 662
Người cập răng hầm xay lúa, 873
Người con đi xa: tập truyện ngắn, 991
Người cộng sản trẻ tuổi, 253
Người du kích năm xưa, 22
Người Thái ở tây bắc Việt Nam, 90
Người Thăng Long, 332
Người thợ máy Tôn Đức Thắng: truyện, 669
Người tình tuyệt vời, 1008
Người vợ mất tích, 424
Người vợ trẻ: tiểu thuyết, 138
Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt, 1002
Nguyễn Đình Chiểu toàn tập, 896
Nguyễn Đức Cảnh, 804
Nguyễn Huy Tưởng tuyển tập, 926
Nguyên thủy Phật giáo tư tưởng luận, 560
Nguyễn Trãi, 64, 940, 980
Nguyễn Trãi toàn tập, 1635
Nguyễn Trung Trực, 333
Nguyệt Đồng-xoài, 712
Nhà cửa các dân tộc ở trung du Bắc bộ Việt Nam, 931
Nhã tập mùa cẩm xanh, 1152
Nhà thám tử cô đơn, 853
Nhà văn, tư tưởng và phong cách, 889
Nhà văn Việt Nam, 1195
Nhạc cổ điển Việt-Nam, 1247
Nhân chủ, 557
Nhân dân lao động làm chủ tập thể là sức mạnh, 609
Nhân loại đã thấy gì từ hỏa ngục Việt Nam, 684
Nhận mặt kẻ thù, 974
Nhật ký cán bộ đoàn trong trường học, 446
Nhật ký địa chất: kịch, 1328
Nhật ký đường ra tiền tuyến: thơ, 633
Nhật ký một chặng đường, 698
Nhật ký Phnom Penh, 1023
Nhật ký trong tù, 372
Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch nhà nước 5 năm 1976–80, 687
Nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước năm 1979, 1652
Nhiệm vụ và phương hướng xây dựng, 688
Nho giáo, 1474, 1475
Nhớ Phố phường: truyện, 469
Nhớ và ghi, 874
Như chuyện thần tiên, 425
Như cơn mộng du, 1794
Như hạt mưa sa: truyện dài, 837
Như một khúc nhạc buồn, 570
Như sương long lanh, 644
Những bài chọn lọc về quân sự, 866
Những bông ban tím, 1242
Những bông cỏ mặt trời, 1420
Những bước đi hoang, 1596
Những cánh chim đại bàng, 516
Những cây có dầu béo ở Việt Nam, 1184
Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, 295
Những chặng đường chống Mỹ: hồi ký, 676
Những chặng đường lịch sử của Đoàn, 1719
Những chặng đường lịch sử vẻ vang, 373
Những cơn mưa trở về, 65
Những dấu chấm phía chân trời: truyện ngắn, 1020
Những điều cần biết tại Hoa-Kỳ, 413
Những đỉnh núi thép: truyện, 1520
Những giọt long lanh, 187
Những khuynh hướng chủ yếu của hội họa tư sản hiện đại, 987
Những năm cải tạo ở Bắc Việt, 1442
Những năm tháng trôi qua: tập truyện ngắn, 588
Những ngả đường: thơ, 116
Những ngày cuối cùng của Việt-Nam Cộng-Hòa, 929
Những ngày đã qua: tiểu thuyết, 863
Những ngày kỷ niệm và lịch sử, 905
Những ngày lưu lạc, 966
Những ngày vui, 543
Những ngõ phố người đường phố: tiểu thuyết, 1376
Những ngôi sao Ît-Xa-La, 335
Những người báo bão: tiểu thuyết, 1601
Những người còn sống mãi, 1471
Những người đi từ trong rừng ra, 967
Những người hiểu nhau, 1423
Những người săn tôm: tập truyện ngắn, 1371
Những người sống mãi, 254
Những nhân vật ấy đã sống với tôi, 914
Những nhiễm độc cấp thường gặp, 1721
Những nhiệm vụ lịch sử của phong trào cộng sản quốc tế, 610
Những quyết định quan trọng của Quốc Hội chung cả nước khóa VI kỳ họp thứ nhất, 1667
Những sắc màu quê hương: thơ, 1757
Những tiếng nói thầm: tập truyện, 692
Những tiếng súng đầu tiên, 395
Những trang sử đẫm mồ-hôi của họ "Cholon Vietnam," 726
Những vấn đề cơ bản trong công tác kế hoạch hóa của cấp huyện, 1734
Những vấn đề cơ bản trong đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, 1074
Những vấn đề kiến tạo học, 894
Những vấn đề tiết kiệm trong nông nghiệp xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 1318
Niềm hạnh phúc chợt thấy, 180
Niệm khát vọng, 1465
Niềm vui: tập truyện ngắn, 1621
Nỗ như tạc đạn, 426
Nơi anh sẽ đến, 526
Nỗi buồn tuổi trẻ: truyện dài, 1567
Nói chuyện chiến tranh tâm lý, 1159
Nói chuyện tâm lý, 1148
Nối cớ: truyện, 916
Nơi con đường gập biển: tập truyện ngắn, 280
Nỗi đau làm người: thơ, 306
Nơi đây vẫn quê người, 278
Nơi đi và nơi đến: tập thơ, 1784
Nơi ta ở, 24
Non nước Đồ Sơn, 1507
Nông dân, 21
Nông nghiệp Bun-Ga-Ri, 1415
Nông nghiệp Việt Nam và các nước nhiệt đới, 1342
Nông thôn Việt Nam trong lịch sử, 1636
Nữ công thắng lãm, 578
Nu cười thơ ngàn năm, 1462
Nữ thi-hào Việt-Nam, 1190
Nửa gồi cô đơn, 809
Nửa tháng trong miền Thất Sơn, 1065
Nửa thế kỷ đấu tranh dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, 1600
Núi cỏ yêu thương, 1616

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Ma nữ đa tình, 118
Mái tóc dạ hương, 808
Măng bão: tiểu thuyết, 1690
Măng mọc trong lửa, 1213
Mảnh đất yêu thương: tiểu thuyết, 172
Mặt trận đông bắc Sài gòn, 792
Mặt trận giữa rừng: truyện ký, 1028
Mặt trận ngoại giao thời kỳ chống Mỹ cứu nước, 886
Mặt trăng, 1295
Mặt trẻ thơ, 504
Mặt trời trên đỉnh thác, 45
Màu áo hoa rừng, 580
Máu đen vàng đỏ, 422
Máu và hoa: thơ, 1383
Màu vôi mới, 1436
Màu xanh đang lên: truyện dài, 643
Mấy kinh nghiệm công tác quân sự địa phương ở Quân khu ba, 998
Mấy kinh nghiệm vận động tổ chức thi đua, 288
Mấy suy nghĩ một tấm lòng, 972
Mấy suy nghĩ về nền văn học các dân tộc thiểu số ở Việt Bắc, 448
Mây tần: tuyển tập đoản văn, 723
Mấy vấn đề chỉ đạo và chỉ huy tác chiến, 695
Mấy vấn đề cơ bản về công tác thanh niên hiện nay, 242
Mấy vấn đề nghệ thuật quân sự Việt Nam, 1603
Mấy vấn đề phương pháp luận sử học, 1634
Mấy vấn đề trong kịch bản chèo, 348
Mấy vấn đề văn nghệ yêu nước và cách mạng, 33
Mấy vấn đề về an ninh chính trị, 1149
Mấy vấn đề về công tác kiểm tra của Đảng, 604
Mấy vấn đề về đảng cầm quyền, 605
Mấy vấn đề về kinh tế địa phương, 606
Mấy vấn đề về xây dựng nền thể dục thể thao Việt Nam xã hội chủ nghĩa, 1270
Mấy vấn đề về xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, 1431
Mèo Xiêm, cọp Thái, 852
Mều cười, 744
Miền cháy: tiểu thuyết, 965
Miền đất ấy, 1306
Miền đất đợi chờ: truyện, 1742
Miền nam Việt Nam đất nước, con người, 146
Miền quê quan họ, 1416
Miền thượng uyên xưa: tập truyện ngắn, 241
Miềng ngon Hà Nội, 1716
Mô-da, 30
Mở lại tập hồ sơ Sơn Mỹ, 761
Mở rừng: tiểu thuyết, 665
Môi hồng: truyện dài phóng sự, 1684
Mồi ở miền bắc Việt Nam, 906
Món hàng thể thao, 1031
Món quà từ Hợp Đức, 1222
Một bước thất bại của bọn bành trướng Bắc Kinh, 661
Một chương bi thảm, 195
Một cuộc đời, 51
Một góc biên cương, 521
Một nhà khoa học yêu nước, 313
Một số nền mỹ thuật thế giới, 986
Một số thăm dò chức năng sinh lý, 1504
Một số vấn đề bộ đội cần biết về kinh tế nông nghiệp, 858
Một số vấn đề cấp cứu bụng, 1720
Một số vấn đề cơ bản về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, 607
Một số vấn đề ngôn ngữ học Việt Nam, 1001
Một số vấn đề về đổi mới công tác kế hoạch hóa và xây dựng kế hoạch ở cơ sở và huyện, 109
Một số vấn đề về nhà nước, 1172
Một số văn kiện, 231
Một số văn kiện của Trung ương Đảng về phát triển công nghiệp, 225, 232
Một thuở hẹn hò, 178
Một tiếng Xa-Ma-khi: thơ, 1780
Một trang đáng nhớ, 1422
Một vài vấn đề trong nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta, 608
Một vài vấn đề về phương thức lãnh đạo, 938
Một vùng mặt trận, 741
Mùa ca cao, 97
Mùa dưa: tập truyện ngắn và ký, 193
Mùa hoa ô môi, 1391
Mùa hoa sim cuối cùng: truyện ngắn, 1389
Mùa hội chim, 1066
Mùa mưa đến sớm, 46
Mùa thu lớn, 743
Mưa thu mùa trăng, 202
Mưa trong rừng cháy: thơ, 908
Mùa xuân: kịch, 1080
Mùa xuân về: truyện, 1724
Mỹ thuật thời Lê sơ, 1630
Mỹ thuật thời Trần, 1631

Năm hòa bình đầu tiên: tập truyện ngắn, 963
Nấm lớn ở Việt Nam, 1510
Năm mươi năm cách-mạng hải-ngoại, 443
Năm mươi năm hoạt động của Đảng cộng sản Việt Nam, 226
Năm tháng và tình yêu: truyện ký, 1000
Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, 227
Nắng đồng bằng: tiểu thuyết, 127
Nàng Kiều: truyện dài, 902
Nắng lửa: truyện vừa, 471
Nắng mới, 32
Nắng thu: truyện dài, 1099
Nắng trong vườn, 1280
Nấu ăn trong gia đình, 1563
Nếp cũ hội hè đình đám, 1394
Nếp gấp: tập truyện, 993
Ngã ba, 525
Ngã ba đất đỏ: truyện ngắn, 803
Ngã ba ngã tư, 1515
Ngã ba thời gian: tiểu thuyết, 675
Ngày đôi ta mới lớn: truyện dài, 1087
Ngày hội của rạng đông, 1710
Ngày mai đã đến, 10
Ngày mới, 1281
Ngày tháng trôi qua tình yêu còn lại, 179
Ngây thơ, 932
Ngày về: truyện và ký, 1369
Ngày xưa, 984
Ngày xưa chân sáo, 190
Nghề đánh ruốc và cách làm mắm ruốc, 814
Nghệ sĩ chèo Hoa Tâm, 1489
Nghệ thuật biết thắng từng bước, 1458
Nghệ thuật biểu diễn hiện thực tâm lý, 277
Nghệ thuật chạm khắc cổ Việt Nam qua các bản rập, 1632
Nghệ thuật hoành tráng, 1502
Nghệ thuật múa dân tộc Việt, 577
Nghệ thuật ngâm thơ, 49
Nghĩ cạnh dòng thơ: tiểu luận, 107
Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, 228
Nghiên cứu học tập thơ văn Hồ Chí Minh, 1660
Nghiên cứu về chữ Nôm, 704
Nghìn xưa văn hiến, 1467
Ngõ cây bàng: tiểu thuyết, 1019
Ngô Quyền: truyện lịch sử, 857
Ngoài cửa thiên đường, 423
Ngoài phòng thí nghiệm: truyện, 122
Ngôi nhà giữa nắng: thơ, 523
Ngọn cờ bên thủy, 774

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Hợp tác xã định công tư sản xuất nhỏ đi lên, 473
Hợp tuyển thơ văn, 351
Hợp tuyển văn học Lào, 1578
Huế những ngày nổi dậy, 989
Hừng đông, 479
Hùng vương dựng nước, 484, 1628
Hương: tiểu thuyết, 862
Hương bưởi: tập truyện ngắn, 999
Hướng dẫn chẩn đoán lâm sàng, 1082
Hướng dẫn thuốc Nam châm cứu, 1665
Hướng dẫn xử trí vết thương, 879
Hương đông: thơ, 816
Hương hoa đất nước, 1530
Hương hoa sưa, 467
Hương sen: thơ, 639
Hương trà, 298

Kam-Pu-Chia hy vọng: trường ca, 1336
Kể chuyện giặc lái B. 52, 658
Kể chuyện làng xã đánh giặc, 1390
Kế hoạch kinh tế xã hội năm 1983 và mức phấn đấu đến năm 1985, 536
Kẻ thù giấu mặt, 1322
Kết quả công tác phòng chống rây nâu . . . , 537
Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật, 1960–1980, 538, 539, 892, 1413, 1624
Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật, 1969–79, 540, 541, 542, 1623
Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp, 1629
Khâm lâm sàng thâm kinh, 710
Khẩn trương và kiên trì xóa bỏ hậu quả của văn hóa thực dân mới, 1429
Khẩn trương và tích cực đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở miền nam, 1680
Khảo về đồ sứ cổ Trung-Hoa, 1751
Khảo về tiểu-thuyết, 1715
Khi dòng sông ra đến cửa, 868
Khi đứa con ra đời, 913
Khi em trở về: tập thơ, 638
Khí hậu Việt Nam, 1155
Khí phách và tinh hoa của dân tộc, 1034
Khi tổ quốc gọi lên đường: thơ, 791
Khoa học bịp, 659
Khoa học lao động, 1070
Khoa học về biển và kinh tế miền biển, 1696
Khoảng trời quê hương: thơ, 1759
Không còn đường nào khác, 1013
Không còn là ngày xưa, 177
Khu hệ động vật không xương sống nước ngọt Bắc Việt Nam, 239
Khu mộ cô Châu Can, 742
Khúc hát mở đầu, 1785
Khúc nhạc mùa xuân, 587
Khuôn mặt: những chuyện kể, 943
Kỉ niệm 100 năm năm sinh Phan Bội Châu, 701
Kiên quyết đánh bại chủ nghĩa bành trướng, 1531
Kiến văn tiểu lục, 679
Kinh Cầu Muồng: truyện dài, 711
Kinh đô cũ: Hoa Lư, 1009
Kinh hiến, 161
Kinh Lăng-Già tâm ấn, 582, 1512
Kinh Na Tiên Tỳ Kheo, 91
Kinh ngọc, 1165
Kinh Pháp cú, 1367
Kinh tế chính trị Mác—Lê-nin, 1541
Kinh tế thương nghiệp Việt Nam, 1643
Kinh tế xí nghiệp quản trị điều hành, 657
Kinh tình yêu, 642
Kỷ luật của Quân đội nhân dân ta, 1259
Kỷ-môn độn giáp, 959
Kỷ niệm lần thứ 60 cách mạng tháng Mười vĩ đại, 1532
Kỷ niệm 100 năm ngày Pháp Chiếm Nam-Kỳ, 1525
Kỷ niệm nơi đáy hồ: truyện, 1589
Kỷ niệm và di tích Nguyễn Trãi ở Thanh Hóa, 1731
Ký sự miền đất lửa, 1729
Ký sự thăm nước Lào, 1133
Kỹ thuật giống cây rừng, 821
Kỳ tích Chi Lăng, 1053
Kỷ yếu công trình nghiên cứu khoa học, 1633

Lá cờ thêu sáu chữ vàng, 925
Lá mầm, 496
Lá vỡ dưới chân, 1007
Làm chủ tập thể là bản chất, 601
Làm chủ tập thể lao động, 1171
Lâm Đồng, Đà Lạt, 1209
Làm gì: tập luận để tháng chín, 1445
Làm 102 thứ bánh, mứt VN, 1017
Lâm sinh học: giáo trình trung học lâm nghiệp, 1029
Lăng bác Hồ: truyện ký, 1375
Làng rừng Cà Mâu, 1783
Lăng Thượng Châu, 1158
Lão-tử tinh-hoa, 881
Lê Đình Chinh, 734
Lê-Nin và chủ nghĩa Lê-Nin, 371
Lê quý Đôn toàn tập, 680
Lịch sử một cuộc chiến tranh bẩn thỉu, 1477
Lịch sử phong trào phụ nữ Việt Nam, 1024
Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam, 1666
Lịch sử quyển sách và thư viện 919
Lịch sử văn học Nga, 284
Lịch triều hiến chương loại chí, 1200
Lịch triều tạp kỷ, 92
Lịch-trình hành-chánh Nam-phần, 259
Lịch trình tiến triển, 480
Liên-Hiệp-Pháp, 1543
Lĩnh-Nam dật sử, 748
Lộ nguyên hình bành trướng, 660
Lỗ Tấn, nhà lý luận văn học, 1230
Loạn khuẩn đường ruột, 1745
Lối cỏ mù sương, 189
Long đong, 807
Lòng tin và trách nhiệm, 1337
Lựa chọn: tiểu thuyết, 992
Lửa rừng đêm, 39
Lửa Việt Nam trong vùng nam và đông nam Châu Á, 53
Luân cương chính trị năm 1930, 501
Lực lượng vũ trang nhân dân Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, 1071
Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam anh hùng, bách thắng, 602
Lục tỉnh Nam-Việt, 217
Lược khảo binh-chế Việt-Nam qua các thời đại, 1059
Lược khảo lịch sử các tư tưởng xã hội chủ nghĩa, 1713
Lược khảo nghệ thuật kiến trúc thế giới, 245
Lược sử mỹ thuật Việt Nam, 985
Lược sử nước Lào, 1199
Lược-sử tiền tệ Việt-Nam, 341
Lược truyện các tác gia Việt Nam, 1483
Luôn luôn làm trọn nghĩa vụ với Đảng, 603
Lương thông tin và những ký sự tâm hồn ấy, 1771
Lưu lạc: tiểu thuyết, 263
Luyện thêm chất thép cho ngòi bút, 793
Ly sơn mùa tới, 1006
Lý tưởng, ước mơ và nghĩa vụ, 1430

Má: tập truyện, 668

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Đường tình mang tên em, 805
Đường tình mấy trạm, 806
Đường tới chân trời, 870
Đường tới thành phố, 520
Đường trên biển mang tên Bác, 290
Đường vào khoa học của tôi, 1403
Đường vào trận, 1418
Đường xuân: thơ, 1786

Êm ả một đời, 176
Em học địa-lý: lớp ba, 1581

Ga-li-lê, 912
Gái một con, 579
Gái ngoại thành: chèo, 1638
Gái trọ, 420
Gánh vác: tập truyện ngắn, 1739
Gây hoa cúc, thơ của Thất Tiểu Muội, 777
Gia-định thành thông-chí, 1508
Giá trị tinh thần truyền thống, 1484
Giai cấp công nhân Việt Nam, thời kỳ 1936–39, 100
Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi thành lập đảng, 832
Giai đoạn mới của cách mạng và nhiệm vụ của công đoàn, 597
Giai-nhân kỳ ngộ, 1194
Giải phẫu chức năng và ứng dụng chi trên, chi dưới, 302
Giải phẫu tạo hình, 738
Giai-thoại câu-đối, 37
Giàn mướp hương: thơ, 1448
Giăng-Giắc Ru-Xô, 1225
Giảng văn, 737
Giáo trình chữ hán, 703
Giáo trình kinh tế nông nghiệp xã hội chủ nghĩa, 1537
Giáo trình tiếng Việt, 1509
Giếng chìm: truyện, 898
Gió chuyển mùa, 457
Gió cuốn, 1789
Gió mặn: truyện, 802
Gió và lửa, 1592
Giông tố: những tác phẩm hay, 1741
Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ ngữ, 1661
Giữa hai chớp lửa: thơ, 1795
Giữa hai làn nước, 1420
Giun sán ký sinh ở động vật Việt Nam, 1210
Góc rừng xinh xắn, 750
Góp bút, 789
Góp phần tìm hiểu nghệ thuật thơ ca, 48
Góp phần tìm hiểu nghị quyết về cải cách giáo dục, 445
Gửi gió về cho nội, 546
Gửi hương cho gió, 1770
Gương mặt đồng chiêm, 831
Gương mặt một người thân: tiểu thuyết, 1588
Gương mặt tôi yêu, 1051
Hà Bắc, 1303
Hà Nội, 1077
Hà-Nội, di tích và thắng cảnh, 1414
Hà-Nội nghìn năm xây dựng, 244
Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi, 1055
Hà Nội tháng Tám: hồi ký, 997
Hai chị em, 1267
Hài kịch Sechxpia, 1249
Hải-ngoại ký-sự, 1271
Hải tặc trong Vịnh Thái Lan, 1101
Hầm giết người, 1388
Hận vàng Ấn-độ, 851
Hán-Việt tân Từ-điển, 455
Hán-Việt thành-ngữ, 70
Hăng hái tiến lên dưới ngọn cờ vĩ đại của Cách mạng tháng mười, 598
Hành khúc mùa xuân: trường ca, 1709
Hạnh phúc, 1302
Hạnh phúc trên thế gian, 728
Hạnh phúc từ nay, 323
Hành trình về thời đại Hùng Vương dựng nước, 700
Hạnh và Đức thành công dân tốt, 1043
Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi, 1055
Hanoi 1960 . . . , 357
Hào khí Đồng nai, 1228
Hạt gạo nghĩa tình . . . , 360
Hạt giống của trời, 1030
Hạt lúa bông hoa: tập ký, 1208
Hãy tiếp tục cảnh giác với bọn CIA, 352
Hề chèo: chọn lọc, 347
Hiến pháp mới, 599
Hiện-trạng và triển-vọng trong sự xử dụng đất đai tại miền Nam Việt-Nam, 1285
Hình luật Việt Nam, 530
Hồ-Chí-Minh toàn tập, 369
Hồ-Chí-Minh tuyển tập, 370
Hồ Chủ Tịch với một vài vấn đề văn hóa, 337
Họ cùng thời với những ai, 1282
Hồ sơ vua Duy Tân, 462
Hô-xê Mác-ti, 1853–1895, 95
Hoa cỏ đắng, 1022
Hoa dưa: thơ, 583
Hoa đào đỏ, 522
Hoa đào tháng chín, 1781
Hoa địa-ngục, 867
Hoa đồng, 819
Hoa Hà Nội, 1449
Hoa hồng vàng song cửa: ký sự, 1374
Hoa mặt trời, 1211
Hoa phượng, 398
Hoa rừng, 200
Hoa thiên lý, 211
Hoa và cỏ dại, 1789
Hoa và dòng sông: thơ, 747
Hoa văn Mường, 1479
Hoa vông vang, 297
Hoàng hôn đỏ, 1777
Hoàng Lê nhất thống chí: tiểu thuyết lịch sử, 815
Hoàng Sa, quần đảo Việt Nam, 1607
Hoàng Thị Hồng Chiêm, 1407
Hoạt động của từ tiếng Việt, 220
Học tập những phường tiền tiền, 1707
Học tập tư tưởng văn nghệ Vơladimia Ilitsơ Lênin, 1229
Học tập và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Lê-nin, 600
Học trò, 447
Hỏi chuyện các nhà văn, 872
Hỏi đáp về lịch sử đoàn, 304
Hỏi đáp về sinh lí con người chúng ta, 977
Hồi đó ở Sa Kỳ, 56
Hội đồng tương trợ kinh tế, 1659
Hội mùa, 1566
Hội nghị học thuật về hoạ sĩ Nguyễn Phan Chánh, 483
Hội truyền bá quốc ngữ, 1756
Hỏi và đáp về lịch sử Đảng, 1506
Hôn em, kỷ niệm: truyện, 212
Hồn nhiên, 28
Hồn nước với lễ gia tiên, 556
Hồng Đức quốc âm thi tập, 1167
Hồng Loan hồng ngọc, 421
Hồng nghĩa giác tư y thư, 1570
Hợp tác hóa con đường đưa nông thôn đến no ấm và tự do, 465

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Danh-từ cơ-thể-học, 920
Dấu chân qua trảng cỏ: thơ, 1310
Dấu võng Trường sơn: thò, 1299
Dễ ghét, 188
Di chỉ khảo cổ học Đồng Đậu, 709
Di chỉ khảo cổ học Phùng Nguyên, 477
Di Tích cách mạng Việt Nam, 1424
Dictionnaire Vietnamien-français, 1304
Diễn Biến trong lịch sử, 237
Dọc đường số 1, 1204
Dọc đường văn học, 1103
Dốc nắng; tiểu thuyết, 921
Dòng họ Ô-Tô-Mát, 1779
Dòng máu, 822
Dòng sông của Xô Nét, 1042
Dư âm ngâm lục, 1201
Dựa lưng nỗi chết, 1205
Dược liệu học và các vị thuốc Việt Nam, 294
Dược lực học, 976
Dưới ánh sáng Đại hội IV của Đảng, 354
Dưới đám mây màu cánh vạc: tiểu thuyết, 1334
Dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng, 1258
Dưới tro: tập truyện ngắn, 1335
Dưới vầng hoa trắng: tập truyện, 1014
Duy-ma-Cật kinh, 1513
Dzũng Đakao: truyện dài, 209
Đã ra nơi đâu: truyện, 1419
Đá xanh ở thung lũng cháy, 897
Đac-uyn, 1503
Đại cương đạo đức học phật giáo, 760
Đại-đạo Tam-kỳ Phổ-độ, 1544
Đài hoa tím, 810
Đại Nam quác âm tự vị, 506
Đại nghĩa hung tàn: những người trẻ làm nên lịch sử, 955
Đại-Việt quốc-thư, 917, 918
Đại Việt sử ký toàn thư, 823, 824, 825
Đám cháy trước mặt: tiểu thuyết, 279
Đàm thoại độc thoại, 166
Đàn cuốc, 835
Đảng cộng sản Việt Nam quang vinh, 1341
Đảng, người lãnh đạo, giáo dục, 1733
Đánh bại giặc Nguyên, 437
Đạo đức là cái gốc của người cách mạng, 368
Đạo làm người Nguyễn Công Trứ, 1728
Đảo mùa gió, 274
Đạo Phật đi vào cuộc đời, 1092
Đảo yêu thương, 494
Đất bằng: tập truyện, 1615
Đất cát biển Việt Nam, 1203
Đất đang gieo: truyện và ký, 301
Đất đen và hoa thắm, 1679
Đất không giấu mặt: tiểu thuyết, 358
Đất mặn đất ngọt, 801
Đất miền đông: tiểu thuyết, 790
Đất mới vỡ, 1469, 1470
Đất này—năm tháng: thơ, 264
Đất nước Cam-pu-chia, 1189, 1274
Đất nước Hoa Chăm Pa, 261
Đất nước lại vào xuân: thơ, 508
Đất nước ngàn năm, 1237
Đất nước và lời ca, 1083
Đất nước vào xuân, 589
Đất rộng trời xanh, 1144
Đất sau mưa, 29
Đất trắng: tiểu thuyết, 1048
Đầu nguồn: hồi ký về bác Hồ, 954
Đầu sóng, 441
Đây cũng là mặt trân, 495
Đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật trong nông nghiệp nước ta, 1695
Đẩy mạnh phong trào thi đua "dạy tốt, học tốt" theo gương các điển hình tiền tiền về giáo dục, 1382
Đề cương bài giảng lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam dùng trong các trường đại học, 1641, 1642
Để hiểu Phật-giáo Hòa-Hảo, 1308
Đề-nghị một kế-hoạch cách-mạng chống-cộng ở Việt Nam, 476
Đê-Thám: con hùm Yên-thế, 883
Đêm Bến tre, 31
Đêm Thánh vô cùng, 210
Đêm về sáng, 68
Đen và trắng, 663
Đền với dòng sông: thơ, 1793
Đi thăm đất nước, 415
Địa Chất Việt Nam: phần miền Bắc, 1626
Địa-lý giao-thông, 576
Địa-lý: lớp nhì, 276
Địa lý Tả ao, 98
Địa-lý Việt-Nam, 340
Điểm cao: tập truyện, 753
Điểm cao thành phố: tiểu thuyết, 257
Điểm lửa: tiểu thuyết, 1478
Điện Biên Phủ: thời gian và không gian, 512, 513
Điển cố văn học, 272
Điệu hát nguồn sáng và đất, 3
Điều kiện sách kỹ-thuật cho các công-tác kiến-tạo kiểu-lộ thuộc chương-trình Viện-trợ Mỹ, 1640
Điều lệ Công đoàn Việt Nam, 1405
Điều lệ Đảng cộng sản Việt-Nam, 230
Định loại cá nước ngọt các tỉnh phía bắc Việt Nam, 751
Định loại động vật không xương nước ngọt Bắc Việt Nam, 240
Định mệnh đã an bài, 419
Đoan: tập truyện, 890
Đoạn đường ngoặt, 1134
Đoàn "voi thép" trong chiến dịch hoà-bình, 1251
Đọc Nhật ký trong tù, 1775
Đội bóng rổ thiếu niên, 1689
Đôi cánh: truyện anh hùng lao động Nguyễn văn Tý, 1768
Đội du kích thiếu niên Đình Bảng, 1782
Đối đáp giỏi, 573
Đổi đời, 41
Đôi ngả thời gian: truyện và ký, 126
Đời nghệ thuật Ngô Thị Liễu, 827
Đòn hẹn: trinh thám, 1321
Đồng bạc trắng hoa xoè, 749
Đồng bạc Việt-Nam và các vấn đề liên-hệ, 861
Đồng bằng sông Cửu Long, 1207
Đồng chiêm, 442
Đồng cỏ mưa lụt, 519
Động từ trong tiếng Việt, 946
Đưa em bước xuống cuộc đời, 1451
Đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, 923
Đức-dục và công-dân giáo-dục, 350
Đức Phật giữa chúng ta, 1455
Đường chân trời: tập truyện, 214
Đường chỉ đỏ, 1370
Đường đi không đến, 1790
Đường lối văn nghệ của Đảng, 355
Đường lớn, 50
Đường phía trước, 1517
Đường phố Hà Nội, 1078
Đương qua mùa hoa đào, 416
Đường sáng, 729
Đường ta đi, 1132

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Cánh buồm mở hướng: trường ca, 206
Cánh chim từ vùng lửa đỏ, 1401
Cảnh Đức Trần đào lục, 1749
Cánh rừng ngọn gió: thơ, 708
Cao Bá Quát, 971, 1003
Cao điểm cuối cùng: tiểu thuyết, 510
Cao điểm mùa hạ: tập truyện, 670
Cao nguyên xanh, 771
Câu chuyện ao cá Bác Hồ, 204
Câu chuyện bắt đầu từ những đứa trẻ, 1738
Câu chuyện làm phim về Bác Hồ, 1523
Câu chuyện về thi ca, 527
Câu đố vui, 61
Cau Hà Châu têm trầu Xuân Mỹ, 1446
Câu hò Vân Tiên, 1072
Cây cao su, 1456
Cây gỗ rừng miền bắc Việt Nam, 1649
Cây gỗ rừng Việt Nam, 1627
Cây luá, phương pháp trồng lúa, 656
Cây lúa Việt Nam, 52
Cây thông non: tiểu thuyết, 1021
Cha và con và, 935
Chân dung tướng ngụy Sài Gòn, 904
Chẩn đoán bệnh tiêu hoá gan-mật, 1081
Chân trời tím: truyện dài, 1595
Chân trời xa, 502
Chánh-sách chiêu-hồi, 1664
Chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ, 366
Chết cho tình yêu: truyện dài, 640
Chị Cán bộ hôi, 493
Chị Minh Khai: truyện, 1085
Chỉ thêu thành gấm: truyện ký, 915
Chị Thiện: truyện, 1392
Chị Tư Già, 1025
Chiến dịch Tây nguyên đại thắng, 440
Chiến lũy đá, 451
Chiến sĩ: tiểu thuyết, 936
Chiến-tranh cách-mạng, 1323
Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ tổ quốc, 1694
Chiến tranh giải phóng Việt Nam, 533
Chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân, 1602
Chiến tranh nhân dân Việt Nam, 367
Chiều gió, 641
Chiều sâu thành phố: thơ, 730
Chim Việt Nam: hình thái và phân loại, 1703
Chinh-phụ ngâm, 250
Chính-sách văn-hóa giáo-dục, 958
Chính-trị cổ-nhân, 1054
Chỗ đứng người kỹ sư: tiểu thuyết, 930
Cho người tình mong manh, 1686
Chơi chữ, 581
Chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, 1599
Chủ nghĩa hiện thực phê phán trong văn học phương tây, 282
Chủ nghĩa Lê-Nin và cách mạng Việt Nam, 595
Chủ nghĩa Mao không có Mao, 438
Chủ nghĩa yêu nước trong văn học thời khởi nghĩa Lam sơn, 62
Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghiã quốc tế vô sản, 596
Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, 235, 979, 1529
Chủ Tịch Hồ Chí Minh, nhà thơ lớn của dân tộc, 344
Chủ tịch huyện: truyện, 937
Chùm me chín, 524
Chùm quả mùa dâu: thơ, 911
Chúng đông nhưng không mạnh, 982
Chúng ta đi về đâu, 303
Chúng tôi ở Cồn cỏ, 1425
Chương-trình tiểu-học, 1646
Chuyện anh Khum-Co, 63
Chuyện chép ở Bình Nguyên, 1443
Chuyên đề sinh lý học, 1539
Chuyện kể từ làng sen, 134
Chuyện kỹ thuật trong hội họa, 685
Chuyện Pren và Si va, 44
Chuyện thơ, 405
Chuyện về những người bạn, 434
Cơ-cấu Việt-ngữ, 1454
Cô gái Đồ Long: truyện dã sử võ hiệp Trung Hoa, 117
Cô gái vùng ven, 1421
Cô giáo Sa đéc, 1127
Cơ sở lý luận văn học, 584
Cơ sở ngôn ngữ học, 517
Cổ tích nhi đồng, 1481
Cổ tích Việt Nam, 1565
Con bé tôi yêu, 1683
Con cóc xấu xí, 983
Con đường của các vật nuôi, 1232
Con đường của những vì sao, 1050
Con đường phía trước, 452
Con đường sáng, 414
Con đường tới sân bay vũ tru, 511
Con đường và đồng đội, 1432
Con đường và dòng sông: tập thơ, 1278
Con đường vũ thăng, 1140
Con đường xây dựng nền kinh tế mới, 38
Con lốc rừng thông, 1439
Con người cất cánh, 1737
Con người mới Việt Nam, 1726
Công cha như núi Trường Sơn, 1102
Công-dân áo gấm, 697
Công-dân giáo-dục, 1161, 1162, 1163, 1164
Công-dân giáo-dục, lớp đệ lục, 102
Công-dân giáo-dục, lớp đệ-thất, 103
Công-dân giáo-dục phổ thông, 1098
Công nhân với nhiệm vụ sản xuất, lương thực, 648
Công tác giáo dục và sự nghiệp bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, 1380
Công tác phụ nữ nội tuyến đấu tổ quốc, 1231
Công tác thông tin và cổ động ở cơ sở, 1651
Công tác y tế và bảo vệ bà mẹ, trẻ em, 1170
Công trình nghiên cứu khoa học y dược năm 1979, 1648
Công trình nghiên cứu ký sinh trùng ở Việt Nam, 1511
Củ chi, huyện anh hùng, 1141
Cửa gió: tiểu thuyết, 1778
Của mưa gửi nắng: thơ truyện, 1524
Cửa Sava, 435
Cửa sổ màu xanh, 705
Cửa sóng: thơ, 1316
Cuộc chia ly máu đỏ, 969
Cuộc di cư lịch sử tại Việt Nam, 1655
Cuộc đấu tranh cho hoà bình, 1076
Cuộc đời và thơ văn Chu Văn An, 1447
Cuộc hành trình thứ hai của Prô-mê-tê. 1186
Cuộc khởi nghĩa hai bà Trưng dưới mắt sử gia, 59
Cuộc sống cách mạng và văn học nghệ thuật, 1381
Cuộc sống thơ và thơ cuộc sống, 463
Cuộc tiến công chiến lược Đồng Xuân 1953–54, 474
Cuộc xâm lăng về văn hóa, 731
Cười chanh ớt, 1291
Cười đông, cười tây, cười kim, cười cổ, 1714
Cuốn sổ tay của người chơi cổ ngoan, 1750

Dân ca Bình-Trị-Thiên, 1491
Dân ca Lô Lô, 696
Danh-từ chuyên-khoa trong Việt-ngữ, 222

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Title Index—Monographs

A Di Đà Phật, 1084
Âm điệu một vùng đất: thơ, 1459
Ám mây ngủ, 1089
An-nam chí-Lược, 715
Anh có về thăm, 439
Anh hùng núi Vêduyvơ, 1309
Anh là chiến sĩ, 865
Ánh lửa đêm tù, 208
Ánh sáng miền Nam, 754
Anh- Việt khoa-học tự-điển, 706
Ao làng: tiểu thuyết, 818

Bà Chúa Hòn, 1255
Ba đình: tiểu thuyết lịch sử, 1290
Ba lê—mắt biếc môi hồng, 848
35 năm phát triển sự nghiệp giáo dục phổ thông, 1706
35 năm sân khấu, 349
30 [i.e., Ba mươi] năm phát triển kinh tế và văn hóa của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, 1657
Ba năm ở Mỹ: truyện ký, 169
Ba người ở một nhà, 830
Bác Hồ của chúng ta, 1139
Bác Hồ trên đất nước Lê-Nin, 498
Bác Hồ với phong trào phụ nữ Việt Nam, 201
Bắc-kinh 72 giờ nghẹt thở, 849
Bạch đàn: tiểu thuyết, 673
Bài nói chuyện với đồng bào và cán bộ Xã Đại-nghĩa (Hà-Đông), 363
Bài thơ cho quê hương, 769
Bài thơ Pác Bó, 1131
Bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta, 255
Bản đồ hàng tính Việt-nam Cộng-hòa, 1654
Bản Hộ, 1501
Ban mai, 43
Bắn rơi tại chỗ máy bay B.52, 27
Bạn và vợ, 417
Bàn về cách mạng tư tưởng và văn hóa ở vùng các dân tộc thiểu số, 572
Bàn về cách mạng Việt-Nam, 1528
Bàn về phân công lại lao động xã hội ở Việt Nam, 108
Bàn về thống nhất dân tộc, 1288
Bàn về tư tưởng Mao-Trạch-Đông, 1417
Bảng đối chiếu âm dương lịch 2000 năm và niên biểu lịch sử, 1044
Bâng khuâng tơ trời, 173
Bão biển: tiểu thuyết, 135
Bất khuất, 910
Bẩy con gái, 174
Bây giờ tháng mấy, 418
Bẩy phương vỹ khác thường, 1086
Bên giòng lịch-sử Việt Nam, 1940–75, 101
Bên giòng sông Trẹm, 194
Bên kia biên giới: tiểu thuyết, 653
Bên lề những trang sách, 1062
Bên ngoài trường: tiểu thuyết, 1434
Bên những dòng sông, 1519
Bên những quả bom chờ nổ, 756
Bên ni, bên tê, 770
Bên quê: tập truyện ngắn, 96
Bệnh da liễu, 1538
Bệnh khớp, 1452
Bệnh lý ngoại khoa gan, 877
Bi ca người vượt biển: truyện thơ, 1677
Bí mật đại não, 99
Bí thư cấp huyện: truyện, 262
Biển gọi, 394
Biển xanh: tiểu thuyết, 137
Biểu nhất lãm áp-dụng cho lịch-sử Việt-Nam, 58
Binh-pháp tinh-hoa, 995
Binh thư yếu lược, 1438
Bộ mặt thật các khối quân sự của bọn đế quốc, 683
Bông hoa cỏ, 820
Bông hoa lửa trắng, 300
Bông hoa trắng: tập truyện ngắn, 136
Bông hồng cài áo, 1090
Bông hồng đỏ: tập truyện, 476
Bông hồng nhung, 1488
Bông Huệ trên tầng cao: truyện, 1435
Bông mai muà lạnh, 674
Bỗng nghe vận "thắng" vút lên cao, 655
Bức tranh làng: truyện ngắn, 978
Bức tường không xây: tập truyện phim, 32
Bụi phấn hồng, 691
Bước đầu theo Đảng, 739
Bước đầu tìm hiểu lịch sử kịch nói Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám, 1202
Bước khẽ nhé em, 175
Bước ngoặt: tiểu thuyết, 233
Bưởi: tập truyện, 1091
Buổi sáng, 1018
Buồm trong phố: thơ, 252
Búp sen xanh, 1256
Bưu ảnh từ những vùng đất mới, 509

Cả nước một lòng bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, 1693
Các bạn trẻ hay đến với âm nhạc, 1168
Các chủng tộc loài người, 990
Các dân tộc đoàn kết bình đẳng giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, 364, 365
Các dân tộc đoàn kết xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam, 593
Các dân tộc ít người ở Việt Nam, 1625
Các dân tộc tỉnh Gia Lai-Công Tum, 238
Các nhà thơ cổ điển Việt Nam, 1769
Các nữ thần Việt Nam: truyện, 296
Các vấn đề môi trường . . . , 1658
Cách mạng: kịch, 934
Cách mạng ruộng đất ở Việt-Nam, 468
Cách mạng tháng Mười với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, 594
Cách mạng Trung-quốc và chủ nghĩa Mao, 436
Cao Bá Quát, con người và tư tưởng, 1003
Cái đẹp, 85
Cái hay của tiếng Việt của tục-ngữ ca-dao, 25
Cái khuyên, 1618
Cải tiến công tác khóan, 686
Cầm Bá Thước, 694
Cạm bẫy trên giòng Chao Phya, 850
Cẩm nang gia chánh làm bếp, 143
Cám ơn thời gian, 740
Cam-Pu-Chia, đất nước xanh tươi, 1723
Campuchia, đất nước yêu thương, tươi đẹp, bất khuất, 1156
Campuchia, một câu hỏi lớn, 664

Digitized by Google
Original from UNIVERSITY OF ILLINOIS AT URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

agreement on ending the war and restoring peace in Vietnam (1973), 1206
anecdotes, 310
antiaircraft artillery operations, 1218
atrocities, 94, 384, 752, 1398, 1400
bibliography, 1339
campaigns (Central Highlands), 440
  (Quảng Ngãi), 1239
  (Saigon), 792, 1153, 1604
fiction, 281, 515, 989, 1390, 1478, 1729
literature and the war, 1220
naval operations, North Vietnamese, 290
personal narratives, 1153, 1362, 1403, 1604, 1758
pictorial works, 155, 533
poetry, 72
prisoners and prisons, 1206
public opinion, 1319
regimental histories (Democratic Republic), 215, 1262, 1472
Saigon (pictorial works), 155
Tết Offensive (1965), 159
Thừa Thiên, 1345
underground movements, 432
  United States, 384, 1398, 1400
Vietnamese wit and humor, 1291
Villages, 432, 1636, 1708
Vĩnh Long (description and travel), 529

Wang, An-shih (1021–86), 145
Women
  biography, 148
  conduct of life (addresses, essays, lectures), 84
  women's rights, 1024
Work group, 108
World politics, 608, 624, 839
Worms, intestinal and parasitic, 1210
Writing (Chinese characters), 704

Yao (folklore), 167, 1548
Youth, 381, 385, 625, 1610, 1697, 1733
  addresses, essays, lectures, 124, 234
  biography, 649
  societies (addresses, essays, lectures), 156

Zen Buddhism, 1287

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

127, 129, 142, 170, 203, 206, 207, 214, 241, 253, 262, 274, 280, 281, 302, 360, 396, 408, 409, 434, 450, 464, 502, 509, 514, 516, 519, 535, 587, 658, 669, 692, 705, 729, 735, 741, 750, 753, 759, 763, 767, 831, 833, 834, 868, 944, 965, 973, 978, 988, 989, 991, 999, 1000, 1006, 1010, 1023, 1110, 1127, 1128, 1133, 1135, 1142, 1143, 1148, 1222, 1224, 1242, 1249, 1284, 1306, 1335, 1360, 1369, 1371, 1374, 1379, 1389, 1423, 1436, 1438, 1442, 1495, 1497, 1516, 1594, 1616, 1704, 1730, 1738, 1739, 1763, 1777, 1781
Lancaster, PA, 945
Paris, 1033, 1091, 1093, 1273, 1682
Saigon, 476, 724, 1774
San Diego, CA, 723
Sunnyvale, CA, 1688
Thành Phố Hồ Chí Minh, 974, 1421
Toronto, Ontario, Canada, 1396
translation into Vietnamese, 1111
Sino-Vietnamese conflicts (1979–), 569, 660, 661, 982, 1231, 1265, 1268, 1293, 1317, 1390, 1393, 1397, 1440, 1516, 1531, 1573, 1693
literary collections, 112, 1712
Skin (diseases), 1538
Small business, 383, 784
Social evolution, 303
Social life and customs, 90, 572, 1624, 1746
Social policy, 1762
Social sciences (dictionaries), 1560, 1744
Socialism 366, 378
Socialism and youth, 547
Socialist competition, 288
Socialist realism in art, 799, 1245, 1381, 1726
Soldiers (Democratic Republic), 1430
Sơn Mỹ (Massacre, 1968), 761
Song Hao, 1258, 1259
Songs, 1352
Southeast Asia Treaty Organization, 683
Soviet Union, 498, 720, 721
history (1917–21), 598
revolution (1917–21), 81
Sports (organization and administration), 1270
Sports (Russian—R.F.S.R.), 722
Ssu-ma, Kuang (1019–86), 145
Statistics, 1253, 1359, 1676
String instrument music, 1247
Subversive activities, 352

Tai (Southeast Asian people), 90
Tales, 296, 454, 757, 1481, 1546, 1549, 1717
Ba Giai, 287
Chams, 1192
Hmong, 168
Muong, 411
Rhade, 1791
Tập San Nghiên Cứu Văn Sử Địa (indexes), 1223, 1409
Tây Nùng language, 472
Tea, 298, 540, 1412
Technology, 1178, 1697
bibliography, 80
dictionaries, 1554
history, 1662
study and teaching, 1580
terminology, 222
Termites, 906
Textbooks for foreigners, 1166
Thất Sơn Mountains (description and travel), 1065
Theater, 349, 1196
Therapeutics, 295, 1570, 1665
Threefold refuge, 1315
Timber, 821, 1627, 1649
Tô Hiệu (fiction), 522
Tô Hữu (1920–), 591, 1387
Tombs (Châu Can), 742
Tôn Đức Thắng (1888–1980), 311, 873
Tôn Thất Tùng, 1403
Tổng Công Đoàn Việt Nam, 1405
Toxicological emergencies, 1116, 1721
Trà Bông (politics and government), 158
Trade unions, 288, 717, 1404
Trần Cừ (fiction), 822
Trần Phú, 1257
Trần Tế Xương (1870–1907), 941
Translations from foreign languages, 327
Genshi Bukkyo shiso ron, 560
Les fleurs du cocotier, 583
Les paysans, 21
Waterloo Bridge (adaptation of), 1250
Transportation, 576
Tree crops, 541
Tree crops (Phủ Qùy Region), 538, 1413
Trees, 821, 1627, 1649
Tropical crops (Phủ Quỳ Region), 538, 1413
Trung-quốc, tinh hình cơ bản, 1522
Trung Sisters' Rebellion (39–43), 1

United States·
Central Intelligence Agency, 352
civilization (1970–), 663
social conditions (1960–), 8
Văn Tiền Dũng, 1153
Vertebrates (parasites), 1210
Veterans, 480
services for disabled (addresses, essays, lectures), 156
Văn Tiền Dũng. Đại Thắng Mùa Xuân, 1153
Viện Bảo Tàng Cách Mạng Việt Nam (guidebooks), 1622
Vietnam (Democratic Republic), 622, 1603, 1657
Quân Đội, 379, 602, 1259
Quân Đội. Đại Đoàn Quân Tiền Phong (history), 215, 1262
Quân Đội. Sư Đoàn Chiến Thắng, 1261, 1472
Quân đội nhân dân, 110, 1698
Vietnamese Americans
California (directories), 343
life skills guides, 413, 1243
Vietnamese essays, 1776
Vietnamese fiction (twentieth century), 32
Vietnamese imprints, 1482
Vietnamese language, 25
alphabet, 1756
composition and exercises, 922
congresses, 328, 1001, 1661
etymology, 272
foreign words and phrases, 70, 222, 1614
grammar, 518, 1454, 1509
idioms, corrections, errors (dictionaries), 953
nouns, 220, 393
phonology, 305
sentences, 461
study and teaching (higher), 939
terms and phrases, 1061
verbs, 946
writings, 704, 1181
Vietnamese reunification question (1954–76), 482, 1288
Vietnamese War (1961–75), 157, 195, 379, 558, 622, 695, 866, 886, 929, 1261, 1322, 1600, 1694
aerial operations, American, 27

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Patents (handbooks, manuals), 996
Patriotism, 62, 596
Peasantry, 1536
Periodical indexes, 1223, 1409
Pest control, 196
Phạm Tuân (fiction), 511
Phan Bội Châu, 406, 701
Pharmacology, 976
Phật-giáo Hòa-Hảo, 1114, 1308
Philosophy, 556, 557, 1433
  Confucian, 1464, 1474
  Marxist, 1157
Phú Lộc (antiquities), 1182
Physical anthropology, 990
Physical diagnosis, 1082
Physical education and training, 1270, 1611
Physical geography, 894, 1046
Physical geology, 894
Physicians (biography), 1043
Physics (dictionaries), 236
Physiognomy, 339
Pictorial works, 155, 191
Plant names, popular, 1743
Plants, cultivated, 540
Plays, 256, 267, 289, 457, 934, 1328, 1638
Plays with music, 289
Poems
  published in
    Arlington, VA, 559, 1524
    Berkeley, CA, 1722
    Bruxelles, 391
    Campbell, CA, 250
    Culver City, CA, 243
    Fort Smith, AR, 1160
    Hanoi, 19, 24, 29, 30, 206, 315, 323, 394, 439, 508, 520, 554, 690, 709, 741, 764, 779, 780, 816, 909, 942, 969, 1051, 1131, 1254, 1278, 1299, 1383, 1385, 1386, 1416, 1459, 1501, 1592, 1709
    Houston, TX, 41, 278
    Huế, 1300
    Los Angeles, 306, 1158
    Missouri City, TX, 444
    Paris, 744, 981, 1102
    Saigon, 869, 984, 1771, 1773
    San Diego, CA, 775
    Silver Spring, MD, 1677, 1678
    Thành Phố Hồ Chí Minh, 87, 116, 1336, 1780
    Vancouver, WA, 773
    Vienna, VA, 1373
    Washington, D.C., 907, 1353
    Westminster, CA, 1461
Poetry, 309, 401, 492, 638, 764, 820, 1167, 1190, 1457
  anthology, 199
  history and criticism, 107, 405, 1475, 1769, 1771
  oral interpretation, 50
  selections, 171
  translations from Miao, 1348
    from Muong, 19550
    from Tay Nung, 1551
  translations into English, 1372
    twentieth century, 74, 107, 1541
Poets (biography), 895, 971, 1387, 1447
Political ethics, 1735
Political opposition (1945–75), 1032
Political persecution, 684
Political prisoners (biography), 1441
Politicians (biography), 443
Politics and government, 259, 354, 373, 388, 1197
  addresses, essays, lectures, 365, 370, 373, 386, 612, 618
  general (1975–), 13, 83, 356, 611, 615, 619, 634, 650, 679, 786, 887, 1073, 1079, 1172, 1198, 1667, 1671, 1693
  general (1945–1975), 13, 82, 101, 102, 104, 148, 307, 375, 475, 531, 619, 635, 650, 815, 1076, 1147, 1172, 1228, 1600, 1747
  general (1858–1945), 60, 101, 102, 144, 160, 307, 501, 839
Population, rural (statistics), 271
Porcelain, Chinese, 1749
Pottery, Chinese, 1750, 1751
Presidents
  anecdotes, facetiae, 954, 1107, 1139
  biography (addresses, essays, lectures), 9, 235, 311, 499, 500, 1775
  juvenile literature, 15
  portraits, caricatures, 389
Professional sports, 1031
Proletariat, 596
Proverbs, 35, 788, 1732
Psychological warfare, 265
Psychology
  applied, 1191
  methodology, 1148
Public health, 1406

Quân Lực (biography), 5
Quân Lực (civic action), 1701
Quảng Ngãi, 158, 1238
Quốc-hội (addresses, essays, lectures), 1545

Radiation, 1186
Radio (dictionaries), 1169
Refugees, political, 1655, 1740
Refugees in Thailand (biography), 1101
Religious life (Buddhism), 760, 1094
Revolutionists (biography)
  Cuba, 95
  Russia, 382
  Vietnam, 64, 406, 566, 698, 701, 883, 940, 1228, 1258, 1731
Revolutions, 1323, 1528
Rice, 52, 53, 537, 656
Riddles, 61
Rousseau, Jean Jacques (1712–78), 1225
Rural conditions, 1636
Rural development 799, 1453
Russia (history), 1532
Russian language (dictionaries), 1558
Russian literature (history and criticism), 284
Russian poetry (history and criticism), 463

Saigon
  history, 792
  pictorial works, 155
San Francisco Bay area directories, 343
Sandy soils, 1203
Scholars, 641, 566, 940, 1034, 1037, 1179
School management and organization, 231, 785
Science, 165, 1178, 1697
  bibliography, 80
  dictionaries, 706, 1554
  history, 1662
  popular works, 314
  social aspects (collected works), 548
  study and teaching (collected works), 548, 1580
Short stories
  published in
    Culver City, CA, 725
    Fort Smith, AR, 447
    Hanoi, 6, 7, 10, 11, 12, 34, 42, 46, 47, 49, 62, 96, 97, 115, 126,

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

history and criticism, 18, 33, 246, 273, 407, 460, 478, 584, 719, 793, 951, 952, 972, 1063, 1065, 1195, 1219, 1220, 1294, 1410, 1499, 1564, 1586
prose, 1219
realism in literature, 282
study and teaching, 737
study and teaching (addresses, essays), 325
translations from foreign languages, 317
Liver (diseases), 877, 1081
Livestock, 542, 1623
Local government, 1708
Lodge, Henry Cabot, 697
Lu, Hsun (biography), 1230
Lưu Động, 740
Lưu Trọng Lư (criticism and interpretation), 743

Macrobiotic diet, 1287
Malaria (research), 1633
Man, 303
Manufacturing, 799
Maps, 1650
Marti, Jose (1853–95), 95
Marxian economics, 1541
Massage, 412
Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam, 110, 159, 558, 762, 1665
Materia medica, 294, 295, 1570
Mathematics (congresses), 1637
Medical microbiology, 1540
Medicinal plants, 295, 1665
Medicine
dictionaries, 1647
formulae, receipts, prescription, 1665
Medicine, Chinese, 412
Meditation (Buddhism), 410
Mekong River (delta), 1207
Metallurgy (dictionaries), 1555
Miao poetry, 1348
Military art and science, 695, 811, 1059, 1438, 1602
battles, 955
command of troops, 695
discipline, 1259
policy, 1605
sociology, 1430
soldiers, 1430
see also: Armed Forces
Militia, 677
Minh Khai (1910–41), 1085
Minorities, 572, 616, 650, 1615, 1624, 1625
addresses, essays, lectures, 365, 572, 650
architecture, 931
dwellings, 931
government policy, 1587
Money, 341, 861
Money (history), 341
Montagnards, 329, 616
economic conditions, 153
politics and government, 158
Moon, 1295
Moral education, 350
Moving picture cartoons, 817
Moving pictures (production and direction), 1523
Mushroom, 1510
Music and society, 1168

National characteristics, 1294, 1484
National characteristics, Vietnamese, in literature, 1294
Nationalists (biography), 144, 331
Nghệ Tĩnh (history), 1764
Ngô Đình Diệm, 697
Ngô Thị Liễu, 827
Nguyễn, House of, 218
Nguyễn Công Trứ, 1728
Nguyễn Đình Chiểu, 895
Nguyễn Hồng, 914
Nguyễn Ngọc Sâm (fiction), 756
Nguyễn Phan Chánh, 483, 1054
Nguyễn Thái Học (1901–30), 144
Nguyễn Thị Hanh (fiction), 1011
Nguyễn Thị Phúc (juvenile fiction), 1297
Nguyễn Trãi (1380–1442), 64, 566, 940, 1034, 1037, 1039, 1179, 1731
addresses, essays, lectures, 1038
bibliography, 980, 1040
selections, 1035
Nguyễn Văn Huyên (1908–), 1183
Nguyễn Văn Tý (fiction), 1768
Nha Trang (description), 1088
Nhất Hạnh, Thích (criticism and interpretation), 93
North Atlantic Treaty Organization, 683
Novels
published in
Bruxelles, 864
Denver, 1104
Fort Smith, AR, 420, 422, 432, 570, 580, 645, 707, 808, 1026, 1491, 1567, 1685, 1790
Glendale, CA, 173, 177, 178, 189, 194, 212, 213, 425, 428, 579, 640, 641, 642, 646, 647, 711, 806, 807, 810, 1007, 1008, 1015, 1030, 1099, 1206, 1255, 1595, 1596, 1684
Hanoi, 1, 2, 23, 31, 32, 44, 46, 51, 70, 122, 126, 135, 136, 137, 172, 200, 232, 263, 274, 275, 279, 291, 293, 333, 345, 435, 469, 470, 479, 493, 494, 512, 513, 524, 525, 526, 527, 653, 665, 666, 667, 673, 675, 676, 691, 694, 749, 757, 802, 817, 819, 863, 865, 888, 898, 899, 916, 927, 930, 936, 937, 1211, 1256, 1283, 1290, 1334, 1391, 1418, 1439, 1488, 1498, 1517, 1519, 1521, 1582, 1588, 1589, 1601, 1777, 1778, 1785
Houston, TX, 581, 1347
Huế, 772
Lancaster, PA, 174, 175, 176, 179, 180, 182, 183, 184, 185, 186, 421, 713, 848, 849, 850, 851, 852, 853, 854, 961, 1205, 1686
Los Alamitos, CA, 117, 118, 119, 187, 208, 210, 211, 417, 418, 419, 423, 424, 426, 427, 429, 712, 755, 1087, 1577
Norwalk, CA, 403
Paris, 1089, 1097
Saigon, 414, 1057
San Jose, CA, 1687
Thành Phố Hồ Chí Minh, 322, 495, 1470
translated from
Chinese, 117, 118, 119, 152
French, 21, 583
Nuclear medicine, 1215

Obstetrics (dictionaries), 456
Officials and employees (biography), 1151
Oilseed plants, 1184
Olympic games (22nd, 1980, Moscow, R.S.F.S.R.), 722
Oral interpretation of poetry, 49
Otolaryngology, 1705

Pacoh language (dictionaries), 1760
Painting, modern, 987
Painting (technique), 685
Paleontology, 400
Parasites, 1212, 1511
Pastry, 1017

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

U.S.S.R., 319, 371, 1292, 1533
Forest ecology, 1289
Forests and forestry, 821, 1029
Fortune telling, 338, 1286, 1736
France (colonies), 1543
Fresh water invertebrates, 239, 240

Galilei, Gelileo (1564–1642), 912
Gall bladder (diseases), 877, 1081
General, 377, 1126, 1657, 1672
Geography (textbooks), 316, 1581
Geology, 1122, 1527, 1626
Geometry, 20
Germany (history), 1138
Government business enterprises, 132, 258
Government missions, 659
Guerrilla warfare, 1323
Guerrillas (biography), 1085
Guidebooks, 36, 415, 1622
Gynecology (dictionaries), 456

Hanoi
  description, 244, 346, 389, 1077, 1414
  history, 249, 927
  legends, 1078
  streets, 1078
Herbs (therapeutic use), 1665
Heroes, 1599
Hevea, 1456
Historians (China), 145
Historic sites, 1424
History, 718, 1467, 1552, 1639, 1666
  addresses, essays lectures, 366, 1263, 1264
  chronology, 58, 198, 1044
  collected works, 1120
  congresses, 1628
  drama, 74
  fiction, 332, 1291, 1428, 1466
  general (1945–1975), 157, 794, 913, 1424, 1599
  general (1858–1945), 331, 342, 462, 905
  general (1428–1939), 219
  general (939–1428), 162, 219, 332, 437, 824
  general (–939), 484, 700, 824
  Lam-Sơn Uprising (1418–28, juvenile fiction), 402
  Later Le dynasty (1428–1787), 92, 1271
  methodology, 1634
  nationalists (1858–1945), 330
  periodical indexes, 1223, 1409
  pictorial works, 155, 191
  Saigon (pictorial works), 155
  sources, 917
  study and teaching, 1123
  Trưng Sisters' Rebellion (39–43), 1
Hồ Chí Minh (1890–1969), 235, 337, 367, 372, 499, 979, 1579
  addresses, essays, lectures, 9, 390, 1320, 1324, 1529, 1775
  anecdotes, 954, 1107, 1113, 1139
  captivity (1942–43), 1775
  criticism and interpretation, 344, 655, 1660
  in motion picture, 1523
  journeys (Soviet Union), 498
  juvenile literature, 15
  portraits, caricatures, 389
  views on the arts, 16
  views on women, 201
Hồ Chí Minh City, 1296, 1753
Họ Jeanne d'Arc Cholon Việt Nam, 726
Hòa Bình (history), 1251
Hóa Lộc (antiquities), 1182
Hoa Tâm, 1489
Hoàng Nam Hùng, 443
Hoàng Thám, 883
Holidays, 14
Hugo Victor (1802–1885), 249
Human engineering, 1070
Human evolution, 303
Human physiology, 977, 1539

Immunology (dictionaries), 1556
Indochina, French
  economic conditions (indexes), 1408
Indo-Chinese War (1946–54), 5, 474, 844, 845, 846, 1251, 1252, 1258, 1261, 1293, 1390, 1477, 1668, 1694, 1758, 1782
Industrial management, 288, 657
Industries, 225, 233, 607, 688
Industry and state, 225, 688, 947, 1074
Inflation (U.S.), 553
Insects, 906
Intellectual life, 16, 1615
Inventions (handbooks, manuals), 996
Irrigation engineering (dictionaries), 1557

Jewish-Arab relations, 662
Joints (diseases), 1452

Kampuchea
  see: Cambodia
Khmer language (dictionaries), 430, 431
Kim Vân Kiều, 247
Kings and rulers, 58
  biography, 462
  Duy Tân, King of Vietnam (1900–45), 462
  House of Nguyen, 218
  Later de dynasty (1428–1787), 92, 219, 566, 823, 824, 1271
Kublai Khan (1216–94 fiction), 437

Labor and laboring classes, 100, 108, 601, 609, 717, 832, 1045, 1692
Lâm Đồng (description and travel), 1209
Land reform, 465, 468
Land tenure (history), 1725
Lao-tzu, Tao te ching, 881
Laos
  civilization, 261
  description and travel, 261, 1133
  history, 1199, 1357
Later Le dynasty (1428–1787), 92, 219, 566, 823, 824, 1271
  literature, 1578
Lê Đình Chính (fiction), 734
Lê Quâng Ba (fiction), 292
Lê Thị Hồng Gấm (fiction), 1330
Lê Tùng Sơn, 698
Legends, 296, 454, 1078, 1547, 1549
  Miao, 168
  Tú Xuất, 287
Lenin, Vladimir Ilich (addresses, essays, lectures), 371, 382, 600, 672, 1229
Libraries (history), 919
Libraries, children's, 285
Life, 1572
Linguistics, 517
Literacy, 1756
Literature, 65, 105, 112, 224, 247, 503, 789, 1328, 1468, 1476
  addresses, essays, lectures, 793, 1065, 1103, 1410
  book reviews, 327
  existentialism in literature, 283

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Communists
aesthetics, 404
biography, 739, 1258, 1471
ethics, 368, 380
strategy, 466
Computers (dictionaries), 1485
Confucius, 152
Continental drift, 894
Cookery, 143, 578, 1017, 1563, 1716
Cottage industries, 784
Council for National Economic Association, 1659
Court and courtiers (biography), 1151
Crystallography (dictionaries), 857, 1562
Criticism, 459
Củ Chi (Quận), 1141
Cuba, 871
Cultural policy, 1108, 1431
Cybernetics, 99

Darwin, Charles (biography), 1503
Defenses, 1493, 1605
Description and travel
Điện Biên Phủ, 237, 1450
general (1981–), 340
general (1975–), 78, 415, 586, 1053, 1154, 1237, 1272, 1325, 1669
general (–1975), 217, 268, 1200
Hà Bắc, 1303
juvenile literature, 276
Dialectical materialsm, 885
Dictatorship of the proletariat, 612, 613, 627
Dictionaries
Cham, 563
Chinese, 455, 1597
English, 57, 236, 248, 270, 585, 706, 800
French, 456, 651, 652, 1041, 1608
Japanese, 286, 1608
Jarai, 1241
Khmer, 430, 431
Russian, 857, 1558
Tây Nùng language, 472
Vietnamese, 260, 506, 920, 957, 1304, 1598
Digestive organs (surgery), 878
Division of labor, 108
Domestic animals, 1232
Drama, 67, 74, 267, 672, 796, 1202, 1340, 1411, 1574, 1673, 1763, 1789
history and criticism, 347, 348, 1196
translations into Vietnamese, 1673, 1763
see also: Plays
Drugs, 976
Duy Tân, King of Vietnam (1900–45), 462

Đàm Duy Tạo, 679
Đảng cộng sản Đông dương, 733
Đảng Cộng Sản Việt Nam, 226, 227, 228, 229, 230, 231, 255, 330, 386, 487, 489, 501, 605, 614, 618, 621, 629, 786, 795, 799, 938, 1074, 1173, 1197
biography, 1471
bibliography, 1341
congresses, 83, 228, 229, 1226, 1468
history, 489, 620, 630, 733, 1118, 1119, 1641, 1642
Đảng Lao Động Việt Nam, 148, 387, 1260, 1733
biography, 147, 148
history, 635
membership, 1197
party discipline, 604
party work, 1260
see also: Communism
Đặng Văn Ngữ (1910–67), 313
Điện Biên Phủ
Battle of (1954), 5, 113, 237, 1702
description, 237, 1450
Đồ Sơn (description), 1507
Đoàn Thành Niên Cộng Sản Đông-dương, 649
Đoàn Thành Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh, 481
Đoàn Thị Điểm (1705–48), 250
Đội Thiếu Niên Tiền Phong Hồ Chí Minh (history), 812
Đồng Đậu Site, 709

Earth sciences (dictionaries), 1526
Economic conditions, 39, 383, 606, 615, 765, 815, 861
Economic policy, 109, 131, 330, 614, 628, 637, 687, 1105, 1106, 1150, 1173, 1175, 1226, 1227, 1333, 1358, 1493, 1652, 1653, 1734
Education, 75, 231, 374, 445, 632, 785, 958, 1174, 1382
and state, 445, 958, 1380, 1580
Education, primary (curricula), 1646
Education of children, 932
Electrical engineering (dictionaries), 800
Electronics (dictionaries), 800, 1169
Elementary school teaching, 1486, 1487
Encycopedias and dictionaries, 681, 682
English language (idioms, corrections, errors), 299
Engraving, 1632
Environmental protection, 79, 1658
Ethics, 380, 1395
Ethnic relations, 650, 1587
Ethnology, 238, 572, 1624, 1625
Europe (civilization), 41
Excavations (archaeology), 709
Existentialism in literature, 283
Extremities (anatomy), 301

Fairs, 1566
Farm mechanization, 892
Farmers in literature, 1047
Fedayeen, 662
Feminism (history), 1024
see also: Women
Festivals, 1394
Fiction, 32, 1420, 1715
history and criticism, 282
for individual works, *see*: Novels
Fish breeding, 204
Fishes, fresh-water (identification), 751
Five Precepts (Buddhism), 1315
Folk dancing, 577, 900
Folk literature, 35, 1145
Thái Bình, 1585
Folk music, 251, 1247
Folk poetry (history and criticism), 1047, 1613
Folk songs, 162, 163, 164, 251
history and criticism, 251
Folklore, 1746
Chams, 1192
Muong, 411
Rhade, 1791
Vân Kiều, 757
Foreign relations, 490, 623, 624, 1322, 1675
Cambodia, 565, 787
China (1976–), 17, 112, 265, 548, 859, 917, 918, 1266
Laos, 1361
miscellanea, 490
U.S., 352, 659, 1322

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Subject Index—Monographs

Acting, 277
Actors (biography), 827, 1489
Acupunture, 106, 1665
Administrative and political divisions, 259, 1654
Agreement on ending the war and restoring peace in Vietnam (1973), 1206
Agricultural laborers, 648
Agricultural machinery, 892
Agricultural productivity, 686, 923
Agricultural research, 1629, 1645
Agriculture, 541, 1318, 1629, 1695
  and state, 149, 1130
  bibliography, 1342
  dictionaries, 1559
  economic aspects, 383, 465, 603, 630, 648, 689, 858, 923, 1415, 1536, 1537
Agriculture, Cooperative, 149, 473, 626, 686, 1680
Amitabha Cult, 1084
Anatomy, Artistic, 738
Anatomy, Human (dictionaries), 920
Anticommunist movements (1945–75), 475
Antiques (anecdotes, facetiae), 1750
Antiquities, 742, 1117
Archaeology, 709
Architecture (domestic), 555
Armed Forces
  addresses, essays, lectures, 124
  anecdotes, facetiae, satire, 310
  United States, 1109
  Vietnam, 1235, 1493, 1656, 1700
  see also: military art and science
Art, 146, 564, 768, 798, 985, 1245, 1502, 1629, 1630, 1726
  and state, 491, 1176, 1177, 1381
  catalogs, 1245, 1246
  collectors and collecting, 1754
  history, 986, 1631
Arts, 491, 766, 1176, 1177, 1381, 1384
  addresses, essays, lectures, 85
  bibliography, 1344
  Montagnard, 766
  Nùng, 766
Astrology, 192, 338
Atrocities to Vietnamese in Thailand, 1101
Authors, Vietnamese (biography), 406, 842, 872, 914, 1378, 1483, 1728
Avalokitesvara (Buddhist deity), 1234

Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Quân Đội (history), 718
Bến Tre (province), 1013
Biography (juvenile literature), 1427
Birds, 1703
Book industries and trade, 813
Books (history), 919
Botany, 652
  dictionaries, 968
  medical, 295, 1743
Boundaries (China), 1583
Buddhism, 205, 882, 1095, 1455, 1568, 1569
  bibliography, 928
  doctrines, 121, 1092, 1568
  history, 949, 1326
  persecutions, 1569
  religious life, 760
Bulletin Économique de l'Indochine (indexes), 1408

Calendar, Chinese, 1044
Cầm Bá Thước (1858–95), 694
Cambodia
  civilization, 1189
  description and travel, 1156, 1274, 1355, 1723
  foreign relations, 664, 787
  history, 664, 1189, 1336, 1531
  Ieng Sary, 1399
  Pol Pot, 1399
  political atrocities, 1399
  politics and government, 89, 787, 1274, 1399, 1534
  women, 1313
Cambodian-Vietnamese Conflicts (1977–), 1231
Cao Bá Quát (1808–55), 971, 1003
Caodaism, 1544
Cartography (dictionaries), 1558
Carving (decorative arts), 362
Census (South Vietnam), 271
Central Highlands, 440, 1277
Cham laguage (glossaries, vocabularies), 563
Chamic drama, 1763
Châu Can (tombs), 742
Chemistry (dictionaries), 139, 1004, 1553
Chiêu Hồi Program, 1664
Child psychology, 932
Child rearing, 547
Children's literature, 975
Children's poetry, 546
Children's stories, 56, 300, 573, 727, 801, 950, 1012, 1022, 1222, 1325, 1443, 1618, 1619, 1689
China (description and travel), 1522
China (foreign relations, 1976–), 17
China (politics and government), 436, 438, 443
Chinese language (dictionaries), 455
Chinese poetry (history and criticism), 463
Chu Văn An, 1447
Civics, 102, 103, 317, 318, 350, 1043, 1098, 1161, 1162, 1163, 1164
Civil rights, 223, 684
Civilization, 40, 337, 354, 556, 1096, 1263, 1466, 1484, 1535, 1663
  bibliography, 1344
Climate, 1155
Cochinchina (history), 1525
Coins (history), 341
Command of troops, 695
Commerce, 562, 1644
Communication and traffic, 576
Communism, 130, 133, 269, 307, 382, 594, 610, 612, 613, 620, 776, 1025, 1699
  addresses, essays, lectures, 354, 1445
  and art, 355, 1108, 1229, 1593
  and literature, 478
  and music, 1168
  anecdotes, facetae, satire, 254
  history, 594, 595, 610, 776
  Nghệ Tĩnh, 1764
  see also: đảng Cộng Sản Việt Nam
Communist countries (economic policy), 1121

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

INDEXES

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

NEWSPAPERS

1912
Chân trời mới. số 1+ tháng 5, 1975+ Guam, Phạm Kim Khánh. illus. daily.
English or Vietnamese.
LC has a sample issue for May 1975.

1913
Chí linh. bộ mới, số 1+ [1983]+ Garden Grove, CA, Trọng Viên. illus. weekly.
With supplement: Kịch ảnh.
LC has a sample issue for May 16, 1985.

1914
Chính luận. số 1+ tháng 5, 1985+ Garden Gove, CA, Bùi Xuân Hiền. illus. weekly.
LC has a sample issue for May 17, 1985.

1915
Dân chúng. số 1+ 1981+ Irvine, CA, Nguyên Sa. illus. weekly.
LC has a sample issue for May 11, 1985.

1916
Diễn đàn người Việt. Viet Forum. số 1+ tháng 3, 1984+ Westminster, CA, Đỗ Ngọc Yến. illus. weekly.
English or Vietnamese.
LC has 1984+

1917
Diễn đàn tự do. số 1+ tháng 11, 1984+ Fairfax, VA, Ngô Vương Toại. illus. biweekly.
LC has 1984+

1918
Đài phát thanh kháng chiến. số 1+ tháng 12, 1984+ Toronto, Canada, Uỷ Ban Yểm Trợ Đài Phát Thanh Kháng Chiến Việt Nam. illus. monthly.
LC has a sample issue for 1984.

1919
Đất mới. số 1+ tháng 7, 1975+ Seattle, WA, Nguyễn Văn Giang. illus. biweekly.
LC has 1976+

1920
Đồng nai. số 1+ tháng 6, 1983+ Westminster, CA, Tường Uyên. illus. weekly.
LC has 1983+

1921
Đông phương. số 1+ [tháng 6, 1979]+ Seattle, WA, Quốc Nam. illus. monthly.
Supersedes Hoài hương.

1922
Hoa thịnh đốn Việt báo. số 1+ tháng 10, 1982+ Arlingon, VA, Giang Hữu Tuyên. illus. weekly.
LC has 1982+

1923
Kháng chiến. số 1+ tháng 4, 1982+ Oakland, CA, Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam. illus. monthly.
LC has 1982+

1924
Người Việt. số 1+ tháng 4, 1980+ Santa Ana, CA, Đỗ Ngọc Yến. illus. daily.
LC has 1983+

1925
Vạn thắng. số 1+ tháng 9, 1984+ Alexandria, VA, Trần Chính Trung.
LC has 1984–85.
Suspended.

1926
Việt Nam thời báo; Vietnam times. số 1+ tháng 1, 1985+ Germantown, MD, Vĩnh Liêm. illus. monthly.
In Vietnamese and English.
LC has 1985.
Suspended.

1927
Việt Nam tự do; tuần báo. số 1+ tháng 9, 1981+ Santa Ana, CA, Duy Sinh Nguyễn Đức Phúc Khôi. illus. weekly.
LC has 1981–85.

Digitized by Google
Original from UNIVERSITY OF ILLINOIS AT URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1893
Tin yêu. số 1+ [tháng 2, 1976]+ Washington, D.C., Nguyễn Văn Nguyên. illus. monthly.
LC has 1976 (scattered issues).

1894
Trái tim đức mẹ. số 1+ tháng 12, 1977+ Carthage, MO, B.M. Thái Hòa. illus. monthly.
LC has 1979–84 (scattered issues).

1895
Trắng đen. bộ mới hải ngoại, số 1+ tháng 3, 1976+ Glendale, CA, Việt Định Phương. illus. biweekly.
LC has 1976–83 (scattered issues).

1896
Trời mới. số 1+ tháng 8, 1984+ Silver Spring, MD, Nguyễn Thanh Long. illus. monthly.
LC has a sample issue for 1984.

1897
Từ ân. bộ mới, số 1+ tháng 2, 1983+ Ottawa, Ontario, Canada, Hội Phật Giáo Việt Nam Gia Nã Đại. illus. irregularly.
LC has 1983.

1898
Tự do. số 1+ tháng 4, 1984+ Liège, Belgium, Đặng Vũ Chính. illus. biweekly.
French or Vietnamese.
LC has 1984 (scattered issues).

1899
Tự do dân bản. số 1+ tháng 8, 1984+ Garden Grove, CA, Nguyễn Ngọc Huy. illus. monthly.
LC has 1981–84.

1900
Từ quang. số 1+ 1976+ San Francisco, CA, Thích Tịnh Từ. illus. irregularly.
LC has 1976–77 (scattered issues).

1901
Tuổi ngọc. số 1+ tháng 4, 1981+ Los Alamitos, CA, Hồ Văn Xuân Nhị. illus. irregularly.
LC has a sample issue for 1981.

1902
Tuổi vàng. số 1+ tháng 4, 1982+ Vienna, VA, Phúc-An Bích-Lưu. illus. monthly.
English or Vietnamese.
LC has 1982+

1903
Văn. số 1+ tháng 7, 1982+ Culver City, CA, Mai Thảo. illus. monthly.
LC has a sample issue for 1982.

1904
Vạn hạnh nguyệt san. số 1+ tháng 5, 1978+ San Diego, CA, Thích Trí Chơn. illus. monthly.
English or Vietnamese.
LC has 1978 (scattered issues).

1905
Vận hội mới. New Tide. số 1+ tháng 10, 1982+ San Mateo, CA, Vector. illus. bimonthly.
English or Vietnamese.
LC has 1983–84 (scattered issues).

1906
Văn nghệ tiền phong. số 1+ tháng 1, 1976+ Arlington, VA, Nguyễn Thanh Hoàng. illus. biweekly.
LC has 1976, 1981+

1907
Văn tiền. số 1+ [1980]+ Bruxelles, Belgium, Huỳnh Chiêu Dương. illus. monthly.
LC has 1982–83 (scattered issues).

1908
Việt chiến. số 1+ tháng 4, 1981+ Arlington, VA, Giang Hữu Tuyên & Ngô Vương Toại. illus. monthly.
LC has 1981–82.

1909
Việt nam hải ngoại. số 1+ tháng 6, 1977+ San Diego, CA, Đinh Thạch Bích. illus. biweekly.
LC has 1977–79, 1981–84 (scattered issues).

1910
Việt Nam tự do tạp chí. số 1+ tháng 6, 1984+ Santa Ana, CA, Duy Sinh Nguyễn Đức Phúc Khôi. illus. monthly.
LC has a sample issue for 1984.

1911
Xác định. số 1+ tháng 4/6, 1984+ Arlington, VA, Nguyễn Đình Thắng. illus. quarterly.
LC has 1983–84.

Digitized by Google
Original from UNIVERSITY OF ILLINOIS AT URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

English or Vietnamese.
LC has a sample issue for 1981.

1874
Quê mẹ. số 1+ tháng 6, 1976+ Gennevilliers, France, Võ Văn Ái. illus. monthly.
French or Vietnamese.
LC has 1976+.

1875
Sống đức tin. số 1+ tháng 1, 1985+ Falls Church, VA, Blessed Vietnamese Martyrs Church. illus. monthly.
LC has a sample issue for 1985.

1876
Sự thật. số 1+ [1976]+ Stuggart, West Germany, Hội Công Giáo Việt Nam Tại Đức. illus. monthly.
German or Vietmanese.
LC has a sample issue for 1978.

1877
Tập san giáng sinh. số 1+ 1984+ Austin, TX, Đoàn Thanh Sinh Công. illus. annually.
LC has a sample issue for 1984.

1878
Tập san văn hóa Việt Nam. Vietnam culture journal. số 1+ tháng 12, 1982. New York, NY, Nguyễn Quỳnh and (Mrs.) Nguyễn Ngọc Bích. illus. 2 no. a year.
English, French, German, or Vietnamese.
LC has 1982–84.

1879
Thân hữu; Friendship; bản tin; newsletter. Springfield, MO, Người Việt. illus. irregularly.
LC has a sample issue for 1976.

1880
Thân hữu; Friendship: newsletter. Richmond, VA, Hội Thân hữu Việt Mỹ. illus. irregularly.
English or Vietnamese.
LC has 1977 (scattered issues).

1881
Thời tập. số 1+ tháng 4, 1979. Fairfax, VA, Viên Linh. illus. quarterly.
LC has 1979 (scattered issues).

1882
Thông báo. số 1+ [1976]+ Wichita, KS, Charitas. illus. monthly.
LC has a sample issue for 1976.

1883
Thông tin. số 1+ tháng 6, 1977+ Lyon, France, Người Việt Tự Do Tại Lyon. illus. irregularly.
LC has 1977–79.

1884
Thụ nhân Hoa Thịnh Đốn. số 1+ Mùa Xuân 1982+ [Arlington, VA] Hội Ái Hữu Đại Học Đàlạt. illus.
LC has a special issue for 1982.

1885
Thức tỉnh. Los Angeles, CA, Vị Nhân. illus. monthly.
LC has 1978, 1982–84 (scattered issues).

1886
Tị nạn. số 1+ [1980?]+ Westminster, CA, Trần Quân. illus. monthly.
LC has a sample issue for 1980.

1887
Tiếng nói người Việt Nam tự do. số 1+ tháng 4, 1976+ Paris, France, Lực Lượng Việt Nam Tự Do. illus. irregularly.
French or Vietnamese.
LC has 1976, 1978 (scattered issues).

1888
Tiếng sông Hương. Đặc San [tháng 11, 1983]+ Washington, D.C. [Lê Chí Thảo] illus.
LC has a special issue for November 1983.

1889
Tin mừng. số 1+ tháng 9, 1980+ Falls Church, VA, Bùi Hữu Thư. illus. irregularly.
English or Vietnamese.
LC has a special issue for 1983.

1890
Tin tức đoàn tụ gia đình: bản tin. số 1+ [1977]+ Portland, OR, Hướng Đạo Việt Nam Hải Ngoại. irregularly.
LC has a sample issue for 1977.

1891
Tin tức văn hóa & giáo dục. Educational & Cultural News. số 1+ tháng 11–12, 1980+ Washington, D.C., Sáng Hội Việt Nam. illus. bimonthly.
English or Vietnamese.
LC has a sample issue for Nov./Dec. 1980.

1892
Tin Việt Nam. số 1+ tháng 3, 1981+ Peking, China. illus. monthly.
LC has 1981–84.

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

1854
Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam; bản tin đặc biệt. Redwood City, CA, Tổng Vụ Hải Ngoại. illus. irregularly.
English, Vietnamese, or Japanese.
LC has 1982–83 (scattered issues).

1855
Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam; Đặc San Đại Hội Chính Nghĩa. Tháng 4, 1983+ Washington, D.C. Phong Trào Quốc Gia Yểm Trợ Kháng Chiến. illus. special issue.
LC has April 1983, special issue.

1856
Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam; Tập Điểm Báo. San Francisco, CA, Vụ Văn Hóa và Thông Tin. illus. irregularly.
English, Vietnamese, French, German, or Italian.
LC has 1984.

1857
Mê Linh. số 1+ [1976]+ Fullerton, CA, Học Sinh Trưng Vương. illus. semiannually.
LC has 1976–77.

1858
Mê Linh. số 1+ tháng 1, 1982+ San Jose, CA, Hội Phụ Nữ Việt Nam. illus. quarterly.
LC has a sample issue for 1983.

1859
The New Horizon; multilingual newsletter. no. 1+ [1980]+ Oakland, CA, Indochinese Ecumenical Community Center of the First United Methodist Church. illus. irregularly.
English, Vietnamese, Lao, or Cambodian.
LC has a sample issue for 1980.

1860
Ngày nay. số 1+ [tháng 4, 1981]+ Wichita, KS, Lê Hồng Long. illus. monthly.
English or Vietnamese.
LC has 1983–84 (scattered issues).

1861
Người Việt tự do. số 1+ [1976]+ Chatswood, Australia, Đào Phu Hồ. illus. irregular.
LC has a sample issue for 1978.

1862
Nguồn Việt. số 1+ tháng 4, 1983+ Glendale, CA, Đặng Trần Lê & Nguyễn Đỗ. illus. monthly.
LC has 1983.

1863
Nhân chứng. số 1+ [1980?]+ Garden Grove, CA, Du Tử Lê. illus. monthly.
LC has 1981–82 (scattered issues).

1864
Nhân chứng. số 1+ tháng 11, 1979+ Singapore, Vietnamese Refugee Camp. illus. irregularly.
English or Vietnamese.
LC has a sample issue for 1979.

1865
Nhân văn. số 1+ [1982]+ San Jose, CA, Thượng Văn. illus. monthly.
LC has 1982–83, nos. 1–14.

1866
Nhịp cầu. số 1+ 1983+ Bonn, West Germany, Trung Tâm Văn Hóa VN. illus. bimonthly.
German or Vietnamese.
LC has 1983.

1867
Nối vòng tay. số 1+ [1980]+ Berkeley, CA, Hội Sinh Viên Việt Nam tại U.C. Berkeley. iilus. irregularly.
LC has 1980–81 (scattered issues).

1868
Phật giáo Việt Nam. số 1+ tháng 5, 1978+ Los Angeles, CA, Thích Mẫn Giác. illus. monthly.
LC has 1982–84 (scattered issues).

1869
Phục quốc. số 1+ 1976+ Santa Ana, CA, Trọng Minh Vũ Trọng Chất. illus. monthly.
LC has 1976–77.

1870
Quật khởi. số 1+ tháng 3, 1976+ [California] Bảo Văn Ly. illus. irregularly.
LC has 1976.

1871
Quật khởi. Salem, OR [s.n.] illus. monthly.
LC has 1978 (scattered issues).

1872
Quật khởi. số 1+ [1976]+ Torino, Italy, Nhóm Sinh Viên Việt Nam Quốc Gia. illus. irregularly.
LC has 1976.

1873
Quê mẹ; Motherland. Bankstown, Australia, Trần Ngọc Thạch. illus. monthly.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1834
Hồn Việt Nam. số 1+ tháng 10, 1977+ Paris, France, Minh Đức Hoài Trinh. illus. biweekly.
LC has 1977–78.

1835
Hướng đạo Việt Nam hải ngoại; bản tin. số 1+ tháng 4, 1977+ Portland, OR. illus. monthly.
LC has 1977–78 (scattered issues).

1836
Hương Việt. số 1+ tháng 1, 1976+ Philadelphia, PA, Vietnamese Christian Community. illus. monthly.
LC has 1976–78 (scattered issues).

1837
Hy vọng; bản Tin. số 1+ [1978]+ Harrisburg, PA, Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam Giáo Phận Harrisburg. illus. monthly.
LC has 1980–84.

1838
Indochinese Community Center; newsletter. Washington, D.C. illus. irregularly.
English, Cambodian, Lao, or Vietnamese.
LC has 1980–81 (scattered issues).

1839
Khuông Việt. số 1+ tháng 1, 1976+ Tokyo, Japan, Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam Tại Nhật. illus. irregularly.
LC has 1976–84 (scattered issues).

1840
Kinh dọanh. số 1+ tháng 3, 1984+ San Jose, CA, Nhóm Kinh Doanh. illus. biweekly.
LC has 1984.

1841
Lá thư Mỹ Việt. American Vietnamese Newsletter. số 1+ tháng 2, 1976+ New York, NY, American Vietnamese Society. monthly.
LC has 1976.

1842
Lạc Hồng. số 1+ [1976]+ Darmstadt, West Germany, Liên Đoàn Sinh Viên Việt Nam Tự Do. illus. bimonthly.
LC has 1976–77 (scattered issues).

1843
Lạc Việt. Port Arthur, TX, Cộng Đồng Phục Sinh; Resurrection Community. irregularly.
LC has 1977 (scattered issues).

1844
Làng văn. số 1+ Trung Thu 1984+ Toronto, Canada, Nguyễn Hương. illus. monthly.
LC has sample issues for 1984.

1845
Lao Việt Khmer. no. 1+ Mar. 15, 1981+ Austin, TX, Caritas of Austin. illus. irregularly.
English, Vietnamese, Lao, or Cambodian.
LC has 1981–84.

1846
Lên đường. số 1+ [1981]+ Irvine, CA, Vietnamese Students Association at UCI. illus. quarterly.
LC has 1982 (scattered issues).

1847
Liên đoàn. số 1+ tháng 4, 1981+ Mountain View, CA, Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ. illus. irregularly.
LC has 1981.

1848
Liên hoa. số 1+ tháng Giêng, 1976+ Brossard P.Q., Canada, Trịnh Minh Cầu. illus. quarterly.
English or Vietnamese.
LC has 1980–84 (scattered issues).

1849
Liên lạc. Mountain View, CA, Rev. Nguyễn Văn Tịnh. illus. monthly.
Superseded by Liên lạc mới,
LC has 1981–84 (scattered issues).

1850
Liên lạc mới. Mountain View, CA, Rev. Nguyễn Văn Tịnh. illus. monthly.
Supersedes Liên lạc.
LC has 1983–84.

1851
Long hoa. bộ mới, số 1+ 1977+ Los Angeles, CA, Thích Thiện Ân. illus. monthly.
LC has 1977.

1852
Lửa Việt. số 1+ tháng 2, 1980+ Toronto, Canada, Bùi Bảo Sơn. illus. monthly.
LC has 1981–84 (scattered issues).

1853
Lửa Việt. số 1+ tháng 10, 1975+ Washington, D.C. National Center for Vietnamese Resettlement. illus. monthly.
LC has 1975–76 (scattered issues).

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

1815
Đặc san Berkeley. số đặc biệt + mùa xuân 1982 + Berkeley, CA, Hội Sinh Viên Việt Nam tại illus.
LC has a special issue for spring 1982.

1816
Đất nước. số đặc biệt + Xuân Mậu Ngọ 1978 + Toulouse, France, Hội Sinh Viên Việt Nam. illus.
LC has a special issue for 1978.

1817
Đất Việt. số 1 + tháng 6, 1980 + St. Gallen, Switzerland, Trần Như Biên. illus. monthly.
French or German or Vietnamese.
LC has 1980–84.

1818
Định cư. Resettlement. Bộ mới, số 1 + tháng 5, 1979 + San Francisco, CA, Center for Southeast Asian Refugee Resettlement. illus. monthly.
English or Vietnamese.
LC has 1978–83 (scattered issues).

1819
Độc lập. số 1 + [tháng 6, 1977] + Filderstadt, West Germany, Liên Đoàn Tự Do Việt illus. monthly.
LC has 1978, 1982–84 (scattered issues).

1820
Đời. số 1 + tháng 7, 1982 + Irvine, CA, Nguyên Sa. illus. monthly.
LC has 1982–84.

1821
Đời mới. Minnesota New Life. số 1 + 1977 + St. Paul, MN, Governor's Resettlement Office. illus. monthly.
English or Cambodian or Lao or Vietnamese.
LC has 1977.

1822
Đuốc thiêng. số 1 + tháng 10, 1982 + Garden Grove, CA, Lê Thiết Trụ. illus. monthly.
LC has a sample issue for no. 2, 1982.

1823
Đuốc tuệ. số 1 + tháng 5, 1976 + Mountain View, CA, Thích Thành Cát. illus. irregularly.
LC has 1976.

1824
Đuốc từ Bi. Bộ mới. số 1 + tháng 3, 1981 + Santa Fe Springs, CO, Văn Phòng Phật Giáo Hòa Hảo Hải Ngoại. illus. bimonthly.
English or Vietnamese.
LC has 1981–84 (scattered issues).

1825
Hành trang. số + tháng 10, 1982 + Costa Mesa, CA, Nguyễn Trường Thức. illus. bimonthly.
LC has a sample issue for 1984.

1826
Hành trình. số 1 + tháng 8, 1978 + Washington, D.C. Cao Thế Dung. illus. bimonthly.
LC has 1978–79 (scattered issues).

1827
Hiện diện. số 1 + tháng 10, 1977 + Paris, France, Trần Ngọc Anh. illus. biweekly.
French or Vietnamese.
LC has a sample issue for 1977.

1828
Hoài hương. số 1 + 1977 + Kansas City, MO, Quốc Nam. illus. bimonthly.
Superseded by Đông Phương in 1979.
LC has sample issues for 1977.

1829
Hội Người Việt Cao Niên Vùng Hoa Thịnh Đốn; bản Tin. số 1 + tháng 1, 1985 + Annandale, VA, Vietnamese Senior Citizens Association. illus. monthly.
LC has 1985 +

1830
Hội Người Việt Cao Niên Vùng Hoa Thịnh Đốn; tập Kỷ yếu. số 1 + tháng 8, 1979 + Annandale, VA, Vietnamese Senior Citizens Association. illus. biannually.
LC has 1980 +

1831
Hội thân hữu Việt Mỹ tại Virginia; Bản Tin; Newsletter. Richmond, VA, Trần Ngọc Dung. illus. irregularly.
English or Vietnamese.
LC has a sample issue for 1978.

1832
Hôm nay. số 1 + tháng 2, 1976 + Freiburg, West Germany. Nguyễn Thế Hiển. illus. irregularly.
LC has 1976–78.

1833
Hồn Việt. số 1 + tháng 11, 1975 + San Diego, CA, Nguyễn Hoàng Đoan. illus. biweekly.
LC has 1976–78 (scattered issues).

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

SERIALS

1796
Ánh đạo vàng. số 1+ tháng 1, 1976+ Washington, D.C., Hội Phật Tử Việt Mỹ. illus. monthly.
LC has no. 19, July 1977.

1797
Bản tin Hoa Thịnh Đốn. tuần lễ 1+ 1 tháng 3, 1977+ Washington, D.C., Chử Bá Anh. illus. weekly.
LC has 1984 (scattered issues).

1798
Bạn Việt. số 1+ [1976]+ Toronto, Canada, Hội Ái Hữu Việt Kiều Toronto. illus. monthly.
LC has a sample issue for 1978.

1799
Bản xứ. Arlington, VA, illus. irregularly.
LC has nos. 3, 4.

1800
Bút lửa. số 1+ [tháng 4, 1977]+ San Diego, CA, Hoàng Kỳ. illus. monthly.
LC has 1977–78.

1801
Chân trời mới. số 1+ [1979]+ Montreal, Canada, Lan Khê. illus. irregularly.
LC has a sample issue for 1979.

1802
Chiến hữu. số 1+ [1982]+ Paris, France, Phạm Hữu. illus. monthly.
LC has 1983–84 (scattered issues)

1803
Chuông Việt. Covington, KY, Nguyễn Văn Cương. illus. biannually.
LC has nos. 183–186.

1804
Cờ lau. số 1+ tháng 6, 1983+ Houston, TX, Nguyễn Lương Sơn. illus. monthly.
LC has a sample issue for 1983.

1805
Cờ vàng. [Virginia] Lực Lượng Quân Nhân Việt Nam Hải Ngoại. illus. irregularly.
LC has 1980 (scattered issues).

1806
Công dân mới. số 1+ tháng 1, 1978+ Portland, OR, Vietnam Home. illus. monthly.
LC has a sample issue for 1978.

1807
Cộng đồng người Việt tại Orange County; bản tin. số 1+ [1979]+ Westminster, CA, Vietnamese Service Center. illus. monthly.
LC has 1981.

1808
Cộng đồng Việt Nam; bản tin. số 1+ tháng 7, 1978+ New York, NY, Lê Thanh Hoàng Dân. illus. biweekly.
LC has 1978.

1809
Dân chúa. số 1+ tháng 2, 1977+ New Orleans, LA, Rev. Việt Châu. illus. monthly.
LC has 1977+

1810
Dân quyền. số 1+ [1981]+ Montreal, Canada, Khối Báo Chí Cơ sở Dân Quyền. illus. monthly.
LC has 1982+

1811
Dân tộc. số 1+ tháng 5, 1981+ San Jose, CA, Hoàng Lê Cung (Hà Túc Đạo). illus. weekly.
LC has 1982+

1812
Dân tộc. số 1+ [1975]+ Zurich, Switzerland, Nguyễn Trí Nam. irregularly.
LC has a sample issue for 1977.

1813
Diên hồng. bộ mới, số 1+ tháng 9, 1982+ Alexandria, VA, Phong Trào Quốc Gia Yểm Trợ Kháng Chiến. illus. monthly.
LC has 1982.

1814
Dòng lửa việt. số đặc biệt+ tháng 4, 1976+ Portland, OR, Việt Đoàn Thống Nhất. illus. irregularly.
LC has a special issue for April 1976.

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Y

Y Dat;
see I, Ta

1791
Y Điêng *and* Hoàng Thao. Truyện cổ Ê-đê. Hà Nội, Văn Hóa Dân Tộc, 1978.
GR313.5.R53T78 Orien Viet
80-984374

253 p.

1792
Y Điêng *and others*. Xing nhã, Đăm di. In lần thứ 1. Hà Nội, Văn Hóa Dân Tộc, 1978.
PL4490.Z95X5 1978 Orien Viet
80-984064

169 p.

1793
Ý Nhi. Đến với dòng sông: thơ. In lần thứ 1. [s.l.] Tác Phẩm Mới, 1978.
MLCS83/5344 (P)
83-113713

94 p.

1794
Yên Anh. Như cơn mộng du. Bruxelles; Boston, Thanh Long, Văn Tiền, 1982.
PL4378.9.Y38N45 1982 Orien Viet
83-139556

180 p. illus.

1795
Yền Lan. Giữa hai chớp lửa: thơ. Hà-Nội, Văn Học, 1978.
PL4378.9.Y4G5 Orien Viet
80-984118

86 p.
Includes errata slip.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1776
Xuân Diệu *and others*. Ta lại là ta: tập văn chào mừng thành công tốt đẹp của Quốc hội chung cả nước khóa thứ 6, kỳ họp thứ 1. [Hà Nội] Thanh Niên, 1977.
PL4378.8.T29 Orien Viet
82-104362
101 p.

1777
Xuân Du. Hoàng hôn đỏ: tập truyện. Hà Nội, Lao Động. 1983.
PL4378.9.X773H6 1983 Orien Viet
84-247429
182 p.

1778
Xuân Đức. Cửa gió: tiểu thuyết. v. [1]+ [s.l.] Thanh Niên [1978]+
PL4378.9.X774C8 1978 Orien Viet
84-195263

1779
Xuân Lan. Dòng họ Ô-Tô-Mát; bìa và minh họa, Bùi Đức Liễn vẽ theo tài liệu khoa học. Hà Nội, Kim Đồng, 1982.
83-183908
128 p. illus.

1780
Xuân Miễn, Duy Khán *and* Phạm Ngọc Cảnh. Một tiếng Xa-Ma-Khi: thơ. Thành Phố Hồ Chí Minh, Văn Nghệ, 1981.
PL4378.9.X785M6 1981 Orien Viet
83-116018
90 p.

1781
Xuân Nguyên. Hoa đào tháng chín. Hà Nội, Phụ Nữ, 1976.
PL4378.9.X7853H6 Orien Viet
80-984134
143 p.

1782
Xuân Sách. Đội du kích thiếu niên Đình Bảng; bìa và minh họa của Huy Toàn. In lần thứ 3. Hà Nội, Kim Đồng, 1975.
PZ90.V5X8 1975 Orien Viet
79-984112
250 p. illus.

1783
Xuân Sách. Làng rừng Cà Mâu; bìa và minh họa của Hà Quang Phương và Trần Văn Phú. Hà Nội, Kim Đồng, 1981.
MLCS83/2715 (P) Orien Viet
83-115577
128 p. illus.

1784
Xuân Sách. Nơi đi và nơi đến: tập thơ. Hà Nội, Văn Học, 1978.
PL4378.9.X786N64 Orien Viet
80-984104
55 p.

1785
Xuân Thiều. Khúc hát mở đầu; bìa và minh họa của Triệu Khắc Lê. Hà Nội, Kim Đồng, 1980.
PZ90.V5X83 1980 Orien Viet
83-115996
152 p. illus.

1786
Xuân Thủy. Đường xuân: thơ. [s.l.] Tác phẩm mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1979.
MLCS83/5507 (P)
83-111737
95 p.

1787
Xuân trên đất lửa: gương thanh niên Quảng-bình, Vĩnh-linh vừa chiến đấu vừa sản xuất. [s.l.] Thanh Niên, 1965.
MLCS83/5891 (P)
83-115010
133 p.

1788
Xuân Trình. Thời tiết ngày mai: tiểu thuyết. (s.l.) Phụ Nữ, 1983.
PL4378.9.X7945T5 1983 Orien Viet
85-198876
186 p.

1789
Xuân Trình. Xóm vắng [của] Xuân Trình. Gió cuốn [của] Nguyễn Đình Quý. Hoa và cỏ dại [của] Doãn Hoàng Giang. Hà Nội, Văn Hóa, 1977.
PL4378.7.X8 Orien Viet
80-984299
425 p.

1790
Xuân Vũ. Đường đi không đến: hồi ký vượt Trường-Sơn. Fort Smith, AR, Sống Mới [1979?]
PL4378.9.X83D8 Orien Viet
81-172983
462 p.
Reprint. Originally published: Saigon, Sống Mới, 1973.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

X

1761
Xa thành phố: truyện ký. Hà Nội, Phụ Nữ, 1977.
PL4378.8.X3 Orien Viet
80-984097

127 p.

1762
Xây dựng văn hóa mới ở nông thôn. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
HN700.5.A8X39 1980 Orien Viet
83-141951

127 p.

1763
Xing Nhã; Đăm Di: hai bản trường ca Êđê và Giarai; sưu tầm và dịch, Y Điêng and others; biên soạn, chú thích, Y-Diêng. Hà Nội, Văn Hóa Dân Tộc, 1978.
PL4490Z95X5 1978 Orien Viet
80-984064

169 p.

1764
Xô-Viết Nghệ Tĩnh. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
DS559.92.N47X62 1981 Orien Viet
85-116898

110 p.

1765
Xồng chụ xon xao: phiên âm tiếng Thái. In lần thứ 2. [s.l.] Văn Hóa Dân Tộc, 1978.
83-178319

78 p.

1766
Xử án vụ máy bay gián điệp biệt kích C.47 của Mỹ-Diệm. [Hà Nội] Quân Đội Nhân Dân 1961.
83-138465

238 p. illus., plates.

1767
Xu Văn Thon *and* Bu Pha Nu Vông. Tiểu đoàn Hai Pa-thét Lào; Hùng Phi dịch. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1984.
PL4251.L39X838 1984 Orien Viet
85-196033

255 p.

1768
Xuân Cang. Đôi cánh: truyện anh hùng lao động Nguyễn văn Tý. [Hà Nội] Lao Động [1967]
PL4378.9.X76D6 Orien Viet
83-186580

156 p. illus., plates.

1769
Xuân Diệu. Các nhà thơ cổ điển Việt Nam: tiểu luận, 1950–1980. v. 2+ Hà Nội, Văn Học, 1982+
PL4378.2.X8 1982 Orien Viet
83-146026

(Tủ sách văn học hiện đại Việt Nam)
Errata slip inserted.

1770
Xuân Diệu. Gửi hương cho gió. [Saigon] Hoa Tiên, [1968]
PL4378.X77G8 Orien Viet
80-984148

77 p.

1771
Xuân Diệu. Lương thông tin và những kỹ sư tâm hồn ấy: tiểu luận, phê bình. [Hà Nội] Tác phẩm mới, 1978.
PL4378.05.X78 1978 Orien Viet
83-106263

411 p.

1772
Xuân Diệu. Thánh ca: thơ, 1967–1980. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1982.
PL4378.9.X77T48 1982 Orien Viet
83-182356

110 p.

1773
Xuân Diệu. Thơ thơ. [Saigon] Hoa Tiên [1968]
PL4378.9.X77T49 Orien Viet
80-984149

77 p.

1774
Xuân Diệu. Trường ca. [Saigon] Hoa Tiên [1968]
PL4378.9.X77T7 Orien Viet
80-984150

116 p.

1775
Xuân Diệu *and others*. Đọc Nhật ký trong tù. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1977.
DS560.72.H6D62 Orien Viet
79-984299

233 p. illus., plates.
Errata slip inserted.
Includes bibliographical references.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Việt Kiều Yêu Nước Tại Bỉ, 1975.
DS556.8V86 Orien Viet
79-984338

160 p. illus.

1748
Vương Anh. Tình còn: thơ. Hà Nội, Văn Hóa Dân Tộc, 1978.
PL4378.9.W897T5 1978 Orien Viet
83-113414

80 p.

1749
Vương Hồng Sển. Cảnh Đức Trấn đào lục: khảo về gốm cổ, sành xưa, lò Cảnh-Đức-Trấn [Ching-te-chen t'ao lu] [Saigon] Vương Hồng Sển, 1972.
NK4566.C46L36 1972 Orien Viet
83-191618

368 p. illus., plates. (Hiếu cổ đặc san; số 5)

1750
Vương Hồng Sển. Cuốn sổ tay của người chơi cổ ngoạn. [s.l.] Vương Hồng Sển, 1972.
NK1125.V95 1972 Orien Viet
83-178621

365 p. illus., plates. (Hiếu cổ đặc san; 6)

1751
Vương Hồng Sển. Khảo về đồ sứ cổ Trung-Hoa. [s.l.] Vương Hồng Sển, 1971.
NK4165.V86 1971 Orien Viet
83-178625

461 p. illus., plates. (Hiếu cổ đặc san; số 4)

1752
Vương Hồng Sển. Phong-lưu cũ mới. [s.l.] Vương Hồng Sển [1970]
83-178603

298 p. illus., plates. (Hiếu cổ đặc san; số 1)

1753
Vương Hồng Sển. Sài-Gòn năm xưa. Fort Smith AR, Sống Mới [1980?]
DS559.93.S2V86 1980 Orien Viet
82-216551

328 p. illus.

Originally published: 2nd ed. Saigon, Sống Mới, 1968. Includes bibliographical references and index.

1754
Vương Hồng Sển. Thú chơi cổ ngoạn. [s.l.] Vương Hồng Sển, 1971.
N5200.V86 1971 Orien Viet
83-178615

337 p. (Hiếu cổ đặc san; số 3)

1755
Vương Hồng Sển. Thú xem truyện Tàu. [s.l.] Vương Hồng Sển, 1970.
PL2264.V86 1970 Orien Viet
83-178610

327 p. illus., plates. (Hiếu cổ đặc san; số 2)
Bibliography: p. [328]

1756
Vương Kiêm Toàn *and* Vũ Lân. Hội truyền bá quốc ngữ: một tổ chức công khai của Đảng chống nạn mù chữ, 1938–1945. Hà Nội, Giáo Dục, 1980.
LC157.V5V86 1980 Orien Viet
82-189333

159 p. illus.

1757
Vương Linh. Những sắc màu quê hương: thơ; In lần thứ 1. [s.l.] Tác Phẩm Mới, 1977.
PL4378.9.V88N4 1977 Orien Viet
83-113410

90 p.

1758
Vương Thừa Vũ. Trưởng thành trong chiến đấu: hồi ký. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
DS553.5.V86 1979 Orien Viet
82-163801

387 p. plates, port.
Includes bibliographical references.

1759
Vương Trọng. Khoảng trời quê hương: thơ. Hà Nội, Quân đội Nhân Dân, 1979.
MLCS83/5501 (P)
83-136183

57 p.

W

1760
Watson, Richard *and* Saundra, *and* Cubuat. Nóh Pacõh-Yoan-Anh. Ngữ-vựng Pacoh-Việt-Anh. Pacoh-Vietnamese-English. Huntington Beach, CA, Summer Institute of Linguistics, 1979.
PL4351.P33W3 Orien Viet
79-984325

447 p. (Tủ sách Ngôn-ngữ dân-tộc thiểu-số Việt-Nam; cuốn 25, phần 1)

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1734
Vũ Quốc Tuấn. Những vấn đề cơ bản trong công tác kế hoạch hóa của cấp huyện. [Hà Nội] Nông Nghiệp [1979]
HC444.V8 1978 Orien Viet
82-167080
321 p.
Errata slip inserted.
Bibliography: p. 320.

1735
Vũ Tài Lục. Thủ-đoạn chính-trị. [Tái bản lần thứ 2. Saigon] Việt-Chiến [1970]
JF2011.V8 1970 Orien Viet
81-984066
249 p.

1736
Vũ Tài Lục. Tướng mệnh học khảo luận. Garden Grove, CA, Hồn Nước [198]+
BF859.V8 1980z Orien Viet
82-150722
362 p. illus.
Reprint.

1737
Vũ Thế Hưng. Con người cất cánh; bìa của Phùng Phẩm: minh họa của Anh Sơn. Hà Nội, Kim Đồng, 1980.
MLCS82/10963 (T)
82-225907
126 p. illus.

1738
Vũ Thị Thường. Câu chuyện bắt đầu từ những đứa trẻ: truyện ngắn. [In lần thứ 1] [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1977.
PL4378.9.V855C3 1977 Orien Viet
79-984323
153 p.
Errata slip inserted.

1739
Vũ Thị Thường. Gánh vác: tập truyện ngắn. Tái bản có sửa chữa bổ sung. Hà Nội, Văn Học, 1982.
PL4378.9.V855G36 1982 Orien Viet
83-183862
133 p. (Văn học hiện đại Việt Nam)

1740
Vũ Thụy Hoàng. Rồng vàng vượt biển. Sea crossing, ordeals & sagas of the Vietnamese boat people. Springfield, VA, Vietnam Books, 1982.
DS559.912.V8 1982 Orien Viet
82-90614
237 p. illus.
Includes bibliographical references and index.

1741
Vũ Trọng Phụng. Giông tố: những tác phẩm hay. Fort Smith, AR, Sống Mới, [19]
MLCS83/5524 (P)
83-106542
340 p.

1742
Vũ Tư Trang. Miền đất đợi chờ: truyện. [s.l.] Thanh Niên [1978]
MLCS82/9866 (P)
82-219706
218 p.

1743
Vũ Văn Chuyên. Tóm tắt đặc điểm các họ cây thuốc; có kèm theo bảng tra cứu tên, họ của một số cây thông thường. In lần thứ 2, có sửa chữa và bổ sung. [Hà Nội] Y Học, 1976.
QK99.V5V8 Orien Viet
77-985742
271 p. illus.
Errata slip inserted. Bibliography: 265–68.

1744
Vũ Văn Mẫu. Từ-điển Pháp-Việt pháp-chính kinh-tài xã-hội Dictionnaire Français-Vietnamien des sciences juridiques, politiques, économiques, financières et sociologiques. Saigon, Viện Đại-học Vạn-Hạnh, 1970.
H43.V83 1970 Orien Viet
84-193349
895 p.

1745
Vũ Văn Ngũ. Loạn khuẩn đường ruột và tác dụng điều trị của colisuptil [của] Vũ Văn Ngũ và những người cộng sự. Hà Nội, Y Học, 1979.
MLCS83/5892 (Q)
83-113770
193 p. illus.

1746
Vùng ven sông Nhị. v. 1+ [Hà Nội] Nhà Xuất Bản Hà Nội, 1979+
GR313.V85 1979 Orien Viet
82-223508

1747
Vươn lên đỉnh cao thời đại. [Bruxelles] Hội Sinh Viên

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1719
Vũ Công Cẩn *and* Văn Tùng. Những chặng đường lịch sử của Đoàn, 1975–1980. Hà Nội, Thanh Niên, 1981.
82-190627

179 p.

1720
Vũ Duy Thanh. Một số vấn đề cấp cứu bụng. Hà Nội, Y Học, 1980.
84-161281

143 p.

1721
Vũ Đình Hải *and others*. Những nhiễm độc cấp thường gặp. Hà Nội, Y Học, 1979.
RA1224.5.N48 1979 Orien Viet
83-189055

295 p.

1722
Vũ Hòang Chương *and others*. Quê hương và dân tộc: tuyển tập thi ca. Berkeley, CA, Ý Thức, 1980.
PL4378.6.Q37 1980 Orien Viet
82-154543

[46] leaves. illus., plates.

1723
Vũ Hùng. Cam-Pu-Chia, đất nước xanh tươi; bìa và minh hoạ của Tôn Đức Lượng. Hà Nội, Kim Đồng, 1981.
DS554.382.V8 1981 Orien Viet
84-241836

76 p. illus.

1724
Vũ Huy Anh. Mùa xuân về: truyện. Hà Nội, Phụ Nữ, 1979.
MLCS83/2228 (P)
83-106590

161 p.

1725
Vũ Huy Phúc. Tìm hiểu chế độ ruộng đất Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1979.
HD890.5.V8 1979 Orien Viet
82-155734

415 p. illus.
At head of title: Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, Viện Sử Học. Includes bibliographical references.

1726
Vũ Khiêu. Con người mới Việt Nam và sứ mệnh quang vinh của văn nghệ. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
NX578.6.V5V8 1980 Orien Viet
83-189537

105 p.

1727
Vũ Kiên. Tìm hiểu các quan điểm cơ bản của Đảng về công tác y tế. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
RA395.V5V8 1980 Orien Viet
82-189403

95 p.

1728
Vũ Ký. Đạo làm người Nguyễn Công Trứ. [Tái bản lần thứ 2] [Canada] Quê-Hương [1981?]
PL 4378.9.N452Z95 1981 Orien Viet
82-158987

1729
Vũ Kỳ Lân *and* Nguyễn Sinh. Ký sự miền đất lửa. Hà Nội, Tác Phẩm Mới, 1978.
PL4378.9.V818K9 Orien Viet
80-984376

234 p.

1730
Vũ Lê Mai. Tre xanh: truyện. Hà Nội, Văn Học, 1970.
PL4378.9.V82T7 Orien Viet
79-984137

125 p.

1731
Vũ Ngọc Khánh. Kỷ niệm và di tích Nguyễn Trãi ở Thanh Hóa. [Thanh Hóa] Ty Văn Hóa và Thông Tin Thanh Hóa [1980]
DS556.73.N49V8 1980 Orien Viet
82-189343

83 p.

1732
Vũ Ngọc Phan. Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam. In lần thứ 8, có sửa chữa và bổ sung. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1978.
PN6519.V5V8 1978 Orien Viet
80-984165

802 p.
Bibliography: p. [795]–798.

1733
Vũ Quang. Đảng, người lãnh đạo, giáo dục, và rèn luyện thanh niên ta. [Hà Nội] Thanh Niên, 1970.
HQ799.V5V8 1970 Orien Viet
84-172575

62 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

[2]+ Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1981+
QL691.V5V6 1981 Orien Viet
83-145996

illus.
Includes index.
Bibliography: v. 2, p. 388–93.

1704
Vô sản hóa: hồi ký cách mạng. Hà Nội, Thanh Niên, 1972.
PL4378.8.V58 1972 Orien Viet
83-101308

129 p.

1705
Võ Tân. Tai mũi họng thực hành. In lần thứ 2 có sửa chữa. v. [1]+ Hà Nội, Y Học, 1979+
RF46.V6 1979 Orien Viet
81-203161

illus.

1706
Võ Thuận Nho *and others*. 35 năm phát triển sự nghiệp giáo dục phổ thông. Hà Nội, Giáo Dục, 1980.
82-190246

255 p.

1707
Võ Văn Kiệt. Học tập những phường tiền tiền. [Thành Phố Hồ Chí Minh, s.n.] 1980.
83-132251

175 p.

1708
Võ Văn Kiệt. Về những xã tiền tiền ngoại thành. [Thành Phố Hồ Chí Minh] Thành Phố Hồ Chí Minh. 1980.
JS7225.V5V6 1980 Orien Viet
82-189324

144 p.

1709
Võ Văn Trực. Hành khúc mùa xuân: trường ca. [Hà Nội] Thanh Niên, [1980]
PL4378.9.V594H3 1980 Orien Viet
83-182511

127 p.

1710
Võ Văn Trực. Ngày hội của rạng đông; trường ca Xô-Viết nghệ tĩnh. Hà Nội, Thanh Niên [197]
MLCS82/5092
82-164381

103 p.

1711
Võ Văn Trực. Thủy triều: truyện ký. [s.l.] Phụ Nữ, 1980.
MLCS83/5528 (P)
83-110696

101 p.

1712
Vòm trời biên giới: thơ. [Hà Nội] Thanh Niên, 1979.
PL4378.6.V6 1979 Orien Viet
83-185314

182 p.

1713
Vôn-Ghin, V.P. Lược khảo lịch sử các tư tưởng xã hội chủ nghĩa: từ thời kỳ cổ đại đến cuối thế kỷ XVIII. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
84-149952

509 p.

1714
Vũ Bằng. Cười đông, cười tây, cười kim, cười cổ. Fort Smith, AR, Sống Mới [19]
MLCS82/9858
82-223557

1715
Vũ Bằng. Khảo về tiểu-thuyết. Saigon, P. Văn-Tươi, 1955.
PN3491.V8 Orien Viet
80-984117

171 p. (Loại sách "Học và hiểu")
Includes bibliographical references.

1716
Vũ Bằng. Miếng ngon Hà Nội. Lancaster, PA, Xuân Thu [1980?]
TX724.5.V5V89 1980 Orien Viet
81-203190

232 p.
Reprint. Originally published: 1959.

1717
Vũ Bằng. Truyện cổ Việt-Nam [của] Vũ Tường Khanh [i.e. Vũ Bằng]. [Saigon] Thế Giới, [1969]
GR313.V82 Orien Viet
79-984404

166 p.

1718
Vũ Bão. Qua Hướng-hóa: truyện và ký. [s.l.] Văn học giải Phóng, 1976.
MLCS83/5529 (P)
83-110703

160 p.

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

1690
Võ Huy Tâm. Măng bão: tiểu thuyết; bìa và minh họa của Trương Hiếu. Hà Nội, Kim Đồng, 1980.
MLCS82/10960 (P)
82-225900

130 p. illus.

1691
Võ Huy Tâm. Rượu chát: tiểu thuyết. [s.l.] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà văn Việt Nam, 1981.
PL4378.9.V575R8 1981 Orien Viet
85-117271

121 p.

1692
Võ Nguyên. Phong trào công nhân miền Nam. Hà Nội, Sự Thật, 1961.
HD8700.5.V6 Orien Viet
80-984264

145 p.
"Giới thiệu cuộc đấu tranh chống Mỹ-Diệm của giai cấp công nhân miền Nam, từ tháng 7-1954 đến tháng 7-1961."
Includes bibliographical references.

1693
Võ Nguyên Giáp. Cả nước một lòng bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
DS559.912.V6 1979 Orien Viet
83-188577

211 p.

1694
Võ Nguyên Giáp. Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ tổ quốc. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
DA553.1.V59 1979 Orien Viet
82-173450

583 p. illus., plates.
Includes bibliographical references.

1695
Võ Nguyên Giáp. Đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật trong nông nghiệp nước ta. Hà Nội, Sư Thật, 1978.
S471.V47V6 1978 Orien Viet
82-173437

207 p.
Includes bibliographical references.

1696
Võ Nguyên Giáp. Khoa học về biển và kinh tế miền biển. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
82-199007

38 p.

1697
Võ Nguyên Giáp. Thanh niên với cách mạng khoa học kỹ thuật. [Hà Nội] Thanh Niên, 1981.
Q127.V53V6 1981 Orien Viet
84-125578

293 p. illus., plates.
Includes bibliographical references.

1698
Võ Nguyên Giáp. Về nhiệm vụ xây dựng kinh tế của quân đội nhân dân Việt Nam. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1977.
UH725.V5V59 1977 Orien Viet
83-147395

77 p.

1699
Võ Nguyên Giáp. Về sức mạnh tổng hợp của cách mạng Việt Nam. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
HX400.5.A6V6 Orien Viet
80-984087

89 p.
Includes bibliographical references.

1700
Võ Nguyên Giáp. Vị trí chiến lược của chiến tranh nhân dân ở địa phương và của các lực lượng vũ trang địa phương. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1972.
UA853.V5V629 Orien Viet
81-984029

49 p.
"Bài nói của Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại Hội nghị quân sự địa phương toàn miền Bắc tháng 7 năm 1970."

1701
Võ Nguyên Giáp. Xây dựng kinh tế: một nhiệm vụ chính trị quan trọng của quân đội trong giai đoạn mới. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
UH725.V5V6 Orien Viet
80-984088

75 p.

1702
Võ Nguyên Giáp *and others*. Vài hồi ức về Điện-biên-phủ. In lần thứ 4. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1977+
DS553.3.D5M67 1977 Orien Viet
79-984094

First ed. published in 1964 under title: Một vài hồi ức về Điện-biên-phủ.

1703
Võ Quý. Chim Việt Nam: hình thái và phân loại. v.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Quang Chiến và Công Thư dịch. Hà Nội, Văn Hóa, 1982.
84-188937

159 p. illus., plates.

1675
Việt Nam và thế giới. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
DS559.912.V525 1981 Orien Viet
85-117875

215 p.

1676
Việt Nam ý nghĩa của những con số. [Hà Nội] Phổ Thông, 1977.
HA4600.5.V53 1977 Orien Viet
82-167106

37 p. illus.

1677
Vĩnh Liêm. Bi ca người vượt biển: truyện thơ. Silver Spring, MD, Vĩnh Liêm, 1980.
PL4378.9.V52B5 1980 Orien Viet
82-147497

32 p.

1678
Vĩnh Liêm. Tị nan trường ca. v. 1+ [Silver Spring, MD, Tủ Sách Con Rồng] 1980+
PL4378.9.V52T5 1980 Orien Viet
80-984389

1679
Vĩnh Mai. Đất đen và hoa thắm. In lần thứ l. [s.l.] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1982.
PL4378.9.V54D3 1982 Orien Viet
84-241560

101 p.

1680
Võ Chí Công *and* Tô Hữu. Khẩn trương và tích cực đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở miền nam. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
HD1486.V5V6 1979 Orien Viet
82-216609

73 p.

1681
Vô Danh Thị. Quan-âm thị-kính. [s.l.] Lá Bối [19]
PL4378.9.Q33 1976 Orien Viet
83-186585

47 p.

1682
Võ Đình Mai. Xứ sầm sét: tập truyện. In lần thứ l. Paris, Lá Bối, 1980.
PL4378.9.V56X8 Orien Viet
81-203162

146 p. illus., plates.

1683
Võ Hà Anh. Con bé tôi yêu. [California?] Anh Vũ [1980?]
PL4378.9.V564C6 1980 Orien Viet
82-102293

216 p.

1684
Võ Hà Anh. Môi hồng: truyện dài phóng sự. Glendale, CA, Distributor, Dainamco [1980?]
PL4378.9.V564M6 1980 Orien Viet
82-102298

347 p.
Reprint. Originally published, 2nd ed. Saigon, Anh Vũ, 1973.

1685
Võ Hà Anh. Thương mầu phấn bảng. Fort Smith, AR, Sông Mới [1980?]
PL4378.9.V564T5 1980 Orien Viet
82-102306

173 p.
Reprint. Originally published, 1974.

1686
Võ Hà Anh *and* Dung (Saigon). Cho người tình mong manh. Lancaster, PA, Xuân Thu [1980?]
PL4378.9.V564C5 1980 Orien Viet
82-154527

1687
Võ Hoàng. Góc bể bên trời. San Jose, CA, Nhân Văn [1983]
PL4378.9.V565G6 1983 Orien Viet
85-155303

195 p.

1688
Võ Hoàng *and* Tưởng Năng Tiến. Măng Đầu Mùa: tuyển tập. Sunnyvale, CA, Đ.X. Nghĩa [1983?]
PL4378.8.V56 1983 Orien Viet
85-114018

141 p. illus.

1689
Võ Hoàng Minh. Đội bóng rổ thiếu niên; bìa và minh họa của Chi Lăng. Hà Nội, Kim Đồng, 1980.
PZ90.V5V6 1980 Orien Viet
83-116904

76 p. illus.

Digitized by Google
Original from UNIVERSITY OF ILLINOIS AT URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Hội, 1979.
PL4378.9.H5Z79 1979 Orien Viet
82-155756
637 p. illus.

1661
Vietnam. Ủy Ban Khoa Học Xã Hội. Viện Ngôn Ngữ Học. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ ngữ. v. [1-2]+ Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1981+
PL4371.G58 1981 Orien Viet
83-145304

1662
Vietnam. Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam. Viện Sử Học. Tìm hiểu khoa học kỹ thuật trong lịch sử Việt Nam. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1979.
Q127.V53T55 1979 Orien Viet
82-155762
434 p. illus., plates.
Includes bibliographical references.

1663
Vietnam. Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam. Viện Sử Học. Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý-Trần. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1980.
DS556.42.T55 1980 Orien Viet
83-144589
691 p.
Includes bibliographical references.

1664
Vietnam. Ủy Ban Liên-bộ Đặc-trách Ấp Chiến-lược. Phân Ủy-ban Chiêu-hồi. Chánh-sách chiêu-hồi; lý-thuyết căn-bản, hệ-thống tổ chức [và] kỹ-thuật vận-động. [Saigon, 1963]
DS556.9.V55 1963 Orien Viet
80-984029
141 p. port.

1665
Vietnam. (Democratic Republic, 1946–). Bộ Y tế. Hướng dẫn thuốc Nam châm cứu. Hà Nội, Y Học, 1977.
RM666.H33V53 1977 Orien Viet
80-984158
186 p. illus.

1666
Vietnam. (Democratic Republic, 1946–). Quân Đội. Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Quân Đội. Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam [của] Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Quân Đội, Tổng Cục Chính Trị. In lần thứ 3. XX v. [1]+ Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1977+
UA853.V5L53 1977 Orien Viet
84-190951

1667
Vietnam (Democratic Republic). Quốc Hội (6th: 1976) Những quyết định quan trọng của Quốc Hội chung cả nước khóa VI kỳ họp thứ nhất. [s.l.] Phổ Thông [1977]
JQ644.H8V53 1977 Orien Viet
83-154890
50 p. illus., plates.

1668
Việt-Nam anh dũng. Hà Nội, Sự Thật, 1956.
DS560.6.V5 1956 Orien Viet
83-135852
194 p.

1669
Việt-Nam đất nước giàu đẹp. v. [1]+ Hà Nội, Sự Thật, 1978+
DS556.39.V5 1978 Orien Viet
82-159034
illus.

1670
Việt-Nam đấu tranh. [Hà Nội?] Thông Tấn Xã Báo Chí "Nô-Vô-Sti", [196]
DS557.7.S4819 1966 Orien Viet
84-193340
1 v. (various pagins.) illus.

1671
Việt Nam đấu tranh và xây dựng. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
DS556.8.V46 1980 Orien Viet
83-101885
95 p. illus., plates.

1672
Việt Nam, non sông gấm vóc, dân tộc anh hùng, nghìn năm văn hiến. [Montreal] Hội Đoàn Kết Việt Kiều Ca-na-đa, 1976.
DS556.3.V525 Orien Viet
79-984419
138 p. illus.
Cover title.

1673
Việt Nam trên sân khấu thế giới; phần giới thiệu, Vũ Đình Phòng; người dịch, Vũ Đình Phòng, Thiết Vũ, H-T. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.
PN6120.V48V5 1979 Orien Viet
83-148830
410 p. illus., plates.

1674
Việt-Nam trong phim của Hai-Nốp-Xki và Soi-Man.

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Rev. ed. of: Danh từ y dược Pháp-Việt [của] Bộ Y tế, 1963.

1648
Vietnam. Bộ Y Tế. Vụ Quản Lý Khoa Học Kỹ Thuật. Công trình nghiên cứu khoa học y dược năm 1979: nội dung tóm tắt. Hà Nội, Y Học, 1980.
84-197015

234 p.

1649
Vietnam. Cục Điều Tra Quy Hoạch Rừng. Tổng Cục Lâm Nghiệp. Cây gỗ rừng miền bắc Việt Nam. v. [1]+ [Hà Nội] Nông Thôn [1971]+
SD527.V5C38 Orien Viet
82-129114

illus.

1650
Vietnam. Cục Đo Đạc và Bản Đồ. Tập bản đồ Việt-Nam. Hà Nội, Cục Đo Đạc và Bản Đồ, 1964.
G2370.V4 1964 (G & M)
81-675329

1 atlas (20 leaves of plates), all maps, photocopy.

1651
Vietnam. Cục Thông Tin và Cổ Động. Công tác thông tin và cổ động ở cơ sở. Hà Nội, Văn Hóa, 1980.
83-114952

171 p. illus.

1652
Vietnam. Hội Đồng Chính Phủ. Nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước năm 1979: báo cáo của Hội đồng Chính phủ do đồng chí Lê Thanh Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị trung ương Đảng, Phó thủ tướng Chính phủ, trình bày tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội khóa VI. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
HC444.W53 1979 Orien Viet
83-178171

73 p.

1653
Vietnam. Hội Đồng Chính Phủ. Phương hướng nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch nhà nước năm 1977: báo cáo của Hội đồng Chính phủ do đồng chí Lê-thanh-Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, trình bày tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa VI. Hà Nội, Sự Thật, 1977.
HC444.V54 1977 Orien Viet
83-179209

113 p.

1654
Vietnam. Nha Địa-dư Quốc-gia. Bản đồ hàng tỉnh Việt-nam Cộng-hòa. Dalat, Nha Địa-dư Quốc-gia, 1970.
G2371.F7V5 1970 Orien Viet
78-379685

[44] leaves, 911 maps.

1655
Vietnam. Phủ Tổng Ủy Di Cư Tị Nạn. Cuộc di cư lịch sử tại Việt Nam. [Saigon, 1958?]
HV640.4.V5C86 1958 Orien Viet
83-106333

317 p. illus.

1656
Vietnam. President (1967–1975: Nguyễn Văn Thiệu) Thông điệp của Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa đọc trước Quốc Hội ngày 9-2-1968. [Saigon] Việt Nam Cộng Hòa, Bộ Thông tin, 1968.
J644.N38 1968 Orien Viet
83-135739

24 p.

1657
Vietnam. Tổng Cục Thống Kê. 30 [i.e. Ba mươi] năm phát triển kinh tế và văn hóa của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
DS560.3.V53 1978 Orien Viet
80-984101

205 p. illus., plates.
Includes bibliographical references.

1658
Vietnam. Ủy Ban Khoa Học và Kỹ Thuật Nhà Nước. Các vấn đề môi trường: báo cáo khoa học tại loạt hội thảo; phối hợp tổ chức vào tháng 4, 5, 6-1982 tại Hà Nội. Hà Nội [s.n.] 1982.
TD171.5.V5C33 1982 Orien Viet
85-230825

258 p.

1659
Vietnam. Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam. Hội đồng tương trợ kinh tế: những văn bản pháp lý chủ yếu. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1980.
HC243.5.H64 1980 Orien Viet
85-104743

333 p.

1660
Vietnam. Ủy Ban Khoa Học Xã Hội. Nghiên cứu học tập thơ văn Hồ Chí Minh. Hà Nội, Khoa Học Xã

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

sửa chữa và bổ sung. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1976.
PL4378.9.N5476 1976 Orien Viet
84-239161
844 p. illus., plates.

1636
Viện Sử Học. Nông thôn Việt Nam trong lịch sử: nghiên cứu xã hội nông thôn truyền thông. v. 1+ Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1977+
HN700.5.A8V53 Orien Viet
79-984093
illus.
Bibliography- v. 1, p. 415–16.

1637
Viện Toán Học (Vietnam). Hội Nghị Khoa Học (5th: 1976: Hanoi, Vietnam) Toán học: thông báo kết quả nghiên cứu tại Hội nghị khoa học Viện toán học lần thứ V (18–19/6/1976). Hà Nội, Viện Khoa Học Việt Nam, Viện Toán Học, 1979.
QA1.V435 1976 Orien Viet
81-203164
287 p.

1638
Việt Dũng. Gái ngoại thành: chèo. Hà Nội, Sở Văn Hóa [1968]
PL4378.9.V48G3 1968 Orien Viet
83-117427
95 p. (Tủ sách người Hà Nội)

1639
Vietnam. Ban Tuyên Huấn Trung Ương. Vụ Huấn Học. Truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt-Nam: chương trình cơ sở. In lần thứ 5. Hà Nội, Sách giáo Khoa Mác-Lê-Nin, 1980.
DS556.5.T786 1980 Orien Viet
83-135813
47 p.

1640
Vietnam. Bộ Công-chánh và Giao-thông. Nha Kiều Lộ. Điều kiện sách kỹ-thuật cho các công-tác kiến-tạo kiều-lộ thuộc chương-trình Viện-trợ Mỹ. Saigon, Nam-Trung-Bắc, 1963.
84-248741
213 p.

1641
Vietnam. Bộ Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp. Vụ Công Tác Chính Trị. Đề cương bài giảng lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam dùng trong các trường đại học. In lần thứ 4 có sửa chữa và bổ sung. Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1980.
JQ898.D293D4 1980 Orien Viet
82-190345
614 p. illus., plates, ports.
Includes bibliographical references.

1642
Vietnam. Bộ Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp. Vụ Công Tác Chính Trị. Đề cương bài giảng lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam dùng trong các trường đại học. In lần thứ 5 có sửa chữa và bổ sung. Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1981.
JQ898.D293D4 1981 Orien Viet
83-149886
2 v. illus.
Includes bibliographical references.

1643
Vietnam. Bộ Nội Thương. Kinh tế thương nghiệp Việt Nam. v. [1]+ Hà Nội, Bộ Nội Thương, 1978+
HF3800.5.K56 1978 Orien Viet
82-159031

1644
Vietnam. Bộ Nông Nghiệp. Tuyển tập các công trình nghiên cứu khoa học và kỹ thuật nông nghiệp: phần chăn nuôi-thú y. Hà Nội, Nông Nghiệp, 1980.
SF83.V5T89 1980 Orien Viet
82-216036
169 p.

1645
Vietnam. Bộ Nông Nghiệp. Tuyển tập các công trình nghiên cứu khoa học và kỹ thuật nông nghiệp: phần trồng trọt. Hà Nội, Nông Nghiệp, 1980.
S542.V5T89 1980 Orien Viet
82-216017
247 p. illus.

1646
Vietnam. Bộ Quốc-gia Giáo-dục. Chương-trình Tiểu-học. [Saigon] Bộ Quốc-gia Giáo-dục, 1960.
LB1523.C47 1960 Orien Viet
83-153252
(Tủ sách tiểu-học) 70 p.
"Nghị-định số 1005-GDND ngày 16 tháng 7-1959."

1647
Vietnam. Bộ Y tế. Tự điển y dược Pháp-Việt. In lần thứ 2, có sửa chữa và bổ sung. [Hà Nội] Y Học, 1976.
R121.T788 1976 Orien Viet
82-148686
701 p.

Digitized by Google
Original from UNIVERSITY OF ILLINOIS AT URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1622
Viện Bảo tàng cách mạng Việt-nam: ban hướng dẫn. Hà Nội, Văn Hóa Nghệ Thuật, 1962.
DS556.25.V54 1962 Orien Viet
84-216176

80 p. illus.

1623
Viện Chăn Nuôt. Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật, 1969–1979. v. [1]+ [Hà Nội] Nông Nghiệp [1979]+
SF55.V5K47 Orien Viet
81-162075

Contents.—tập 1. Chăn nuôi gia súc, gia cầm.

1624
Viện Công Vụ và Cơ Giới Hóa Nông Nghiệp. Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật, 1960–1980; người biên soạn, Nguyễn Điền. [s.l.] Nông Nghiệp, 1980.
85-209289

223 p. illus.

1625
Viện Dân tộc học. Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía bắc). Hà-Nội, Khoa Học Xã Hôi, 1978.
DS556.44.V48 1978 Orien Viet
80-984098

454 p. illus., plates, map.
Bibliography: p. [447]–451.
Errata slip inserted.

1626
Viện Địa Chất và Khoáng Sản, Hanoi. Tổng cục địa chất. Địa chất Việt Nam: phần miền Bắc; Trần Văn Trị, chủ biên. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1977.
QE319.V55V54 1977 Orien Viet
80-984155

354 p. illus., plates.
Errata slip inserted.
Bibliography: p. 335–47.

1627
Viện Điều Tra Quy Họach Rừng, Bộ Lâm Nghiệp. Cây gỗ rừng Việt Nam. v. [2–3]+ Hà Nội, Nông Nghiệp [1978–1980]+
SD527.V5C39 1980 Orien Viet
82-218005

illus.
Includes index.

1628
Viện Khảo Cổ Học. Hùng vương dựng nước. v. [1, 4] Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1970–[1974]
DS556.6H64 1968 Orien Viet
84-142753

1629
Viện Kỹ Thuật Nông Nghiệp Miền Đông Nam Bộ. Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp. v. 1+ [Hà Nội] Nông Nghiệp, 1980+
S471.V47V48 1980 Orien Viet
81-203182

illus.

1630
Viện Nghệ Thuật. Mỹ thuật thời Lê sơ. Hà Nội, Bộ Văn Hóa và Thông Tin, 1978.
N7314.V527 Orien Viet
80-984094

71 p. illus., plates.
Includes bibliographical references.

1631
Viện Nghệ Thuật. Mỹ thuật thời Trần. Hà Nội, Bộ Văn Hóa, 1977.
N7314.V54 Orien Viet
79-984088

137 p. illus., plates.
Includes bibliographical references.

1632
Viện Nghệ Thuật. Nghệ thuật chạm khắc cổ Việt Nam qua các bản ráp. Hà Nội, Bộ Văn Hóa [1975]
NE754.V5V54 Orien Viet
79-984144

95 p. illus.

1633
Viện Sốt Rét, Ký Sinh Trùng và Côn Trùng. Kỷ yếu công trình nghiên cứu khoa học (1975–1979). Hà Nội, Y Học, 1980.
RC164.V5K9 1980 Orien Viet
82-188632

268 p. illus.

1634
Viện Sử Học. Mấy vấn đề phương pháp luận sử học. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1967.
D16.V64 Orien Viet
80-984012

298 p.
Includes bibliographical references.

1635
Viện Sử Học. Nguyễn Trãi toàn tập. In lần thứ 2 có

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1607
Văn Trọng. Hoàng Sa, quần đảo Việt Nam. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1979.
81-166405
90 p. illus., plates.

1608
Văn Vi Trình and Wakabayashi. Từ-điển Việt-Nhật thông thoại. Etsu Wa Tsuwa jiten. Saigon, Minh-tâm [1970]
PL4377.V35 1970 Orien Viet
83-139818
487 p. illus.
Cover title. French, Japanese (Roman), and Vietnamese.

1609
Vật Việt Nam: sách dùng cho học sinh Đại học thể dục thể thao. Hà Nội, Thể Dục Thể Thao, 1983.
GV1195.V15 1983 Orien Viet
85-202277
71 p. illus.

1610
Về công tác Đội. Hà Nội, Kim Đồng, 1977.
HQ799.V5V4 1977 Orien Viet
83-188319
46 p.

1611
Về công tác thể dục thể thao: tập luật lệ hiện hành thống nhất cho cả nước. v. [1]+ Hà Nội, Thể Dục Thể Thao, 1980+
GV303.V5V4 1980 Orien Viet
82-173526
"Tổng cục Thể dục thể thao xuất bản."

1612
Về lợi ích kinh tế. Hà Nội, Thông Tin Lý Luận, 1982.
85-103816
288 p.

1613
Vè Nghệ-Tĩnh. v. 1–2. Hà Nội, Văn Học, 1964–1965.
PL4378.85.N46V4 1964 Orien Viet
83-141274

1614
Về vấn đề xây dựng thuật ngữ khoa học. In lần thứ 2. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1977.
PL4379.V4 1977 Orien Viet
80-984170
302 p. illus.
First ed. published in 1968 under title: Về vấn đề dùng thuật ngữ khoa học nước ngoài.
Errata slip inserted.

1615
Vi Hồng. Đất bằng: tập truyện. Hà Nội; Tác Phẩm Mới, Hội Nhà văn Việt Nam, 1980.
PL4378.9.V45D3 1980 Orien Viet
83-182494
247 p.
Contents: Vãi Đàng—Đất bằng.

1616
Vi Hồng. Núi cỏ yêu thương: truyện. Hà Nội, Thanh Niên, 1984.
85-225349
184 p.

1617
Vi Hồng. Sli, lượn dân ca trữ tình Tày-Nùng. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.
83-189042
314 p.

1618
Vi Hồng *and others*. Cái khuyên; tập truyện ngắn tái bản. Hà Nội, Kim Đồng, 1977.
PZ90.V5C3 Orien Viet
79-984321
115 p. illus.

1619
Vi một đoàn tàu thống nhất: tập ký về các tập thể và cá nhân xuất sắc trong phong trào "kế hoạch nhỏ thiếu niên tiền phong; bìa và minh họa, Trần Gia Bích. Hà Nội, Kim Đồng, 1978.
PZ90.V5V48 1978 Orien Viet
83-114268
77 p.

1620
Vi sinh vật y học. v. 1+ Trường Đại Học Y Khoa Hà Nội, Bộ Môn Vi Sinh Vật. Hà Nội, Y Học, 1981+
QR46.V5 1981 Orien Viet
82-184127
illus.

1621
Vi Thị Kim Bình. Niềm vui: tập truyện ngắn. Hà Nội, Văn Nóa, 1979.
MLCS83/5503 (P)
83-136185
120 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1982.
HX521.V32 1982 Orien Viet
83-151786
58 p.

1594
Văn Phác. Từ mùa thu ấy: tập ký và truyện. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1981.
PL4378.9.V265T8 1981 Orien Viet
83-116910
174 p.

1595
Văn Quang. Chân trời tím: truyện dài. Xuất bản lần thứ 2. [Glendale, CA] Tinh Hoa Miền Nam [1980?]
PL4378.9.V27C5 1980 Orien Viet
82-202451
431 p.
Reprint. Originally published: 2nd ed. Saigon, 1966.

1596
Văn Quang. Những bước đi hoang. [Glendale, CA, distributed by Dainamco, 1980?]
PL4378.9.V27N53 1980 Orien Viet
80-984339
463 p.
Reprint of the 1966 ed. published by Tiền Hóa, Saigon.
Includes a reproduction of the t.p. of 1966 ed.

1597
Văn Tân. Tự điển Trung Việt. [Chung yüeh tz'u tien]. [Hà Nội] Sự Thật, 1956.
PL4377.V36 1956 Orien Viet
82-244816
1418 p.

1598
Văn Tân *and* Nguyễn Văn Đạm. Tự điển tiếng Việt. In lần thứ 2. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1977.
PL4377.T77 1977 Orien Viet
79-984090
894 p.

1599
Văn Tạo. Chủ nghiã anh hùng cách mạng Việt Nam. (Quá trình phát sinh và phát triển). Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1972.
DS560.6.V36 Orien Viet
80-984259
192 p.

1600
Văn Tạo, Phạm Xuân Nam, *and* Cao Văn Lương. Nửa thế kỷ đấu tranh dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghiã xã hội. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1980.
DS556.8.V33 1980 Orien Viet
82-185172
287 p.
Includes bibliographical references

1601
Văn Thảo. Những người báo bão: tiểu thuyết. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1983.
PL4378.9.V28N48 1983 Orien Viet
84-247436
391 p.

1602
Văn Tiền Dũng. Chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân. v. [1]+ Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978+
U43.V5V36 Orien Viet
80-984081
port.
Includes bibliographical references.

1603
Văn Tiền Dũng. Mấy vấn đề nghệ thuật quân sự Việt Nam. In lần thứ 2. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1974.
DS558.5.V36 1974 Orien Viet
83-182797
401 p.

1604
Văn Tiền Dũng. Phạm Kim Vinh đọc đại thắng mùa xuân. San Diego, CA, Hồn Việt [1976]
DS557.7.V353P43 1976 Orien Viet
83-180663
179 p. illus.

1605
Văn Tiền Dũng. Sức mạnh giữ nước vĩ đại của dân tộc Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
UA853.V5V34 1979 Orien Viet
82-202427
331 p. plates, port.
Includes bibliographical references.

1606
Văn Tiền Dũng. Thế hệ trẻ Việt Nam với sự nghiệp bảo vệ tổ quốc, xã hội chủ nghĩa: bài phát biểu của Đại tướng Văn Tiền Dũng. [s.l.] Thanh Niên [1981]
84-248351
19 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1580
Vài nét về việc đào tạo cán bộ chuyên môn ở các nước xã hội chủ nghĩa: tài liệu tham khảo về cải cách giáo dục. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
LB1738.V35 1980 Orien Viet
83-117880
139 p.

1581
Văn Công Lầu *and others*. Em hoc đia-lý: lớp ba; hoạ sĩ, Lê Chánh. [s.l.] Bộ Giáo Dục, 1965.
G126.E447 1965 Orien Viet
83-153177
111 p. illus.

1582
Văn Dân. Vàng lụa: truyện. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.
PL4378.9.V23V3 Orien Viet
80-984128
293 p.

1583
Vấn đề biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
DS5556.58.C5V36 Orien Viet
80-984105
41 p. map.

1584
Văn hóa xã hội chủ nghĩa: một giai đoạn mới trong sử tiến bộ văn hóa của nhân loại; Viện Sử Học Việt Nam, Viện Sử Học Liên Xô. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1983.
HX523.V36 1983 Orien Viet
85-201078
478 p.

1585
Văn học dân gian Thái Bình; chủ biên, Phạm Đức Duật; sưu tầm, biên soạn, Phạm Đức Duật, Trương Sĩ Hùng, Nguyễn Huy Hồng. v. [1]+ Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1981+
PL 4378.85.T46V3 1981 Orien Viet
83-145139
Bibliography: v. 1, p. 466.

1586
Văn học Việt Nam trên những chặng đường chống phong kiến Trung-Quốc xâm lược. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1981.
PL4378.O5.V34 1981 Orien Viet
85-114042
674 p.

1587
Văn kiện của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc: từ năm 1960 đến năm 1977. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
JQ820.M5V36 1978 Orien Viet
82-154517
275 p.

1588
Văn Linh. Gương mặt một người thân: tiểu thuyết. [Hà Nội] Lao Động, 1978.
PL4378.9.V25G8 Orien Viet
80-984142
239 p.

1589
Văn Linh. Kỷ niệm nơi đáy hồ: truyện. Hà Nội [s.n.] [1981]
PL 4378.9.V25K9 1981 Orien Viet
84-158064
143 p.

1590
Văn Linh. Pả Sua: tiểu thuyết. In lần thứ 2. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
MLCS82/9859 (P)
82-220193
191 p.

1591
Văn Linh. Trên đất bạn: truyện. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.
MLCS83/5277 (P)
83-111707
210 p.

1592
Vân Long *and* Nguyên Bùi Vợi. Gió và lửa: thơ. Hà Nội, Lao Động, 1983.
PL 4378.9.V255G5 1983 Orien Viet
84-247821
91 p.

1593
Văn nghệ vũ khí của cách mạng. Hà Nội, Sự Thật,

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1568
Tuệ Đăng, *Thích*. Phật học thường thức khóa bản. Thị Nghè, Chùa Văn Thánh [1959]
BQ4138.V5T83 Orien Viet
80-984315

107 p.

1569
Tuệ Giác. Việt-Nam Phật-giáo tranh-đấu sử; Tổng-vụ Hoằng-pháp Viện Hóa-đạo duyệt y, Thượng-tọa Thích-Tâm-Giác đề tựa. [Saigon] Hoa-Nghiêm, [1964]
BQ506.T83 Orien Viet
80-984143

445, [1] p. illus.
Bibliography: p. [446]

1570
Tuệ Tĩnh. Hồng nghĩa giác tư y thư; Lê Đức Toàn sao lục, Phòng Tu thư Huấn luyện Viện Đông y dịch, Nguyễn Sỹ Lâm hiệu đính và chú thích. Hà Nội, Y Học, 1978.
RS67.V5T83 1978 Orien Viet
82-173260

319 p.
Errata slip inserted.

1571
Tường Vân. Vào mùa: truyện ký. Hà Nội, Phụ Nữ, 1981.
PL4378.9.T826V3 1981 Orien Viet
83-182767

79 p.

1572
Tường Vân, Nguyễn Bé. Tìm hiểu chung thủy. In lần thứ 1. [s.l.] Tường-Vân, 1966.
BD435.N48 1966 Orien Viet
83-140795

167 p. Illus.

1573
Tuyền lửa biên giới: tấu thơ. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.
PL4378.6.T79 1979 Orien Viet
83-146780

134 p.

1574
Tuyển tập chèo cổ, Hà Văn Cầu sưu tầm và chú thích; Lộng Chương viết lời tựa. Hà Nội, Văn Hóa, 1976.
PL4378.7.T94 Orien Viet
84-172823

290 p.

1575
Tuyển tập Nguyễn Công Hoan. v. [1]+ Hà Nội, Văn Học, 1983+
PL4378.9.N45A6 1983 Orien Viet
84-248390

illus. (Văn Học Hiện Đại Việt Nam)

1576
Tuyển tập thơ văn 90 tác giả Việt Nam hải ngoại, 1975–1981. Bản đặc biệt. Missouri City, TX, Văn Hữu, c1982.
MLCS82/5244
82-165551

432 p.

1577
Tuyết Oanh. Tiếng sáo chiều. Los Alamitos, CA, Tủ Sách Tuổi Ngọc Việt-Nam [197]
PL4378.9.T85T5 1984 Orien Viet
85-114004

139 p.

1578
Tuyết Phượng, Đinh Kim Cương, *and* Võ Quang Nhơn. Hợp tuyển văn học Lào; Nguyễn Năm giới thiệu. Hà Nội, Văn Học, 1981.
PL4251.L36H6 1981 Orien Viet
84-161234

511 p.

U

1579
Uống nước nhớ nguồn: tập ký. In lần 3. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.
DS560.72.H6U66 1978 Orien Viet
79-984398

394 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Học và Kỹ Thuật; Moskva, Sov. Entsiklopediĭa, 1973.

T10.T78 1973 Orien Viet
80-984072

879 p.
Added t.p.: Russko-v'etnamskiĭ politekhnicheskiĭ slovar'.

1555
Từ điển luyện kim Anh-Việt. English-Vietnamese metallurgical dictionary. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1978.

TN609.T8 Orien Viet
80-984304

390 p.
Includes indexes.

1556
Từ điển miễn dịch học. v. [1]+ Hà Nội, Y Học, 1976+
QR180.4.T8 Orien Viet
79-984056

1557
Tự điển Nga-Việt kỹ thuật thủy lợi [của] Uỷ ban Khoa Học và Kỹ Thuật Nhà Nước, Tổ Tự Điển Khoa Học và Kỹ Thuật. Hà Nội, Khoa Học, 1969.

TC804.T8 1969 Orien Viet
82-128388

276 p.

1558
Từ điển Nga-Việt trắc địa và bản đồ. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1971.

GA102.T8 Orien Viet
80-984204

239 p.

1559
Tự điển nông nghiệp Anh-Việt. English-Vietnamese agricultural dictionary. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1978.

S411.T78 Orien Viet
81-166542

294 p.

1560
Tự điển thuật ngữ khoa học xã hội Nga-Pháp-Việt [của] Ủy ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, Viện Ngôn Ngữ Học. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1979.

H40.T8 1979 Orien Viet
82-154491

561 p.

1561
Từ điển thuật ngữ sử học, dân tộc học, khảo cổ học Nga-Pháp-Việt. In lần thứ 2, có bổ sung và sửa chữa. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1978.

83-147299

178 p.

1562
Từ điển tinh thể học Anh-Việt English-Vietnamese dictionary of crystallography. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1978.

QD902.T8 Orien Viet
80-984303

88 p.

1563
Từ Thu Lý *and* Đỗ Thị Khuê. Nấu ăn trong gia đình. [Paris] Quê Hương [1979]

TX724.5.V5T8 Orien Viet
81-984043

197 p. illus.

1564
Từ trong di sản: những ý kiến về văn học từ thế kỷ X đến đầu thế kỷ XX ở nước ta. Hà Nội, Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1981.

PL4378.05.T8 1981 Orien Viet
85-130784

269 p.

1565
Từ Vân. Cổ-tích Việt-Nam, bản tiếng Việt, Từ Vân; tranh vẽ, Vi Vi. Vietnamese folk tales, English version Bảo-Khanh. Toronto, Ontario, Canada, Quê Hương, c1982.

GR313.C6 1982 Orien Viet
84-202853

207 p. illus.

1566
Tuấn Câu *and* Vũ Mẫn. Hội mùa; kinh nghiệm tổ chức hội mùa ở nông thôn. [Hà Nội] Văn Hóa Nghệ Thuật [1963]

GT4686.V5T8 Orien Viet
81-984030

63 p. illus.

1567
Tuấn Huy. Nỗi buồn tuổi trẻ: truyện dài. [Fort Smith, AR, Sống Mới, 1978?]

PL4378.9.T815N6 1978 Orien Viet
79-984349

308 p.
Reprint of the 1963 ed. published by Tiền Hóa, Saigon.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1542
Trường Sơn, thơ văn chọn lọc, 1959–1979. Hà Nội, Văn Học, 1979.
PL4378.6.T75 1979 Orien Viet
82-129742

559 p.
"Kỷ niệm 20 năm đường Hồ Chí Minh." Poems.

1543
Trương Văn Chình. Liên-Hiệp-Pháp [của] Trình Quốc Quang [tức] Trương Văn Chình. L'Union française. v. [1]+ Hà Nội, Văn Hóa [1949]+
JV1818.T77 Orien Viet
80-984265

Includes bibliographical references.
Contents.—[1] Hiến chương Liên-Hiệp-Pháp.—[2] Thực hiện Liên-Hiệp-Pháp thế nào?

1544
Trương Văn Tràng. Đại-đạo Tam-kỳ Phổ-độ; giáo-lý. La doctrine du Caodaisme. Soạn-giả: Tiếp-Pháp Hiệp-Thiên-Đài Trương Văn Tràng. [Tây-Ninh, Chơn-Truyền Ấn-Quán, 1950]
BL2055.T78 Orien Viet
79-984391

67 p.

1545
Trương Vĩnh Lễ. Phần đóng góp của Quốc-hội trong công cuộc xây-dựng nền dân-chủ Việt-Nam: thuyết-trình của ông Trương-Vĩnh-Lễ, chủ-tịch Quốc-hội Việt-Nam Cộng-Hoà tại Hội thân-hữu Việt-Pháp, ngày 18-1-1963. [Saigon] Sở Thông-tin Quốc-hội, 1963.
JQ854.T78 1963 Orien Viet
83-106795

48 p.
Cover title.

1546
Truyện cổ các dân tộc thiểu số miền Nam [của] Hà Văn Thư, Võ Quang Nhơn, Y Điêng chọn lọc và biên soạn. Hà Nội, Văn Hóa, 19
GR313.T774 Orient Viet
79-984178

1547
Truyện cổ các dân tộc thiểu số Việt Nam. Hà Nội, Văn Hóa Dân Tộc, 1977.
GR313.T775 Orien Viet
79-984068

317 p.

1548
Truyện cổ Dao; sưu tầm, Doãn Thanh, Lê Trung Vũ; biên soạn, Doãn Thanh *and others*. Hà Nội, Văn Hóa Dân Tộc, 1978.
GR308.5.Y36T78 Orien Viet
80-984349

292 p.

1549
Truyện cổ Tây-nguyên. Đỗ Thiện, Ngọc Anh [và] Đinh văn Thành sưu tầm và biên soạn. [Hà Nội] Văn Hóa [1961]
GR313.D6 Orien Viet
79-984412

367 p.

1550
Truyện thơ Mường. Minh Hiệu [và] Hoàng Anh Nhân sưu tầm và giới thiệu. Hà Nội, Văn Học, 1963.
PL4392.7.T78 Orien Viet
80-984254

311 p.

1551
Truyện thơ Tày-Nùng; Nồng Quốc Chấn giới thiệu: Hà Nội, Văn Học, 1964.
PL4251.T387T7 Orien Viet
80-984007

2 v.
Contents.—1. Nam Kim Thi Dan. Lưu Đài Hán Xuân. Kim Quế. Truyện chim sáo.—2. Đính Quân. Quảng Tân Ngọc Lương. Trần Châu. Vượt biển.

1552
Truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt-Nam: chương trình cơ sở, Vụ huấn học, Ban tuyên huấn trung ương. In lần thứ 5. Hà Nội, Sách Giáo Khoa Mác-Lê-Nin, 1980.
DS556.5.T786 1980 Orien Viet
83-135813

47 p.

1553
Từ điển hóa học và công nghệ hóa học Anh-Việt. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1977.
QD5.T82 Orien Viet
80-984137

545 p.
Added t.p.: English-Vietnamese dictionary of chemistry and chemical technology.

1554
Từ điển kỹ thuật tổng hợp Nga-Việt. Hà Nội; Khoa

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1951. In lần thứ 2. [Hà Nội] Ban Chấp Hành Trung Ương, 1956+
JQ815 1956.T77 Orien Viet
80-984263
At head of title: Dang Lao Động Việt-Nam.

1529
Trường Chinh. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh: sự nghiệp vĩ đại, gương sáng đời đời. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
DS560.72.H6T777 1980 Orien Viet
84-125690
50 p. illus., plates.

1530
Trường Chinh. Hương hoa đất nước: nghiên cứu, tiểu luận. Hà Nội, Văn Học, 1979.
MLCS82/5249
82-167726
307 p.

1531
Trường Chinh. Kiên quyết đánh bại chủ nghĩa bành trướng và chủ nghĩa bá quyền Trung-Quốc. Hà Nội, Sự Thật, 1982.
DS554.8.T77 1982 Orien Viet
83-144181
71 p.

1532
Trường Chinh. Kỷ niệm lần thứ 60 cách mạng tháng Mười vĩ đại. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
DK265.T835 Orien Viet
80-984116
45 p. port.
Includes bibliographical references.

1533
Trường Chinh. Tượng đài hùng vĩ của tình hữu nghị Việt-Xô. Hà Nội, Sự Thật, 1983.
DS556.58.S65T78 1983 Orien Viet
85-201032
62 p. illus., plates.

1534
Trường Chinh. Về vấn đề Cam-Pu-Chia. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
DS554.8.T78 Orien Viet
81-203175
45 p.

1535
Trường Chinh *and* Đặng Đức Siêu. Sổ tay văn hóa Việt Nam. Hà Nội, Văn Hoá, 1978.
DS556.42.T78 1978 Orien Viet
81-203172
365 p.
Includes bibliographical references.

1536
Trường Chinh *and* Võ Nguyên Giáp. Vấn đề dân cày. Xuất bản lần thứ 2. Hà Nội, Sự Thật [1959].
HD2080.5.T777 1959 Orient Viet
82-209975
131 p. facsim., plates.
Reprint. Originally published: Hà Nội, Đức Cường, 1937.
Includes bibliographical references.

1537
Trường đại học Kinh tế, Kế hoạch. Bộ môn Kinh tế Nông Nghiệp. Giáo trình kinh tế nông nghiệp xã hội chủ nghĩa. In lần thứ 2. v. [1]+ Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1977+
HD2080.5.T78 1977 Orien Viet
80-984298
Includes bibliographical references.

1538
Trường Đại Học Y Khoa Hà Nội. Bộ môn da liễu. Bệnh da liễu. v. [1]+ Hà Nội, Y Học, 1982+
RL71.B388 1982 Orien Viet
83-178021

1539
Trường Đại Học Y Khoa Hà Nội. Bộ Môn Sinh Lý Học. Chuyên đề sinh lý học. Hà Nội, Y Học, 1980
QP34.5.C5 1980 Orien Viet
82-190291
189 p. illus.
Errata slip inserted.

1540
Trường Đại Học Y Khoa Hà Nội. Bộ Môn Vi Sinh Vật. Vi sinh vật học. v. [1]+ Hà Nội, Y Học, 1981+
QR46.V5 1981 Orien Viet
82-184127
illus.
Errata slip inserted.

1541
Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc. Khoa Kinh Tế Chính Trị. Kinh tế chính trị Mác—Lê-nin. v. [1]+. Hà Nội, Sách Giáo Khoa Mác—Lê-nin, 1978+
HB97.5.T666 1978 Orien Viet
80-984157
"Chương trình cao cấp."
Errata slip inserted.
Contents: [1] Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1514
Trong đội ngũ tiên tiên: viết về những vị điển hình trong phong trào thể dục, thể thao khu vực nông nghiệp. [Hà Nội] Thể Dục Thể Thao, 1979.
MLCS82/10955 (G)
82-226271

132 p.

1515
Trọng Hứa. Ngã ba ngã tư: truyện ngắn. In lần thứ 1. Hà Nội, Tác Phẩm Mới, 1978.
MLCS83/5508 (P)
83-107226

227 p.

1516
Trong những ngày chiến tranh: tập truyện. Hà Nội, Lao Động, 1980.
PL4378.8.T666 1980 Orien Viet
83-187761

178 p.

1517
Trọng Phiên *and* Nguyễn Trần Thiết. Đường phía trước: viết về anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1981.
PL4378.8.T6664 1981 Orien Viet
85-103984

97 p.

1518
Trong rừng hoa đẹp: tuyển tập truyện người tốt, việc tốt, 1968–1978. [s.l.] Phổ Thông, 1978.
MLCM83/2177 (P)
83-136658

111 p. illus.

1519
Trung Đông. Bên những dòng sông. Hà Nội, Phụ Nữ, 1977.
PL4378.8.T6668 1977 Orien Viet
83-181809

205 p.
Contents: về thành phố của Trung Đông—Tiếng hát bên bờ xe nước của Bá Dũng.

1520
Trung Đông. Những đỉnh núi thép: truyện. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1981.
MLCS82/7678
82-192648

115 p.

1521
Trung Kiên. Người mình: truyện dài. Hà Nội, Phụ Nữ, 1977–1978.
PL4378.9.T724N5 Orien Viet
80-984131

2 v.

1522
Trung-quốc, tình hình cơ bản. [Hà Nội] Tạp Chí Thông Tin Lý Luận [1980?]
DS712.T77 1980 Orien Viet
82-169955

366 p. map, plates.
Bibliography: p. 364–66.

1523
Trung Sơn. Câu chuyện làm phim về Bác Hồ. Hà Nội, Văn Hóa, 1983.
PN1995.9.H52T78 1983 Orien Viet
85-195492

93 p. illus.

1524
Trương Anh Thụy. Của mưa gửi nắng: thơ tuyển. Arlington, VA, Tủ Sách Cành Nam, 1984.
PL4378.9.T726C8 1984 Orien Viet
85-133724

1525
Trương Bá Cần *and others*. Kỷ niệm 100 năm ngày Pháp chiếm Nam-Kỳ, 20-6-1867–20-6-1967. [Saigon] Trình Bày [1967]
DS559.92.C6K9 Orien Viet
80-984124

240 p. illus.
Includes bibliographical references.

1526
Trương Cam Bảo *and others*. Tự điển Anh-Việt các khoa học trái đất. English-Vietnamese dictionary of sciences of the earth. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1978.
QE5.T772 1978 Orien Viet
82-150705

677 p.

1527
Trương Cam Bảo *and others*. Tự điển địa chất. v. [1]+ Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1979+
QE5.T773 Orien Viet
81-151196

illus.

1528
Trường Chinh. Bàn về cách mạng Việt-Nam. Báo cáo đọc tại Đại hội đại biểu toàn quốc, tháng 2 năm

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Việt Nam shin dun shiên niắm. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.
83-189753

47 p.

1501
Triệu Hữu Lý. Bàn Hộ: trường ca dân tộc Dao; Triệu Hữu Lý sưu tầm, biên soạn, chú thích. In lần thứ 1. Hà Nội, Văn Hóa, 1982.
84-241891

91 p.

1502
Triệu Thúc Đan *and others*. Nghệ thuật hoành tráng. Hà Nội, Văn Hóa, 1981.
N6490.N48 1981 Orien Viet
84-162933

195 p. illus.

1503
Trịnh Bá Hưu *and* Phạm Thủy Ba. Đac-uyn. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.
QH31.D2T7 Orien Viet
81-172864

366 p. illus., plates.

1504
Trịnh Bỉnh Dy, Lê Thành Uyên *and* Đoàn Yên. Một số thăm dò chức năng sinh lý. Hà Nội, Y Học, 1979.
83-187851

209 p.

1505
Trịnh Bỉnh Dy *and others*. Về những thông số sinh học người Việt Nam. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1982.
84-247849

164 p. illus.

1506
Trịnh Chi. Hỏi và đáp về lịch sử Đảng. [s.l.] Thanh Niên [1978]
JQ898.D26H65 1978 Orien Viet
83-168773

206 p.

1507
Trịnh Cao Tưởng. Non nước Đồ Sơn. Hà Nội, Văn Hóa, 1978
DS560.92.D6T74 Orien Viet
80-984069

111 p. illus., plates.
Includes bibliographical references.

1508
Trịnh Hoài Đức. Gia-định thành thông-chí; dịch giả, Tu trai Nguyễn-Tạo; duyệt giả, Nguyễn-Đình-Diệm, Bửu-Cầm, Nguyễn-Triệu. [s.l.] Nha Văn hóa, Phủ Quốc-vụ-khanh Đặc-trách Văn-hóa, 1972.
DS559.92.G52T74 1972 Orien Viet
83-193516

3 v. (Văn hóa tùng thư; số 49–51)

1509
Trịnh Mạnh *and* Nguyễn Huy Đàn. Giáo trình tiếng Việt. v. [2]+ Hà Nội, Giáo Dục [1975]+
PL4374.T68 1975 Orien Viet
82-159204

illus.
At head of title: Bộ giáo dục, Cục đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. "Dùng trong các trường sư phạm cấp I hè 10 2 và các lớp bồi dưỡng giáo viên cấp I lên trình độ trung học hoán chỉnh." Bibliography: v. 2, p. [177]

1510
Trịnh Tam Kiệt. Nấm lớn ở Việt Nam. v. [1]+ Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1981+
QK617.T83 1981 Orien Viet
83-144585

Errata slip inserted.
Bibliography: v. 1, p. 251–53.

1511
Trịnh Văn Thịnh *and* Đỗ Dương Thái. Công trình nghiên cứu ký sinh trùng ở Việt Nam. v. [2]+ Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1978+
QL757.C63 1978 Orien Viet
82-102351

illus.
Contents.—v. 2. Giun sán ở động vật nuôi.

1512
Tripitaka. Sùtrapìtaka. Lankàvatàrasùtra. Vietnamese. Kinh Lăng-Già tâm ấn; dịch giả, Thích Nữ Diệu-Không. v. [1–3]+ [Saigon?, s.n.] 2514 (1970)–2515 (1971)
BQ1723.V5 1971 Orien Viet
83-191852

Translation from the Chinese.

1513
Tripitaka. Sùtrapitaka. Vimalakirtinirdésa. Chinese and Vietnamese. Duy-Ma-Cật kinh. [Wei-mo-chieh ching]; Đoàn-Trung-Còn dịch. Saigon, Phật Học, 1971.
BQ2213.V5D63 1971 Orien Viet
83-155865

339 p. illus. (Phật-học tòng-thơ; 27)

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1486
Trần Văn Quế. Sư-phạm lý-thuyết (đại-cương): ban hai năm, đúng với chương trình lớp hai năm Quốc-gia sư-phạm. In lần thứ 1. [s.l.] Bộ Văn-hóa Giáo-dục, 1964.
LB1564.V5T7 1964 Orien Viet
83-154348
363 p. (Tủ sách sư-phạm)

1487
Trần Văn Quế. Sư-phạm thực-hành. In lần thứ 1. [s.l.] Bộ văn-hóa giáo-dục, 1964.
LB1564.V5T73 1964 Orien Viet
83-153311
239 p. (Tủ sách sư-phạm)

1488
Trần Việt. Bông hồng nhung: truyện hoạt trong lòng địch diệt bọn CIA và xâm lược Mỹ. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
PL4378.9.T692B6 Orien Viet
80-984346
373 p.

1489
Trần Việt Ngữ. Nghệ sĩ chèo Hoa Tâm. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.
PN2898.H6T7 1979 Orien Viet
81-203171
267 p. illus., plates, port.
Errata slip inserted.

1490
Trần Văn Thái. Trại Đầm Đùn. Fort Smith, AR, Sống Mới, 1979.
PL4378.9.T6917T7 Orien Viet
81-169336
493 p.
Reprint.

1491
Trần Việt Ngữ *and* Thành Duy. Dân ca Bình-Trị-Thiên; Thanh Tịnh, Trần Việt Ngữ giới thiệu. 1st ed. Hà Nội, Văn Học, 1967.
83-189995
342 p.

1492
Trần Vũ Mai. Ở làng Phước Hậu: trường, ca. In lần thứ 1. [s.l.] Tác Phẩm Mới, 1978.
PL4378.9.T6925023 1978 Orien Viet
83-112449
79 p.

1493
Trần Xuân Trường *and* Nguyễn Anh Bắc. Vấn đề kết hợp kinh tế với quốc phòng ở nước ta. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
HC444.T72 1980 Orien Viet
83-186170
142 p.

1494
Tranh khắc gỗ Việt Nam. Hà Nội, Bộ Văn Hóa, 1978.
NE1178.6.V5T7 Orien Viet
80-98437
[72] p. illus.

1495
Trên các tuyến đường; lời giới thiệu của đồng chí Nguyễn Tường Lân, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải. [Hà Nội] Phổ Thông, 1978.
PL4378.8.T665 Orien Viet
80-984140
81 p. illus. (Loại sách Người tốt, viết tốt)

1496
Trên núi cao. Hà Nội, Phụ Nữ, 1979.
MLCS82/5237
82-165545
68 p.

1497
Triều Ân. Tiếng khèn A Pá: tập truyện ngắn. Hà Nội, Tác Phẩm Mới, Hội Nhà văn Việt Nam 1980.
PL4378.9.T6938T5 1980 Orien Viet
83-182769
139 p.

1498
Triệu Bôn. Rừng lá đỏ: truyện. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1981.
PL4378.9.T694R8 1981 Orien Viet
85-104759
161 p.

1499
Triệu Dương. Tìm hiểu và suy nghĩ; bình luận văn học. In lần thứ 1. [Hà Nội] Tác phẩm mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1982.
PL4378.O5.T695 1982 Orien Viet
83-144632
282 p. illus.
Includes bibliographical references.

1500
Triệu Hồng Thắng *and* Triệu Hữu Lý. Tổ quốc Việt Nam ngàn lần yêu quý. Bua dìu miền nhây to cuoa

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1472
Trần Thế Long *and others*. Sư đoàn Chiến Thắng: ký sự. v. [2]+ Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân [1980]+
DS558.5.S79 1980 Orien Viet
82-192617

1473
Trần Thiên Hương *and* Đặng Văn Ký. Vườn hoa giữa núi; bìa và minh họa của Hồ Đức. Hà Nội, Kim Đồng, 1980.
MLCS82/10952 (P)
82-224365
55 p. illus.

1474
Trần Trọng Kim. Nho giáo: quyển hạ [của] Lệ-Thần Trần-Trọng-Kim. In lần thứ 1. [Saigon] Bộ-Giáo-dục, Trung-tâm Học-liệu, 1971.
B127C65T73 1971 Orien Viet
83-107946
2 v.
Bibliography: v. 2 p. 446–48.

1475
Trần Trọng Kim. Việt thi [của] Lệ Thần Trần Trọng Kim. In lần thứ 2. Sửa-chữa cẩn-thận. Saigon, Tân Việt, 1956.
PL4378.2.T68 1956 Orien Viet
83-153902
156 p. (Sách giáo-khoa)

1476
Trần Trọng San. Việt-văn độc-bản: lớp đệ tam. In lần thứ 2. [Saigon] Bộ Quốc-gia Giáo-dục, 1961.
PL4378.5.T67 1961 Orien Viet
83-180762
217 p. illus.

1477
Trần Trọng Trung. Lịch sử một cuộc chiến tranh bẩn thỉu. v. 2+ Hà Nội, Quân-Đội Nhân Dân, [1980]+
DS553.1.T7 Orien Viet
82-102350
Bibliography: v. 2, p.333–37.

1478
Trần Tự. Điểm lửa: tiểu thuyết. Hà Nội, Lao Động, 1979.
PL4378.9.T689D5 1979 Orien Viet
83-181823
206 p.

1479
Trần Từ. Hoa văn Mường: nhận xét đầu tay. Hà Nội, Văn Hóa Dân Tộc, 1978.
82-185778
173 p. illus.

1480
Trận tuyến phía bắc: tập thơ văn nhiều tác giả. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1979.
PL4378.5.T68
81-203180
261 p. illus.

1481
Trần Văn Điền *and* Winabelle Gritter. Cổ tích nhi đồng. Folk tales for children; illustrator, Tăng Quốc Ái. Grand Rapids, Mich., Grandasia. Publications, 1976–1977.
PZ90.V5C6 Orien Viet
79-984400
3 v. illus.

1482
Trần Văn Giáp. Tìm hiểu kho sách Hán Nôm: nguồn tư liệu văn học, sử học Việt-Nam; Nguyễn Đức Quỳ, đề tựa; Nguyễn Văn Xước, giới thiệu. v. 1+ Hà Nội, Thư Viện Quốc Gia, 1970+
Z3226.T72 1970 Orien Viet
81-152335
illus.

1483
Trần Văn Giáp *and others*. Lược truyện các tác gia Việt Nam. In lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1971–1972.
PL4378.1.L8 Orien Viet
79-984425
2 v.
Includes index.

1484
Trần Văn Giàu. Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1980.
DS556.44.T73 1980 Orien Viet
85-103911
314 p.

1485
Trần Văn Hải. Tự-điển căn-bản thảo-chương điện-toán Anh-Việt. Có bảng đối-chiếu Việt-Anh. In lần thứ 1. [Saigon] 1973.
QA76.15.T69 1973 Orien Viet
81-984072
120 p.
Cover title: Tự-điển điện-toán. Bibliography: p. 120.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

nghiên cứu một số vấn đề cơ sở phương pháp luận của Khoa Học Cách Mạng Việt Nam; Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, Viện Triết Học. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1978.

82-104359

253 p.

1459
Trần Nhuận Minh. Âm điệu một vùng đất: thơ. Hà Nội, Lao Động, 1980.

PL4378.T6615A8 1980 Orien Viet
83-181631

77 p.

1460
Trần Nhuận Minh. Trước mùa mưa bão; biả và minh họa của Hoàng Công Luân. Hà Nội, Kim Đồng, 1980.

MLCS82/10959 (P)
82-225222

79 p. illus.

1461
Trần Nhượng. Người đi trên sườn đồi: tập truyện. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1983.

PL4378.9.T6618N4 1983 Orien Viet
85-199016

150 p.

1462
Trần Quan Thái. Nụ cười thơ ngàn năm [của] Hồng Hoàng Trần Quan Thái. Westminster, CA, Hoàng Lan Liberty World; Trần Quan Thái [distributor] 1983.

PL4378.9.T665N8 1983 Orien Viet
84-186863

221 p. illus.

1463
Trần Quang Hân. Ngọn lửa thần kỳ; minh họa của Thy Ngọc. In lần thứ 2, có sửa chữa và bổ sung. Hà Nội, Kim Đồng, 1978.

MLCS83/8001 (P)
83-107217

102 p. illus.

1464
Trần Quang Thuận. Tư-tưởng chính-trị trong triết-học Khổng-giáo. [Saigon, Thư-Lâm Ấn-Thư-Quán] 1961.

B128.C8T7 Orien Viet
80-984313

227 p.
Includes bibliographical references.

1465
Trần Quốc Khải. Niệm khát vọng: tiểu thuyết. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.

MLCS82/5239
82-165520

239 p.

1466
Trần Quốc Phi. Trận thắng trong làng: tuyển tập kịch. [s.l.] Hội Văn Học Nghệ Thuật Vĩnh Phú, 1979.

MLCS83/2728 (P)
83-115599

252 p.

1467
Trần Quốc Vượng, Nguyễn Tư Chi, *and* Nguyễn Trần Đản. Nghìn xưa văn hiến; minh họa của Nguyễn Thụ. v. [3]+ Hà Nội, Kim Đồng, 1978+

DS556.5.T7 Orien Viet
81-146513

1468
Trần Quỳnh. Tìm hiểu đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam: nghiên cứu Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IV. Hà Nội, Sự Thật, 1980.

JQ898.D293T72 1980 Orien Viet
83-187808

152 p.

1469
Trần Thanh Giao. Đất mới vỡ: tiểu thuyết. Hà Nội, Phụ Nữ, 1979.

MLCS82/9865 (P)
82-219717

285 p.

1470
Trần Thanh Giao. Đất mới vỡ: tiểu thuyết. In lần thứ 2 có bổ sung. [Thành phố Hồ Chí Minh] Phụ Nữ, 1981.

PL4378.9.T67D3 1981 Orien Viet
83-181511

274 p.

1471
Trần Thanh Phương. Những người còn sống mãi. Thành phố Hồ Chí Minh, Văn Nghệ, 1980.

HX400.5.A75T7 1980 Orien Viet
82-185142

60, 1 p., ports.
Bibliography: p. [61]

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1444
Trần Kim Thành. Vùng đất ngày mai: tiểu thuyết. Hà Nội, Thanh Niên, 1978.
MLCS83/2725 (P)
83-110161

455 p.

1445
Trần Lê. Làm gì: tập luận đề tháng chín. [San Diego, CA] Việt Nam Hải Ngoại, 1979.
HX400.5.A6T68 1979 Orien Viet
83-135878

336 p.

1446
Trần Lệ Hằng. Cau Hà Châu têm trầu Xuân Mỹ. Hà Nội, Văn Hóa, 1978.
MLCS83/5273 (P)
83-117383

6 p.

1447
Trần Lê Sáng. Cuộc đời và thơ văn Chu Văn An; Hoàng Trưng Thông đề tựa. [Hà Nội] Hà Nội, 1981.
PL4378.9.C487Z89 1981 Orien Viet
85-106173

203 p.

1448
Trần Lê Văn. Giàn mướp hương: thơ. [s.l.] Văn Việt Nam, 1979.
MLCS82/5040
82-163187

111 p.

1449
Trần Lê Văn. Hoa Hà Nội. [Hà Nội] Hà Nội, 1980.
PL4378.9.T648H6 1980 Orien Viet
83-110135

143 p. illus.

1450
Trần Lê Văn. Sông núi Điện Biên. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.
DS560.92.D53T73 Orien Viet
81-172867

412 p. illus., plates.
Errata slip inserted.

1451
Trần Mỹ Linh. Đưa em bước xuống cuộc đời: truyện dài. Fort Smith, AR, Sông Mới [19]
MLCS83/2230 (P)
83-106598

308 p.

1452
Trần Ngọc Ân *and* Phạm Khuê. Bệnh khớp; tham gia biên soạn, Trần Ngọc Ân and others. v. [2]+ [s.l.] Y Học [1978]+
RC932.T73 1979 Orien Viet
82-102348

1453
Trần Ngọc Châu. Phục hưng làng xã: từ chiến tranh đến hòa bình. [s.l., s.n.] 1967 (Saigon, Đoàn Viên)
HN700.5.A8T7 Orien Viet
80-984156

307 p. illus., plates.

1454
Trần Ngọc Ninh. Cơ-cấu Việt-ngữ. v. [1-2] Saigon, Lửa Thiêng, 1973–[1974]
PL4374.T65 1973 Orien Viet
84-191339

Contents: quyển 1. Sự phát-triển ngôn-ngữ ở trẻ con, cơ-cấu cú-pháp sơ giải—quyển 2. Cơ-cấu dạng-vi-học.

1455
Trần Ngọc Ninh. Đức Phật giữa chúng ta. [Saigon] Lá Bồi [1972]
BQ4018.V5T685 Orien Viet
80-984000

164 p.
Includes bibliographical references.

1456
Trần Nguyên Khang, Thái Bá Trừng, *and* Nguyễn Xuân Hiển. Cây cao su. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1979.
SB291.H4T7 Orien Viet
81-170840

331 p. illus.
Bibliography: p. 330–31.

1457
Trần Nguyên Khanh *and* Nhật Uyên. Thời gian ta mãi mãi còn xanh. [Bruxelles] Hiện Diện [1972]
PL4378.6.T65 Orien Viet
80-984386

92 p.
Cover title.

1458
Trần Nhâm. Nghệ thuật biết thắng từng bước:

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

của văn hoá thực dân mới. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
85-130551

41 p.

1430
Trần Độ. Lý tưởng, ước mơ và nghĩa vụ. [Hà Nội] Thanh Niên [1964] 151 p.
U21.5.T686 Orien Viet
80-984151

151 p.

1431
Trần Độ. Mấy vấn đề về xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
DS556.42.T68 Orien Viet
81-203200

60 p.

1432
Trần Đức Lợi *and* Xuân Mai. Con đường và đồng đội: tập truyện và ký. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1982.
PL4378.9.T6415C6 1982 Orien Viet
83-184142

166 p.

1433
Trần Đức Thảo. Triết-lý đã đi đến đâu?. Paris, Minh-Tân [1950]
B99.V52T7 1950 Orien Viet
83-133908

60 p.

1434
Trần Hoài Dương. Bên ngoài trường: tiểu thuyết. Hà Nội, Phụ Nữ, 1983.
PL4378.9.T6434B4 1983 Orien Viet
85-201021

226 p.

1435
Trần Hoàng Bách. Bông Huệ trên tầng cao: truyện. Hà Nội, Phụ Nữ, 1983.
PL4378.9.T6437B6 1983 Orien Viet
85-197984

198 p.

1436
Trần Hoàng Bách. Màu vôi mới: truyện ngắn. [s.l.] Hội Văn Nghệ Hà Nội [1971]
MLCS83/5504 (P)
83-112723

139 p.

1437
Trần Hoàng Bách. Suối mùa xuân: tập truyện. Hà Nội, Lao Động, 1982.
PL4378.9.T6437S8 1982 Orien Viet
83-182614

168 p.

1438
Trần Hưng Đạo. Binh thư yếu lược [của] Trần Hưng Đạo. Hồ trướng khu cơ [của] Đào Duy Từ. In lần thứ 2, có sửa chữa. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1977.
U43.V5T72 1977 Orien Viet
79-984344

525 p. illus.
At head of title: Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học.

1439
Trần Hữu Tòng. Cơn lốc rừng thông; truyện ký. [Hà Nội] Thanh Niên [1981]
PL4378.9.T6456C6 1981 Orien Viet
84-127165

106 p.

1440
Trần Hữu Tòng. Sau màn sương lạnh: truyện chống gián điệp thám báo Trung Quốc. [Hà Nội] Hà Nội, 1982.
PL4378.9.T6456S2 1982 Orien Viet
83-184801

172 p.

1441
Trần Hữu Tòng. Tín hiệu bình yên: truyện. [s.l.] Hà Nội, 1980.
MLCS83/5275 (P)
83-110109

126 p.

1442
Trần Huỳnh Châu. Những năm cải tạo ở Bắc Việt. Culver City, CA, Tiểu Thuyết Nguyệt San [198]
HV9800.5.A4 1982 Orien Viet
83-151864

152 p.

1443
Trần Kim Thành. Chuyện chép ở Bình Nguyên: bìa và minh họa của Vũ Duy Nghĩa. Hà Nội, Kim Đồng, 1974.
PZ90.V5T73 1974 Orien Viet
83-181817

82 p. illus.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Hà Nội, Sự Thật, 1979.

HD2042.T72 1979 Orien Viet
83-145647

259 p.
Includes bibliographical references.

1416
Trần Anh Trang *and others*. Miền quê quan họ: thơ. Hà Nội, Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1981.

PL4378.M48 1981 Orien Viet
84-127174

150 p.

1417
Trần Bá Đạt. Bàn về tư tưởng Mao-Trạch-Đông. Sự kết hợp chủ nghĩa Mác Lê-nin với cách mạng Trung-quốc. [Hà Nội] Sự Thật, 1955.

DS778.M3T63 Orien Viet
81-984060

79 p.
"Viết vào dịp kỷ niệm 30 năm Đảng cộng sản Trung-quốc."
Includes bibliographical references.

1418
Trần Chính Vũ. Đường vào trận: tiểu thuyết. Hà Nội, Văn Học, 1978.

PL4378.9.T639D8 Orien Viet
80-984365

245 p.
Errata slip inserted.

1419
Trần Công Tấn. Đã Ra nơi đâu: truyện. Hà Nội, Lao Động, 1981.

MLCS82/9870 (P)
82-221221

153 p.

1420
Trần Công Tấn. Những bông cỏ mặt trời. Giữa hai làn nước: tập truyện phim [của] Trần Thanh Giao. Hà Nội, Văn Học, 1979.

PL4378.8.T64 1979 Orien Viet
82-157461

179 p.

1421
Trần Công Tấn *and others*. Cô gái vùng ven: truyện ký. [s.l.] Phụ Nữ, 1981.

PL4378.8.C58 1981 Orien Viet
84-143425

220 p.

1422
Trần Cung. Một trang Đáng nhớ: hồi ký cách mạng. Hà Nội, Văn Học, 1980.

MLCS83/5276 (P)
83-110127

197 p.

1423
Trần Dũng. Những người hiểu nhau: tập truyện ngắn. Hà Nội, Lao Động, 1978.

PL4378.9.T6416N5 Orien Viet
80-984361

149 p.

1424
Trần Dũng Tiến *and others*. Di Tích cách mạng Việt Nam, 1930–1945. v. [1]+ Hà Nội, Phổ Thông, 1976+

DS556.8.D5 1976 Orien Viet
84-172768

illus.

1425
Trần Đăng Khoa *and others*. Chúng tôi ở Côn cỏ; Hồ Phương ghi; Lời tựa của Lê Quang Hòa. In lần thứ 2, có sửa chữa. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1966.

PL4378.9.C56 Orien Viet
79-984337

243 p.

1426
Trận địa im lặng: truyện và ký. Hà Nội, Lao Động, 1981.

MLCS82/9876 (P)
82-223867

215 p.

1427
Trần Đinh. Việt-sử danh-nhân lược chí: lớp ba. In lần thứ 12. [s.l., s.n.] 1958.

DS556.47.T7 1958 Orien Viet
83-153156

78 p. illus. (Loại sách giáo-khoa)

1428
Trần Đinh. Việt-sử: tiểu truyện: lớp tư. In lần thứ 3. [s.l., s.n.] 1958.

DS556.5.T69 1958 Orien Viet
83-143702

54 p. illus. (Loại sách giáo khoa)

1429
Trần Độ. Khẩn trương và kiên trì xóa bỏ hậu quả

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1402
Tôn Thất Tiết. Tưởng-niệm: pour flûte, alto et 2 harpes. Paris, Éditions musicales transatlantiques [c1975]
M482.T66T9 Orien Viet
79-770473
score (17 p.) and parts.
Cover title.
For flute, viola, and 2 harps.
Duration: ca. 12 min.

1403
Tôn Thất Tùng. Đường vào khoa học của tôi. [Hà Nội] Thanh Niên [1978]
R612.T66A33 Orien Viet
80-984171
133 p. illus.

1404
Tổng Công Đoàn Việt Nam. Đại hội (4th: 1978 Hanoi, Vietnam) Văn kiện Đại hội lần thứ IV Công đoàn Việt Nam, họp từ ngày 8-5 đến 11-5-1978. Hà Nội, Lao Động, 1978.
HD6820.5.T66 1978 Orien Viet
82-185811
259 p. illus.
At head of title: Tổng Công đoàn Việt Nam.

1405
Tổng Công đoàn Việt Nam. Điều lệ Công đoàn Việt Nam. [Hà Nội] Lao Động, 1978.
HD8700.5.A5T66 1978 Orien Viet
82-185800
62 p.

1406
Tổng kết kinh nghiệm các điển hình 5 dứt điểm về công tác y tế. [Biên soạn, Vũ Kiên, Nguyễn Trực, Quang Tâm với sự cộng tác của cán bộ các đơn vị điển hình 5 dứt điểm]. Hà Nội, Y Học, 1980.
RA541.V5T66 1980 Orien Viet
82-104355
175 p.
At head of title: Bộ Y tế.

1407
Tông Khắc Hài. Hoàng Thị Hồng Chiêm. Hà Nội, Phụ Nữ, 1979.
82-167008
40 p. illus., plates.

1408
Tổng mục lục tập san kinh tế Đông Dương, từ khi thành lập năm 1898 đến 1950 kèm theo bảng tên tác giả, bản dịch. [Hà Nội, Thư Viện Quốc Gia, 1975]
HC441.A1T66 1975 Orien Viet
83-191968
2 v.

1409
Tổng mục lục và sách dẫn các bài luận văn của 48 số tập san Nghiên cứu văn sử địa, 153 số tạp chí Nghiên cứu lịch sử, 1954–1973; [chủ biên, Nguyễn Đổng Chi]. Hà Nội, Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, Viện Sử Học, 1975.
Z3228.V5T66 1975 Orien Viet
83-189374
419 p.

1410
Tổng tập văn học Việt Nam: bộ phân văn học viết từ thế kỷ X đến năm 1945. v. [1, 36]+ Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1980+
PL4378.T66 Orien Viet
82-102232
illus.

1411
Trách nhiệm: tập kịch bản ngắn. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.
PL4378.7.TZ 1979 Orien Viet
83-184034
213 p.

1412
Trại thí nghiệm chè phú hộ. Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật, 1969–1979. Hà Nội, Nông Nghiệp, 1980.
SB272.V45K47 1980 Orien Viet
82-158941
148 p.

1413
Trạm Nghiên Cứu Cây Nhiệt Đới Phủ Quỳ. Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật, 1960–1980. Hà Nội, Nông Nghiệp, 1980.
SB171.V5K47 1980 Orien Viet
81-203167
179 [i.e., 278 p.] p. illus., plates.

1414
Trần An *and others*. Hà-nội, di tích và thắng cảnh. [Hà Nội] Sở Văn Hóa Thông Tin Hà-Nội [1972]
DS559.93.H36H3 1972 Orien Viet
83-188970
[104] p. illus.

1415
Trần Anh. Nông nghiệp Bun-Ga-Ri: từ sản xuất nhỏ

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1387
Tô Hữu, nhà thơ cách mạng. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1980.
PL4378.9.T6Z88 1980 Orien Viet
85-117836
646 p.

1388
Tô Ngọc. Hầm giết người. [United States] Tô Ngọc [1980]
PL4378.9.T6115H3 1980 Orien Viet
81-203174
334 p.
Cover title. Title on added t.p.: Kẻ bán linh hồn. Reprint.
Reprint. Originally published, Saigon, 1967.

1389
Tô Ngọc Hiền. Mùa hoa sim cuối cùng: truyện ngắn. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1979.
PL4378.9.T6118M8 Orien Viet
80-984354
141 p.

1390
Tô Phương. Kể chuyện làng xã đánh giặc. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
PL4378.9.T6122K4 1980 Orien Viet
81-203189
187 p.

1391
Tô Phương. Mùa hoa ô môi. Hà Nội, Phụ Nữ, 1979.
PL4378.9.T6122M8 1979 Orien Viet
81-203193
229 p.

1392
Tô Thi *and* Hoàng Tích Chỉ. Chị Thiện: truyện vừa. Hà Nội, Phụ Nữ, 1977.
PL4378.9.T6124C5 Orien Viet
79-984284
116 p.

1393
Tô Vân và Hồng Dương. Trên biên giới phía bắc. [Hà Nội] Thanh Niên [1979]
PL4378.9.T6126T7 1979 Orien Viet
82-169464
158 p.

1394
Toan Ánh. Nếp cũ: hội hè đình đám. v. 1+ [Saigon] Nam Chi Tùng Thư, 1969+
GT4886.V5T6 Orien Viet
80-984147
Includes bibliographical references.

1395
Toan Ánh. Tinh-thần trọng nghĩa phương đông. [Saigon] Ánh-Sáng, 1969.
BJ125.V52T6 Orien Viet
80-984153
202 p.

1396
Toan Ánh. Việt Nam truyền kỳ tập truyện; Nguyễn Nhật Tân minh-họa. Toronto, Ontario, Canada, Quê Hương, 1983.
PL4378.9.T613V5 1983 Orien Viet
84-129595
200 p. illus.

1397
Tội ác chiến tranh của bọn bành trướng Trung quốc đối với Việt Nam. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
DS559.916.T64 1980 Orien Viet
83-132284
91 p. illus.
Includes bibliographical references.

1398
Tội ác của đế quốc Mỹ ngày càng chồng chất. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1970.
DS558.T65 1970 Orien Viet
82-190676
66 p. illus., plates.

1399
Tội ác diệt chủng của bọn Pôn Pôt-Iêng Xa-Ry. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
DS554.8.T64 1980 Orien Viet
83-101910
214 p. illus., plates.

1400
Tội ác diệt chủng của đế quốc Mỹ ở miền Bắc Việt-Nam [của] Ủy ban điều tra tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Việt-Nam. Hà Nội, Sự Thật, 1968.
DS559.2.T65 1968 Orien Viet
83-138881
57 p.

1401
Tôn Thất Lập *and* Nhất Uyên. Cánh chim từ vùng lửa đỏ. Paris, Hội Sinh Viên Sáng Tác, 1974.
83-148824
80 p. illus.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1372
Tô Giang Tử. Đổ nguồn: thi tập [của] Nguyễn Quang Nhạ (Tô-Giang-Tử). In lần thứ 1. Seattle, WA, Tủ Sách Hoa Bút, 1983.
PN6099.D6 1983 Orien Viet
84-132727
84 p. illus.

1373
Tô Giang Tử. Tuyển tập thi phẩm. Vienna, VA, Tô Giang Tử, 1981.
PL4378.9.T589A6 1981 Orien Viet
82-104361
48 p.

1374
Tô Hoài. Hoa hồng vàng song cửa: ký sự. [Hà Nội] Nhà Xuất Bản Hà Nội, 1981.
PL4378.9.T59H6 1981 Orien Viet
85-130534
165 p.

1375
Tô Hoài. Lăng bác Hồ: truyện ký. [Hà Nội, Hà Nội [1977]
PL4378.9.T59L3 Orien Viet
79-984150
103 p.
Errata slip inserted.

1376
Tô Hoài. Những ngõ phố người đường phố: tiểu thuyết. [s.l.] Thanh Niên, 1980.
MLCS82/5093
82-164397
427 p.

1377
Tô Hoài. Quê nhà: tiểu thuyết. [s.l.] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà văn Việt Nam, 1981.
PL4378.9.T59Q4 1981 Orien Viet
85-117878
290 p.

1378
Tô Hoài. Trái đất tên Người: bút ký. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1978.
PL4378.9.T59Z54 Orien Viet
79-984394
245 p.

1379
Tô Hoài. Truyện Tây bắc. In lần thứ 8. Hà Nội, Văn Học, 1976.
PL4378.9.T59T7 196 Orien Viet
80-984363
144 p.

1380
Tô Hữu. Công tác giáo dục và sự nghiệp bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
LA1180.T6 1980 Orien Viet
83-189763
265 p.

1381
Tô Hữu. Cuộc sống cách mạng và văn học nghệ thuật. Hà Nội, Văn Học, 1981.
NX750.V5T6 1981 Orien Viet
84-126262
139 p. (Văn học hiện đại Việt Nam)

1382
Tô Hữu. Đẩy mạnh phong trào thi đua "dạy tốt, học tốt" theo gương các điển hình tiền tiền về giáo dục. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
LA1181.T65 Orien Viet
80-984185
80 p.
Includes bibliographical references.

1383
Tô Hữu. Máu và hoa: thơ. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1977.
PL4378.9.T6M3 Orien Viet
79-984278
78 p.

1384
Tô Hữu. Phấn đấu vì một nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa. Hà Nội, Sự Thật, 1982.
NX578.6.V5T6 1982 Orien Viet
85-108785
illus., plates.

1385
Tô Hữu. Tác phẩm: thơ. Hà Nội, Văn Học, 1979.
PL4378.9.T6A6 1979 Orien Viet
81-203176
618 p. port., facsim.

1386
Tô Hữu. Thơ Tô Hữu. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1975.
PL4378.9.T6A6 1975 Orien Viet
83-140351
263 p. illus, plates.

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

thống kê. Hà Nội, Tổng Cục Thống Kê, 1977.
HC444.T56 1977 Orien Viet
82-167092

192 p. illus.

1360
Tình nghề: truyện và ký. Hà Nội, Lao Động, 1981.
PL4378.8.T63 1981 Orien Viet
83-115561

217 p. illus., plates.

1361
Tình nghĩa Việt-Lào mãi mãi vững bền hơn núi, hơn sông. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
DS556.58.L3T56 Orien Viet
80-984186

102 p. illus.

1362
Tình sâu nghĩa nặng. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
DS559.5.T56 1979 Orien Viet
83-101932

354 p. illus.

1363
Tình Tâm. Việt Pháp thực hành đặc biệt cho người ty nạn. Paris, Editions Institut Franco-Vietnamien, [1978]
MLCS83/2087 (P)
83-118321

220 p.

1364
Tipitaka. Suttapitaka. Dìghanikàya. Vietnamese and Pali. Trương bô kinh. Dìgha-Nikàya: Pàli-Việt đối chiều [của] Thích-Minh-Châu. v. [2-4] [Saigon] Ban Tu Thư, Viện Đại Học Vạn Hạnh [1967]–1972.
BQ1293.V53M56 1967 Orien Viet
83-149691

Pali (Roman) and Vietnamese.

1365
Tipitaka. Suttapitaka. Khuddakanikàya. Dhammapada. Vietnamese. Kinh lời vàng. Dhammapada [của] Thích Minh Châu. [San Francisco, CA] Từ Quang, 1977.
BQ1373.V5T74 Orien Viet
83-137799

176 p. illus.
Reprint. Originally published: Saigon, Viện Đại học Vạn Hạnh, 1969.

1366
Tipitaka. Suttapitaka. Khuddakanikàya. Dhammapada. Vietnamese and Chinese. Dhammapada, or, Path of virtue. [Fa chú ching: Ying Han tụi chao ho]. Pháp cú kinh: Anh-Hán đối chiều hòa dịch; soạn-giả, Thường-Bàn Đại-Định; dịch-giả, Á-Nam Trần-Tuấn-Khải; hiệu-đính, Lãng-Hồ Nguyễn-Khắc-Kham. In lần thứ 1. [s.l.] Bộ Quốc-gia giáo-dục, 1962.
BQ1373.V5T73 1962 Orien Viet
83-153861

1367
Tipitaka. Suttapitaka. Khuddakanikàya. Dhammapada. Vietnamese and Pali. Kinh Pháp cú. Dhammapada: nguyên tác Pali, bản dịch Việt ngữ cùng với câu chuyện dân tích tóm tắt và chú thích; Narada; người dịch, Phạm-Kim-Khánh. [s.l., s.n.] 1971 (Gò-Vấp, Nhà in Hạnh Phúc)
BQ1373.V5P47 1971 Orien Viet
83-181254

341 p.

1368
Tipitaka. Suutapitaka. Majjhimanikaya. Vietnamese and Pali. Trung bộ kinh. Majjhima nikaya: Pàli-Việt đối chiều [của] Thích Minh Châu, dịch và chú thích. v. [1-2] [Saigon] Tu Thư Đại Học Vạn Hạnh, 1973–[1974]
BQ1313.V53M56 1973 Orien Viet
83-149708

(Kinh tạng pàli; bộ 2)
Pali (Roman) and Vietnamese.

1369
Tô Đức Chiêu. Ngày về: truyện và ký. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.
PL4378.9.T587 N4 Orien Viet
80-984378

193 p.

1370
Tô Đức Chiêu *and* Hà Bình Nhuỡng. Đường chỉ đỏ: tập truyện anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
MLCS82/5248
82-167686

75 p.

1371
Tô Đức Chiêu *and* Khuất Quang Thụy. Những người săn tôm: tập truyện ngắn. [Hà Nội] Hanoi, 1982.
PL4378.9.T587N43 1982 Orien Viet
83-185291

143 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1345
Thừa-thiên, Huế. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1968.
DS559.9.T485T48 Orien Viet
80-984083

39 p.
Errata slip inserted.

1346
Thuần Phong. Hỏi và đáp về tình hình và nhiệm vụ trước mắt. Hà Nội, Sự Thật, 1982.
DS559.912.T49 1982 Orien Viet
85-194584

47 p.

1347
Thùy An. Tiếng dương cầm. Houston, TX, Xuân Thu, 1984.
PL4378.9.T5827T5 1984 Orien Viet
85-183229

145 p. (Tủ sách tuổi hoa)

1348
Tiễn dặn người yêu. Xống chụ son sao. Mạc Phi dịch và giới thiệu. [Hà Nội] Văn Hóa [1961]
PL3311.M5T5 Orien Viet
82-463910

159 p.
Includes bibliographical references.

1349
Tiễn dặn người yêu; Xống chụ xon xao; bản dịch, kaho dị, chú thích Mạc Phi. Hà Nội, Văn Hóa Dân Tộc, 1977.
83-178327

167 p.

1350
Tiếng gọi của âm thanh: truyện kỷ niệm sâu sắc chống Mỹ, cứu nước. Hà-Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.
PL4378.8.T6 Orien Viet
80-984169

312 p.

1351
Tiếng hát gọi mùa xanh: truyện và ký về thanh niên thành phố Hồ Chí Minh đi xây dựng vùng kinh tế mới. [s.l.] Thanh Niên [1978]
MLCS82/9877 (P)
82-219726

149 p.

1352
Tiếng hát Việt Nam. Hà Nội, Văn Hóa, 1975–1977.
M1824.V5T55 Orien Viet
79-984339

2 v.
Unacc. melodies.
Errata slip inserted.

1353
Tiếng vọng từ đáy vực: thơ cuả một thi sĩ miền Bắc viết và gửi đi từ miền Bắc cho đồng bào Việt và những người yêu tự do trên khắp thế giới. [Washington, D.C.] Ủy Ban Tranh Đấu Cho Tù Nhân Chính Trị Tại Việt Nam [1980]
PL4378.9.T5682 1980 Orien Viet
80-984310

159 p. illus.

1354
Tìm hiểu chính sách mới về kinh tế. Hà Nội, Lao Động, 1981.
85-108011

138 p.

1355
Tìm hiểu đất nước Campuchia anh hùng. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1979.
DS554.36.T55 1979 Orien Viet
82-214672

265 p. illus., plates.

1356
Tìm hiểu điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh. Hà Nội, Lao Động, 1980.
83-189017

151 p.

1357
Tìm hiểu lịch sử văn hóa Nước Lào. v. [1–2]+ Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1978+
DS555.5T55 1978 Orien Viet
82-158874

illus., port.

1358
Tìm hiểu phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm, 1976–1980. [Hà Nội] Phổ Thông, 1977.
HC443.V5T55 Orien Viet
79-984371

67 p.

1359
Tình hình phát triển kinh tế và văn hóa của miền Bắc xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 1960–1975: số liệu

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1331
Thơ văn Phan Châu Trinh; Huỳnh Lý biên soạn với sự cộng tác của Hoàng Ngọc Phách. Hà Nội, Văn Học, 1983.
PL4378.9.P536A6 1983 Orien Viet
85-195230
158 p. illus., plates. (Văn học cổ cận đại Việt Nam)

1332
Thóc từ sông Hậu: tập văn của Đỗ Văn *and others*. [Hà Nội] Thanh Niên [1982]
PL4378.8.T56 1982 Orien Viet
85-194479
159 p.

1333
Thời kỳ cách mạng mới ở miền Bắc. Hà Nội, Sự Thật, 1961.
HC443.V5T48 Orien Viet
80-984262
71 p.
Includes bibliographical references.

1334
Thu Bồn. Dưới đám mây màu cánh vạc: tiểu thuyết. Hà Nội, Thanh Niên, 19
PL4378.9.T578D8 Orien Viet
79-984424
Errata slip inserted.

1335
Thu Bồn. Dưới tro: tập truyện ngắn. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1982.
PL4378.9.T578D84 1982 Orien Viet
83-184154
119 p.

1336
Thu Bồn. Kam-Pu-Chia hy vọng: trường ca. [Thành phố Hồ Chí Minh, s.n.]
PL4378.6.T49 1979 Orien Viet
83-133912
86 p.
Cover title: Cam-pu-chia hy vọng.

1337
Thu Bồn and *others*. Lòng tin và trách nhiệm. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1977.
AC160.V52L66 Orien Viet
79-984370
315 p.
Errata slip inserted.

1338
Thu Bồn *and others*. Thành phố tương lai: tập ký về thanh niên quân đội làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế. [s.l.] Thanh Niên [1978]
MLCS83/5336 (P)
83-111741
171 p.

1339
Thư mục thế giới ủng hộ Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược. Hà Nội, Bộ Văn Hóa, Thư Viện Quốc Gia, 1976.
Z3226.T48 1976 Orien Viet
83-107637
156 p.

1340
Thù này phải trả: tập kịch, chèo, ca, tấu. [s.l.] Sở Văn Hóa Hà Nội, [196]
PL4378.7.T45 1967 Orien Viet
83-116916
107 p. illus. (Tủ sách người Hà-Nội)

1341
Thư Viện Quốc Gia. Đảng cộng sản Việt Nam quang vinh: thư mục chuyên đề khoa học xã hội, số 262/B. Hà Nội, Bộ Văn Hóa và Thông Tin, 1978.
Z7164.P8D36 1978 Orien Viet
83-107936
200 p.

1342
Thư Viện Quốc Gia. Nông nghiệp Việt Nam và các nước nhiệt đới. Hà Nội, Bộ Văn Hóa, Thư Viện Quốc Gia, 1975.
Z5075.V5T47 1975 Orien Viet
79-984340
362 p.

1343
Thư Viện Quốc Gia. Thông tin văn hóa và nghệ thuật. v. [1]+ Hà Nội, Bộ Văn Hóa và Thông Tin, Thư Viện Quốc Gia, 1978+
83-118706

1344
Thư Viện Quốc Gia. Thư mục sách và bài đăng báo, tạp chí trong nước về văn hóa và nghệ thuật năm 1978. Hà Nội, Bộ Văn Hóa và Thông Tin, Thư Viện Quốc Gia Việt Nam, 1979.
Z3228.V5T49 1979 Orien Viet
80-984360
103 p.
Cover title.
"Thông tin văn hóa và nghệ thuật."

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

sóng: thơ. [s.l.] Tác Phẩm Mới, 1979.
MLCS83/2078 (P)
83-117058

168 p.

1317
Thất bại thảm hại của quân Trung Quốc xâm lược. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
DS559.916.T47 Orien Viet
81-156335

147 p.
Includes bibliographical references.

1318
Thế Đạt *and* Thái Nam. Những vấn đề tiết kiệm trong nông nghiệp xã hội chủ nghĩa Việt Nam. [s.l.] Nông Nghiệp [1979]
S471.V47T48 1979 Orien Viet
83-133915

159 p.

1319
Thế giới ca ngợi thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta. Hà Nội, Sự Thật, 1977.
DS559.6.T47 Orien Viet
79-984131

405 p.

1320
Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch. In lần thứ 2 có bổ sung và sửa chữa. Hà Nội, Sự Thật, 1976.
DS560.72.H6T43 Orien Viet
79-984119

689 p.

1321
Thế Lữ. Đòn hẹn: trinh thám. [United States, s.n., 1980?]
PL4378.9.T56D6 1980 Orien Viet
82-109071

197 p.
Reprint. Originally published: Saigon, Đời Nay, 1958.

1322
Thế Nam. Kẻ thù giấu mặt [Hà Nội] Thanh Niên, [1977]
E183.8.V5T53 Orien Viet
79-984122

171 p.

1323
Thế Uyên. Chiến-tranh cách-mạng; tiểu luận tài liệu. v. [1]+ [Saigon, Thái Độ, 1968+
U240.T52 Orien Viet
80-984036

maps (Tủ sách Binh thư quân chính)

1324
Theo bác đi kháng chiến. [Hà Nội] Thanh Niên, 1980.
DS560.72.H6T45 1980 Orien Viet
83-101895

275 p.
Includes bibliographical references.

1325
Thi Sảnh. Vịnh Hạ Long. Hà Nội, Văn Hóa, 1978.
DS559.92.H324T46 Orien Viet
80-984355

116 p. illus. plates.
Includes bibliographical references.

1326
Thiện Ân, Thích. Phật-giáo Việt-Nam xưa & nay: bài giảng trong chuyến công-du tại Hoa-kỳ và Nhật-bản. [Saigon] Đông-Phương, 1965.
BQ492.T47 Orien Viet
80-984312

84 p.

1327
Thiền Thức. Tôi tìm tôi. Ist ed. [San Jose, CA] Mimosart Studio [1983]
PL4378.9.T56815T6 1983 Orien Viet
83-137611

112 p. illus.

1328
Thiết Vũ. Nhật Ký ý địa chất: kịch. Hà Nội, Văn Hóa, 1976.
PL4378.9.T5683N5 Orien Viet
79-984345

163 p.
Errata slip inserted.

1329
Thơ Đỗ-Phủ. Hà Nội, Văn Học, 1962.
PL2675.A58 1962 Orien Viet
84-210669

265 p. illus.

1330
Thơ văn Nguyễn Bỉnh Khiêm. Hà Nội, Văn Học, 1983.
PL4378.9.N4484A6 Orien Viet
85-196740

339 p. (Văn học cổ cận đại Việt Nam)

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Nội, Phụ Nữ, 1982.
PL4378.8.T533 1982 Orien Viet
83-181667

115 p.

1303
Thanh Hương *and* Phương Anh. Hà Bắc, ngàn năm văn hiến; Lê Hồng Dương đề tựa; Khổng Đức Thiêm giới thiệu, xem lại. v. [1]+ Hà Bắc, Ty Văn Hóa, 1973+
DS559.92.H3T45 Orien Viet
81-162060

Contents.—tập 1. Các di tích lịch sử, kiến trúc và nghệ thuật.

1304
Thanh Nghị. Dictionnaire Vietnamien-français. Paris, l'Asiathèque, 1977.
PL4377.T47 1977
79-343898

2 v. (p. 16–1669)
On cover: Tự-điển tiếng Việt.
Reprint, without pref., of the 1951–52 ed., by Thanh Nghị, published by Thời-Thế, Saigon, under title: Việt-Nam tân tự điển.
Index français-Vietnamien: p. [1493]–1669.

1305
Thánh ngôn hiệp tuyển. Tòa thánh Tây-Ninh. [s.l., s.n.] 1950.
83-156010

97 p. (Đại-đạo tam-kỳ phổ-độ)

1306
Thanh Quế, Hoàng Minh Nhân, *and* Nguyễn Bảo. Miền đất ấy: tập truyện ngắn. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1978.
PL4378.8.T535 Orien Viet
79-984395

155 p.

1307
Thanh Quế *and* Trung Trung Đỉnh. Thung lũng Đặc Hoa: tập truyện ngắn. [s.l.] Phụ Nữ, 1980.
PL4378.8.T536 1980 Orien Viet
83-177964

134 p.

1308
Thanh Sĩ *and* Vương-Kim. Để hiểu Phật-giáo Hòa-Hảo. Santa Fe Springs, CA, Văn Phòng Phật Giáo Hòa Hảo Hải Ngoại, 1979.
BQ9800.P452T46 1979 Orien Viet
82-102346

216 p.

Reprint. Originally published: Saigon: Long-Hoa, 1965.

1309
Thanh Sơn *and* Thu Giang. Anh hùng núi Vêduyvơ (Xpactaquýt): truyện ký và lịch sử. [Hà Nội] Thanh Niên [1979]
PL4378.9.T537A82 1979 Orien Viet
83-150131

359 p.

1310
Thanh Thảo. Dấu chân qua trảng cỏ: thơ. In lần thứ 1. Hà Nội, Tác Phẩm Mới, 1978.
MLCS83/5509 (P)
83-107235

81 p.

1311
Thanh Thủy, Hoài Sơn, *and* Cao Phong. Trái bóng tròn lăn tới Tây Ban Nha. Hà Nội, Thể Dục Thể Thao, 1982.
83-184008

154 p.

1312
Thành tích năm năm hoạt động của chánh-phủ: 1954–1959. Saigon [s.n.], 1959.
84-209057

1020 p. illus.

1313
Thành Tín *and others*. Phụ nữ Campuchia: tập truyện ký. Hà Nội, Phụ Nữ, 1980.
PL4378.8.P53 1980 Orien Viet
82-103530

179 p.

1314
Thanh Tịnh. Thơ ca. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
MLCS82/7708
82-201921

137 p.

1315
Thanh Từ, Thích. Tam quy ngũ-giới. In lần thứ 4. [s.l.] Lá Bồi, 1975.
BQ4350.T46 1975 Orien Viet
83-148817

42 p.

1316
Thanh Tùng, Thị Hoàng, *and* Nguyễn Tùng Linh. Cửa

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Reprint. Originally published: 3rd ed. Saigon, Phương Quỳnh, 1969.

1288
Thái Lăng Nghiêm. Bàn về thống nhất dân tộc. [Saigon] Tủ Sách Kinh Dương, [1959]
DS556.9.T44 Orien Viet
80-984319

412 p.

1289
Thái Văn Trung. Thảm thực vật rừng Việt Nam (trên quan điểm hệ sinh thái). In lần thứ 2, có sửa chữa. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1978.
QK361.T47 1978 Orien Viet
82-129181

276 p. illus., maps.
Includes summaries in English and French.

1290
Thái Vũ. Ba đình: tiểu thuyết lịch sử. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1981.
PL4378.9.T49B3 1981 Orien Viet
85-117867

501 p.

1291
Thằng Ca, Thợ Đầu, *and* Tư Quê. Cười chanh ớt: khi Vẹm tới Sàigòn. v. [1]+ Paris, Sudasie, 1980+
PN6222.V5T45 1980 Orien Viet
84-171151

illus.

1292
Thắng lợi của tình hữu nghị và sự hợp tác toàn diện Việt Nam-Liên Xô. Hà Nội, Sự Thật, 1983.
DS556.58.S65T47 Orien Viet
85-201065

132 p.

1293
Thắng lợi oanh liệt và hào hùng của dân tộc ta chống bọn Trung Quốc xâm lược. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
DS559.916.T468 Orien Viet
81-169396

101 p.

1294
Thành Duy. Về tính dân tộc trong văn học; Nguyễn Khánh Toàn đề tựa. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1982.
PL4378.05.T48 1982 Orien Viet
84-241915

319 p.

1295
Thanh Giang. Mặt trăng. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1978.
QB581.9.T53 Orien Viet
80-984085

193 p. illus.
Bibliography: p. 189–191.

1296
Thanh Giang; Thành phố chúng ta. [s.l.] Thành Phố Hồ Chí Minh, 1980.
DS559.93.S2T53 1980 Orien Viet
82-202277

114 p. illus.

1297
Thanh Giang. Ước mơ tuổi trẻ: truyện Nguyễn Thị Phúc, anh hùng các lực lượng vũ trang; bìa và minh họa của Lưu Yên. Hà Nội, Kim Đồng, 1978.
PZ90.V5T48 Orien Viet
80-984178

131 p. illus.

1298
Thanh Giang. Vùng tranh chấp: tiểu thuyết. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1982.
PL4378.9.T495V8 1982 Orien Viet
83-184165

253 p.

1299
Thanh Hải. Dấu võng Trường sơn: thơ. Hà Nội, Văn Học, 1977.
PL4378.9.T497D3 Orien Viet
79-984124

100 p.

1300
Thanh Hải. Thơ Thanh Hải. Huế, Thuận Hóa, 1982.
PL4378.9.T497A6 1982 Orien Viet
83-184912

131 p.

1301
Thanh Hương. Vẻ đẹp: tập truyện ngắn. [s.l.] Tác Phẩm Mới; [s.l.] Hội Nhà Văn Việt Nam, 1979.
MLCS83/5533 (P)
83-141146

122 p.

1302
Thanh Hương *and* Đặng Anh Đào. Hạnh phúc. Hà

Digitized by Google
Original from UNIVERSITY OF ILLINOIS AT URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Nội] Phổ Thông, 1978+
DS556.39.T3 Orien Viet
82-102892
illus.

1273
Tâm Quán. Tình người: truyện. In lần thứ 4. Paris, France, Lá Bối, 1978.
PL4378.9.T34T5 1978 Orien Viet
83-146017
150 p.

1274
Tân Huyên và Phạm Thành. Đất nước Campu-chia. Hà Nội, Quân đội Nhân Dân, 1980.
DS554.382.T36 Orien Viet
81-213743
202 p.

1275
Tân-luật. [s.l.] Tòa-Thánh Tây-Ninh, Tân Mão, 1951.
83-192390
12 p. (Đại-đạo tam-kỳ phổ-độ)

1276
Tây-Hồ-Chí; Hsi-hu Chih. Dịch-giả, Trần-Thanh-Đạm. In lần thứ 1. [Saigon] Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, 1962.
83-192518
83 p. (Dịch-thuật tùng-thư)

1277
Tây nguyên, lũy thép thành đồng. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1973.
DS559.92.C46T39 1973 Orien Viet
84-239079
46 p.

1278
Tế Hanh. Con đường và dòng sông: tập thơ. Hà Nội, Văn Học, 1980.
PL4378.9.T4C6 1980 Orien Viet
83-181639
94 p.

1279
Thạch Giản. Tìm hiểu bộ máy nhà nước: Viện kiểm sát nhân dân. Hà Nội, Pháp Lý, 1982.
83-145040
92 p.

1280
Thạch Lam. Nắng trong vườn: tiểu thuyết. [s.l., s.n., 19]
82-102238
150 p.

1281
Thạch Lam. Ngày mới: tiểu thuyết. [s.l.] Đời Nay [1980?]
PL4378.9.T45N5 1980 Orien Viet
82-109063
240 p.

1282
Thái Bá Lợi. Họ cùng thời với những ai: tiểu thuyết. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1981.
PL4378.9.T475H6 1981 Orien Viet
83-183898
192 p.

1283
Thái Bá Lợi. Thung lũng thử thách: truyện. In lần thứ 1. Hà Nội, Tác Phẩm Mới, 1978.
MLCS83/2227 (P)
83-107221
215 p.

1284
Thái Bá Lợi. Vùng chân hòn tàu: tập truyện. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.
PL4378.9.T475V8 1978 Orien Viet
82-126443
178 p.

1285
Thái Công Tụng. Hiện-trạng và triển-vọng trong sự xử dụng đất đai tại miền Nam Việt-Nam. [Saigon, Sở Thông-tin Quảng-bá Nông-nghiệp, 1965]
HD890.5.T45 1965 Orien Viet
83-192268
98 p. illus.

1286
Thái Đình. Tử vi đại toàn. [Berkeley, CA, Thái Đình Nguyên] 1979.
BF1868.V55T45 Orien Viet
79-984402
199 p. illus.
Cover title.

1287
Thái Khắc Lê. Zen và dưỡng-sinh. In lần thứ 3 bổ-túc và tăng trang. Lancaster, PA, Xuân Thu [19]
RM235.T46 1900z Orien Viet
82-154558
297 p. illus.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

808 p. illus.
Includes bibliographical references.

1261
Sư đoàn 304: ký sự; ngươi viết, Hải Hô . . . [et al.]; chỉ đạo nội dung, Trung tướng Hoàng Minh Thảo. v. [1]+ Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980+
UA853.V5S9 1980 Orien Viet
82-101836

illus.

1262
Sư Đoàn Quân Tiền Phong. v. [3]+ Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979+
DS558.5.S8 Orien Viet
81-146707

1263
Sử học Việt Nam trên đường phát triển [của] Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện sử học. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1981.
DS556.42.S9 1981 Orien Viet
83-145066

282 p.
Includes bibliographical references.

1264
Sử-ký Việt-Nam của Tiểu-ban soạn sách giáo-khoa bình-dân, Nha tiểu-học-vụ. In lần thứ 1. [s.l.] Bộ Quốc-gia Giáo-dục, 1960.
DS556.3.S85 1960 Orien Viet
83-153266

72 p.

1265
Sự thật về một chính sách bành trướng và bá quyền. [Hà Nội, Thông Tấn Xã Việt Nam, 1979]
DS559.916.S9 1979 Orien Viet
82-214396

[110] p. illus.

1266
Sự thật về quan hệ Việt Nam-Trung Quốc trong 30 năm qua. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
DS556.58.C5S9 Orien Viet
81-166465

107 p. illus.

1267
Sử Văn Thon. Hai chị em: tiểu thuyết gồm 3 tập; Lê Ngô, dịch; Lý Khắc Cung, hiệu đính. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
MLCS82/5243
82-165497

274 p.

1268
Sức mạnh đoàn kết ý chí quyết thắng. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
DS554.842.S93 1979 Orien Viet
82-190686

91 p.

T

1269
Tả Ao. Địa lý Tả Ao: địa đạo diễn ca; Cao Trung [dịch]. [s.l.] Lam Sơn, 1980.
MLCS82/5042
82-157425

164 p. illus (Tủ Sách Gia Bảo)

1270
Tạ Quang Chiến. Mấy vấn đề về xây dựng nền thể dục thể thao Việt Nam xã hội chủ nghiã. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
GV713.T26 1981 Orien Viet
85-103765

77 p.

1271
Ta-shan. Hải-ngoại ký-sự. Sử-liệu nước Đại-Việt khoảng thế-kỷ XVII. Soạn-giả: Thích-Đại-Sản. [L.M. Nguyễn Phương, Hải Tiên Nguyễn Duy Bột phiên dịch với sự cộng-tác của Ủy-ban phiên-dịch sử-liệu Việt-Nam] Toàn bộ: 7 [i.e. 6] quyển. Huế, Viện Đại-học, 1963.
DS556.7.T3719 Orien Viet
80-984258

287 p. illus.
Translation of Hai wai chi shih.

1272
Tạ Thị Bảo Kim. Việt Nam thắng cảnh. v. [1]+ [Hà

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1245
Sáng tác mỹ thuật, 1978. Hà Nội, Văn Hóa, [1978]
N7314.S26 Orien Viet
80-984380
59 p. illus.

1246
Sáng tác mỹ thuật, 1979. Hà Nội, Văn Hóa, [1979]
N7314.S26 1979 Orien Viet
83-147397
60 p. illus.

1247
Sáu Bắc *and* Ba Nam. Nhạc cổ điển Việt-Nam. v. [1]+ [s.l., s.n.] 195?+
M59.5.N Orien Viet
83-192352

1248
Sau tấm màn nhung. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
PL4378.8.S25 Orien Viet
80-984187
122 p.

1249
Sêchxpia. Hài kịch Sêchxpia. Dương Tường dịch; Nguyễn Đức Nam viết tiểu dẫn. Hà Nội, Văn Học, [1981]+
84-142749

1250
Sherwood, Roy Edward. Vũ điệu trong bóng mờ. Fort Smith, AR, Sông Mới, [198]
PL4378.H5515V8 1980 Orien Viet
83-120068
268 p.

1251
Siêu Hải *and* Khắc Tinh. Đoàn "voi thép" trong chiến dịch hoà-bình: đông xuân 1951–1952. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1966.
DS553.3.H63S58 1966 Orien Viet
82-190861
133 p.

1252
Siêu Hải. Sông Lô: tiểu thuyết. [Thành Phố Hồ Chí Minh] Thanh Niên [1981]
PL4378.9.S52S6 1981 Orien Viet
83-182760
327 p.

1253
Số liệu thống kê, 1963; Tổng cục Thống kê. Hà Nội, Sự Thật, 1964.
HA4600.5.S66 1964 Orien Viet
83-106282
130 p.

1254
Sổ tay chiến sĩ y học dân tộc của Tổng Cục Hậu Cần, Cục Quân Y. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1983.
85-198995
130 p. illus.

1255
Sơn Nam. Bà Chúa Hòn: truyện dài. [Glendale, CA; distributed by Dainamco, 1980?]
PL4378.9.S6B3 1980 Orien Viet
80-984342
518 p.
Reprint of the 1969 ed. published by Kỷ Nguyên, Saigon.
Includes a reproduction of the t.p. of the 1969 ed.

1256
Sơn Tùng. Búp sen xanh: tiểu thuyết; bìa và minh họa của Văn Cao. Hà Nội, Kim Đồng, 1982.
PZ90.V5S6 1982 Orien Viet
84-158048
251 p. illus.

1257
Sơn Tùng. Trần Phú: truyện. [Hà Nội] Thanh Niên [1980]
PL4378.9.S64T7 1980 Orien Viet
83-135891
170 p. illus., plates.

1258
Song Hào. Dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng: hồi ký. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1965.
DS555.73.S66A33 1965 Orien Viet
82-190855
191 p.

1259
Song Hào. Kỷ luật của Quân đội nhân dân ta. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1974.
UB795.V5S67 1974 Orien Viet
83-146791
132 p.

1260
Song Hào. Về nhiệm vụ công tác chính trị trong quân đội nhân dân. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1975.
JQ898.W6S66 Orien Viet
80-984019

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Q

1234
Quan-âm thị-kính. [Sceaux?] Lá Bồi [1976?]
PL4378.9.Q33 1976 Orien Viet
83-186585
47 p.

1235
Quân-đội Việt-Nam cộng-hòa. Republic of Vietnam Armed Forces. [Sàigòn, Nha Chiến-tranh Tâm-lý, Bộ Quốc Phòng Ấn hành, 19]
UA853-V48Q32 1960z Orien Viet
83-189795
119 p. chiefly illus.
Cover title. English and Vietnamese.

1236
Quán triệt nghị quyết đại hội lần thứ V của đảng vào giảng dạy và nghiên cứu triết học. Hà Nội, Sách Giáo Khoa Mác-Lê-Nin, 1984.
B52.236 1984 Orien Viet
85-228256
250 p.

1237
Quang Dũng *and others*. Đất nước ngàn năm; bìa và minh họa của Tôn Đức Lương. v. [5]+ Hà Nội, Kim Đồng [1979]+
DS556.39.D37 Orien Viet
82-102354
illus.

1238
Quảng Ngãi chiến thắng. [Saigon, Nha Tổng Giám-đốc Thông-tin, 1963]
DS559.8.Q36Q36 Orien Viet
80-984026
31 p. illus., maps.

1239
Quang Nguyễn. Xây dựng và nhận diện hình. [Hà Nội] Thanh Niên [1981]
HQ799.V5Q36 1981 Orien Viet
85-198222
131 p.
Includes bibliographical references.

Quang Trung;
see Nguyễn Huệ

R

1240
Rạng đông thi tập v. [1]+ Tokyo, Hồng-Điệp Thi Xã, 1979+
PL4378.6.R3 1979 Orien Viet
83-189026
illus.

1241
Rơmah Dêl. Từ điển Việt-Gia Rai. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1977.
PL4498.J3R6 Orien Viet
79-984275
724 p.
At head of title: Viện Ngôn ngữ học.

S

1242
Sa Phong Ba. Những bông ban tím. Hà Nội, Lao Động, 1980.
PL4378.9.S2N45 1980 Orien Viet
83-117041
117 p.
Contents: Những bông ban tím—Bố con ông Pầng—Lòng rừng—Nỗi bực của y sỹ Pằn—Sao lạ Phiêng Xa.

1243
Sách hướng dẫn người tị nạn ở Hoa Kỳ. Washington, D.C., Center for Applied Linguistics, Language and Orientation Resource Center, c1981.
E184.V53S22 1981 Orien Viet
82-151185
210 p. illus.

1244
Sầm sét trên đường phố: ký về cuộc tổng tiến công và nổi dậy. [s.l.] Giải Phóng, 19 .
PL4378.8.S2 Orien Viet
79-984423

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Nội, Kim Đồng, 1979.
MLCM83/60 (P)
83-110771
35 p. illus.

1222
Phong Thu *and others*. Món quà từ Hợp Đức: tập truyện ký về công tác Trần Quốc Toản; bìa và minh họa của Lưu Yên. Hà Nội, Kim Đồng, 1978.
PZ90.V5M66 1978 Orien Viet
83-114081
75 p. illus (Sách cháu ngoan Bác Hồ)

1223
Phòng Tư Liệu. Thư Viện. Tổng mục lục và sách dẫn; các bài luận văn của 48 số tập san nghiên cứu văn sử địa, 153 số tạp chí nghiên cứu lịch sử., 1954–1973; [chủ biên Nguyễn Đổng Chi] Hà Nội, Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, Viện Sử Học, 1975.
Z3228.V5T66 1975 Orien Viet
83-189374
419 p.

1224
Phùng Văn Ong *and others*. Trận địa ở đây: tập truyện ký về ngành Y tế. [Hà Nội] Lao Động, 1968.
PL4378.8.T645 1968 Orien Viet
83-115019
132 p.

1225
Phùng Văn Tửu. Giăng-Giắc Ru-Xô. Hà Nội, Văn Hóa, 1978.
PQ2043.P47 1978 Orien Viet
83-139786
389 p. illus.

1226
Phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm, 1976–1980: báo cáo của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV do đồng chí Phạm-Văn-Đồng, Ủy viên Bộ chính trị Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ, trình bày. Hà Nội, Sự Thật, 1977.
HC444.P48 1977 Orien Viet
83-148647
121 p.

1227
Phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch nhà nước năm 1977: báo cáo của Hội đồng Chính phủ do đồng chí Lê-thanh-Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, trình bày tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa VI. Hà Nội, Sự Thật, 1977.
HC444.V54 1977 Orien Viet
83-179209
113 p.

1228
Phương Lâm *and* Mặc Châu. Hào khí Đồng Nai. [Hà Nội] Thanh Niên [1979]
DS556.8.P48 Orien Viet
81-157311
226 p. (Những danh nhân chống Pháp; tập 1)

1229
Phương Lựu. Học tập tư tưởng văn nghệ Vơlađimia Ilitsơ Lênin. Hà Nội, Văn Học, 1979.
DK254.L46 P48 1979 Orien Viet
82-122206
376 p. plates, port.
Bibliography: 373–[377]

1230
Phương Lựu. Lô Tấn, nhà lý luận văn học; biên tập, Vũ Công Tiến. Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1977.
PL2754.S5Z8174 1977 Orien Viet
83-189502
439 p. illus.

1231
Phương Nhi. Công tác phụ nữ nội tuyến đầu tổ quốc. Hà Nội, Phụ Nữ, 1979.
PL4378.9.P68C6 1979 Orien Viet
82-173561
57 p.

1232
Phương Việt. Con đường của các vật nuôi; bìa và minh họa của Tôn Đức Lượng. Hà Nội, Kim Đồng, 1977.
SF75.5.P48 1977 Orien Viet
83-117977
99 p. illus.

1233
Pờ Sáo Mìn *and others*. Rừng sáng: tập thơ nhiều tác giả. In lần thứ 1. Hà Nội, Văn Hóa, 1980.
83-115555

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

[s.l.] Tác phẩm mới, 1978.
MLCS83/5530 (P)
83-110768

147 p.

1209
Phan Quang. Lâm Đồng, Đà Lạt. Hà Nội, Văn Hóa, 1978.
DS559.92.L35P43 Orien Viet
80-984307

137 p. illus.

1210
Phan Thế Việt. Giun sán ký sinh trợ động vật Việt Nam: (thành phần loài, vị trí và hệ thống phân loại). Phan Thế Việt, chủ biên; Nguyễn Thị Kỳ, Nguyễn Thị Lê. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1977.
QL388.5.V5P48 Orien Viet
82-122176

625 p. illus.
Bibliography: p. 596–614.

1211
Phan Thị Thanh Nhàn. Hoa mặt trời. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
PL4378.9.P5813H6 Orien Viet
80-984345

138 p.

1212
Phan Trọng Cung, Đoàn Văn Thụ, *and* Nguyễn Văn Chí. Ve bét và côn trùng ký sinh ở Việt Nam. v. [1]+ Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1977+
QL757.P48 1977 Orien Viet
83-192504

illus.

1213
Phan Tứ. Măng mọc trong lửa. In lần thứ 2. Hà Nội, Kim Đồng, 1977.
PZ90.V5P49 1977 Orien Viet
79-984282

71 p. illus.

1214
Phan Tứ. Về làng: tập truyện ngắn. In lần thứ 1. Hà Nội, Văn Học, 1964.
MLCS83/2091 (P)
83-114979

107 p.

1215
Phan Văn Duyệt. Phóng xạ y học: cơ sở và lâm sàng. Hà Nội, Y Học, 1979.
R895.P44 Orien Viet
81-203160

239 p. illus.
Errata slip inserted.
Bibliography: p. 235–36.

1216
Pháo đài phiá bắc. [Thành phố Hồ chí Minh] Thanh Niên [1979]
PL4378.8.P46 1979 Orien Viet
83-188080

200 p.

1217
Phê phán chủ nghĩa bành trướng và bá quyền nước lớn của giới cầm quyền phản động Bắc Kinh, chủ biên, Phạm Như Cương; ban biên tập, Lê Hồng Hà, Phạm Huy Châu. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1979.
DS559.916.P43 Orien Viet
81-169680

266 p.
At head of title: Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam.
Includes bibliographical references.

1218
Phòng không, không quân: ký sự. v. [1]+ Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978+
DS558.8.P55 Orien Viet
80-984163

illus.
Errata slip inserted.

1219
Phong Lê. Văn xuôi Việt Nam trên con đường hiện thực xã hội chủ nghĩa. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1980.
PL4378.4.P53 1980 Orien Viet
83-188069

288 p.

1220
Phong Lê *and others*. Văn học Việt Nam chống Mỹ, cứu nước; chủ biên, Hoàng Trung Thông. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1979.
PL4378.05.V33 1979 Orien Viet
82-158881

467 p.
At head of title: Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện văn học.

1221
Phong Thu. Sao vui; bìa và minh họa của Ti-Li. Hà

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Học Chuyên Nghiệp 1979+
PL4378.05.P53 Orien Viet
81-159911
Includes bibliographical references.

1196
Phấn đấu cho một nền sân khấu hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hà Nội, Văn Hóa, 1977.
PN2891.P5 Orien Viet
79-984292
345 p.

1197
Phấn đấu trở thành đảng viên cộng sản. Hà Nội, Sách Giáo Khoa Mác-Lê-nin, 1980.
JQ898.D293P47 1980 Orien Viet
83-189497
135 p.

1198
Phấn đấu xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
DS559.912.P53 1978 Orien Viet
82-173454
71 p.
Includes bibliographical references.

1199
Phan Gia Bền *and others*. Lược sử nước Lào. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1978.
DS555.5.L86 1978 Orien Viet
83-146873
338 p. illus., plates.

1200
Phan Huy Chú. Lịch triều hiến chương loại chí; Tổ biên dịch Viện sử học Việt Nam, biên dịch và chú giải. v. [1–2, 4] Hà Nội, Sử Học [1960–1961]
DS556.36.P47 1960 Orien Viet
83-171321
Includes index.
Contents.—tập 1. Dư địa chí. Nhân vật chí—tập 2. Quan chức chí. Lễ nghi chí—tập 4. Binh chế chí. Văn tịch chí. Bang giao chí.

1201
Phan Huy Ích. Dư âm ngâm lục; thơ văn. Người dịch, Đào Phương Bình *and others*; người hiệu đính, Đào Phương Bình, Đỗ Ngọc Toại; giới thiệu văn bản, Nguyễn Ngọc Nhuận. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1978.
PL4378.9.P546D8 1978 Orien Viet
81-157652
3 v.
At head of title: Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Ban Hán Nôm.

1202
Phan Kế Hoành *and* Huỳnh Lý. Bước đầu tìm hiểu lịch sử kịch nói Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám. Hà Nội, Văn Hóa, 1978.
PL4378.3.P4 Orien Viet
81-173765
203 p.
Bibliography: p. 200–1.

1203
Phan Liêu. Đất cát biển Việt Nam. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1981.
S599.6.V5P47 1981 Orien Viet
83-144665
259 p. illus.

1204
Phan Nhật Nam. Dọc đường số 1: bút ký. Lancaster, PA, Xuân Thu, [1980?]
PL4378.9.P57D6 1980 Orien Viet
80-984248
237 p.
Reprint of the 1970 ed. published by Đại ngã, Saigon.

1205
Phan Nhật Nam. Dựa lưng nỗi chết: truyện dài. [Lancaster, PA, Xuân Thu, 1978?]
PL4378.9.P57D8 1978 Orien Viet
79-984047
288 p.
Reprint of the 1973 ed. published by Hiện Đại, Saigon.

1206
Pham Nhật Nam. Tù binh và hoà-bình: bi ký hòa bình. Glendale, CA, Tinh Hoa Miền Nam [1979?]
DS559.7.P48 1979 Orien Viet
81-203184
422 p.
Reprint. Originally published: 1974.

1207
Phan Quang. Đồng bằng sông Cửu Long. Hà Nội, Văn Hóa, 1981.
DS559.92.M44P48 1981 Orien Viet
85-107840
233 p. illus., plates.

1208
Phan Quang. Hạt lúa bông hoa: tập ký. In lần thứ 1.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1182
Phạm Văn Kỉnh. Văn hóa Hoa Lộc: kết quả nghiên cứu hai địa điểm khảo cổ học ở Hoa Lộc và Phú Lộc, huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa. Quang Văn Cây; với sự cộng tác của Ngô Quộc Túy, Phạm Văn Đầu. [Hà Nội] Viện Bảo Tàng Lịch Sử Việt Nam, 1977.
DS559.93.H6P46 Orien Viet
79-984410

247 p. illus.
At head of title: Viện bảo tàng lịch sử Việt Nam.
Bibliography: p. 235–39.

1183
Phạm Văn Nghị. Thơ văn Phạm Văn Nghi [của] Nguyễn Văn Huyên. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1979.
PL4378.9.P524A6 1979 Orien Viet
82-126449

231 p. illus., plates.
Bibliography: p. 225–26.

1184
Phạm Văn Nguyên. Những cây có dầu béo ở Việt Nam. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1981.
SB298.5.V5P43 1981 Orien Viet
83-144134

248 p. illus.
Bibliography: p. 245–46.

1185
Phạm Văn Phúc. Xử trí cấp cứu bỏng. Hà Nội, Y Học, 1980.
MLCS82/10951 (R)
82-224332

51 p.

1186
Phạm Văn Thiêm. Cuộc hành trình thứ hai của Prô-mê-tê. [Hà Nội] Thanh Niên [1976]
QC794.98.P47 1976 Orien Viet
79-984346

237 p. illus.

1187
Phạm Văn Trọng *and* Huỳnh Văn Đô. Quốc-sử: lớp ba; tranh vẽ của Huỳnh Phú Nhiêu. [Saigon] Bộ Văn-hóa Giáo-dục, 1965.
DS556.5.P46 1965 Orien Viet
83-202158

132 p. illus. (Tủ sách tiểu-học)

1188
Phạm Văn Trọng *and* Phạm Thị Ngọc Dung. Quốc-sử: lớp nhì; trình bày, Huỳnh Phú Nhiêu. [Saigon] Bộ Văn-hoá Giáo-dục, 1965.
DS556.3.P49 1965 Orien Viet
83-153051

188 p. illus. (Sách sử-ký bậc tiểu-học)

1189
Phạm Viết Trung, Đỗ Văn Nhung, *and* Chiêm Tê. Đất nước Cam-pu-chia; lịch sử và văn minh. [Hà Nội] Bộ Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, Trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội, 1977.
DS554.5.P45 1977 Orien Viet
80-984136

431 p. illus., plates.
Bibliography: p. 420–28.

1190
Phạm Xuân Độ. Nữ thi-hào Việt-Nam. In, lần thứ 1. [Saigon] Bộ Quốc-gia Giáo-dục, 1959.
PL4378.2.P53 1959 Orien Viet
83-104128

111 p. (Tủ sách trung-học)
Includes bibliographical references.

1191
Phạm Xuân Độ. Tâm-lý học ứng-dụng. In lần thứ 3. [Saigon] Trung-tâm Học-liệu, Bộ Giáo-dục, 1970.
BF636.P45 1970 Orien Viet
83-155802

291 p. illus.

1192
Phạm Xuân Thông *and others*. Truyện cổ Chàm. Hà Nội, Văn Hoá Dân Tộc, 1978.
GR308.5.C52T78 Orien Viet
80-984311

259 p.
Errata slip inserted.

1193
Phan Cảnh Trung *and* Nhật Giang Tử. Thần-diệu đại-hiệp. v. [1]+ Los Alamitos, CA, Vietnam, [198]+
84-233217

1194
Phan Châu Trinh. Giai-nhân kỳ-ngộ: anh hùng ca. Phan-Tây-Hồ tiên-sinh lịch-sử, Huỳnh-Thúc-Kháng biên soạn; Lê-Văn-Siêu Bình-giải và Chú-thích. Saigon, Hướng-Dương, 1958.
83-192219

275 p. illus., plates.

1195
Phan Cự Đệ *and* Hà Minh Đức. Nhà văn Việt Nam (1945–1975). v. [1]+ Hà Nội, Đại Học và Trung

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1168
Phạm Tuyên. Các bạn trẻ hãy đến với âm nhạc. [Hà Nội] Thanh Niên, 1982.
ML3795.P42 1982 Orien Viet
83-144660

113 p.

1169
Phạm Văn Bảy. Từ điển kỹ thuật vô tuyến điện tử Anh-Việt. Hà-Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1976.
TK6544.P45 Orien Viet
79-984148

369, [2] p.
Added t.p.: English-Vietnamese dictionary of radio engineering and electronics.
Bibliography: p. [70]–[71]

1170
Phạm Văn Đồng. Công tác y tế và bảo vệ bà mẹ, trẻ em. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
83-133311

109 p.

1171
Phạm Văn Đồng. Làm chủ tập thể lao động và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
DS559.912.P5 1978 Orien Viet
83-142033

40 p.

1172
Phạm Văn Đồng. Một số vấn đề về nhà nước. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
DS556.9.P49 Orien Viet
81-213494

469 p., [1] leaf of plates: port.

1173
Phạm Văn Đồng. Phương hướng, nhiệm vụ, và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm, 1976–1980: báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV do đồng chí Phạm-Văn-Đồng, Ủy Viên Bộ chính trị Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ, trình bày. Hà Nội, Sự Thật, 1977.
HC444.P46 1977 Orien Viet
82-190973

121 p.

1174
Phạm Văn Đồng. Sự nghiệp giáo dục trong chế độ xã hội chủ nghiã. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
LA1181.P45 Orien Viet
81-203197

226 p. [1] leaf of plates: port.

1175
Phạm Văn Đồng. Tăng cường lãnh đạo quản lý kinh tế tài chính. Hà Nội, Sự Thật, 1964.
HC443.V5P463 Orien Viet
80-984016

187 p.

1176
Phạm Văn Đồng. Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ. Hà Nội, Văn Học, 1969.
NX750.V5P46 1969 Orien Viet
83-133920

264 p.

1177
Phạm Văn Đồng. Tổ quốc ta nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ. In lần thứ 5 có sửa chữa, bổ sung. Hà Nội, Văn Học, 1983.
NX750.V5P46 1983 Orien Viet
85-194568

546 p. illus., plates.

1178
Phạm Văn Đồng. Vươn tới những đỉnh cao của sự nghiệp khoa học và kỹ thuật. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
T27.V5P47 Orien Viet
80-984352

144 p.

1179
Phạm Văn Đồng *and others*. Sáu trăm năm Nguyễn Trãi: thơ, văn. Hà Nội, Tác Phẩm Mới, 1980.
DS556.73.N49S28 1980 Orien Viet
82-189030

192 p. illus.
Includes bibliographical references.

1180
Phạm Văn Hải. Sơ-lược về ảnh-hưởng Trung-Hoa trong tiếng Việt. Washington, D.C., Hội Sinh Viên Công Giáo Việt-Nam tại Mỹ, 1976.
83-181206

61 p. (Chuông Việt; số 182)

1181
Phạm Văn Hải. Vần tiếng Việt. Waterbury, CT, Hội Sinh Viên Công Giáo Việt-Nam tại Mỹ, 1977.
PL4372.P45 1977 Orien Viet
83-189552

137 p. illus.
Includes index.
Bibliography: p. 133–34.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1154
Phạm Lê Hoàn, Hồ Nga *and* Lê Tấn. Việt Nam, Tổ quốc Em. Thành Phố Hồ Chí Minh, Văn Nghệ, 1980.
DS556.39.P47 1980 Orien Viet
82-172936

136 p. illus.

1155
Phạm Ngọc Toàn *and* Phan Tất Đắc. Khí hậu Việt Nam. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1978.
QC990.V5P53 1978 Orien Viet
82-159048

319 p. illus.
Bibliography: p. 316–18.

1156
Phạm Nguyên Long, Thành Đức, *and* Tân Huyên. Campuchia, đất nước yêu thương, tươi đẹp, bất khuất. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1980.
DS554.382.P45
81-213047

95 p. illus., map, plates.
Includes bibliographical references.

1157
Phạm Như Cương. Triết học và cuộc đấu tranh ý thức hệ: về một số trào lưu triết học tư sản hiện đại. Hà Nội, Thông Tin Lý Luận, 1983.
B809.8.T67 1982 Orien Viet
84-247800

302 p.

1158
Phạm Thái Chi. Lăng Thượng Châu: thi-tập. Los Angeles, CA, Thức Tỉnh Magazine [1982]
PL4378.9.P523L3 1982 Orien Viet
85-114014

160 p.

1159
Phạm Thành. Nói Chuyện chiến tranh tâm lý. Hà Nội, Lao Động, 1980.
MLCS83/8005 (J)
83-114310

114 p.

1160
Phạm Thanh. Thi-nhân Việt-Nam hiện-đại. Fort Smith, AR, Sông Mới [1979?]
PL4378.6.P48 1979 Orien Viet
81-166414

2 v. (778 p.), ports.
Originally published: Saigon, Khai-Trí, 1959.

1161
Phạm Thị Tự, Lê Xuân Khoa, *and* Trần Trọng San. Công-dân giáo-dục, lớp đệ-tam (chương-trình 1958). [Saigon] Bộ Quốc-gia Giáo-dục, 1960.
JQ883.P474 1960 Orien Viet
83-105242

248 p.

1162
Phạm Thị Tự, Nguyễn Khắc Nhân, *and* Trần Trọng San. Công-dân giáo-dục, lớp đệ ngũ. In lần thứ 1. [Saigon] Bộ Quốc-gia Giáo-dục, 1959.
JQ883.P47 1959 Orien Viet
83-105212

159 p. illus., plates. (Tủ sách trung-học)

1163
Phạm Thị Tự, Trần Trọng San, *and* Lê Xuân Khoa. Công-dân giáo-dục, lớp đệ-nhị. In lần thứ 1. [Saigon] Bộ Quốc-gia Giáo-dục, 1960.
JQ883.P473 1960 Orien Viet
83-110030

188 p. illus.

1164
Phạm Thị Tự, Trần Trọng San, *and* Lê Xuân Khoa. Công-dân giáo-dục, lớp đệ tứ. In lần thứ 1. [Saigon] Bộ Quốc-gia Giáo-dục, 1960.
JQ884.P42 1980 Orien Viet
83-110016

195 p.

1165
Phạm Thiên Thư. Kinh ngọc. [s.l.] Đại Học Vạn Hạnh, [197]
MLCS83/5118 (P)
83-117864

182 p. illus.
Poems based on the Vajracchedika Prajna Paramita Sutra.

1166
Phạm Toàn *and* Nguyễn Trương. Sách học tiếng Việt. v. [4]+ Hà Nội, Giáo Dục, [1978]+
PL4378.S2 1978 Orien Viet
82-159176

"Dùng cho học sinh các dân tộc miền núi."

1167
Phạm Trọng Điềm *and* Bùi Văn Nguyên. Hồng Đức quốc âm thi tập. In lần thứ 2 có sửa chữa. Hà Nội, Văn Học, 1982.
PL4378.6.H643 1982 Orien Viet
83-145654

282 p. (Tủ sách cổ cận đại Việt Nam)

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

P

1139
Phác Văn. Bác Hồ của chúng ta. [Hà Nội] Thanh Niên, 1978.
DS560.72.H6P44 1978 Orien Viet
83-112775
59 p.

1140
Phạm Bái. Con Đường vũ thắng. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
MLCS82/5247
82-167681
99 p.

1141
Phạm Cương. Củ chi, huyện anh hùng. [s.l.] Thành Phố Hồ Chí Minh, 1980.
DS559.9.C8P48 1980 Orien Viet
81-172868
278 p. illus., map.

1142
Phạm Đình Hổ *and* Nguyễn Án. Tang thuong ngẫu lục. [Hà Nội] Văn Hóa, Viện Văn Học, [196]
83-151739
179 p.

1143
Phạm Đình Trọng. Rừng và biển: tập truyện ngắn. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1982.
PL4378.9.P475R8 1982 Orien Viet
83-184147
119 p.

1144
Phạm Doanh *and others*. Đất rộng trời xanh: thơ. Hà Nội, Thanh Niên, 1977 printing.
MLCS82/5044
82-163214
131 p.

1145
Phạm Đức Duật. Văn học dân gian Thái Bình; sưu tầm, biên soạn, Phạm Đức Duật, Trương Sĩ Hùng, *and* Nguyễn Huy Hồng. v. [1]+ Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1981+
PL4378.85. T46V3 1981 Orien Viet
83-145139

1146
Phạm Gia Cường. Thực hành nội khoa hô hấp. Hà Nội, Y Học, 1984.
85-227496
183 p. illus.

1147
Phạm Giật Đức. Từ Hà-Nội đến Mạc-Tư-Khoa: tài-liệu bút-ký chính-trị. Saigon, Thanh-Long, 1956.
DS556.8.P396 1956 Orien Viet
83-153333
206 p.

1148
Phạm Hoàng Gia. Nói chuyện tâm lý. [s.l.] Thanh Niên [1978].
BF38.5.P476 1978 Orien Viet
83-133477
162 p.

1149
Phạm Hùng. Mấy vấn đề về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới. Hà Nội, Công An Nhân Dân, 1982.
84-248331
66 p.

1150
Phạm Hùng. Tăng cường công tác tài chính, ra sức phục vụ nhiệm vụ cải tạo và phát triển kinh tế. Hà Nội, Sự Thật [1959]
HC443.V5P44 Orien Viet
80-984001
19 p.

1151
Phạm Khắc Hòe. Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc. [Hà Nội] Hà Nội, 1983.
DS556.83.P45A38 1983 Orien Viet
85-200401
283 p.

1152
Phạm Kiều Tùng *and others*. Nhã tập mùa cầm xanh. Saigon, Nhã Tập, 1972.
83-189364
47 p.

1153
Phạm Kim Vinh. Phạm Kim Vinh đọc Đại thắng mùa xuân, Văn Tiến Dũng. San Diego, CA, Hồn Việt [1976]
DS557.7.V353P43 1976 Orien Viet
83-180663
179 p. illus.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1981.
DS556.49.N48 1981 Orien Viet
83-153667

487 p. (Sử học; số2)

1124
Niên-giám Hạ-Nghị-Viện: Pháp Nhiệm I, Việt-Nam Cộng-Hòa. Saigon, Chấn Hưng, 1971.
JQ863.A4V54 1971 Orien Viet
84-190028

190 p. illus.

1125
Niên-giám hành-chánh: cập-nhựt-hóa đến tháng sáu 1959. Việt-Nam Cộng-Hòa. Saigon, Học-viện Quốc-gia Hành-chánh [195]
83-154312

159, [25] p. illus., plates.

1126
Niên-lịch công-đàn, 1960–1961; Nguyễn Ngọc Linh, chủ-trương biên-tập. Saigon, Công-đàn, c1960.
DS556.3.N53 1960 Orien Viet
83-193709

587 p.

1127
Ninh Viết Giao *and* Học Phi. Cô giáo Sa đéc. Hà Nội, Phụ Nữ, 1981.
PL4378.8.C59 1981 Orien Viet
85-104615

145 p. (Con đường giải phóng; tập IV)

1128
Ninh Viết Giao, *and others*. Truyện cổ Thái. Hà Nội, Văn Hóa, 1980.
82-165179

175 p.

1129
Nơi bắt đầu: tập truyện ngắn của Kao Sơn *and others*. [s.l.] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà văn Việt Nam, 1983.
PL4378.8.N597 1983 Orien Viet
85-227603

175 p.

1130
Nông dân Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội; Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện sử học. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1979.
HD2080.5.Z8N66 1979 Orien Viet
82-155749

446 p. illus.
Includes bibliographical references.

1131
Nông Quốc Chấn. Bài thơ Pác Bó: tiếng Việt, Tiếng Tày. Hà Nội, Văn Hóa, 1982.
PL4251.W559N6643 1982 Orien Viet
83-144229

133 p.

1132
Nông Quốc Chấn. Đường ta đi: phê bình, tiểu luận. [s.l.] Việt Bắc, 1972.
83-189293

293 p.

1133
Nông Quốc Chấn *and others*. Ký sự thăm nước Lào. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1979.
DS555.382.K9 1979 Orien Viet
82-185791

150 p.

1134
Nông Viết Toại. Đoạn đường ngoặt; Boỏng tàng tập éo. Hà Nội, Văn Hóa, 1982.
PL4378.9.N67D6 1982 Orien Viet
84-244680

160 p.

1135
Nữ chiến sĩ Xô Viết Nghệ Tĩnh. Hà Nội, Phụ Nữ, 1980.
PL4378.8.N8 1980 Orien Viet
83-146677

151 p.

1136
Núi mọc trong mặt gương: tập thơ miền núi. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1980.
83-184848

119 p.

1137
Núi rừng vào trận: tập thơ. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
MLCS83/2069 (P)
83-108166

70 p.

1138
Nước Cộng hòa dân chủ Đức. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
DD282.N86 1979 Orien Viet
83-146784

69 p. illus., plates.

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Mới, Hội Nhà văn Việt Nam, 1981.
PL4378.8.N566 1981 Orien Viet
85-116895

257 p.

1111
Những đồm lửa: tập truyện ngắn, Á, Phi, Mỹ La Tinh [của] nhiều người dịch; Vũ Quần Phương giới thiệu. Hà Nội, Lao Động, 1982.
PN6120.9.V53N48 1982 Orien Viet
83-185679

157 p.

1112
Những đồng cỏ thơ ấu: giai phẩm họp mặt Chu Văn An. Hoa Thịnh Đốn, Chu Văn An [1981]
84-136727

44 p. illus.

1113
Những mẩu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ. Ban nghiên cứu lịch sử đảng, Tỉnh ủy Nghệ Tĩnh. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
DS560.72.H6N48 1980 Orien Viet
82-166728

82 p. [8] illus., plates.

1114
Những nét sơ lược về Phật-giáo Hòa-Hảo. A brief description of Hòa-Hảo Buddhism. Santa Fe Springs, CA, Văn-phòng Phật-giáo Hòa-Hảo Hải-ngoại, 1983.
BQ9800.P452N48 1983
84-132826

24 p. illus.
English and Vietnamese.

1115
Những ngày kháng chiến. v. [2]+ Quy Nhơn, Ty Văn Hóa Thông Tin Nghiã Bình [1960]+
PL4378.8.N568 1980 Orien Viet
82-192626

1116
Những nhiễm độc cấp thường gặp; chủ biên Vũ Đình Hải *and others*. Hà Nội, Y Học, 1979.
RA1224.5.N48 1979 Orien Viet
83-189055

295 p.

1117
Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1978. [Hà Nội] Viện Khảo Cổ Học, Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, [1979].
DS560.42.N483 Orien Viet
81-173732

399 p. illus.
Includes bibliographical references.

1118
Những sự kiện lịch sử Đảng. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương. v. [1]+ Hà Nội, Sự Thật, 1976+
JQ898.D293N48 1976 Orien Viet
83-189203

illus.
Bibliography: v. 1, p. [669]–82.
Contents: tập 1. 1920–45.

1119
Những sự kiện lịch sử Đảng tỉnh Quảng Ninh, 1928–1955. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh ủy Quảng Ninh. [s.l.] 1980.
HX400.5.Q36N48 1980 Orien Viet
83-150108

350 p. illus., plates.

1120
Những tầng cây săng lẻ: tập truyện. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1984.
PL4378.8.N582 1984 Orien Viet
85-226128

241 p.

1121
Những vấn đề chung về quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa; Mai Hữu Khuê chủ biên. Hà Nội, Lao Động, 1977.
HC704.N47 1977 Orien Viet
83-143684

239 p.
Errata slip inserted.
Includes bibliographical references.

1122
Những vấn đề địa chất tây bắc Việt Nam. Tổng cục địa chất, Liên đoàn bản đồ địa chất. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1977.
QE296.N48 1977 Orien Viet
81-203155

357 p. illus., plates.
Bibliography: p. 356.

1123
Những vấn đề khoa học lịch sử ngày nay: thông báo khoa học của ngành sử các trường đại học. Ban thư ký ngành sử các trường đại học. Hà Nội, Đại Học

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1097
Nhất Hạnh, Thích. Tý; với mười bốn bức minh họa của bé Thanh Tuyền (bảy tuổi). In lần thứ 1. Paris; San Jose, Lá Bồi, 1984.
PL4378.9.N55T85 1984
85-188076

2 v. illus.
Contents: tập 1. Cây tre triệu đốt—v. 2. Chiếc lá ổi non.

1098
Nhất Hoành Sơn. Công-dân giáo-dục phổ thông. Hà Nội, Ngày Mai, 1949.
JQ883.N47 1948 Orien Viet
82-229566

114 p. illus.

1099
Nhất Linh. Nắng thu: truyện dài. Glendale, CA, Tinh Hoa Miền Nam [19]
PL4378.9.N58N3 1900z Orien Viet
82-109709

120 p.
Reprint. Originally published: Saigon, Đời Mới, 1963.

1100
Nhật Tiến. Tiếng kèn. [California] Văn Học [1980?]
PL4378.9.N6T43 1980 Orien Viet
82-211608

138 p. illus., plates.
Cover title.

1101
Nhật Tiến, Dương Phục, *and* Vũ Thanh Thủy. Hải tặc trong Vịnh Thái Lan: bản tường trình của những thuyền nhân Việt Nam hiện đang sống trong trại tỵ nạn, Songkhla-Thái Lan. San Diego, CA, Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển [1981?]
DS578.3.N45 1981 Orien Viet
82-204881

112 p. illus.

1102
Nhất Uyên *and* Phạm Hồng Chinh. Công cha như núi Trường Sơn. Paris, Hội Sinh Viên Sáng Tác, 1975.
PL4378.6.N58 1975 Orien Viet
83-148839

84 p.

1103
Nhị Ca. Dọc đường văn học: tiểu luận, phê bình. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1977.
PL4378.N47 Orien Viet
79-984322

388 p.
Includes bibliographical references.

1104
Nhị Lang. Nước lại về nguồn: truyện dài; tựa của Cao Thế Dung. In lần thứ 1. Denver, Colo., Lion Press; Boulder, CO, Order from Kim Anh [1982]
PL4378.9.N656N8 1983 Orien Viet
84-130754

311 p.

1105
Nhiệm vụ cơ bản và cấp bách của quản lý kinh tế: ba nghị quyết quan trọng của Hội đồng Chính phủ về quản lý kinh tế ban hành năm 1976. Hà Nội, Sự Thật, 1977.
HC444.N44 1977 Orien Viet
82-190950

110 p.

1106
Nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1979: báo cáo của Hội đồng Chính phủ do đồng chí Lê Thanh Nghị, Ủy viên Bộ chính trị trung ương Đảng, Phó thủ tướng Chính phủ, trình bày tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội khóa VI. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
HC444.V53 1979 Orien Viet
83-178171

73 p.

1107
Nhớ ơn bác Hồ. [Hà Nội] Phụ Nữ, 1980.
DS560.72.H6N478 1980 Orien Viet
83-101904

160 p.

1108
Như Thiết. Quán triệt tính đảng trong Mỹ học và nghệ thuật. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1973.
HX521.N53 1973 Orien Viet
83-148645

282 p.

1109
Nhuận Vũ. Tình hình quân sự Mỹ; qua lời thú nhận của tướng lĩnh và báo chí Mỹ. [Hà Nội] Quân Đội Nhân Dân [1961]
UA23.N548 Orien Viet
81-984011

99 p. illus., map.
Includes bibliographical references.

1110
Những chuyến vượt sông: truyện ký. [s.l.] Tác Phẩm

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1082
Nguyễn Xuân Huyên. Hướng dẫn chẩn đoán lâm sàng v. [2]+ [s.l.] Y Học [1971]+
RC76.N46 1971 Orien Viet
82-102349

Errata slip inserted.

1083
Nguyễn Xuân Sanh. Đất nước và lời ca: tập thơ, 1970–1977. In lần thứ 1. [s.l.] Tác Phẩm Mới, 1978.
MLCS83/5502 (P)
83-136650

125 p.

1084
Nguyệt Quang, Thích. A Di Đà Phật. [Gia-định] Thích-Ca Thơ-Viện [1949]
BQ4690.A74V55
80-984252

64 p. illus.

1085
Nguyệt Tú. Chị Minh Khai: truyện. Hà Nội, Phụ Nữ, 1976.
DS556.83.M56N48 Orien Viet
79-984146

136 p. illus.

1086
Nhã Ca. Bầy phương vỹ khác thường. [United States, s.n., 1980?]
PL4378.9.N549B3 1980 Orien Viet
82-109714

248 p. (Tủ sách trăng mười sáu)

1087
Nhã Ca. Ngày đôi ta mới lớn: truyện dài. [Los Alamitos, CA, Việt Nam, 1980?]
PL4378.9.N549N36 1980 Orien Viet
80-984250

252 p. (Tủ sách Trăng mười sáu)

Reprint of the 1974 ed. published by Thương Yêu, Saigon.

Includes a reproduction of the t.p. of the 1974 ed.

1088
Nha Trang du lịch. Saigon, Nha Quốc-gia Du-lịch [196–]
DS559.93.N46 1960z Orien Viet
83-154723

37 p. illus., plates.

1089
Nhất Hạnh, Thích. Ám mây ngủ. In lần thứ 1. Paris, Lá Bồi, 1982.
PL4378.9.N55A8 1982 Orien Viet
83-145326

200 p.

1090
Nhất Hạnh, Thích. Bông hồng cài áo. Berkeley, CA, Ý Thức, 1981. (Tủ sách Ý-Thức; no. 4)
PL4378.9.N55B6 1981 Orien Viet
82-158996

1091
Nhất Hạnh, Thích. Bưởi: tập truyện. [In lần thứ 1]. [Paris] Lá Bồi [1979]
PL4378.9.N55B8 Orien Viet
80-984351

158 p.

1092
Nhất Hạnh, Thích. Đạo Phật đi vào cuộc đời, và những tiểu luận khác [của] Nhất Hạnh. [In lần thứ 2. Saigon] Lá Bồi [1966]
BQ4150.N47 1966 Orien Viet
80-984025

206 p.

1093
Nhất Hạnh, Thích. Tô: tập truyện. In lần thứ 1. Paris, Lá Bồi, 1980.
PL4378.9.N55T6 1980 Orien Viet
83-144293

201 p.

1094
Nhất Hạnh, Thích. Trái tim mặt trời: từ chánh niệm đến thiên quán. In lần thứ 1. Paris, Lá Bồi, 1982.
BQ5395.N47 1982 Orien Viet
83-144278

170 p.

1095
Nhất Hạnh, Thích. Tương lai thiền học Việt Nam: thư gửi am chủ am Thiên Duyệt. In lần thứ 1. Paris, Sunnyvale, CA, Lá Bồi, 1982.
BQ496.N47 1982 Orien Viet
84-127478

57 p.

1096
Nhất Hạnh, Thích. Tương lai văn hóa Việt Nam: Viết cho thằng Cu và con Hĩm. In lần thứ 1. Paris; Sunnyvale, CA, Lá Bồi, 1982.
DS556.42.N47 1982 Orien Viet
84-127736

57 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1068
Nguyễn Văn Hoan. Pháo thủ số 7; bìa và minh họa, Nguyễn Đình Dũng. Hà Nội, Sở Văn Hóa Thông Tin, 1973.
MLCM83/2096 (P)
83-117946
28 p. illus.

1069
Nguyễn Văn Huyên. Thơ văn Phạm Văn Nghị. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1979.
PL4378.9.P524A6 1979 Orien Viet
82-126449
231 p. [2] p. of places, illus.

1070
Nguyễn Văn Lê. Khoa học lao động. In lần thứ 2 có bổ sung. Hà Nội, Lao Động, 1978.
T59.7.N49 1978 Orien Viet
82-167021
383 p. illus.

1071
Nguyễn Văn Minh *and others*. Lực lượng vũ trang nhân dân Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
83-134266
389 p. illus., plates.

1072
Nguyễn Văn Sâm. Câu hò Vân Tiên. [Houston, TX] Gió Việt, 1985.
PL4378.9.N54794C38 1985 Orien Viet
85-213441
199 p. illus.

1073
Nguyễn Văn Thảo. Tìm hiểu bộ máy nhà nước: Quốc hội và Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng. Hà Nội, Pháp Lý, 1982.
JQ831.N49 1982 Orien Viet
85-104734
81 p.

1074
Nguyễn Văn Trân. Những vấn đề cơ bản trong đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của Đảng. Hà Nội, Sự Thật, 1974.
HD3616, V53N48 1974 Orien Viet
83-133557
82 p.

1075
Nguyễn Văn Vân. Vấn đề ngoại khoa trong loét dạ dày, tá tràng. Hà Nội, Y Học và Thể Dục Thể Thao, 1970.
83-115598
275 p. illus., plates.

1076
Nguyễn Văn Vĩnh. Cuộc đấu tranh cho hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ của nhân dân ta: tiến lên một bước mới (báo cáo bổ sung của ông Nguyễn Văn Vĩnh, chủ nhiệm Ủy ban thống nhất đọc tại kỳ họp thứ hai của Quốc hội khóa II). Hà Nội, Sự Thật, 1961.
DS556.9.N5 1961 Orien Viet
83-147277
45 p.

1077
Nguyễn Vinh Phúc. Hà Nội. [Hà Nội] Văn Hóa. 1981.
DS559.93.H36N485 1981 Orien Viet
85-127758
122 p. illus., plates. (Sổ tay người du lịch)

1078
Nguyễn Vinh Phúc *and* Trần Huy Bá. Đường phố Hà Nội: lịch sử, văn vật, thắng cảnh. [Hà Nội] Hà Nội, 1979.
DS559.93.H36N48 1979 Orien Viet
82-173442
539 p. illus.
Errata slip inserted.
Bibliography: p. 538–39.

1079
Nguyện vọng thiết tha của nhân dân Việt Nam: độc lập, tự do, hòa bình, hữu nghị. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
DS559.912.N47 1978 Orien Viet
82-167033
60 p.

1080
Nguyễn Vũ. Mùa xuân: kịch. Tái bản có bổ sung. Hà Nội, Văn Học, 1983.
PL4378.9.N54797M8 1983 Orien Viet
85-195083
190 p. (Văn Học Hiện Đại Việt Nam)

1081
Nguyễn Xuân Huyên. Chẩn đoán bệnh tiêu hóa gan-mật. [s.l.] Y Học, 1981.
RC845.N475 1981 Orien Viet
83-144663
315 p. illus.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1053
Nguyễn Trương Thanh. Kỳ tích Chi Lăng. v. [1–2] Hà Nội, Thanh Niên, 1980–[1982]
DS556.39.N4 1980 Orien Viet
83-145663

1054
Nguyễn Tử Quang. Chính-trị cổ-nhân. [s.l.] ThọXuân, 1958.
83-138879
179 p.

1055
Nguyễn Tuân. Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi. In lần thứ 3. [s.l.] Hà Nội, 1983.
PL4378.9.N547876H3 1983 Orien Viet
85-196767
191 p. illus., plates.

1056
Nguyễn Tuân. Quê hương: truyện dài. [Saigon] Trương Sơn [1969
PL4378.9.N547876Q4 1969 Orien Viet
80-984119
257 p.

1057
Nguyễn Tuân. Sông Đà. In lần thứ 2. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1978.
PL4378.9.N547876S6 1978 Orien Viet
80-984255
299 p.

1058
Nguyễn Tuân. Tuyển tập Nguyễn Tuân. v. [1]+ Hà Nội, Văn Học, 1981+
PL4378.9.N547876A6 1981 Orien Viet
83-145322
illus. (Văn Học Hiện Đại Việt Nam)

1059
Nguyễn Tường Phượng. Lược khảo binh-chế Việt-Nam qua các thời đại [của] Tiên-Đàm Nguyễn Tường Phượng. Hà Nội, Ngày Mai, 1950.
U43.V5N47 Orien Viet
81-984109
91 p.
Bibliography: p. [5]–6.

1060
Nguyễn Văn. Tình yêu làng quê: truyện. [s.l.] Thanh Niên, [197]
PL4378.9.N54789T5 1978 Orien Viet
83-107576
164 p.

1061
Nguyễn Văn Ái *and* Võ Huỳnh Mai. Sổ tay từ ngữ thường dùng: chính trị, kinh tế, văn hóa; bổ sung, hiệu đính, Nguyễn Kim Thản. [Thành Phố Hồ Chí Minh] Thành Phố Hồ Chí Minh, 1980.
PL4377.N43 1980 Orien Viet
83-151800
355 p.
Includes bibliographical references.

1062
Nguyễn Văn Bổng. Bên lề những trang sách: bút ký, phê bình văn học. In lần thứ 1. [s.l.] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1982.
PL4378.05.N446 Orien Viet
83-144238
161 p.

1063
Nguyễn Văn Chính. 80 trò chơi lành mạnh. 80 games. [s.1.] Center for Applied Linguistics [196]
MLCS83/5270 (G)
83-132259
112 p. illus.

1064
Nguyễn Văn Hạnh. Suy nghĩ về văn học: tiểu luận, phê bình. Hà Nội, Văn Học, 1979.
PL4378.05.N447 1979 Orien Viet
82-167200
230 p.
Includes bibliographical references.

1065
Nguyễn Văn Hầu. Nửa tháng trong miền Thất Sơn. [Saigon] Hương Sen [1971]
DS559.92.T47N58 Orien Viet
80-984261
266 p. illus., maps.

1066
Nguyễn Văn Hoan. Mùa hội chim; tranh, Phùng Phẩm, 1980. [s.l.] Hà Nội, 1980.
MLCS83/2090 (P)
83-118208
131 p. illus.
At head of title: Vì tương lai con em chúng ta.

1067
Nguyễn Văn Hoan. Ngọn lửa xanh: tiểu thuyết. [s.l.] Hà Nội, 1983.
PL4378.9.N547924N4 1983 Orien Viet
85-197422
297 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1039
Nguyễn Trãi: thư mục chọn lọc, có chú giải. Hà Nội, Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, Viện Thông Tin Khoa Học Xã Hội, 1980.
Z8624.6.N48 1980 Orien Viet
82-158931

207 p.

1040
Nguyễn Trãi: thư mục chuyên đề biên soạn nhân dịp kỷ niệm 600 năm (sic) sinh của Nguyễn Trãi. Hà Nội, Bộ Văn Hóa và Thông Tin, Thư Viện Quốc Gia, 1980.
Z8624.6.N483 1980 Orien Viet
82-102344

112 p.
Cover title.

1041
Nguyễn Trí Chi *and others*. Tự điển Pháp-Việt; chủ biên, Đặng Đình Thương. Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1978.
PL4376.T79 Orien Viet
81-168617

598 p.

1042
Nguyễn Trí Huân. Dòng sông của Xô Nét: truyện. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
MLCS82/9868 (P)
82-224344

211 p.

1043
Nguyễn Trí Phùng *and others*. Hạnh và Đức thành công dân tốt: lớp năm; [hoạ-sĩ, Chi Xuân, and others. [s.l.] Bộ Quốc-gia Giáo-dục, 1960.
JQ883.H36 1960 Orien Viet
83-153258

153 p. illus. (Sách Công-dân Giáo-dục)

1044
Nguyễn Trọng Bỉnh, Nguyễn Linh, *and* Bùi Viết Nghi. Bảng đối chiếu âm dương lịch 2000 năm và niên biểu lịch sử. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1976.
CE61.C6N48 1976 Orien Viet
79-984142

452 p.
Bibliography: p. [451]–52.

1045
Nguyễn Trọng Cổn. Phong trào công nhân trong cao trào Xô-viết Nghệ Tĩnh. Hà Nội, Lao Động, 1980.
HD8700.5.Z8H35 1980 Orien Viet
82-189036

103 p.

1046
Nguyễn Trọng Lân *and* Trịnh Sanh. Núi non nước ta. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1982.
GB304.N45 1982 Orien Viet
83-144201

140 p. illus.

1047
Nguyễn Trọng Lực. Tiếng nói của đồng ruộng hay là nghề nông Việt-Nam qua ca-dao tục-ngữ. Saigon, Vĩnh Bảo [1949]
PL4378.2.N36 1949 Orien Viet
83-147261

106 p. illus. (Sách hiểu biết)

1048
Nguyễn Trọng Oánh. Đất trắng: tiểu thuyết. v. [1]+ Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979+
PL4378.9.N54784D3 Orien Viet
82-102334

1049
Nguyễn Trọng Oánh *and others*. Thơ: văn nghệ quân đội, 1957–1982. [s.l., 198?]
PL4378.6.T46 1982 Orien Viet
84-247451

324 p.

1050
Nguyễn Trọng Tạo. Con đường của những vì sao: trường ca đồng lộc. Hà Nội, Thanh Niên, 1981.
MLCS83/2068 (P)
83-108169

110 p.

1051
Nguyễn Trọng Tạo, Trần Nhượng, *and* Khuất Quang Thụy. Gương mặt tôi yêu: thơ. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
PL4378.6.N44 1980 Orien Viet
83-177943

88 p.

1052
Nguyễn Trung Thành. Trên quê hương những anh hùng Điện-Ngọc: truyện ngắn và ký. [s.l.] Giải Phóng, 1969.
MLCS83/2070 (P)
83-108160

149 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Nội, Phụ Nữ, 1969.
HX400.5.A6N48
80-984257
94 p. port.

1026
Nguyễn Thị Thụy Vũ. Thú hoang: truyện dài. Fort Smith, AR, Sống Mới, 1979.
PL4378.9.N547T5 1979 Orien Viet
81-203185
379 p.
Reprint. Originally published: Saigon, Hồng Đức, 1968. Cover dated 1978.

1027
Nguyễn Thị Vinh. Thương yêu: truyện dài. Fort Smith, AR, Sống Mới [19]
MLCS83/2229 (P)
83-106558
207 p.

1028
Nguyễn Thọ Sơn. Mặt trận giữa rừng: truyện ký. [Hà Nội] Thanh Niên [1978]
PL4378.9.N54745M3 Orien Viet
80-984180
167 p.

1029
Nguyễn Thoan. Lâm sinh học: giáo trình trung học lâm nghiệp. Hà Nội, Nông Nghiệp, 1980.
SD373.N56 1980 Orien Viet
82-190575
137 p. illus.
Bibliography p. [138]

1030
Nguyễn Thụy Long. Hạt giống của trời. Glendale, CA, Dainamco distributor [1981?]
PL4378.9.N5476H3 1981 Orien Viet
82-104367
303 p.
Originally published: Saigon, Âu Cơ, 1971.

1031
Nguyễn Thụy Ứng. Món hàng thể thao: truyện người thực việc thực. Hà Nội, Thể Dục Thể Thao, 1981.
GV734.N49 1981 Orien Viet
84-158132
266 p.

1032
Nguyễn Tiến Hỷ. Vấn đề đối lập chính trị. [Saigon, 1970]
DS556.8.N49 Orien Viet
81-984045
124 p. port. (Tủ sách Dân tự tiến).

1033
Nguyễn Tiến Lãng. Tiếng ngày xanh: truyện ngắn. Paris, Rừng Trúc, c1979.
PL4378.9.N54767T5 Orien Viet
80-984074
109 p.

1034
Nguyễn Trãi. Khí phách và tinh hoa của dân tộc. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1980.
DS556.73.N49N44 1980 Orien Viet
84-209086
369 p. illus., plates.

1035
Nguyễn Trãi. Thơ văn Nguyễn Trãi; tuyển chọn, Phan Sĩ Tân, Trần Thanh Đạm; dịch nghĩa và chú thích thơ chữ Hán, Đỗ Ngọc Toại; dịch thơ chữ Hán, Khương Hữu Dụng. Hà Nội, Giáo Dục, 1980.
PL4378.9.N54776A6 1980 Orien Viet
82-189032
307 p. illus.

1036
Nguyễn Trãi. Úc Trai tập; bản dịch của Hoàng Khôi; phiên dịch theo Phúc Khê nguyên bản. [Saigon] Ủy Ban Dịch Thuật, Phủ Quốc-vụ-khanh đặc-trách văn-hóa, 1971–1972.
PL4378.9.N54776A6 1971 Orien Viet
83-149679
2 v. illus. (Tủ sách cổ văn)
Includes original text in Chinese characters.

1037
Nguyễn Trãi, thân thế và sự nghiệp; Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện sử học. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1980.
DS556.N55N44 Orien Viet
82-102343
119 p. illus.
Includes bibliographical references.

1038
Nguyễn Trãi, Thăng Long Hà Nội. [Hà Nội] Hội Văn Nghệ, 1980.
DS556.73.N49N45 1980 Orien Viet
82-202362
231 p. illus.
Includes bibliographical references.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1011
Nguyễn Thi. Ư ớc mở của đất. In lần thứ 3. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1977.
PL4378.9.N54655U5 1977 Orien Viet
79-984293
140 p.

1012
Nguyễn Thị Cẩm Thạnh. Sao biển; Bìa và minh họa của Tạ Phương Thảo. Hà Nội, Kim Đồng, 1978.
PZ90.V5N45 1978 Orien Viet
83-107562
51 p. illus.

1013
Nguyễn Thị Định. Không còn đường nào khác: hồi ký của Nguyễn Thị Định; Trần Hương Nam, ghi. Tái Bản. Hà Nội, Phụ Nữ, 1968.
DS556.93.N526A36 1968 Orien Viet
82-190616
104 p. illus.

1014
Nguyễn Thị Hoàng. Dưới vầng hoa trắng: tập truyện. Fort Smith, AR, Sông Mới [19]
MLCS83/2224 (P)
83-105787
124 p.

1015
Nguyễn Thị Hoàng. Tuần trăng mật màu xanh: tiểu thuyết. [Glendale, CA] Tinh Hoa Miền Nam [1980?]
PL4378.9.N5466T78 1980 Orien Viet
80-984247
299 p.
Reprint of the 1973 ed. published by Đồng Nai, Saigon.

1016
Nguyễn Thị Hoàng. Vòng tay học trò: truyện dài. In lần thứ 4, tác giả có sửa chữa. [s.l., s.n., 1980?]
PL4378.9.N5466V6 1980 Orien Viet
80-984338
415 p.

1017
Nguyễn Thị Hương. Làm 102 thứ bánh, mứt VN. [Lancaster, PA, Xuân Thu, 1981?]
TX773.N5 1981 Orien Viet
82-159010
135 p. illus.
Reprint. Originally published: Saigon, Hoa Hương, 1974.

1018
Nguyễn Thị Ngọc Tú. Buổi sáng. Xuất bản lần thứ 1. [Hà Nội] Thanh Niên [1977]
PL4378.9.N54687B8 Orien Viet
79-984151
746 p.

1019
Nguyễn Thị Ngọc Tú. Ngõ cây bàng: tiểu thuyết. [Hà Nội] Nhà Xuất Bản Hà Nội, 1981.
PL4378.9.N54687N36 1981 Orien Viet
85-126020
223 p.

1020
Nguyễn Thị Ngọc Tú. Những dấu chấm phía chân trời: truyện ngắn. [s.l.] Văn Học, 1984.
PL4378.9.N54687N4 1984 Orien Viet
85-196798
216 p. (Văn Học Hiện Đại Việt Nam)

1021
Nguyễn Thị Như Trang. Cây thông non: tiểu thuyết. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.
MLCS83/2088 (P)
83-105889
368 p.

1022
Nguyễn Thị Như Trang. Hoa cỏ đắng; bìa và minh họa Đặng Thị Khuê. [s.l.] Hà Nội, 1978.
PZ90.V5N455 1978 Orien Viet
83-112754
119 p. illus. (Tủ sách ngựa gióng)

1023
Nguyễn Thị Như Trang. Nhật ký Phnôm Pênh. [s.l.] Hà Nội, 1981.
PL4378.9.N5469N45 1981 Orien Viet
84-256750
163 p.

1024
Nguyễn Thị Thập. Lịch sử phong trào phụ nữ Việt Nam. Hà Nội, Phụ Nữ, 1980–1981.
HQ1750.5.N45 Orien Viet
82-100919
2 v. illus., ports.

1025
Nguyễn Thị Thuận. Chị Tư Già. Hồi ký cách mạng của đồng chí Nguyễn Thị Thuận. Lê Minh ghi. Hà

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

997
Nguyễn Quyết. Hà Nội tháng Tám: hồi ký. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
DS559.93.H36N47 1980 Orien Viet
84-126777

187 p.
Includes bibliographical references.

998
Nguyễn Quyết. Mấy kinh nghiệm công tác quân sự địa phương ở Quân khu ba. In lần thứ 2 có bổ sung, sửa chữa. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.
83-133582

123 p.

999
Nguyễn Sinh. Hương bưởi: tập truyện ngắn. Hà Nội, Phụ Nữ, 1976.
PL4378.9.N5455H8 Orien Viet
80-984091

144 p.

1000
Nguyễn Sinh. Năm tháng và tình yêu: truyện ký. In lần thứ 2. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
PL4378.9.N5455N3 1978 Orien Viet
80-984113

174 p.

1001
Nguyễn Tài Cẩn. Một số vấn đề ngôn ngữ học Việt Nam. Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1981.
PL4371.M67 1981 Orien Viet
83-145109

535 p. illus.
Errata slips inserted.

1002
Nguyễn Tài Cẩn. Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1979.
82-159051

339 p. illus.

1003
Nguyễn Tài Thư. Cao Bá Quát, con người và tư tưởng. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1980.
PL4378.9.C37Z794 1980 Orien Viet
83-134503

219 p.
Includes bibliographical references.

1004
Nguyễn Thạc Cát. Tự điển hóa học; biên soạn, Chu Xuân Anh and others. v. [2]+ Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật [1982]+
QD5.T795 1982 Orien Viet
83-145985

illus.

1005
Nguyễn Thanh Lê. Trung Quốc sau Đại hội lần thứ XII. Hà Nội, Thông Tin Lý Luận, 1984.
JQ1519.A5N45 1984 Orien Viet
85-201140

64 p.

1006
Nguyễn Thành Long. Ly sơn mùa tới: tập truyện ngắn và ký. Hà Nội, Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1980.
PL4378.9.N5465L9 1980 Orien Viet
83-181562

187 p.

1007
Nguyễn Thảo Uyên Ly. Lá vỡ dưới chân. [Glendale, CA] Tinh Hoa Miền Nam [1980?]
PL4378.9.N54653L3 1980 Orien Viet
80-984245

211 p.
Reprint of the 1974 ed. published by Tự lực, Saigon.

1008
Nguyễn Thảo Uyên Ly. Người tình tuyệt vời. [Glendale, CA, Tinh Hoa Miền Nam, 1980?]
PL4378.9.N54653N4 1980 Orien Viet
80-984246

312 p.
Reprint of the 1973 ed. published by Thế Hệ Trẻ, Saigon. Includes a reproduction of the t.p. of the 1973 ed.

1009
Nguyễn Thế Giang. Kinh đô cũ: Hoa Lư. Hà Nội, Văn Hóa, 1982.
83-144651

132 p. illus., plates.

1010
Nguyễn Thi. Truyện và ký. [In lần thứ 2]. Hà Nội, Văn Học, 1978.
PL4378.9.N54655A6 1978 Orien Viet
80-984108

485 p.
Errata slip inserted.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
DS559.916.N45 1979 Orien Viet
82-169471

65 p.

983
Nguyễn Như Mai. Con cóc xấu xí; bìa và minh họa của Huy Quang. Hà Nội, Kim Đồng, 1978.
MLCS83/2076 (P)
83-108055

20 p. illus.

984
Nguyễn Nhược Pháp. Ngày xưa. [Ấn hành lần thứ 2]. [Saigon] Cảo Thơm, 1966.
PL4378.9.N5338N5 1966 Orien Viet
80-984145

92 p. illus., plates.

985
Nguyễn Phi Hoành. Lược sử mỹ thuật Việt Nam. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1970.
N7314.N45 1970 Orien Viet
82-218414

315 p. illus., [120] p. of plates.

986
Nguyễn Phi Hoành. Một số nền mỹ thuật thế giới. [Hà Nội] Văn Hóa, 1978.
N5300.N43 Orien Viet
81-203151

338 p. illus.
Errata slip inserted.
Bibliography: p. 336–38.

987
Nguyễn Phúc. Những khuynh hướng chủ yếu của hội họa tư sản hiện đại. Hà Nội, Văn Hóa, 1978.
ND195.N49 1978 Orien Viet
82-184523

64 p. illus., plates.

988
Nguyễn Phúc Lai *and others*. Vùng điểm lửa: truyện ngắn. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1977.
PL4378.8.V83 Orien Viet
79-984295

170 p.

989
Nguyễn Quang Hà *and others*. Huế những ngày nổi dậy. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1979.
PL4378.8.H83 1979 Orien Viet
82-202431

403 p.

Nguyễn Quang Nhạ;
see Tô Giang Tử

990
Nguyễn Quang Quyền. Các chủng tộc loài người. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1978.
GN60.N47 Orien Viet
80-984188

119 p.
Errata slip inserted.

991
Nguyễn Quang Sáng. Người con đi xa: tập truyện ngắn. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới , 1977.
PL4378.9.N539N3 Orien Viet
79-984291

121 p.

992
Nguyễn Quang Thân. Lựa chọn: tiểu thuyết. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
MLCS83/2066 (P)
83-105883

323 p.

993
Nguyễn Quang Thận. Nếp gấp: tập truyện. Hà Nội, Thanh Niên, 1979.
MLCS83/5497 (P)
83-136678

210 p.

994
Nguyễn Quang Tính, Thi Nhị, *and* Vân Long. Qua những miền đất: thơ. In lần thứ 1. [s.l.] Tác Phẩm Mới, 1980.
MLCS83/5498 (P)
83-136680

126 p.

995
Nguyễn Quang Trứ. Binh-pháp tinh-hoa: 13 thiên binh-pháp Tôn-Võ Tử đối chiếu các nguyên-lý hành binh và các trận đánh lớn của lịch-sử Đông Tây hiện-đại và cận-đại, Nguyễn Quang Trứ phiên-dịch, luận-giải. Saigon, Tân Việt, 1963.
83-189926

183 p. illus. (Tủ sách kẻ sĩ thời-đại)

996
Nguyễn Quốc Phong. Tinh thần sáng chế Việt-Nam. Wichita, KS, Ngày Nay, c1983.
T339.N48 1983 Orien Viet
84-130338

100 p., illus.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1970.
QK9.N48 Orien Viet
81-984000

292 p.

969
Nguyễn Mỹ. Cuộc chia ly màu đỏ. Sắc cầu vòng: thơ [của] Nguyễn Trọng Định. Hà Nội, Hà Nội, 1979.
PL4378.6.N438 1979 Orien Viet
83-188335

63 p.

970
Nguyễn Năng An. Từ điển Nga-Việt: 24,000 từ kèm theo, có bảng tóm tắt ngữ pháp tiếng Nga. Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1972.
83-153325

772 p.

971
Nguyễn Nghiệp. Cao Bá Quát. Hà Nội, Văn Hóa, 1982.
PL4378.9.C37Z79 1982 Orien Viet
83-144623

245 p.
Errata slip inserted. Includes bibliographical references.

972
Nguyễn Nghiệp. Mấy suy nghĩ một tấm lòng: phê bình, tiểu luận. Hà Nội, Văn Học, 1978.
PL4378.05.N445 1978 Orien Viet
82-218407

267 p.

973
Nguyễn Ngọc. Rẻo cao: tập truyện ngắn. In lần thứ 2 có bổ sung. Hà Nội, Văn Học, 1980.
83-177980

110 p.

974
Nguyễn Ngọc *and others*. Nhận mặt kẻ thù. [Thành phố Hồ Chí Minh] Thanh Niên [1980]
PL4378.8.N565 1980 Orien Viet
83-139712

67 p.

975
Nguyễn Ngọc *and others*. Vì tuổi thơ. In lần thứ 1. [s.l.] Tác Phẩm Mới; Hội Nhà Văn Việt Nam, 1982.
PN1009.A1V45 1982 Orien Viet
83-144862

226 p. illus.

976
Nguyễn Ngọc Doãn *and others*. Dược lực học. Hà Nội, Y Học, 1979.
RM300.D86 Orien Viet
81-159880

2 v. illus.

977
Nguyễn Ngọc Lanh. Hỏi đáp về sinh lí con người chúng ta: thần kinh, giác quan. v. [6]+ Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật [1977]+
QP38.N58 1977 Orien Viet
83-141185

illus.
Contents:—tập 6. Thần kinh, giác quan.

978
Nguyễn Ngọc Liễn. Bức tranh làng: truyện ngắn. Hà-Nội, Văn Học, 1978.
PL4378.9.N5314B8 Orien Viet
80-984080

102 p.

979
Nguyễn Ngọc Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh: sự nghiệp xây dựng nhà nước kiểu mới và pháp luật ở Việt Nam. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1982.
DS560.72.H6N47 1982 Orien Viet
83-144609

107 p.
Includes bibliographical references.

980
Nguyễn Ngọc Mô. Nguyễn Trãi: (thư mục chuyên đề biên soạn nhân dịp kỷ niệm 600 năm [sic] sinh của Nguyễn Trãi); Bộ Văn hóa và Thông tin, Thư viện quốc gia; [biên soạn, Nguyễn Ngọc Mô]. Hà Nội, Bộ Văn Hóa và Thông Tin, Thư Viện Quốc Gia, 1980.
Z8624.6.N483 1980 Orien Viet
82-102344

112 p.

981
Nguyễn Ngọc Xuân. Phan Trần truyện. Paris, Imprimerie Nationale, 1943.
PL4378.9.P5835 1943 Orien Viet
84-196029

38 p.

982
Nguyễn Như Hà. Chúng đông nhưng không mạnh.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

về bác Hồ. [In lần thứ 2] [Hà Nội] Văn Học, 1977.
DS560.72.H6D38 1977 Orien Viet
79-984059

458 p. plates.

955
Nguyễn Lương Bích. Đại nghĩa thắng hung tàn: những người trẻ làm nên lịch sử. v. [3]+ Hà Nội, Thanh Niên, 1984+
DS556.54.N44 1984 Orien Viet
85-226367

956
Nguyễn Lương Bích. Việt Nam ba lần đánh Nguyên toàn thắng. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1981.
DS556.7.N42 1981 Orien Viet
85-107900

390 p.

957
Nguyễn Lương Ngọc *and* Lê Khả Kế. Tự điển học sinh (cấp II); ban biên tập, Đỗ Hữu Châu and others; với sự cộng tác của Lê Quang Bảo and others; minh họa trình bày Hồng Kỳ, Văn Thơ. In lần thứ 2. Hà Nội, Giáo Dục, 1971.
PL4377.T75 1971 Orien Viet
82-147446

724 p. illus., plates.
Errata slip inserted.

958
Nguyễn Lưu Viên. Chính-sách văn-hóa giáo-dục; diễn văn do Bác-Sĩ Nguyễn-Lưu-Viên đọc trong cuộc họp báo ngày 27-7-1966 của Nội-Các Chiến-Tranh. [Saigon, Bộ Văn-hóa Giáo-dục, 1966]
LA1180.N49 1966 Orien Viet
83-192512

22 p.

959
Nguyễn Mạnh Bảo. Kỳ-Môn độn giáp. Saigon, Cổ-Kim Ấn-Quán, 1959.
84-248669

670 p. illus.

960
Nguyễn Mạnh Bảo. Tam-lược Trương-Tử-Phòng (Trương-Lương) và Quân-Chính đời Đường do Lý-Vệ-Cộng, Lý-Tĩnh. Saigon, Cổ-Kim Ấn-quán, [1959]
84-194306

152 p.

961
Nguyễn Mạnh Côn. Tình cao thượng. [Lancaster, PA, Xuân Thu, 1978?]
PL4378.9.N526T5 Orien Viet
79-984351

115 p.

962
Nguyễn Mạnh Phát. Xoa bóp: tăng cường sức khỏe phòng bệnh và chữa bệnh. In lần thứ 2. [s.l.] Thể Dục Thể Thao, 1982.
84-248346

132 p. illus.

963
Nguyễn Mạnh Tuấn. Năm hòa bình đầu tiên: tập truyện ngắn. Hà Nội, Lao Động, 1978.
MLCS83/2065 (P)
83-105878

215 p.

964
Nguyễn Mạnh Tuấn. Tôi vẫn về nhà máy cũ: tập truyện ngắn. [s.l.] Thanh Niên [1978]
MLCS83/2502 (P)
83-107546

208 p.

965
Nguyễn Minh Châu. Miền cháy: tiểu thuyết. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1977.
PL4378.9.N527M5 Orien Viet
79-984296

483 p.

966
Nguyễn Minh Châu. Những ngày lưu lạc; bìa và minh họa của Hà Quang Phương. Hà Nội, Kim Đồng, 1981.
MLCS82/7680
82-208014

151 p. illus.

967
Nguyễn Minh Châu. Những người đi từ trong rừng ra: tiểu thuyết Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1982.
PL4378.9.N527N5 1982 Orien Viet
83-185836

360 p.

968
Nguyễn Minh Nghị. Tự điển Latinh-Việt tên thực vật.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

941
Nguyễn Khuyến. Thơ Nôm Yên Đổ, Tú Xương. Bảo Vân sưu-tầm và chú-thích. [Toronto] Quê Hương [1980]
PL4378.9.N5236T48 1980 Orien Viet
80-984372
200 p.
Bibliography: p. 198.

942
Nguyễn Khuyến. Thơ văn Nguyễn Khuyến. Xuân Diệu giới thiệu. In lần thứ 2, có sửa chữa. Hà Nội, Văn Học, 1979.
PL4378.9.N5236A6 1979 Orien Viet
81-203173
458 p. plates, port.

943
Nguyễn Kiên. Khuôn mặt: những chuyện kể; của một cán bộ huyện, Nguyễn Kiên. [s.l.] Thanh Niên [197]
MLCS83/2067 (P)
83-108156
139 p.

944
Nguyễn Kiên. Vụ mùa chưa gặt: tập truyện ngắn. In lần thứ 3, có sửa chữa, bổ sung. Hà Nội, Văn Học, 1982.
PL4378.9N524V8 1982 Orien Viet
83-184778
247 p. (Tủ sách văn học hiện đại Việt Nam)

945
Nguyễn Kim Long *and others*. Tuyển truyện không quân. [Lancaster, PA, Xuân Thu, 1980]
PL4378.8.T83 Orien Viet
80-984249
305 p.

946
Nguyễn Kim Thản. Động từ trong tiếng Việt. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1977.
PL4374.N465 Orien Viet
79-984329
270 p.
Bibliography: p. 261–67.

947
Nguyễn Lam. Phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
HD3616.V53N49 1980 Orien Viet
83-134494
77 p.

948
Nguyễn Lân Dũng. Sử dụng vi sinh vật để phòng trừ sâu hại cây trồng. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1981.
MLCS82/10964 (Q)
82-226294
167 p. illus.

949
Nguyễn Lang. Việt Nam Phật giáo sử luận. [In lần thứ 2]. [Paris] Lá Bồi [1977]
BQ492.N44 1977 Orien Viet
80-984391
2 v. illus.

950
Nguyễn Lộc. Phố tôi những ngày nổi dậy; bìa và minh họa của Lưu Yên. Hà Nội, Kim Đồng, 1970.
PZ90.V5N445 1970 Orien Viet
83-115519
103 p. illus. (Tủ sách sao vàng)

951
Nguyễn Lộc. Văn học Việt Nam: nửa cuối thế kỷ XIX. Tái bản có bổ sung và sửa chữa. Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1976.
PL4378.05.N444 1976 Orien Viet
81-149570
355 p.
"Lịch sử văn học Việt Nam."
Bibliography: p. 343–52.

952
Nguyễn Lộc. Văn học Việt Nam: nửa cuối thế kỷ XVIII, nửa đầu thế kỷ XIX. Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1976–1978.
PL4378.05.N444 Orien Viet
79-984095
2 v.
"Lịch sử văn học Việt Nam." Errata slip inserted.
Bibliography: v. 2, p. 426–44.

953
Nguyễn Lực *and* Lương Văn Đang. Thành ngữ tiếng Việt; với sự cộng tác của. Nguyễn Đăng châu, Phạm Văn Thứ, Bùi Duy Tân. Hà-Nội, Khoa Học Xã Hội, 1978.
PL4379.N46 Orien Viet
81-171130
363 p.
Bibliography: p. 361–63.

954
Nguyễn Lương Bằng *and others*. Đầu nguồn: hồi ký

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

phật-giáo Việt-Nam. A bibliography on Vietnamese Buddhism. Saigon, Bộ Quốc-gia giáo-dục. Nha Văn-khố và Thư-viện Quốc-gia [1963]

Z7861.V5N47 1963 Orien Viet
83-189918

32 leaves.

929
Nguyễn Khắc Ngữ. Những ngày cuối cùng của Việt-Nam Cộng-Hòa. [Montreal] Nhóm Nghiên-cứu Sử-địa [1979]

DS557.7.N44 Orien Viet
80-984243

430 p. maps. (Tủ sách nghiên-cứu sử-địa)
Bibliography: p. 425–30.
Errata slip inserted.

930
Nguyễn Khắc Phê. Chỗ đứng người kỹ sư: tiểu thuyết. Hà Nội, Lao Động, 1980.

PL4378.9.N5193C5 1980 Orien Viet
83-182337

466 p.

931
Nguyễn Khắc Tụng. Nhà cửa các dân tộc ở trung du Bắc bộ Việt Nam. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1978.

NA7434.V5N5
81-171113

146 p. illus.
At head of title: Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện dân tộc học.
Bibliography: p. 142–143.
Errata slip inserted.

932
Nguyễn Khắc Viện. Ngây thơ: một số suy nghĩ về tâm lý trẻ em và giáo dục. In lần thứ 2. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.

BF721.N518 1978 Orien Viet
80-984370

121 p. illus.

933
Nguyễn Khắc Viện. Từ sinh lý đến dưỡng sinh; hình vẽ của Minh Kính. In lần thứ 2 có sửa chữa, bổ sung. Hà Nội, Y Học, 1983.

85-198449

87 p. illus.

934
Nguyễn Khải. Cách mạng: kịch. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.

PL4378.9.N523C3 Orien Viet
80-984183

106 p.

935
Nguyễn Khải. Cha và con và—: tiểu thuyết. In lần thứ 1. [s.l.] Tác Phẩm Mới; Hội Nhà Văn Việt Nam, 1979.

MLCS82/5240
82-165514

218 p.

936
Nguyễn Khải. Chiến sĩ: tiểu thuyết. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1973.

PL4378.9.N523C47 1973 Orien Viet
82-122114

448 p.

937
Nguyễn Khải. Chủ tịch huyện: truyện. Hà Nội, Văn Học, 1972.

PL4378.9.N523C48 1972 Orien Viet
83-182792

158 p.

938
Nguyễn Khánh. Một vài vấn đề về phương thức lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn mới của cách mạng. Hà Nội, Sự Thật, 1981.

JQ298.D36N48 1981 Orien Viet
84-161356

50 p.
Includes bibliographical references.

939
Nguyễn Khánh Toàn *and others*. Tiếng Việt và dạy đại học bằng tiếng Việt. In lần thứ 2. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1975.

LC201.7.V5T53 1975 Orien Viet
81-171629

130 p.

940
Nguyễn Khánh Toàn, Đặng Thái Mai, *and* Phan Huy Lê. Nguyễn Trãi (1380–1442). Hà Nội, Committee for Social Sciences of the Socialist Republic of Vietnam, 1980.

DS556.73.N55N413 1980 Orien Viet
82-194419

81 p. illus.
Includes bibliographical references.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

306 p.
Includes bibliographical references.

915
Nguyễn Hồng Sinh. Chỉ thêu thành gấm: truyện ký. Hà Nội, Phụ Nữ, 1977.
PL4378.9.N5162C5 Orien Viet
80-984353

113 p.

916
Nguyễn Hồng Trung. Nối cớ: truyện. Hà Nội, Lao Động, 1983.
PL4378.9.N51625N6 1983 Orien Viet
84-241547

204 p.

917
Nguyễn Huệ, King of Vietnam, 1752–1792. Đại-Việt quốc-thư [của] Quang-Trung. Dịch-giả: Đình-Thụ Hoàng-Văn-Hòe. [Saigon] Bộ Giáo-dục, 1967.
DS556.58.C5N48 1967 Orien Viet
81-984016

366 p. (Tủ sách dịch thuật)
Added title in Chinese.

918
Nguyễn Huệ, King of Vietnam, 1752–1792. Đại-Việt quốc thư = [Ta yueh kuo shu] [của] Quang-Trung [Kuang Chung]; dịch giả, đình thụ Hoàng = Văn-Hòe. In lần thứ 2. Saigon, Trung tâm Học liệu, Bộ Giáo-dục, 1973.
DS556.58.C5D5 1973 Orien Viet
83-106177

347 p.

919
Nguyễn Hùng Cường. Lịch sử quyển sách và thư viện. Berkeley, CA, Ý Thức, 1982.
Z845.A2V56 1982 Orien Viet
82-223257

25 p. (Tủ sách Ý-Thức. Ý-Thức collections; 7)

920
Nguyễn Hữu *and* Bùi Nghiã Binh. Danh-từ cơ-thể-học. Nomina anatomica. Nomenclature anatomique. v. [1]+ [Saigon] Trung-tâm Quốc-gia Khảo-cứu Khoa-học V.N., 1963+
QM7.N48 Orien Viet
80-984203

illus.
At head of title: Y-khoa Đại-học Saigon.
Contents: quyển 1. Cốt-học và khớp-học. Oteologia syndesmologia. Osteologie arthrologie.

921
Nguyễn Hữu Nhàn. Dốc nắng: tiểu thuyết. Hà Nội, Thanh Niên, 1984.
PL4378.9.N5166D6 1984 Orien Viet
85-225511

418 p.

922
Nguyễn Hữu Tuyển *and* Nguyễn Gia Phong. Tập làm văn và ngữ pháp. Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1981.
PL4375.N33 1981 Orien Viet
83-145013

336 p. illus.

923
Nguyễn Huy. Đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghiã. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1981.
HD2080.5.N49 1981 Orien Viet
85-107992

227 p.

924
Nguyễn Huy Tự *and* Nguyễn Thiện. Truyện hoa tiên; Đào Duy Anh, khảo đính, chú thích, giới thiệu. Hà Nội, Văn Học, 1978.
83-134922

221 p.

925
Nguyễn Huy Tưởng. Lá cờ thêu sáu chữ vàng, bìa và minh họa của Tạ Thúc Bình. In lần thứ 4. Hà Nội, Kim Đồng, 1979.
MLCS83/5496 (P)
83-136671

82 p. illus.

926
Nguyễn Huy Tưởng. Nguyễn Huy Tưởng tuyển tập; lời giới thiệu của Tô Hoài. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1978.
PL4378.9.N517A6 1978
80-984110

577 p.

927
Nguyễn Huy Tưởng. Sống mãi với thủ đô: tiểu thuyết. In lần thứ 2. Hà Nội, Văn Học, 1972.
PL4378.9.N517S6 1972 Orien Viet
84-136833

493 p. illus.

928
Nguyễn Khắc Kham. Sơ-thảo mục-lục thư-tịch về

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Campuchia (ca-múa-nhạc) Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1981.
GV1703.C3N48 1981 Orien Viet
83-144194

215 p. illus.

901
Nguyễn Đình Thi. Vơ bơ: tiểu thuyết. In lần thứ 3. v. [1–2] [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1980–1982.
PL4378.9.N47V6 1980 Orien Viet
82-210484

902
Nguyễn Đình Thiều. Nàng Kiều: truyện dài. [Glendale, CA, Tinh Hoa Miền Nam, 1980?]
PL4378.9.N474N3 1980 Orien Viet
80-984242

494 p.
Reprint of the 1972 ed. published by Tinh-Hoa, Saigon. Includes a reproduction of the t.p. of the 1972 ed.

903
Nguyễn Đình Thiều. Thúy Kiều Giao Chỉ: phóng sự xã hội độc đáo duyên dáng trào lộng. Fort Smith, AR, Sống Mới.
MLCS82/9861 (P)
82-219095

192 p.

904
Nguyễn Đình Tiên. Chân dung tướng ngụy Sài Gòn. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
PL4378.9.N473C47 Orien Viet
81-172852

315 p.

905
Nguyễn Đỗ Vũ. Những ngày kỷ niệm và lịch sử. [Hà Nội] Phổ Thông, 1978.
DS556.8.N464 1978 Orien Viet
82-165149

167 p.

906
Nguyễn Đức Khảm. Mối ở miền bắc Việt Nam. Hà Nội, Khoa Học và kỹ Thuật, 1976.
QL529.25.V5N48 1976 Orien Viet
82-188654

219 p. illus.

907
Nguyễn Đức Liêm. Thủy mặc. Ist ed. Washington, D.C., Nguyễn Đức Liêm, 1984.
PL4378.9.N51414T48 1984 Orien Viet
84-90629

156 p. illus., plates.

908
Nguyễn Đức Mậu. Mưa trong rừng cháy: thơ. [s.l.] Văn Học Giải Phóng, 1976.
MLCS83/2064 (P)
83-105872

104 p.

909
Nguyễn Đức Mậu. Trường ca sư đoàn. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
PL4378.9.N5142T7 1980 Orien Viet
83-185657

98 p.

910
Nguyễn Đức Thuận. Bất khuất; lời tựa của Phạm-Hùng In lần thứ 1. Hà Nội, Thanh Nên, 1967.
MLCS83/2077 (P)
83-108150

487 p. illus., plates.

911
Nguyễn Hoa *and others*. Chùm quả mùa dâu: thơ. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1981.
MLCS82/10953 (P)
82-226243

99 p.

912
Nguyễn Hoàng Phương. Ga-li-lê. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.
QB36.G2N48 Orien Viet
81-173061

345 p. illus., plates.
Bibliography: p. 343–44.

913
Nguyễn Hồng. Khi đứa con ra đời: [tiểu thuyết]. Hà Nội, Văn Học, 1976.
PL4378.9.N516K5 Orien Viet
81-984063

445 p.
Errata slip inserted.

914
Nguyễn Hồng. Những nhân vật ấy đã sống với tôi: hồi ký văn học. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1978.
PL4378.9.N516Z52 Orien Viet
80-984075

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

886
Nguyễn Duy Trinh. Mặt trận ngoai giao thời kỳ chống Mỹ cứu nước, 1965–1975. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
DS557.7N4 1979 Orien Viet
82-173508

318 p. port.

887
Nguyễn Duy Trinh. Ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi góp phần đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội và làm tốt nghĩa vụ quốc tế. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
DS559.912.N355 1978 Orien Viet
83-188745

131 p. illus.

888
Nguyễn Đăng Kỳ. Vang Krum: tiểu thuyết. In lần thứ 1. [Hà Nội] Tác phẩm mới, Hội Nhà văn Việt Nam, 1979.
PL4378.9.N455V3 Orien Viet
81-203187

293 p.

889
Nguyễn Đăng Mạnh. Nhà văn, tư tưởng và phong cách: phê bình, tiểu luận. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1979.
82-167069

228 p.

890
Nguyễn Địch Dũng. Đoan: tập truyện. In lần thứ 1. [s.l.] Tác Phẩm Mới, 1979.
MLCS82/945
82-163172

139 p.

891
Nguyễn Địch Dũng. Sóng lửa: tập truyện. Hà Nội, Phụ Nữ, 1983.
PL4378.9.N459S6 1983 Orien Viet
84-241428

117 p.

892
Nguyễn Điện. Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật, 1960–1980. [Hà Nội] Nông Nghiệp, 1980.
S675.N494 1980 Orien Viet
82-190560

223 p. illus.
At head of title: Viện Công cụ và Cơ giới hóa nông nghiệp.

893
Nguyễn Đình. Thơ. In lần thứ 1. [s.l.] Tác Phẩm Mới, 1978.
MLCS83/2074 (P)
83-105868

106 p. illus., plates.

894
Nguyễn Đình Cát. Những vấn đề kiến tạo học. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1977.
QE28.2.N47 1977 Orien Viet
83-141194

463 p. illus.

895
Nguyễn Đình Chiểu: Kỷ niệm lần thứ 160 năm ngày sinh của nhà thơ (1822–1982). Hà Nội, Cục Thông Tin và Cổ Động, 1982.
PL4378.9.N46Z82 1982 Orien Viet
83-144967

896
Nguyễn Đình Chiểu. Nguyễn Đình Chiểu toàn tập [của] Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang biên khảo và chú giải; Lương Văn Đang biên tập, Nguyễn Việt Châu trình bày, v. [1]+ Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1980+
PL4378.9.N46A114 1980 Orien Viet
82-184152

illus.

897
Nguyễn Đình Chính. Đá xanh ở thung lũng cháy. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.
PL4378.9.N462D3 Orien Viet
80-984175

131 p.

898
Nguyễn Đình Chính. Giếng chìm: truyện. [s.l.] Hà Nội, 1980.
PL4378.9.N462G5 1980 Orien Viet
83-116889

130 p.

899
Nguyễn Đình Chính. Xưởng máy nhỏ vất vả của tôi: tiểu thuyết. Hà Nội, Lao Động, 1978.
PL4378.9.N462X8 Orien Viet
80-984364

154 p.

900
Nguyễn Đình Phúc. Vài nét về văn nghệ truyền thống

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

871
Nguyễn Công Hòa. Thăm đất nước Cu-Ba anh hùng. [Hà Nội] Lao Động [1961]
F1765.2.N48 1961 Orien Viet
83-182809

90 p.

872
Nguyễn Công Hoan. Hỏi chuyện các nhà văn: Nguyễn Đình Thi, Chu Văn, Bùi Hiển, Tô Hoài, Tú Mỡ, Tế Hanh. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1977.
PL4378.9.N45H58 Orien Viet
79-984297

208 p.

873
Nguyễn Công Hoan. Người cập rằng hầm xây lúa; trình bày và minh họa, Mai Long. Hà Nội, Kim Đồng, 1978.
PZ90.V5N44 Orien Viet
80-984337

13 p. illus.

874
Nguyễn Công Hoan. Nhớ và ghi. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1978.
PL4378.9.N45N5 Orien Viet
80-984366

131 p.

875
Nguyễn Du. Thơ chữ hán Nguyễn Du. Nhóm biên soạn, Lê Thước *and others*. In lần thứ 2. [Hà Nội] Văn Học, 1978.
PL4378.9.N5A6 1978 Orien Viet
81-203192

467 p.

876
Nguyễn Du. Truyện Kiều. Hà Nội, Văn Học, 1979.
PL4378.9.N5T7 1979 Orien Viet
82-213173

287 p.

877
Nguyễn Dương Quang. Bệnh lý ngoại khoa gan—mật thường gặp ở Việt Nam. Hà Nội, Y Học, 1980.
RC845.N47 1980 Orien Viet
81-203195

217 p.

878
Nguyễn Dương Quang *and* Nguyễn Đức Ninh. Phẫu thuật ổng tiêu hóa. Hà Nội, Y Học, 1980.
RD540.N46 1980 Orien Viet
82-184240

225 p. illus.

879
Nguyễn Dương Quang *and others*. Hướng dẫn xử trí vết thương; thư ký biên soạn, Đặng Kim Châu. Hà Nội, Y Học, 1979.
83-114936

239 p.

880
Nguyễn Duy. Phóng sự 30-4-75: thơ. Thành Phố Hồ Chí Minh, Văn Nghệ, 1981.
MLCS83/2076 (P)
83-116038

61 p.

881
Nguyễn Duy Cần. Lão-tử tinh-hoa. Lao-tzu ching hua. Fort Smith, AR, Sống Mới [1980?]
BL1900.L35N48 1980 Orien Viet
84-130864

258 p.

882
Nguyễn Duy Cần. Phật-học tinh-hoa. For hsüeh ching hua. Fort Smith, AR, Sống Mới [198]
BQ4018.V5N468 1983 Orien Viet
84-130889

311 p. illus.

883
Nguyễn Duy Hinh. Đề-Thám: con hùm Yên-thế Saigon, Khai-Trí [1961]
DS556.83.H6N48 Orien Viet
80-984125

125 p.

884
Nguyễn Duy Ngọ. Thuyết sinh vật học Mít-su-rin. [Hanoi] Hội Văn Hóa Việt Nam [1950]
83-191882

40 p.

885
Nguyễn Duy Thông, Lê Hữu Tầng *and* Nguyễn Văn Nghĩa. Tìm hiểu chủ nghiã vật biện chứng. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1979.
B809.8.N49 1979 Orien Viet
82-167212

317 p.
Includes bibliographical references.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

857
Nguyễn Anh. Ngô Quyền: truyện lịch sử. Hà Nội, Thanh Niên, 1984.
PL4378.9.N4478N4 1984 Orien Viet
85-196415
294 p.

858
Nguyễn Anh *and* Đào Nguyên. Một số vấn đề bộ đội cần biết về kinh tế nông nghiệp. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
HD2080.5.N48 1979 Orien Viet
83-134795
150 p. illus.
Includes bibliographical references.

859
Nguyễn Anh Dũng. Về chủ nghĩa bành trướng Đại Hán trong lịch sử. Hà Nội, Thông Tin Lý Luận, 1982.
DS736.N52 1982 Orien Viet
83-151773
191 p.
Errata slip inserted.
Bibliography: p. 187–91.

860
Nguyễn Bảo. Người ở thượng nguồn: tiểu thuyết. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1983.
PL4378.9.N4479N4 1983 Orien Viet
85-197419
245 p.

861
Nguyễn Bích Huệ. Đồng bạc Việt-Nam và các vấn đề liên-hệ. [Saigon] Phạm Quang Khai, 1968.
HG1250.5.N48 Orien Viet
81-984047
186 p. illus. (Tủ sách tiền bộ.)

862
Nguyễn Bình. Hương: tiểu thuyết. [s.l.] Phụ Nữ, 1981.
PL4378.9.N547979H8 1981 Orien Viet
84-143402
158 p.

863
Nguyễn Bình. Những ngày đã qua: tiểu thuyết. Hà Nội, Lao Động, 1978.
MLCS83/2071 (P)
83-105867
355 p.

864
Nguyễn Bỉnh Khiêm. Trạng Trình Nguyễn-Bỉnh-Khiêm thi-tập [của]; Hoàng-Xuân Sưu-tập và Chú-dẫn. [Bruxelles] Thanh Long [1980]
PL4378.9.N4484T7 1980 Orien Viet
80-984371
58 p. (Collection vietnamienne; no. 5)
Reprint of the 1959 ed. published by Anh Phương, Saigon.

865
Nguyễn Bùi Vợi. Anh là chiến sĩ. Hà Nội, Kim Đồng, 1977.
PZ90.V5N43 Orien Viet
79-984290
155 p. illus.

866
Nguyễn Chí Thanh. Những bài chọn lọc về quân sự. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1977.
DS553.1.N48 Orien Viet
79-984333
671 p. illus., plates.

867
Nguyễn Chí Thiện. Hoa địa-ngục. English & Vietnamese. Selections. Flowers from hell; Hoa địa-ngục; a bilingual edition of poems selected and translated from the Vietnamese by Huỳnh Sanh Thông. New Haven, Southeast Asia Studies, Yale University, c1984.
PL4378.9.N4487H6213 1984
84-50325
136 p. illus. (The Lạc-Việt series; no. 1)

868
Nguyễn Chí Trung. Khi dòng sông ra đến cửa: tập truyện và ký. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1981.
PL4378.9.N449K48 1981 Orien Viet
84-125318
136 p.

869
Nguyễn Chí Trung. Thơ tình. Saigon, Rừng Đen, c1981.
PL4378.9.N449T48 1981 Orien Viet
83-170627
88 p. illus.

870
Nguyễn Chuông. Đường tới chân trời: tự truyện. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
MLCS82/9867 (P)
82-220057
283 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

842
Nguiễn Ngu Í. Sống và viết với Nhất Linh *and others*. [Sai-gon] Ngòi Xanh, 1966.
83-188473
371 p. illus.

843
Người chiến sỹ. [s.l.] Thanh Niên [1977]
MLCS83/5494 (P)
83-136663
201 p. illus.

844
Người Hà Nội: Hồi ký. [Hà Nội] Sở Văn Hóa Thông Tin Hà Nội [1965]
82-190605
200 p.

845
Người Hà Nội: hồi ký cách mạng và kháng chiến. Hà Nội, Sở Văn Hóa Thông Tin, 1970.
DS553.5.N48 1970 Orien Viet
80-984017
401 p.

846
Người mẹ Hà Nội: truyện ký; của nhiều tác giả. [s.l.] Hà Nội, 1978.
MLCS83/2075 (P)
83-108135
211 p.

847
Người mẹ suối lũng pô: truyện ký. Hà Nội, Phụ Nữ, 1979.
MLCS82/5046
82-163224
106 p.

848
Người Thứ Tám. Ba lê—mắt biếc môi hồng: tiểu thuyết gián điệp. Lancaster, PA, Xuân Thu [1980?]
PL4378.9.N4477B3 1980 Orien Viet
82-102320
446 p.

849
Người Thứ Tám. Bắc-kinh 72 giờ nghẹt thở: tiểu thuyết gián điệp[của] Người Thứ Tám [i.e. Bùi Anh Tuấn]. Lancaster, PA, Xuân Thu [1980?]
PL4378.9.B77B3 1980 Orien Viet
80-984240
394 p. (Tủ sách Z. 28)
Reprint of the 1970 ed. published by Hành Động, Saigon

850
Người Thứ Tám. Cạm bẫy trên giòng Chao Phya: tiểu thuyết gián điệp. Lancaster, PA, Xuân Thu [1980?]
PL4378.9N4477C3 1980 Orien Viet
82-102317
326 p. (Tủ sách z. 28)
Reprint. Originally published: Saigon, Hành Động, 1969.

851
Người Thứ Tám. Hận vàng Ấn-độ: tiểu thuyết gián điệp. [Lancaster, PA, Xuân Thu, 1980?]
PL4378.9.N4477H3 1980 Orien Viet
82-102310
415 p. (Tủ sách Z. 28)

852
Người Thứ Tám. Mèo Xiêm, cọp Thái: tiểu thuyết gián điệp [của] Người Thứ Tám [i.e. Bùi Anh Tuấn]. [Lancaster, PA, Xuân Thu, 1978]
PL4378.9.B77M4 1978
79-985006
320 p. (Tủ sách Z. 28)

853
Người Thứ Tám. Nhà thám tử cô đơn: tiểu thuyết đen. Lancaster, PA, Xuân Thu [19]
PL4378.9N4477N5 1900z Orien Viet
82-102323
352 p. (Tủ sách Z. 28)

854
Người Thứ Tám. Núi đá tiên tri: tiểu thuyết gián điệp [của] Người Thứ Tám [i.e. Bùi Anh Tuấn]. [Lancaster, PA, Xuân Thu, 1978]
PL4378.9.B77N8 1978 Orien Viet
79-985005
385 p. (Tủ sách Z. 28)
Reprint of the 1970 ed. published by Hành Động, Saigon. Includes a reproduction of the t.p. of the 1970 ed.

855
Nguồn sữa trắng: truyện và ký [của] nhiều tác giả. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
MLCS83/2072 (P)
83-108142
135 p.

856
Nguyễn An *and others*. Tự điển tinh thể học Nga-Việt. Russko-v'etnamskii kristallograficheskii slovar. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1978.
QD902.T83 Orien Viet
80-984318
139 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

829
Ngô Thì Nhậm. Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm; chủ biên, Cao Xuân Huy, Thạch Can; dịch xuôi và chú thích, Mai Quốc Liên, Thạch Can; dịch thơ, phú, Khương Hữu Dụng, Ngô Linh Ngọc. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1978.
PL4378.9.N4434A6 1978b Orien Viet
81-151313

2 v.

830
Ngô Thực. Ba người ở một nhà: tập truyện. [s.l.] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1982.
PL4378.9.N4438B3 1982 Orien Viet
84-158025

192 p.

831
Ngô Thực. Gương mặt đồng chiêm. Hà Nội, Phụ Nữ, 1977.
PL4378.9.N4438G8 Orien Viet
80-984121

96 p.

832
Ngô Văn Hòa *and* Dương Kinh Quốc. Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi thành lập Đảng. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1978.
HD8700.5.N44 Orien Viet
79-984397

411 p.
At head of title: Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học.
Bibliography: p. 405–11.
Errata slip inserted.

833
Ngô Văn Phú. Tháng năm, mùa gặt: thơ. [s.l.] Thanh Niên, [197]
PL4378.9.N444T5 1978 Orien Viet
83-117972

115 p.

834
Ngô Văn Phú *and* Nguyễn Phan Hách. Ở đất Hoa lộc. Hà Nội, Phụ Nữ, 1977.
PL4378.9.N444O2 Orien Viet
80-984095

97 p.

835
Ngô Văn Phú *and others*. Đàn cuốc; bìa và minh họa của Nguyễn Thọ, Hoàng Hữu, Đoàn Thanh. Hà Nội, Kim Đồng, 1978.
MLCM83/2097 (P)
83-116920

25 p. illus.

836
Ngô Xuân Hậu. Thi ca chiến tranh và tình yêu; tuyển tập. [s.l.] Năm, 1980.
PL4378.9.N4445T5 Orien Viet
81-173037

235 p.

837
Ngọc Linh. Như hạt mưa sa: truyện dài. Fort Smith, AR, Sông Mới, 1979.
PL4378.9.N445N5 1979 Orien Viet
82-108404

313 p.
Reprint. Originally published: Saigon, Miền Nam, 1967.

Ngọc Ngà:
see Cô Ngọc Ngà

838
Ngôi sao vũ Ba Lê: tập truyện ký. Hà Nội, Phụ Nữ, 1981.
PG3289.V5N45 1981 Orien Viet
83-185818

140 p.

839
Ngọn cờ giải phóng: rút những bài đã đăng trong báo "Cờ giải phóng" và tạp chí "Cộng sản" xuất bản hồi bí mật; tựa của Trần-huy-Liệu. In lần thứ 5. Hà Nội, Sự Thật, 1976.
DS556.8.N45 1976 Orien Viet
83-143692

206 p.

840
Ngọn đuốc. Hà Nội, Văn Học, 1980.
84-126792

528 p.

841
Ngữ-vựng nguyên-tử-năng Anh-Việt, có phần đối-chiếu Việt-Anh. Bộ Giáo-dục và Thanh-niên, Ủy-ban Quốc-gia soạn-thảo danh-từ Chuyên-môn, Tiểu-ban Nguyên-tử-năng. In lần thứ 1. [s.l.] Trung-tâm Học-liệu, 1969.
83-180324

194 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

815
Ngô Gia Văn Phái, Nguyễn Đức Vân, *and* Kiều Thu Hoạch. Hoàng Lê nhất thống chí: tiểu thuyết lịch sử. v. [1]+ In lần thứ 3 có sửa chữa. Hà Nội, Văn Học, 1984+
85-220762
(Tủ sách văn học mọi nhà)

816
Ngô Hoàng Anh *and others*. Hương đồng: thơ. In lần thứ l. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1981.
PL4378.6.H8 1981 Orien Viet
84-127179
135 p.

817
Ngô Mạnh Lân *and* Trần Ngọc Thanh. Phim hoạt họa Việt Nam. Hà Nội, Văn Hóa, 1977.
NC1766.V53N45 Orien Viet
79-984353
213 p. illus.
Bibliography: p. 213 p.
Errata slip inserted.

818
Ngô Ngọc Bội. Ao làng: tiểu thuyết. Hà Nội, Văn Học, 1975.
PL4378.9.N4414A87 Orien Viet
80-984011
319 p.

819
Ngô Quân Miện. Hoa đồng; bìa và minh họa của Hồ Quảng. Hà Nội, Kim Đồng, 1978.
PZ90.V5N4 Orien Viet
80-984336
30 p. illus.

820
Ngô Quân Miện *and* Nguyễn Bùi Vợi. Bông hoa cỏ, mặt gương soi: thơ. [s.l.] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1981.
PL4378.6.N42 1981 Orien Viet
84-126887
86 p.

821
Ngô Quang Đệ *and* Nguyễn Mộng Mênh. Kỹ thuật giồng cây rừng. Hà Nội, Nông Nghiệp, 1981.
SD235.V5N4 1981 Orien Viet
83-144261
127 p. illus.

822
Ngô Quang Nam. Dòng máu: truyện viết về anh hùng Trần Cừ. Hà Nội, Thanh Niên, 1982.
PL4378.9.N4416D6 1982 Orien Viet
83-184723
283 p.

823
Ngô Sĩ Liên. Đại việt sử ký toàn thư. Cao Huy Giu phiên dịch; Đào Duy Anh hiệu đính, chú giải và khảo chứng. v. [4]+ Hà Nội, Khoa Học Xã Hội [1968–]
DS556.6.N45 1968 Orien Viet
82-218018
Includes index.

824
Ngô Sĩ Liên. Đại việt sử ký toàn thư. Cao Huy Giu phiên dịch; Đào Duy Anh hiệu đính, chú giải và khảo chứng. In lần thứ 2, có sửa chữa. v. [2–4] Hà Nội, Khoa Học Xã Hội [1971–1973]
DS556.6.N45 1971 Orien Viet
84-171968

825
Ngô Sĩ Liên. Đại việt sử ký toàn thư: dịch theo bản khắc in năm chính hòa thứ 18 (1667). v. [1]+ Lời giới thiệu, Nguyễn Khánh Toàn; khảo cứu về tác giả, văn bản, tác phẩm, Phan Huy Lê; dịch và chú thích, Ngô Đức Thọ; hiệu đính, Hà Văn Tấn. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1983+
85-230919
illus.

826
Ngô Thảo. Từ cuộc đời chiến sĩ; tiểu luận phê bình. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.
PL4378.05.N4 1978 Orien Viet
82-218428
252 p.

827
Ngô Thị Liễu. Đời nghệ thuật Ngô Thị Liễu; Lê Ngọc Cầu ghi. Hà-Nội, Văn Hóa, 1977.
PN2898.N46A33
80-984082
243 p. illus., plates.

828
Ngô Thì Nhậm. Thơ văn Ngô Thì Nhậm; người dịch, Cao Xuân Huy. v. [1]+ Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1978+
PL4378.9.N4434A6 1978 Orien Viet
81-155760
Contents:—Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

của Nguyễn Thụ. Hà Nội, Kim Đồng, 1980.
PZ90.V5N38 1980 Orien Viet
83-115595

131 p. illus.

802
Nghiêm Đa Văn. Gió mặn: truyện. Hà Nội, Lao Động, 1982.
PL4378.9.N432G5 1982 Orien Viet
84-127156

249 p.

803
Nghiêm Đa Văn. Ngã ba đất đỏ: truyện ngắn. In lần thứ 1. [s.l.] Tác Phẩm Mới, 1978.
MLCS83/5531(P)
83-111747

167 p.

804
Nghiêm Đa Văn. Nguyễn Đức Cảnh; bìa và minh họa của Đặng Đức Sinh. Hà Nội, Kim Đồng, 1979.
82-126452

158 p. illus.

805
Nghiêm Lệ Quận. Đường tình mang tên em: tiểu-thuyết tình-cảm xã-hội. Fort Smith, AR, Sống Mới [19]
MLCS83/2226(P)
83-105800

448 p.

806
Nghiêm Lệ Quân. Đường tình mấy trạm: tiểu thuyết tình cảm xã hội. [Glendale, CA] Tinh Hoa Miền Nam [1980?]
PL4378.9.N435D8 1980 Orien Viet
80-984241

482 p.
Reprint of the 1971 ed. published by Bồn Phương, Saigon.

807
Nghiêm Lệ Quân. Long đong: tiểu thuyết tình cảm xã hội. [Glendale, CA, distributed by Dainamco, 1980?]
PL4378.9.N435L6 1980 Orien Viet
80-984340

456 p.
Reprint of the 1967 ed. published by Nam Cường, Saigon.
Includes a reproduction of the t.p. of the 1967 ed.

808
Nghiêm Lệ Quân. Mái tóc dạ hương: truyện dài tình cảm xã hội. Fort Smith, AR, Sống Mới [1980?]
PL4378.9.N435M3 1980 Orien Viet
82-110279

218 p.
Reprint. Originally published: 1974.

809
Nghiêm Lệ Quân. Nửa gối cô đơn. Glendale, CA, Tinh Hoa Miền Nam [1980?]
PL4378.9.N435N8 1980 Orien Viet
81-203165

469 p.
Reprint. Originally published: Saigon, Miền Nam, 1968.

810
Nghiêm Văn Tân. Đài hoa tím: truyện ký. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
PL4378.9.N4357D3 1978 Orien Viet
82-126438

178 p.

811
Nghiêm Xuân Hồng. Từ binh-pháp Tôn-Ngô đến chiến-lược nguyên-tử. v. [1–2] Saigon, Quan Điểm [1965–1966]
U27.N47 1965 Orien Viet
83-191679

illus.
Includes bibliographical references.

812
Nghiệp vụ công tác đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. Hà Nội, Kim Đồng, 1980.
HX400.5.D63N43 1980 Orien Viet
83-135900

189 p. (Tủ sách người phụ trách)

813
Nghiệp vụ xuất bản sách [của] Khoa xuất bản, Trường tuyên huấn trung ương. Hà Nội, Sách Giáo Khoa Mác—Lê-nin, 1979.
Z464.V5N46 1979 Orien Viet
82-158896

214 p. illus.

814
Ngô Bá Thành *and* Nguyễn Châu. Nghề đánh ruốc và cách làm mắm ruốc. Saigon, Trung-tâm Quốc-gia Khảo-cứu Khoa-học, 1963.
82-218435

72 p. illus.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

N

788
Nà Văn Năm *and others*. Tục ngữ Thái. Hà Nội, Văn Hóa Dân Tộc, 1978.
PN6519.V5T8 1978 Orien Viet
80-984176

156p.
Bibliography: p. 151–54.

789
Nam Chi *and others*. Góp bút. Los Angeles, CA, Hội Sinh Viên Việt Nam tại University of California, Los Angeles, 1981.
PL4378.5.G66 1981 Orien Viet
82-204961

115 p. illus.
"Đặc san UCLA 1980–81."

790
Nam Hà. Đất miền đông: tiểu thuyết. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1984.
85-200203

583 p.

791
Nam Hà. Khi tổ quốc gọi lên đường: thơ. [ ] Văn Học Giải Phóng, 1976.
MLCS83/5527 (P)
83-110732

120 p.

792
Nam Hà. Mặt trận đông bắc Sài gòn: ký sự. In lần thứ 2. [Thành phố Hồ Chí Minh Văn Học, 1978]
DS557.8.S24N35 1978 Orien Viet
80-984076

255 p.
Errata slip inserted.

793
Nam Mộc. Luyện thêm chất thép cho ngòi bút: bình luận văn học. Hà Nội, Văn Học, 1978.
PL4378.05.N26 Orien Viet
80-984392

403 p.
Includes bibliographical references.
Errata slip inserted.

794
50 năm, chiến đấu, 50 năm thắng lợi. [Hà Nội, Thông Tấn Xã Việt Nam, 1980]
DS556.8.A14 1980 Orien Viet
82-214382

140 p. illus., plates.

795
Năm mươi năm hoạt động của Đảng cộng sản Việt Nam [của] Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
JQ298.D36D36 1979 Orien Viet
82-169479

318 p. illus.

796
Nàng dâu: tập kịch ngắn. [Hà Nội] Văn Hóa [1978]
PL4378.7.N3 Orien Viet
80-984115

399p.

797
Nắng sớm: tập thơ [của] nhiều tác giả nữ. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
MLCS82/9874(P)
82-220936

111 p.

798
Nghệ thuật tạo hình Việt Nam. Hà Nội, Văn Hóa, 1975.
N7314.6.N43 Orien Viet
80-984084

124 leaves illus.
Includes introd. in English and French.

799
Nghị quyết hội nghị lần thứ sáu ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) về phương hướng, nhiệm vụ phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương. [Hà Nội] Sự Thật [1979]
HD9736.V542N44 1979 Orien Viet
82-216632

31 p.
At head of title: Đảng cộng sản Việt Nam.

800
Nghiêm Duy. Tự điển điện và điện tử Anh Việt [của] Nghiêm Duy và một nhóm giáo sư, kỹ sư Trung tâm Kỹ thuật. [Saigon] Văn Minh [1973]
TK9.N43 Orien Viet
80-984037

252 p. illus.
Cover also has title: Electricity and electronics dictionary.

801
Nghiêm Đa Văn. Đất mặn đất ngọt; bìa và minh họa

Digitized by Google
Original from UNIVERSITY OF ILLINOIS AT URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Trung kỳ 1930–1931. Tái bản có bổ sung. [s.l.] Thanh Niên [1979]

MLCS82/5951
82-179371

173 p.

775
Minh Lãng. Trường hận ca: người vượt biển. San Diego, CA, Tủ Sách Bút Quê [1984]

PL4378.9.M53T7 1984 Orien Viet
85-100213

63 p. illus.

776
Minh Võ. Sách lược xâm lăng của cộng sản. In lần thứ 2. [Saigon] 1970.

HX44.M523 1970 Orien Viet
81-984048

187 p.

777
Mộng Tuyết. Gầy hoa cúc: thơ của Thất Tiểu Muội; Thi Vũ đề bạt. Paris, Rừng Trúc, 1974.

PL4378.9.M63G3 1974 Orien Viet
84-131289

75 p.

778
1972, một năm vĩ đại. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1973.

DS557.7.A15 1973 Orien Viet
83-154767

77 p. (Đánh mạnh thắng to; tập 9)

779
Một nhành xuân: thơ. In lần thứ 1. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1980.

PL4378.6.M68 1980 Orien Viet
83-188178

235 p.

780
Một số đặc điểm của chủ nghĩa bành trướng Trung Quốc chống Việt Nam, Lào, Cam-Pu-Chia. Hà Nội, Thông Tin Lý Luận, 1984.

DS546.5.C6M67 1984 Orien Viet
85-202042

157 p.

781
Một số tác giả và tác phẩm trong Ngô Gia Văn Phái. [s.l.] Ty Văn Hóa và Thông Tin Hà Sơn Bình, 1980.

85-107890

231 p.

782
Một số vấn đề về tổ chức sản xuất và quản lý kinh tế ở huyện; Mai Hữu Khuê chủ biên; Nguyễn Đình Nam, Tôn Tích Thạch. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1981.

85-116888

364 p.

783
Một số vấn đề về tổ chức và lãnh đạo trong trường đào tạo công nhân kỹ thuật [của] Ủy ban dạy nghề thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên-xô. Hà Nội, Công Nhân Kỹ Thuật, 1977.

82-104363

187 p. illus.

784
Một số văn kiện của Đảng và chính phủ về tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Hà Nội, Sự Thật, 1978.

HD2346.V5M67 Orien Viet
79-984367

159 p.

785
Một số văn kiện của Đảng về công tác giáo dục lý luận và chính trị: tài liệu học tập nghiệp vụ huấn học lớp trung cấp lưu hành nội bộ. Hà Nội, Sách Giáo Khoa Mác—Lê-nin, 1978.

LA1186.D36 1978 Orien Viet
82-101504

389 p.

786
Một vài vấn đề về phương thức lãnh đạo của đảng trong giai đoạn mới của cách mạng. Hà Nội, Sự Thật, 1981.

JQ298.D36N48 1981 Orien Viet
84-161356

50 p.

787
Mười tài liệu chứng minh âm mưu của cộng sản Việt-Nam tại Kampuchea: tháng tám 1969 đến tháng tư 1970. [s.l., s.n., 1978?]

DS554.8.M86 Orien Viet
79-984418

1 portfolio;
Vietnamese or Khmer.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Lần thứ 1. LA [i.e. Los Angeles], CA, Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam, 1981.
BQ5395.M34 1981 Orien Viet
82-144951

55 p.

761
Mạnh Việt. Mở lại tập hồ sơ Sơn Mỹ: nhân dịp tưởng niệm 10 năm ngày đồng bào Sơn Mỹ bị giặc Mỹ sát hại, 16-3-1968—16-3-1978. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.
DS557.8.S58M36 Orien Viet
80-984107

95 p. illus., plates.

762
Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-Nam: một số tài liệu về Tuyên ngôn, chương trình, lời kêu gọi của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-Nam, của các Mặt trận dân tộc giải phóng các miền và của các tổ chức trong Mặt trận. Hà Nội, Sự Thật, 1961.
DS556.9.M355 1961 Orien Viet
83-138470

121 p.

763
Mặt trận phía sau: tập truyện kỷ niệm sâu sắc trong đời Bộ đội. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
PL4378.8.M35 1980 Orien Viet
83-177996

183 p.

764
Màu xanh nhớ bác: tập thơ. Hà Nội, Lao Động, 1980.
PL4378.6.M38 1980 Orien Viet
83-140332

103 p.

765
Mấy vấn đề kinh tế trước mắt. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
HC444.M39 1980 Orien Viet
82-190598

103 p.
Includes bibliographical references.

766
Mấy vấn đề về Then Việt Bắc. Hà Nội, Văn Hóa Dân Tộc, 1978.
NX578.6.V52M665 1978 Orien Viet
83-188721

354 p.

767
Mẹ người anh hùng. Hà Nội, Phụ Nữ, 1982.
PL4378.8.M4 1982 Orien Viet
84-143506

83 p.

768
Miền nam Việt Nam đất nước, con người; ký họa của Cổ Tần Long Châu *and others*. v. [2] + [Hà Nội] Giải Phóng, 1967 +
N7314.M54 1967 Orien Viet
83-192403

illus.

769
Minh Đức Hoài Trinh. Bài thơ cho quê hương. [s.l., s.n., 1980?]
PL4378.9.M5B34 Orien Viet
80-984356

[34] p.

770
Minh Đức Hoài Trinh. Bên ni, bên tê. [United States] Nguyễn Quang [1981?]
PL4378.9.M5B4 1981 Orien Viet
83-137634

304 p.

771
Minh Giang. Cao nguyên xanh. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
MLCS82/10962 (P)
82-234956

209 p.

772
Minh Giang. Tiếng đàn tranh: tiểu thuyết. Huế, Thuận Hóa, 1982.
PL4378.9.M515T5 1982 Orien Viet
83-184049

287 p.

773
Minh Hà. Trường Hận. Vancouver, WA, Minh Hà, 1978.
PL4378.9.M52T7 Orien Viet
79-984403

63 p. illus.

774
Minh Huê. Ngọn cờ bến thủy: viết theo lời kể của đồng chí Nguyễn Phúc, ủy viên thường vụ xứ ủy

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

747
Mã Giang Lân, Bê Kiên Quốc, *and* Trần Mạnh Thường. Hoa và dòng sông: thơ. [s.l.] Tác Phẩm Mới, 1979.
MLCS82/10957 (P)
82-225210
188 p.

748
Ma Văn Cao. Lĩnh-Nam dật sử. [Ling-nan i shih] Trần-Nhật-Duật dịch; dịch giả, Bùi Đàn. In lần thứ 1. v. [1]+ [s.l.] Bộ Giáo-dục, Trung-tâm Học-liệu, 1968+
83-101927
(Tủ sách dịch-thuật)

749
Ma Văn Kháng. Đồng bạc trắng hoa xoè: tiểu thuyết. Hà Nội, Văn Học, 1978.
PL4378.9.M25D6 Orien Viet
80-984301
574 p.
Errata slip inserted.

750
Ma Văn Kháng. Góc rừng xinh xắn: tập truyện ngắn, viết về chủ đề chống quân Trung quốc xâm lược. Hà Nội, Thanh Niên, 1980.
PL4378.9.M25G6 1980 Orien Viet
83-186153
132 p.

751
Mai Đình Yên. Định loại cá nước ngọt các tỉnh phía bắc Việt Nam. Hà Nội, Khoa học và kỹ thuật, 1978.
QL634.V55M34 Orien Viet
81-171134
339 p. 48 p. of plates, illus.
Bibliography: p. 328–31.

752
Mai Hộ. Tội ác và cái giá phải trả. Hà Nội, Thanh Niên, 1972.
DS559.2.M35 1972 Orien Viet
82-190567
132 p. illus.

753
Mai Ngữ. Điểm cao: tập truyện. Hà Nội, Văn Học, 1972.
PL4378.9.M28.D5 1972 Orien Viet
83-185583
160 p.

754
Mai Thảo. Ánh sáng miền Nam: truyện dài; phỏng theo cốt truyện của César Amigo. [s.l.] Sáng Tạo, 1956.
83-153318
307 p.

755
Mai Thảo. Sau khi bão tới: truyện dài. [Los Alamitos. CA, Việt Nam, 1980?]
PL4378.9.M3S22 1980 Orien Viet
80-984239
313 p.
Reprint of the 1968 ed. published by Màn Ảnh, Saigon.

756
Mai Thế Chính. Bên những quả bom chờ nổ: chuyện viết về Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân binh chủng công binh Nguyễn Ngọc Sâm. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
PL4378.9.M275B4 1979 Orien Viet
83-189787
191 p.

757
Mai Văn Tấn. Truyện cổ Vân Kiều. Hà Nội, Văn Hoá Dân Tộc, 1978.
GR313.5.V35M34 1978 Orien Viet
80-984154
274 p.
Errata slip inserted.

758
Mai Văn Tạo *and others*. Nhìn qua biên giới: ký và truyện. [s.l.] Văn Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh, 1980.
MLCS83/2716 (P)
83-115571
158 p.

759
Mai Vui *and others*. Tia nắng: tập truyện ngắn. Hà Nội, Thanh Niên, 1970.
PL4378.8.T59 1970 Orien Viet
83-182807
94 p. illus.

760
Mẫn Giác, Thích. Đại cương đạo đức học phật giáo.

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

734
Lương Sĩ Cầm. Lê Đình Chinh: truyện anh hùng lực lượng công an nhân dân vũ trang. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
PL4378.9.L82L4 1980 Orien Viet
83-187795

127 p.

735
Lương Sĩ Cầm *and others*. Vọng gác tiền tiêu. [Hà Nội] Phổ Thông, 1978.
PL4378.8V6 Orien Viet
80-984141

125 p. illus.

736
Lương Thế Nam. Tuổi thơ: tập truyện. Fort Smith, AR, Sông Mới [19]
MLCS83/2231 (P)
83-106565

266 p.

737
Lương Văn Đang *and* Đinh Thái Hương. Giảng văn. v. [1–2]+ Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1982+
PL4378.A53 1982 Orien Viet
83-146007

At head of title: Khoa ngữ văn, Đại học sư phạm I Hà Nội.
Includes bibliographical references.

738
Lương Xuân Nhị. Giải phẫu tạo hình. [Hà Nội] Văn Hóa [1978]
NC760.L77 1978 Orien Viet
82-166992

164 p. illus.

739
Lưu Động. Bước đầu theo Đảng; hồi ký. [Hà Nội] Thanh Niên, 1961.
HX400.5.A8L88 Orien Viet
81-984059

92 p.

740
Lưu Quang Thuận. Cám ơn thời gian: tập thơ. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1982.
PL4378.9.L85C3 1982 Orien Viet
83-185828

111 p.

741
Lưu Quang Vũ *and* Thế Long. Một vùng mặt trận. Hà Nội, Phụ Nữ, 1980.
PL4378.9.L854M6 1980 Orien Viet
83-116895

80 p.

742
Lưu Trần Tiêu. Khu mộ cô Châu Can; với sự cộng tác [của] Trịnh Căn. [Hà Nội] Viện Bảo Tàng Lịch Sử Việt Nam, 1977.
DS559.93.C46L88 1977 Orien Viet
82-184538

85 p. illus.
Includes summary in French.
Includes bibliographical references.

743
Lưu Trọng Lư. Mùa thu lớn. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1978.
PL4378.9L87Z47 Orien Viet
79-984396

182 p.

744
Lưu Văn Vong. Mếu cười: thơ di cư. Paris, Hội Phổ Biến Văn Hóa Việt Nam, 1977–1980 [i.e. 1981] (Houston, TX, Duy Nhân)
PL4378.9.L875M4 1981 Orien Viet
83-150121

73 p.

745
Lý Biên Cương. Tháng giêng: truyện ngắn. Hà Nội, Lao Động, 1979.
MLCS82/9873 (P)
82-220934

170 p.

746
Lý Biên Cương. Quả trong lòng tay: truyện ngắn. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà văn Việt Nam, 1984.
PL4378.9.L89Q3 1984 Orien Viet
85-226698

177 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

719
Lịch sử văn học Việt Nam. v. 1+ 1980+
PL4378.L47 1980 Orien Viet
85-114046
Hà Nội, Khoa Học Xã Hội.

720
Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghiã Xô-Viết. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
DK17.L52 1978 Orien Viet
83-147401
228 p. map, plates.
Includes bibliographical references.

721
Liên-xô vĩ đại [của] C.B. [Hà Nội, Báo Nhân Dân, 1955?]
DK17.L53 Orien Viet
82-984004
30 p.
"Những câu chuyện của C.B. viết về Liên-xô trong mục 'Nói mà nghe' của báo Nhân Dân."

722
Liên Xô với Đại hội Ô-Lim-Pic lần thứ XXII [của] Ủy Ban Ô-Lim-Pic Việt Nam. Hà Nội. Thể Dục Thể Thao, 1980.
GV722 1980.L54 1980 Orien Viet
83-116025
159 p. illus., plates.

723
Linh Bảo. Mây tần: tuyển tập đoản văn. San Diego, CA, Việt Nam Hải Ngoại, 1981.
PL4378.9.L5M39 1981 Orien Viet
82-208422
37 p.

724
Linh Bảo. Tầu ngựa cũ: truyện ngắn. [Saigon] Đời nay, 1961.
PL4378.9.L5T3 1961 Orien Viet
83-152644
124 p.

725
Lội Tam. Tên đời. [Culver City, CA] Tiểu Thuyết Nguyệt San [198]
PL4378.9.L58T4 1981 Orien Viet
83-151851
103 p. illus. (Tủ sách văn học)

726
Long Giang Tử. Những trang sử đẫm mồ-hôi của họ 'Cholon Vietnam.' Cholon, Jeanne D'Arc Cholon Vietnam Parish, c1972.
BX4640.V52C485 1972 Orien Viet
83-180340
213 p. illus., plates.

727
Lớp học của tình thương: tập truyện ký về cháu ngoan bác Hồ. Thành phố Hồ Chí Minh Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh [1980]
PZ90.V5L66 1980 Orien Viet
83-177985
112 p. illus.

728
Lư Giang. Hạnh phúc trên thế gian. Hà Nội, Phụ Nữ, 1977.
MLCS83/8004 (P)
83-113381
95 p.

729
Lư Giang, Mai Thanh Hải, *and* Hồng Liên. Đường sáng. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
PL4378.8.L8 1978 Orien Viet
83-114283
187 p.

730
Lữ Huy Nguyên. Chiều sâu thành phố: thơ. Hà Nội, Văn Học, 1978.
MLCS83/5495 (P)
83-136667
82 p.

731
Lữ Phương. Cuộc xâm lăng về văn hóa và tư tưởng của đế quốc Mĩ tại miền nam Việt Nam. Hà Nội, Văn Hóa, 1981.
83-144664
239 p. illus.

732
Lửa thương yêu, lửa ngục tù. Spark of life: tiểu thuyết [của] Vũ Kim Thu, dịch. Fort Smith, AR, Sông Mới [19]
82-104356
465.

733
Luận cương chính trị năm 1930 của đảng. Hà Nội, Sự Thật, 1983.
JQ898.D25L83 1983 Orien Viet
84-244648
30 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Nội, Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1981.
PL4378.9.L395C8 1981 Orien Viet
84-131170

117 p.

706
Lê Văn Thương. English-Vietnamese scientific dictionary. Anh-Việt khoa-học tự-điển. Tái bản lần thứ 2. [Colorado Springs, COLO] Rồng-Tiên, c1981.
Q123.L38 1981 Orien Viet
82-194460

838 p. illus.

707
Lê Văn Trương. Người mẹ tội lỗi: tiểu thuyết. Fort Smith, AR, Sông Mới [19]
MLCS83/2217 (P)
83-105340

392 p.

708
Lê Văn Vọng *and* Nguyễn Quang Tính. Cánh rừng ngọn gió: thơ. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1981.
PL4378.9.L414C3 1981 Orien Viet
83-116009

92 p.

709
Lê Xuân Diệm *and* Hoàng Xuân Chinh. Di chỉ khảo cổ học Đồng Đậu. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1983.
DS559.93.D66L4 1983 Orien Viet
85-198368

166 p. illus.

710
Lê Xuân Trung. Khâm lâm sàng thâm kinh. Hà Nội, Y Học, 1978.
82-173258

149 p. illus.

711
Lê Xuyên. Kinh Cầu Muống: truyện dài. Glendale, CA, Đại Nam [1979?]
PL4378.9.L44K5 1979 Orien Viet
81-203169

2 v.

712
Lê Xuyên. Nguyệt Đồng-xoài: truyện dài tình cảm. [Los Alamitos, CA, Việt Nam, 1980?]
PL4378.9.L44N4 1980 Orien Viet
80-984237

2 v.

Reprint of the 1970 ed. published by Mây Hồng, Saigon.
Includes a reproduction of the t.p. of the 1970 ed.

713
Lê Xuyên. Vợ thầy Hương: tiểu thuyết tả chân, xã hội, tình cảm. Lancaster, PA, Xuân Thu [1980?]
PL4378.9.L44V6 1980 Orien Viet
80-984238

496 p.
Reprint of the 1965 ed. published by Miền Nam, Saigon.

714
Lê Xuyên. Vùng bão lửa: truyện dài. [United States, s.n., 1980?]
PL4378.9.L44V8 1980 Orien Viet
82-104366

543 p. (Tủ sách đẹp)
Reprint. Originally published: Saigon: Kim Lê, 1969.

715
Li, Tse. An-nam chí-Lược: quyển thủ; soạn giả, Lê-Tắc]. v. [1]+ [s.l.] Viện Đại-học Huế, Ủy Ban Phiên-dịch Sử-liệu Việt-Nam, 1961+
84-134310

716
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; trích văn kiện Đảng [của] Vụ biên soạn, Bản tuyên huấn trung ương. Hà Nội, Sách Giáo Khoa Mác—Lê-nin, 1979.
81-155795

3 v.

717
Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn Việt Nam 1860–1945: sơ thảo lần thứ nhất [của] Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Công Đoàn Việt Nam. In lần thứ 3. [s.l.] Lao Động, 1977.
HD8700.5.L52 1977 Orien Viet
83-154774

223 p. illus., plates.

718
Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam. v. [1]+ In lần thứ 3. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1977+
UA853.V5L53 1977 Orien Viet
84-190951

illus.
At head of title: Ban nghiên cứu lịch sử quân đội thuộc Tổng cục chính trị.
Contents: tập 1. Dự thảo tóm tắt.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Hạnh. Thơm hương mái tóc: thơ. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1983.
PL4378.9.L45T5 1983 Orien Viet
85-197367

125 p.

691
Lê Thị Bích Vân. Bụi phấn hồng: tiểu-thuyết. Fort Smith, AR, Sông Mới [19]
MLCS83/2209 (H)
83-105334

382 p.

692
Lê Tri Kỷ. Những tiếng nói thầm: tập truyện. Hà Nội, Văn Học, 1978.
MLCS82/9872 (P)
82-220926

151 p.

693
Lê Tri Kỷ. Thung lũng không tên: kịch bản điện ảnh. Hà Nội, Công An Nhân Dân, 1981.
PN1997.T478L4 1981 Orien Viet
83-185809

83 p.

694
Lê Trọng Hoàn. Cầm Bá Thước. Hà Nội, Văn Hóa, 1981.
PL4378.9.L385C3 1981 Orien Viet
84-162945

71 p.

695
Lê Trọng Tân. Mấy vấn đề chỉ đạo và chỉ huy tác chiến. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
DS557.7.L4 1979 Orien Viet
83-108505

405 p.

696
Lê Trung Vũ. Dân ca Lô Lô [của] Lê Trung Vũ sưu tầm, biên soạn, dịch và giới thiệu. Hà Nội, Văn Hóa, 1975.
83-182794

201 p. illus.

697
Lê Tử Hùng. Công-dân áo gấm. Fort Smith, AR, Sông Mới [197]
DS556.9.L38 1980z Orien Viet
84-131285

135 p.

698
Lê Tùng Sơn. Nhật ký một chặng đường: hồi ký cách mạng. Hà Nội, Văn Hóa, 1978.
DS556.83.L4A36 Orien Viet
80-984065

233 p.
Errata slip inserted.

699
Lê Vân. Sát thát; tranh, Nguyễn Bích. In lần thứ 2. Hà Nội, Kim Đồng, 1979.
MLCS83/2726 (P)
83-137590

102 p. illus.

700
Lê Văn Hảo. Hành trình về thời đại Hùng Vương dựng nước. [s.l.] Thanh Niên, 1982.
DS556.6.L4 1982 Orien Viet
83-144642

204 p. illus.

701
Lê Văn Hảo *and others*. Kỉ niệm 100 năm năm sinh Phan Bội Châu, 1867–1940. Saigon, Trình Bầy, 1967.
DS556.83.P46K5 1967 Orien Viet
83-154877

119 p.

702
Lê Văn Ngữ. Trung-dung thuyết-ước; bản dịch của Nguyễn Duy Tinh. [s.l.] Ủy-ban dịch-thuật, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-trách Văn-hóa, 1971.
84-209116

126, [156] p.

703
Lê Văn Quán. Giáo trình chữ Hán. Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1978.
82-167009

335 p. illus.

704
Lê Văn Quán. Nghiên cứu về chữ Nôm. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1981.
PL4372.L4 1981 Orien Viet
85-107838

231 p. illus.

705
Lê Văn Thảo. Cửa sổ màu xanh: tập truyện ngắn. Hà

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

và phát triển. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.
UA853.V48L4 Orien Viet
80-984089

119 p.
Includes bibliographical references.

678
Lê Quang Hòa. Rừng sáng. [s.l.] Thanh Niên [1979]
MLCS82/7674
82-185772

193 p.

679
Lê Quý Đôn. Kiến văn tiểu lục. [Chien wen hsiao lu]; dịch-giả, Đàm-Duy-Tạo. In lần thứ 1. [Saigon] Bộ Quốc-gia Giáo-dục, 1964.
AC160.V52L4 1964 Orien Viet
83-192742

(Tủ sách dịch-thuật)

680
Lê Quý Đôn. Lê Qúy Đôn toàn tập. v. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1977+
PL4378.9.L369 1977 Orien Viet
79-984343

Contents:—tập 1. Phủ biên tạp lục.—tập 2. Kiến văn tiểu lục.

681
Lê Quý Độn. Vân đài loại ngữ; Trần Văn Giáp biên dịch và khảo thích; Trần Văn Khang làm sách dẫn; Cao Xuân Huy hiệu đính và giới thiệu. [Hà Nội] Văn Hóa, Viện Văn Học, 1962.
AE4.L4 1962 Orien Viet
83-192373

2 v.
Includes bibliographical references and indexes.

682
Lê Quý. Đôn. Vân-đài loại-ngữ: Việt-Nam bách-khoa toàn-thư [của] Quế-Đường Lê Quý Đôn; Trần Danh Lâm viết tựa, Phạm Trọng Huyến đề từ, Phạm Vũ và Lê Hiền dịch và chú giải. Saigon Miền Nam, 1973.
AE4.L42 1973 Orien Viet
80-984111

557 p.

683
Lê Sơn. Bộ mặt thật các khối quân sự của bọn đế quốc. Hà Nội, Sự Thật, 1962.
UA646.3.L33 Orien Viet
81-984055

46 p.

"Phụ lục: Hiệp ước Bắc Đại-tây-dương, Hiệp ước Đông-nam Á, Hiệp ước Trung tâm."

684
Lê Tân Trang. Nhân loại đã thấy gì từ hoả ngục Việt Nam [California] Liên Minh Dân Việt Nam, 1982.
DS559.912.L42 1982 Orien Viet
82-202456

301 p. illus., plates.

685
Lê Thanh Đức. Chuyện kỹ thuật trong hội họa. [Hà Nội] Văn Hóa, 1977.
ND1500.L39 1977 Orien Viet
83-186575

79 p.

686
Lê Thanh Nghị. Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm để thúc đẩy sản xuất, củng cố hợp tác xã nông nghiệp. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
HD2080.5.Z8L4 1981 Orien Viet
84-126341

78 p.

687
Lê Thanh Nghị. Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch nhà nước 5 năm 1976–1980 và nhiệm vụ cụ thể của kế hoạch nhà nước năm 1978: báo cáo của hội đồng chính phủ; do đồng chí Lê Thanh Nghị, Ủy viên Bộ chính trị Trung ương Đảng, Phó thủ tướng Chính phủ, trình bày tại kỳ họp thứ ba, Quốc hội khóa VI. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
HC444.V54 1978 Orien Viet
82-167055

121 p.

688
Lê Thanh Nghị. Nhiệm vụ và phương hướng xây dựng và phát triển công nghiệp: báo cáo tại Hội nghị lần thứ bảy của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt-nam. Hà Nội, Sự Thật, 1962.
HC444.L43 1962 Orien Viet
83-148852

103 p.

689
Lê Thanh Nghị. Xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông-công nghiệp. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
HD2080.5L39 1979 Orien Viet
82-166029

103 p.

690
Lệ Thu, Nguyễn Thị Hồng Ngát, *and* Trần Thị Mỹ

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Kinh. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1984.
DS559.915.L4 1984 Orien Viet
85-197409
53 p.

662
Lê Kim. Người bạn chiến đấu Pa-Le-Xtin. [s.l.] Thanh Niên [1979]
DS119.7.L36 1979 Orien Viet
83-147400
90 p. illus., plates.

663
Lê Kim Hưng. Đen và trắng. [Hà Nội] Thanh Niên [1978]
E169.12.L38 Orien Viet
80-984078
123 p.

664
Lê Lựu. Campuchia, một câu hỏi lớn. [Hà Nội] Thanh Niên [1980]
DS554.8.L4 Orien Viet
81-213043
80 p.

665
Lê Lựu. Mở rừng: tiểu thuyết. [Hà Nội] Thanh Niên, [1977]
PL4378.9.L356M6 Orien Viet
80-984177
502 p.

666
Lê Lựu. Ở phía sau anh: truyện. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1981.
PL4378.9.L356018 1981 Orien Viet
83-184168
131 p.

667
Lê Lựu. Ranh giới: tiểu thuyết. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
MLCS82/5090
82-164354
255 p.

668
Lê Minh. Má: tập truyện. Hà Nội, Văn Học, 1976.
PL4378.9.L36M3 Orien Viet
80-984357
156 p.

669
Lê Minh. Người thợ máy Tôn Đức Thắng: truyện. [s.l.] Thanh Niên [1981]
PL4378.9.L36N56 1981 Orien Viet
84-126322
311 p.

670
Lê Minh Khuê. Cao điểm mùa hạ: tập truyện. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.
MLCS82/9878 (P)
82-219757
190 p.

671
Lê Ngọc Cầu. Tuồng hài. Hà Nội, Văn Hóa, 1980.
PL4378.7.T88 1980 Orien Viet
82-192605
307 p.
Errata slip inserted.

672
Lê-Nin và thời đại chúng ta. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
DK254.L46L32 1981 Orien Viet
83-151789
203 p.
Includes bibliographical references.

673
Lê Phương. Bạch đàn: tiểu thuyết. In lần thứ 2. Hà Nội, Phụ Nữ, 1977.
PL4378.9.L365B3 1977 Orien Viet
80-984122
208 p.

674
Lê Phương. Bông mai mùa lạnh. [s.l.] Thanh Niên [1979]
MLCS82/5043 Orien Viet
82-163209
337 p.

675
Lê Phương. Ngã ba thời gian: tiểu thuyết. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
PL4378.9.L365N47 Orien Viet
80-984103

676
Lê Quang Hòa. Những chặng đường chống Mỹ: hồi ký. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1982.
PL4378.9.L3675N4 1982 Orien Viet
83-145052
259 p.

677
Lê Quang Hòa. Quân sự địa phương: sự hình thành

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Hoa Miền Nam [1980?]
PL4278.9.L296T5 1980
80-984215
Reprint of the 1973 ed. published by Tổ Hợp Gió, Saigon.

648
Lê Hồng Tậm. Công nhân với nhiệm vụ sản xuất lương thực. Hà Nội, Lao Động, 1979.
HD2080.5.L385 1979 Orien Viet
83-101313
71 p.

649
Lê Hồng Xuân *and others*. Vinh dự đoàn viên: hồi ký về đoàn. Hà Nội, Thanh Niên, 1966.
DS556.8.V56 1966 Orien Viet
82-172951
144 p.

650
Lê Huyền Trang và Lã Văn Lô. Truyền thống đoàn kết vô cùng quý giá; Truyền thống đoàn kết chăn xử qúi lai. Hà Nội, Văn Hoá, 1979.
DS556.8.L37 1979 Orien Viet
83-141202
87 p.

651
Lê Khả Kế. Tự điển Pháp-Việt. [Paris?] Tổ Chức Hợp Tác Văn Hóa và Kỹ Thuật, 1981.
PL4376.T793 1981 Orien Viet
83-152426
1276 p.
At head of title: Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam.
Title on added t.p.: Dictionnaire français-vietnamien.

652
Lê Khả Kế. Tự điển thực vật học Pháp-Việt. Dictionnaire français-vietnamien de botanique. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1978.
QK9.T8 Orien Viet
80-984296
191 p.

653
Lê Khâm. Bên kia biên giới: tiểu thuyết. Hà Nội, Văn Học, 1978.
PL4378.9.L34B4 Orien Viet
80-984189
174 p.
Errata slip inserted.

654
Lê Khánh, Xuân Thiều, *and* Cẩm Giang. Người anh nuôi của đơn vị, tập truyện được thưởng của Tạp chí Văn Nghệ. [Hà Nội] Văn Học [1959]
PL4378.9.L35N37 Orien Viet
79-984154
43 p.

655
Lê Khánh Soa. Bỗng nghe vần "thắng" vút lên cao: tiểu luận. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
PL4378.9.H5Z75 1980 Orien Viet
83-135526
110 p. illus., plates.
Includes bibliographical references.

656
Lê Khoa. Cây lúa, phương pháp trồng lúa: lúa gạo và nền kinh tế nông nghiệp Việt-Nam. Saigon, Nguyễn Thị Xuân-Lan [1971]
HD9066.V52L4 1971 Orien Viet
83-189950
362 p. illus.

657
Lê Khoa. Kinh tế xí nghiệp quản trị điều hành. Saigon, N.T.X. Lan, 1972.
HD37.J3L4 1972 Orien Viet
83-139855
193 p. illus.

658
Lê Kim. Kể chuyện giặc lái B. 52. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1977.
PL4378.9.L354K4 1977 Orien Viet
83-101936
116 p.

659
Lê Kim. Khoa học bịp. [Hà Nội] Thanh Niên [1978]
DS556.9.L413 1978 Orien Viet
80-984123
107 p.

660
Lê Kim. Lộ nguyên hình bành trướng. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
DS559.916.L4 1979 Orien Viet
82-155745
86 p.

661
Lê Kim. Một bước thất bại của bọn bành trướng Bắc

Digitized by Google
Original from UNIVERSITY OF ILLINOIS AT URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

167 p.
Includes bibliographical references.

633
Lê Đức Thọ. Nhật ký đường ra tiền tuyến: thơ. In lần thứ 2. Hà Nội, Văn Học, 1978.
MLCS83/5505 (P)
83-112457
39 p. illus., plates.

634
Lê Đức Thọ. Quán Triệt và đẩy mạnh hơn nữa việc chấp hành đường lối phương châm xây dựng đảng. Hà Nội, Sự Thật, 1963.
JQ898.W6L39 1963 Orien Viet
82-190403
72 p.

635
Lê Đức Thọ. Ra sức nâng cao chất lượng và đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở "bốn tốt". In lần thứ 2. Hà Nội, Sự Thật, 1968.
JQ898.W6L44 1968 Orien Viet
82-190556

636
Lê Đức Thọ. Thơ tuyển. Hà Nội, Văn Học, 1983.
PL4378.9.L29A6 1983 Orien Viet
85-200213
114 p. illus. (Văn Học Hiện Đại Việt Nam)

637
Lê Duy. Tìm hiểu phương hướng chủ yếu của chiến lược kinh tế-xã hội những năm 80. Hà Nội, Sự Thật, 1983.
HC444.L414 1983 Orien Viet
85-200836
85 p.
Includes bibliographical reference.

638
Lê Giang *and others*. Khi em trở về: tập thơ. Hà Nội, Phụ Nữ, 1976.
PL4378.6.K48 1976 Orien Viet
83-185573
130 p.

639
Lê Hà. Hương sen: thơ. [s.l.] Văn Học Giải Phóng, 1976.
MLCS83/2212 (P)
83-108494
146 p.

640
Lệ Hằng. Chết cho tình yêu: truyện dài. [Glendale, CA] Tinh Hoa Miền Nam [1980]
PL4378.9.L443C5 Orien Viet
81-203191
517 p.

641
Lệ Hằng. Chiều gió. Glendale, CA, Đại Nam [1980]
PL4378.9.L443C53 1980 Orien Viet
82-147480
520 p.
Reprint. Originally published: 1974.

642
Lệ Hằng. Kinh tình yêu. [Glendale, CA] Tinh Hoa Miền Nam [1980?]
PL4378.9L296K5 1980 Orien Viet
80-984213
390 p.
Reprint of the 1973 ed. published by Tổ Hợp Gió, Saigon.

643
Lệ Hằng. Màu xanh đang lên: truyện dài. [s.l., s.n., 1980]
PL4378.9.L296M34 1980 Orien Viet
80-984214
309 p.

644
Lệ Hằng. Như sương long lanh. [s.l., s.n., 1980?]
PL4378.9.L296N5 1980 Orien Viet
80-984216
431 p.

645
Lệ Hằng. Sóc nâu. Fort Smith, AR, Sông Mới, 1979.
PL4378.9.L443S6 1979 Orien Viet
82-157504
403 p.
Reprint. Originally published: 1974.

646
Lệ Hằng. Thung Lũng tình yêu. Glendale, CA, Tinh Hoa Miền Nam [1980]
PL4378.9.L443T5 Orien Viet
82-109058
315 p.
Reprint. Originally published: Saigon: Tổ Hợp Gió, 1974.

647
Lệ Hằng. Tình yêu như băng sơn. [Glendale, CA] Tinh

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

617
Lê Duẩn. Thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hà Nội, Sự Thật, 1982.
85-116900

146 p.

618
Lê Duẩn. Tiến bước dưới ngọn cờ của đảng. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
DS556.8.L335 1980 Orien Viet
83-188759

93 p.

619
Lê Duẩn. Tiến bước theo phương hướng chiến lược đã vạch ra. Hà Nội, Sự Thật, 1984.
DS559.912.L4146 1984 Orien Viet
85-200416

105 p. illus., plates.

620
Lê Duẩn. Tiến lên dưới ngọn cờ cách mạng Tháng mười vĩ đại. Hà Nội, Sự Thật, 1977.
HX400.5.A6L455 Orien Viet
79-984347

193 p. [1] leaf of plates, port.
Includes bibliographical references.

621
Lê Duẩn. Tiến lên dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
JQ898.D293L39 1980 Orien Viet
82-173430

66 p. illus.

622
Lê Duẩn. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng lý luận quân sự Việt Nam. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
DS558.5.L38 1979 Orien Viet
82-216083

18 p.

623
Lê Duẩn. Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của chúng ta. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
DS556.9.L37 1981 Orien Viet
84-241847

225 p. illus., plates.

624
Lê Duẩn Tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta. Hà Nội, Sự Thật, 1975.
DS559.912.L415 1975 Orien Viet
79-984300

282 p.

625
Lê Duẩn. Tuổi trẻ anh hùng xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
HQ799.V5L4 1980 Orien Viet
85-130541

26 p.

626
Lê Duẩn. Về hợp tác hóa nông nghiệp. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
HD1491.V5L42 1979 Orien Viet
82-167591

161 p. port.

627
Lê Duẩn. Về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
JQ824.L465 1981 Orien Viet
85-103897

189 p. illus., plates.

628
Lê Duẩn. Về quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
HC444.L413 1981 Orien Viet
85-104763

244 p. illus., plates.

629
Lê Duẩn. Về xây dựng Đảng. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
JQ898.D293L4 1978 Orien Viet
82-202422

404 p. illus., plates.
Includes bibliographical references.

630
Lê Duẩn. Vì cả nước, cùng cả nước các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long hăng hái vươn lên. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
HD2080.5.L382 1981 Orien Viet
83-145101

85 p.

631
Lê Duẩn. Xây dựng kinh tế địa phương vững mạnh. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
85-117871

199 p. illus., plates.

632
Lê Duẩn *and others*. Về đường lối giáo dục xã hội chủ nghĩa. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
LA1186.V4 1979 Orien Viet
82-165998

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

601
Lê Duẩn. Làm chủ tập thể là bản chất và lĩnh của giai cấp công nhân. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
HD8700.5.L42 Orien Viet
80-984090

26 p.

602
Lê Duẩn. Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam anh hùng, bách thắng. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
UA853.V5L4 1979 Orien Viet
82-202447

23 p.

603
Lê Duẩn. Luôn luôn làm trọn nghĩa vụ với Đảng, với dân. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
HD2080.5.L38 1978 Orien Viet
82-216076

31 p.

604
Lê Duẩn. Mấy vấn đề về công tác kiểm tra của Đảng. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
JQ898.W6L435 1979 Orien Viet
82-216058

26 p.

605
Lê Duẩn. Mấy vấn đề về đảng cầm quyền. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
DS559.912.L38 1981 Orien Viet
84-125522

213 p. illus., plates.

606
Lê Duẩn. Mấy vấn đề về kinh tế địa phương. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
HC444.L389 1979 Orien Viet
82-216333

46 p.

607
Lê Duẩn. Một số vấn đề cơ bản về công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. In lần thứ 2. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
HC444.L4 1978 Orien Viet
82-167057

35 p.

608
Lê Duẩn. Một vài vấn đề trong nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta. Hà Nội, Sự Thật, 1964.
D843.L315 1964 Orien Viet
83-135623

55 p.

609
Lê Duẩn. Nhân dân lao động làm chủ tập thể là sức mạnh, là lực đẩy của chuyên chính vô sản. Hà Nội, Sự Thật, 1977.
HD8700.5.L425 Orien Viet
81-213034

32 p.

610
Lê Duẩn. Những nhiệm vụ lịch sử của phong trào cộng sản quốc tế. Hà Nội, Sự Thật, 1958.
HX40.L378 Orien Viet
80-984256

58 p.

611
Lê Duẩn. Phấn đấu xây dựng nước Việt Nam xã Hội chủ nghiã giàu đẹp. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
DS559.912.L39 Orien Viet
81-203198

79 p. port.

612
Lê Duẩn. Phát động quần chúng xây dựng quyền làm chủ tập thể. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
HX400.5A6L446 1978 Orien Viet
82-169533

28 p.

613
Lê Duẩn. Phát huy quyền làm chủ tập thể xây dựng nhà nước vững mạnh. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
HX400.5.A6L447 1978 Orien Viet
82-169490

125 p. port.

614
Lê Duẩn. Phát huy thắng lợi vĩ đại tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên. Hà Hội, Sự Thật, 1980.
HX400.5.A6L448 1980 Orien Viet
83-134475

76 p. illus., plates.

615
Lê Duẩn. Tất cả vì tổ quốc xã hội chủ nghiã, vì hạnh phúc của nhân dân. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
DS8559.912.L414 1981 Orien Viet
85-103775

33 p.

616
Lê Duẩn. Tây Nguyên đoàn kết tiến lên. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
DS556.45.M6L42 1978 Orien Viet
82-216065

32 p. illus., plates.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

586
Lê Bá Thảo. Thiên nhiên Việt Nam. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1977.
DS556.39.L42 Orien Viet
79-984331

299 p. illus.
Includes bibliographical references.

587
Lê Bầu *and others*. Khúc nhạc mùa xuân: tập truyện ký. [s.l.] Hà Nội, 1981.
PL4378.8K54 1981 Orien Viet
85-106862

155 p. illus.

588
Lê Bầu. Những năm tháng trôi qua: tập truyện ngắn. [s.l.] Hà Nội, 1983.
PL4378.8.L37 1983 Orien Viet
85-194463

183 p.

589
Lê Chương. Đất nước vào xuân. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
PL4378.9.L289D3 1979 Orien Viet
82-103532

495 p. port.

590
Lê Đình Chinh. Con người và cuộc sống chiến đấu. [Hà Nội] Thanh Niên [1978]
82-167042

109 p. illus.

591
Lê Đình Ky. Thơ Tô Hữu: chuyên luận. Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1979.
PL4378.9.T6Z75 Orien Viet
82-167600

557 p.
Bibliography: p. 552–[556].

592
Lê Đình Tương. Thư mục về cuộc bành trướng quốc thổ Việt-Nam. Bibliography on Vietnamese geo-political expansion. Nữu Ước, Canh Tân Đất Việt, 1972.
Z3228.V5L4 1972 Orien Viet
84-138143

52 p. illus.

593
Lê Duẩn. Các dân tộc đoàn kết xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam, xã hội chủ nghĩa. Hà Nội, Sự Thật, 1982.
84-125533

114 p.

594
Lê Duẩn. Cách mạng tháng Mười với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
HX400.5.A8L443 1978 Orien Viet
80-984093

32 p. port.
Includes bibliographical references.

595
Lê Duẩn. Chủ nghiã Lê-Nin và cách mạng Việt Nam. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
DS556.8.L35 1981 Orien Viet
84-125504

82 p.

596
Lê Duẩn. Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
JQ884.L4 Orien Viet
81-203199

118 p.

597
Lê Duẩn. Giai đoạn mới của cách mạng và nhiệm vụ của công đoàn. Hà Nội, Sự Thật, 1974.
83-188962

47 p.

598
Lê Duẩn. Hăng hái tiến lên dưới ngọn cờ vĩ đại của Cách mạng tháng mười. Hà Nội, Sự Thật, 1967.
DK265.9.I5L425 1967 Orien Viet
83-147293

56 p.
Errata slip inserted.

599
Lê Duẩn. Hiến pháp mới, hiến pháp của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghiã. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
82-184207

27 p.

600
Lê Duẩn. Học tập và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Lê-nin. Hà Nội, Sự Thật, 1970.
DK254.L4L313 Orien Viet
81-984049

106 p. port.
Includes bibliographical references.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

572
Lã Văn Lô *and* Hà Văn Thư. Bàn về cách mạng tư tưởng và văn hóa ở vùng các dân tộc thiểu số. Hà Nội, Văn Hóa, 1980.
DS556.44.L28 1980 Orien Viet
83-134484

164 p.

573
Lâm Giang. Đối đáp giỏi; bìa và minh họa của Thành Chương. Hà Nội, Kim Đồng, 1979.
PZ90.V5L33 1979 Orien Viet
83-185857

71 p. illus.

574
Lâm Ngữ Đường. Tình sử Võ Tắc Thiên; bản dịch của Vũ Hùng. Fort Smith, AR, Sống Mới [198]
MLCS83/2225 (P)
83-117072

345 p.

575
Lâm Quý *and* Phương Bằng. Truyện cổ Cao Lan. Hà Nội, Văn Hóa, 1983.
85-198329

102 p.

576
Lâm Thanh Liêm. Địa-lý giao-thông [của] Ông Lâm-Thanh-Liêm, Bà Lâm-Thanh-Liêm. In lần thứ 1. [Saigon] Lửa Thiêng, 1969.
HE151.L265 1969 Orien Viet
83-189561

229 p. illus. (Tủ sách sử-địa đại-học)
Bibliography: p. [230]

577
Lâm Tô Lộc. Nghệ thuật múa dân tộc Việt. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.
GV1703.V5L36 1979 Orien Viet
82-169949

157 p. illus., plates.
Bibliography: p. 156–57.

578
Lãn Ông. Nữ công thắng lãm: phần chế biến món ăn cổ truyền [của] Hải Thượng Lãn Ông: Lê Trần Đức, Viện Nghiên cứu Đông y biên dịch phiên âm và phụ giải. [s.l.] Phụ Nữ, 1971.
TX713.H35 1971 Orien Viet
83-117250

97 p.

579
Lan Phương. Gái một con: tiểu thuyết tình cảm xã hội. Glendale, CA, Tinh Hoa Miền Nam [1980?]
PL4378.9.L284G3 1980 Orien Viet
82-109717

580
Lan Phương. Màu áo hoa rừng: truyện dài tình cảm xã hội. Fort Smith, AR, Sống Mới [1980?]
PL4378.9.L28M3 1980 Orien Viet
82-109699

300 p.
Reprint. Originally published: Saigon, Sống Mới, 1974.

581
Lãng Nhân. Chơi chữ. Houston, TX, Zieleks [1979]
PL4378.9.L286C47 1979 Orien Viet
83-146001

311 p.

582
Lankavatarasutra. Vietnamese. Kinh Lăng-Già tâm ấn; dịch giả, Thích Nữ Diệu-Không. v. [1–3] + [s.l., s.n.] 2514 (1970)–2515 (1971)
BQ1723.V5 1971 Orien Viet
83-191852

583
Lê Anh Xuân. Hoa dừa: thơ. [s.l.] Giải Phóng, 1969.
MLCS83/2215 (P)
83-108475

132 p.
Translation of Les fleurs du cocotier.

584
Lê Bá Hán, Phương Lưu, *and* (Bùi) Ngọc Trác. Cơ sở lý luận văn học; chủ biên, Nguyễn Lương Ngọc. v. [1] + Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1980 +
PN709.V5L4 Orien Viet
81-203181

Errata slip inserted.
Includes bibliographical references.

585
Lê Bá Kông. Tự-điển tiêu-chuẩn Anh-Việt. Standard pronouncing English- Vietnamese dictionary: with a guide to Vietnamese pronunciation and an outline of Vietnamese grammar. Rev. ed. [s.l., Ziên-Hồng, 198] (Hong Kong, Hong Kong Youth Press)
PL4376.L49 1980z Orien Viet
82-209214

498 p.
Reprint. Originally published: 18th ed. Saigon, Ziên-Hồng, 1968.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

558
Kim Nhật. Về R. Glendale, CA, Tinh Hoa Miền Nam [1980?]
DS556.9.K55 1980 Orien Viet
81-203196
557 p.
Originally published: Saigon, Sống, 1967.

559
Kim Y. Tiếng quyên: thi tuyển. Arlington, VA, Tủ Sách Cành Nam, 1984.
PL4378.9.K59T54 1984 Orien Viet
85-133762
72 p.

560
Kimura, Taiken. Nguyên thủy Phật giáo tư tưởng luận; Hán dịch, Âu Dương Hãn Tôn; Việt dịch, Thích Quảng Độ. In lần thứ 1. [s.l.] Khuông Việt, 1971.
MLCS83/5337 (B)
83-117784
470 p.
Translated from Japanese: Genshi Bukkyo shiso ron.

561
Kinh Lịch. Từ một vùng đất tổ. [s.l.] Thanh Niên [1979]
MLCS82/5245
82-167731
75 p.

562
Kinh tế thương nghiệp Việt Nam [của] Bộ Nội Thương. v. [1]+ Hà Nội, Bộ Nội Thương, 1978+
HF3800.5.K56 1978 Orien Viet
82-159031

563
Kvoeu Hor *and* Timothy Friberg. Boh panuai Cham. Ngữ-vựng Chàm. Western Cham vocabulary. [s.l.] Summer Institute of Linguistics, 1978. 336 p. (Tủ sách Ngôn ngữ dân-tộc thiểu-số Việt-Nam; cuốn 21, phần 1).
PL4491.Z5k8
80-984202

564
Ký họa về biên giới. [Hà Nội] Văn Hóa [1980]
N7314.K93 1980 Orien Viet
83-140973
62 p. illus.

565
Kỷ nguyên mới của đoàn kết, hợp tác Việt Nam-Campu-chia. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
DS556.58.C15K9 Orien Viet
81-166442
62 p. illus., plates.

566
Kỷ niệm 600 năm sinh Nguyễn Trãi. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1982.
DS556.73.N49K89 1982 Orien Viet
84-125473
370 p. illus., plates.

567
Kỷ niệm sâu sắc chống mỹ, cứu nước: chọn lọc. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
MLCS82/5242
82-165504
622 p. illus.

568
Kỹ-thuật thông-tin. In lần thứ 2. [s.l.] Quốc-gia, 1958.
MLCM83/2175 (P)
83-137279
42 p.

569
Kỳ tích áo chàm: truyện ký về các gương chiến đấu dũng cảm chống quân Trung Quốc xâm lược. v.l.+ Hà Nội, Văn Hóa, 1979+
PL4378.8K9 Orien Viet
81-156327

L

570
La Lan. Như một khúc nhạc buồn; bản Việt-văn, Miêu-Khả-Khanh. Fort Smith, AR, Sống Mới [19]
MLCS83/2210 (P)
83-117841
410 p.

571
La Lan. Tình yêu, tình yêu; bản Việt-văn, Miêu-Khả-Khanh. Fort Smith, AR, Sống Mới [198]
MLCS83/2218 (P)
83-118921
493 p.
Nguyên tác, Ái tình, ái tình.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

543
Khái Hưng. Những ngày vui: tiểu-thuyết. [United States, s.n., 1980?]
PL4378.9.K5N5 1980 Orien Viet
82-104368
166 p.
Reprint. Originally published: Saigon, Phương-Giang, 1958.

544
Khái Hưng. Thoát-ly: tiểu-thuyết. [s.l.] Văn Nghệ, 1967 printing.
82-101839
254 p.

545
Khâm thiên. [Hà Nội] Sở văn hóa thông tin Hà Nội, 1973.
83-146882
63 p. illus.

546
Khánh Chi. Gửi gió về cho nội; bìa và minh họa của Nguyễn Thụ. Hà Nội, Kim Đồng, 1980.
PL4378.9.K518G8 1980 Orien Viet
83-188049
95 p. illus

547
Khoa học giáo dục con em trong gia đình/tập thể biên soạn; Đức Minh chủ biên. In lần thứ 2 có bổ sung và chỉnh lý. [s.l.] Ủy Ban Thiếu Niên Nhi Đồng Trung Ương, 1979.
HQ792.V5K47 1979 Orien Viet
83-117138
132 p.

548
Khoa học với thanh niên [của] C. Hùng, Q. Minh dịch từ tiếng Nga; Hoàng Hữu Triết hiệu đính. v. [1]+ Hà Nội, Thanh Niên, 1962+
Q181.A1K48 1962 Orien Viet
83-118347

549
Không được đụng tới Việt Nam!: kể chuyện chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
PL4378.8.K5 1979 Orien Viet
83-187821
109 p.

550
Khổng-minh: tiểu-sử, thi-văn Âm-phù kinh giải mã-tiền-khóa binh-pháp bát-trận-đồ [của] Mã-nguyên-Lương & Lê-Xuân Mai, phiên-dịch vá bình-chú. Saigon, Nhà Sách Khai-tri [1968]
83-191553
522 p.

551
Khuất Quang Thuy. Pui Kơ Lớ; bìa và minh họa của Quang Thọ. Hà Nội, Kim Đồng, 1981.
MLCS83/5271 (P)
83-114992
114 p. illus.

552
Khuất Quang Thụy. Trong cơn gió lốc: tiểu thuyết. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
MLCS82/5246
82-167729
513 p.

533
Khủng hoảng của đồng đô-la Mỹ. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
HG539.K49 1979 Orien Viet
82-216584
138 p.
Includes bibliographical references.

554
Khương Hữu Dụng. Quả nhỏ: thơ. In lần thứ 1. Hà Nội, Văn Học, 1972.
PL4378.9.K55Q3 1972 Orien Viet
83-137580
91 p.

555
Kiểu nhà mới ở nông thôn. [Hà Nội] Văn Hóa [1979]
NA7434.V5K5 1979 Orien Viet
82-129179
[68] p. illus., plans.

556
Kim Định. Hồn nước với lễ gia tiên. Tu bổ tại Hoa kỳ với sự cộng tác [của] Đặng Trương. [San Jose, CA] Nam Cung, 1979.
DS556.42.K543 1979 Orien Viet
82-202332
321 p.

557
Kim Định. Nhân chủ. [Tái bản lần thứ 3] [San Jose, CA] Thanh Niên Quốc Gia [1982?]
B121.K484 1982 Orien Viet
82-202350
306 p. illus.
Includes bibliographical references.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

I

532
I, Ta. Tuổi mười bảy [của] Y Đạt. Bản Việt-văn [của] Hoàng Hà. In lần thứ 1. [s.l.] Nam Phương, Glendale, CA; distributed by Dainamco [1973]
MLCS82/5041
82-157341
240 p.

533
Ishikawa, Bun'yō. Chiến tranh giải phóng Việt Nam [của] I-Si-Ca-Oa Bun-Dô. [Tokyo, Japan] Ủy Ban Phát Động Phong Trào [1977]
DS557.72.I8319 1977 Orien Viet
84-144769
478 p. illus.

K

534
K. N. *and others*. Sài-gòn rực lửa. Hà Nội, Lao Động, 1966.
PL4378.8.S18 1966 Orien Viet
82-185765
124 p.

535
Kể chuyện toàn dân đánh giặc. v. [1]+ Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979+
PL4378.8.K38 Orien Viet
81-157603

536
Kế hoạch kinh tế, xã hội năm 1983 và mức phấn đấu đến năm 1985. Hà Nội, Sự Thật, 1983.
HC444.V52 1983 Orien Viet
85-195444
81 p.

537
Kết quả công tác phòng chống rây nâu ở các tỉnh phía nam, 1977–1979 [của] Bộ Nông Nghiệp. Hà Nội, Nông Nghiệp, 1980.
SB608.R5K47 1980 Orien Viet
82-189353
211 p.

538
Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật, 1960–1980 [của] Trạm nghiên cứu cây nhiệt đới Phủ Quỳ. Hà Nội, Nông Nghiệp, 1980
SB171.V5K47 1980 Orien Viet
81-203167
179 [i.e. 278] p. illus., plates.

539
Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật, 1960–1980 [của] Viện Công Vụ và Cơ Giới Hóa Nông Nghiệp; người biên soạn, Nguyễn Điền. [s.l.] Nông Nghiệp, 1980.
S675.N494 1980 Orien Viet
82-190560
223 p. illus.

540
Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật, 1969–1979 của Trại Thí Nghiệm chè Phú Hộ. Hà Nội, Nông Nghiệp, 1980.
SB272.V45K47 1980 Orien Viet
82-158941
148 p.
Includes bibliographical references.
Contents.—Kết quả 10 năm nghiên cứu về chè [của] Đỗ Ngọc Quỹ—Dòng chè Ph-l chọn lọc ở Phú Hộ [của] Nguyễn văn Niệm—Đặc tính sinh hóa kỹ thuật búp chè dòng PH-l [của] Trịnh Văn Loan—Thí nghiệm trừ cỏ dại hại chè ở Phú Hộ [của] Nguyễn Khắc Tiên—Kết quả 10 năm thí nghiệm bón phân khoáng N, P, K cho chè ở Phú Hộ (1964–1973) [của] Đỗ Ngọc Quỹ.

541
Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật, 1969–1979 [của] Viện cây công nghiệp, cây ăn quả và cây làm thuốc. [Hà Nội] Nông Nghiệp, 1980.
SB87.V5K47 Orien Viet
81-203166
272 p. illus.

542
Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật, 1969–1979 [của] Viện Chăn nuôi. v. [1]+ [Hà Nội] Nông Nghiệp [1979]+
SF55.V5K47 Orien Viet
81-162075
Contents.—tập 1. Chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

517
Hữu Quỳnh. Cơ sở ngôn ngữ học. v. [2]+ Hà Nội, Giáo Dục [1979]+
P121.H83 1978 Orien Viet
82-159170
At head of title: Bộ giáo dục, Cục đào tạo và bồi dưỡng.
"Dùng cho học sinh khoa Văn, khoa Ngoại ngữ các trường Cao đẳng sư phạm và các trường, lớp đào tạo bồi dưỡng giáo viên cấp II.

518
Hữu Quỳnh. Ngữ Pháp tiếng Việt hiện đại. Hà Nội, Giáo Dục, 1980.
PL4374.H88 1980 Orien Viet
82-189473
179 p.

519
Hữu Tâm *and others*. Đồng cỏ mùa lụt: tập truyện ký. Hà Nội, Phụ Nữ, 1974.
PL4378.8.D59 1974 Orien Viet
83-182796
88 p.

520
Hữu Thỉnh. Đường tới thành phố: trường ca. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
MLCS 83/5526 (P)
83-113430
75 p.

521
Huy Bảo. Một góc biên cương. Hà Nội, Kim Đồng, 1979.
MLCS82/5241
82-165509
85 p. illus.

522
Huy Bảo *and* Hoàng Đạo Chúc. Hoa đào đỏ: truyện ký về đồng chí Tô Hiệu. [Hà Nội] Thanh Niên [1978]
PL4378.9.H79H6 Orien Viet
79-984368
261 p.

523
Huy Cận. Ngôi nhà giữa nắng: thơ [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1978.
PL4378.9.H8N46 Orien Viet
80-984132
118 p.

524
Huy Phương. Chùm me chín: tiểu thuyết. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
MLCS83/5346 (P)
83-113639
151 p.

525
Huy Phương. Ngã ba: truyện. [Hà Nội] Phụ Nữ, 1974.
PL4378.9.H85N34 1974 Orien Viet
83-188309
85 p.

526
Huy Phương. Nơi anh sẽ đến: tiểu thuyết. [Hà Nội] Thanh Niên [1975]
PL4378.9.H85N6 Orien Viet
79-984430
418 p.

527
Huyền Không. Câu chuyện về thi ca. Lần thứ 1. Los Angeles, CA, Phật Học Viện Quốc Tế, 1981.
82-104365
88 p.

528
Huỳnh Lý *and* Hoàng Ngọc Phách. Thơ văn Phan Châu Trinh. Hà Nội, Văn Học, 1983.
PL4378.9.P536A6 1983 Orien Viet
85-195230
258 p. illus., plates (Văn Học Cổ Cận Đại Việt Nam).

529
Huỳnh Minh. Vĩnh-Long xưa và nay. [Saigon] Cánh Băng, 1967.
DS559.92.V56H89 Orien Viet
80-984120
390 p. illus. (Loại sách sưu khảo)

530
Huỳnh Ngọc Chi. Hình luật Việt Nam và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. [Thành phố Hồ Chí Minh] [s.n.] 1979.
83-145623
129 p.

531
Huỳnh Văn Cao. Thế chiến nhân dân. People's strategy. Saigon, Hồng Hà, 1961.
DS556.8.H89 1961 Orien Viet
83-191921
78, 82 p. illus., plates.
English and Vietnamese. Bibliography: p. [85]–88.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

503
Hợp tuyển thơ văn Việt Nam. In lại lần 2 có sửa chữa bổ sung. v. [2–3, 6, pt. 1] Hà Nội, Văn Học [1976–1979]
PL4378.5.H6 1978 Orien Viet
82-213251
Contents—tập 2. Văn Học thế kỷ X-thế kỷ, XVII—tập 3. Văn học thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX—tập 6, quyển 1. Văn học dân tộc ít người.

504
Hứa Văn Định. Mặt trẻ thơ: tiểu thuyết. [Hà Nội] Hà Nội, 1980.
MLCS82/10961 (P)
82-234829
209 p. (Tủ sách ngựa giống)

505
Hui-k'ai. Vô môn quan: 48 công án thiền; Thiền sư Vô Môn bình tụng; bản dịch của Trần Tuấn Mẫn. In lần thứ 1. Saigon, Lá Bồi, 1972.
BQ 9289. H8419 1972 Orien Viet
84-248807
164 p. illus., plates.

506
Huình Tịnh Paulus Của. Dictionnaire annamite. Đại Nam quác âm tự vị. [Saigon] Khai Trí [1974] 2 v. in 1.
PL4377.H84 1974 Orien Viet
79-984016
Reprint of the 1895–96 ed. published by Rey, Curiol & Cie.
Includes a reproduction of the t.p. of the 1985 ed.

507
Hưng Thế Nguyên. Việt-giáo phục-hưng: giáo-lý cương-yếu. In lần thứ 1. Saigon, Ủy Ban Vận Động Thành lập Giáo Hội, 1967.
83-104144
142 p. illus., plates.

508
Hương Triều. Đất nước lại vào xuân: thơ. In lần thứ 1. [s.l.] Tác Phẩm Mới, 1978.
PL4378.9.H736D3 1978 Orien Viet
83-113721
129 p.

509
Hữu Mai. Bưu ảnh từ những vùng đất mới. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.
PL4378.9.H74B8 Orien Viet
80-984181
203 p.

510
Hữu Mai. Cao điểm cuối cùng: tiểu thuyết. In lần thứ tư có sửa chữa. Hà Nội, Văn Học, 1984.
PL4378.9.H74C3 1984 Orien Viet
85-227597
380 p.

511
Hữu Mai. Con đường tới sân bay vũ trụ. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
PL4378.9.H74C6 1980 Orien Viet
83-189036
86 p. illus., plates.

512
Hữu Mai. Điện Biên Phủ: thời gian và không gian. [Hà Nội] Thanh Niên [1979]
PL4378.9.H74D5 Orien Viet
80-984368
143 p.
Errata slip inserted.

513
Hữu Mai. Điện Biên Phủ: thời gian và không gian. [s.l.] Thanh Niên [1984]
PL4378.9.H74D5 1984 Orien Viet
85-198215
130 p.

514
Hữu Mai. Phía trước là mặt trận: truyện và ký sự. In lần thứ 1. Hà Nội, Văn Học, 1966.
MLCS 83/2714 (P)
83-115593
151 p.

515
Hữu Mai. Trận đánh cuối cùng; tập truyện và ký. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1977.
PL4378.9.H74T7 Orien Viet
79-984330
175 p.

516
Hữu Mai *and* Hà Bình Nhưỡng. Những cánh chim đại bàng. [Hà Nội] Thanh Niên [1979]
PL4378.8.H87 Orien Viet
80-984369
128 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

489
Hỏi và đáp về lịch sử Đảng. [Hà Nội] Thanh Niên [1978]
JQ898.D26H65 1978 Orien Viet
83-168773

206 p.
Errata slip inserted.

490
Hỏi và đáp về tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của đảng. Hà Nội, Sự, Thật, 1983.
DS559.912 H646 1983 Orien Viet
84-244691

61 p.

491
Hồng Chương *and others*. Ra sức phấn đấu để có những thành tựu mới trong văn nghệ. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
NX750.V5R3 1980 Orien Viet
83-138315

206 p.
Includes bibliographical references.

492
Hồng Đức quốc âm thi tập [của] Phạm Trong Điềm, Bùi Văn Nguyên phiên âm, chú giải, giới thiệu. In lần thứ 2 có sửa chữa. Hà Nội, Văn Học, 1982.
PL4378.6.H643 1982 Orien Viet
83-145654

282 p.

493
Hồng Dương. Chị Cán bộ hội: truyện ký. Hà Nội, Phụ Nữ, 1980.
MLCS82/7677
82-192644

66 p.

494
Hồng Dương. Đảo yêu thương; tiểu thuyết. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
PL4378.9.H64D34 Orien Viet
80-984367

267 p.

495
Hồng Dương. Đây cũng là mặt trận, Hồng Dương chủ biên với sự cộng tác của Đào Cảng, Nguyễn Cường, Nguyễn Hùng. [Thành Phố Hồ Chí Minh] Thanh Niên [1981]
PL4378.9.H64D35 1981 Orien Viet
83-183882

135 p.

496
Hồng Dương *and others*. Lá mầm: tập truyện ký. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
MLCS83/2503 (P)
83-114058

93 p.

497
Hồng Dương *and others*. Ở hai đầu đất nước: tập truyện ký. Hà Nội, Phụ Nữ, 1979.
MLCS82/5236
82-165548

85 p.

498
Hồng Hà. Bác Hồ trên đất nước Lê-Nin. [s.l.] Thanh Niên, 1980.
DS560.72.H6H65 1980 Orien Viet
83-189526

326 p. illus., plates.
Sequel to: Thời thanh niên của Bác Hồ.

499
Hồng Hà. Thời thanh niên của bác Hồ. [Hà Nội] Thanh Niên [1976]
DS560.72.H6H66 Orien Viet
79-984110

201 p. illus.

500
Hồng Nhu *and others*. Tiếng chim đổi mùa: truyện và ký. [s.l.] Tác Phẩm Mới, 1978.
MLCS83/5335 (P)
83-136188

293 p.

501
Hồng Quảng. Luân cương chính trị năm 1930: ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng. Hà Nội, Sự Thật, 1982.
JQ824.H66 1982 Orien Viet
84-126500

125 p. illus., plates.

502
Hồng Vinh *and* Hồng Dương Hàm Châu. Chân trời xa: tập truyện ngắn. Hà Nội, Phụ Nữ, 1977.
PL4378.9.H66C5 1977 Orien Viet
83-185602

88 p.
Contents: Nơi đẹp tuổi xuân của Hồng Vinh—Người ở đứng về của Hồng Dương—Chân trời xa của Hàm Châu.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

475
Hoàng Việt Dũng. Đề-nghị một kế-hoạch cách-mạng chống-cộng ở Việt-Nam. [s.l., s.n.] 1966 (Saigon, Kim Lai Ấn Quán]
DS559.912.H63 Orien Viet
80-984316
55 p.

476
Hoàng Vũ Đ. V. Bông hồng đỏ: tập truyện. [s.l.] Búp Bê, 1967.
PL4378.9.H595B6 1967 Orien Viet
85-130554
138 p.

477
Hoàng Xuân Chính và Nguyễn Ngọc Bích. Di chỉ khảo cổ học Phùng Nguyên; Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện khảo cổ học. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1978.
82-102215
173 p. illus.

478
Hoàng Xuân Nhị. Tìm hiểu đường lối văn nghệ của Đảng và sự phát triển của văn học cách mạng Việt-Nam hiện đại: giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. In lần thứ 1. Hà Nội, Văn Học, 1975.
PL4378.05.H58 1975 Orien Viet
83-135864
286 p.

479
Học Phi. Hừng đông. Hà Nội, Lao Động, 1980.
PL4378.9.H62H8 1980 Orien Viet
84-127093
335 p.

480
Hội Cựu Chiến-Sĩ Việt-Nam. Lịch trình tiến triển. The developments and achievements of the Vietnamese Veterans Legion. [Saigon, 1956?]
UB359.V5H64 1956 Orien Viet
81-984012
14, 11 leaves.

481
Hỏi đáp về lịch sử Đoàn. [Thành Phố Hồ Chí Minh] Thanh Niên [1977]
HQ799.V5H66 1977 Orien Viet
83-189543
95 p.

482
Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc (1975: Hồ Chí Minh City, Vietnam) Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất tổ quốc. Hà Nội, Sự Thật, 1975.
DS556.9.H64 1975 Orien Viet
84-196185
73 p.

483
Hội nghị học thuật về họa sĩ Nguyễn Phan Chánh (1978: Hanoi, Vietnam). Hội nghị học thuật về họa sĩ Nguyễn Phan Chánh. [Hà-Nội] Viện Nghiên Cứu Mỹ Thuật [1979]
ND1014.63.N46H65 1978 Orien Viet
81-171107
113 p. illus.
Organized by Viện nghiên cứu mỹ thuật.

484
Hội nghị nghiên cứu thời kỳ lịch sử Hùng vương (1968, Hà Nội, Vietnam) Hùng vương dựng nước; Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Khảo cổ học. v. [1,4] Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1970–[1974]
DS556.6H64 1968 Orien Viet
84-142753

485
Hội Nghị "Vấn Đề Thư Tịch Hán Nôm" (1978: Hanoi, Vietnam). Thư tịch cổ và nhiệm vụ mới: kỷ yếu Hội Nghị "Vấn Đề Thư Tịch Hán Nôm" ngày 28-4-1978 tại Hà Nội; Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Ban Hán Nôm. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1979.
81-203179
208 p.

486
Hội thoại Việt-Nga. Mát-xco-va, Tiếng Nga, 1981.
MLCS82/10950 (P)
82-221429
247 p.

487
Hỏi và đáp về công tác Đảng. v. [1]+ Hà Nội, Sự Thật, 1980+
JQ898.D293H36 1980 Orien Viet
83-141941
Contents.—tập 1. Về công tác đảng viên.

488
Hỏi và đáp về tình hình và nhiệm vụ trước mắt; Thuần Phong biên soạn. Hà Nội, Sự Thật, 1982.
DS559.912.T49 1982 Orien Viet
85-194584

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

461
Hoàng Trọng Phiến. Ngữ pháp tiếng Việt: câu. Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1980.
PL4374.H63 1980 Orien Viet
85-108774
305 p. illus.

462
Hoàng Trọng Thược. Hồ sơ vua Duy Tân; tựa của Đào-Đăng-Vỹ. In lần thứ nhất. [s.l.] Thanh Hương, 1984.
DS556.83.D88H6 1984 Orien Viet
84-246769
351 p. illus.

463
Hoàng Trung Thông. Cuộc sống thơ và thơ cuộc sống: tiểu luận, phê bình. Hà Nội, Văn Học, 1979.
PL4378.2.H59 1979 Orien Viet
82-173514
177 p.

464
Hoàng Tuấn Nhã. Ngọn lửa rực sáng. [Hà Nội] Thanh niên, 197]
PL4378.9.H585N5 1978 Orien Viet
83-182351
138 p.

465
Hoàng Tùng. Hợp tác hóa con đường đưa nông thôn đến no ấm và tự do. Hà Nội, Sự Thật [1959]
HD2080.5.H6 Orien Viet
80-984002
43 p.

466
Hoàng Tùng. Thề tiền công của ba dòng thác cách mạng. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
HX518.S8H59 1978 Orien Viet
82-167631
79 p.

467
Hoàng Tuyết Nhung. Hương hoa sữa: tập truyện ngắn. Hà Nội, Văn Học, 1976.
PL4378.9.H586H8 Orien Viet
80-984362
98 p.

468
Hoàng Ước, Lê Đức Bình, *and* Trần Phương. Cách mạng ruộng đất ở Việt-Nam. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1968.
HD1333.V5H63.1968 Orien Viet
83-189564
387 p.
At head of title: Ủy ban khoa học xã hội Việt-Nam, Viện Kinh tế.
Includes bibliographical references.

469
Hoàng Văn Bổn. Nhớ Phố phường: truyện. [s.l.] Hà Nội, 1981.
PL4378.9.H59N48 1981 Orien Viet
85-106176
91 p.

470
Hoàng Văn Huyền. Tây Nguyên. Hà Nội, Văn Hóa, 1980.
83-144210
254. illus., plates.

471
Hoàng Văn Lương. Nắng lửa: truyện vừa. Hà Nội, Lao Động, 1980.
MLCS83/5348 (P)
83-113765
161 p.

472
Hoàng Văn Ma, Lục Văn Pảo *and* Hoàng Chí. Từ điển Tày-Nùng-Việt. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1974.
PL4251.T384H6 Orien Viet
79-984189
487 p.
At head of title. Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam. Viện Ngôn Ngữ Học.
Errata slip inserted.

473
Hoàng Văn Ngưu *and* Đặng Đình Sửa. Hợp tác xã định công từ sản xuất nhỏ đi lên. [Hà Nội] Nông Nghiệp [1978]
HD1491.V52D565 1978 Orien Viet
82-167017
191 p.

474
Hoàng Văn Thái. Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân, 1953–1954. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1984.
DS553.1.H63 1984 Orien Viet
85-196825
152 p. illus., plates.
Includes bibliographical references.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

446
Hoàng Ngọc Hà. Nhật ký cán bộ đoàn trong trường học. [Hà Nội] Thanh Niên, [1980]
MLCS83/2724 (P)
83-137022
338 p.

447
Hoàng Ngọc Tuấn. Học trò. Fort Smith, AR, Sống Mới [19]
PL4378.9H557H6 1900z Orien Viet
82-109725
293 p.

448
Hoàng Như Mai *and others*. Mấy suy nghĩ về nền văn học các dân tộc thiểu số ở Việt Bắc. [s.l.] Việt Bắc, 1976.
83-189545
158 p.

449
Hoàng Phê, Hoàng Văn Hành, và Đào Thản. Sổ tay dùng từ. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1980.
82-165167
123 p.

450
Hoàng Phủ Ngọc Tường. Rất nhiều ánh lửa: truyện và ký. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1979.
PL4378.9.H558R37 Orien Viet
81-203178
131 p.

451
Hoàng Quốc Hải. Chiến lũy đá. [Hà Nội] Thanh Niên 197]
MLCS82/5091
82-164370
249 p.

452
Hoàng Quốc Hải. Con đường phía trước. Hà Nội, Phụ Nữ, 1977.
MLCS83/8003 (P)
83-137288
101 p.

453
Hoàng Quốc Trương. Phiêu sinh vật trong vịnh Nha Trang. v.l + Saigon, Hải-học-viện Nha Trang, 1962 +
83-191983
illus. (Contribution/Hải-học-viện Nha Trang; no. 59

454
Hoàng Quyết. Truyện cổ Việt Bắc. [s.l.] Việt Bắc [19]
GR313.H62 Orien Viet
79-984401

455
Hoàng Thúc Trâm. Hán-Việt tân từ-điển. [Bản thứ 2] Saigon, Vĩnh Bảo, c1951.
PL4377.H55 1951 Orien Viet
79-984029
1505 p.

456
Hoàng Thụy Ba *and others*. Tự điển sản phụ khoa: đối chiếu Pháp-Việt. [Hà Nội] Viện Bảo Vệ Bà Mẹ và Trẻ Sơ Sinh, 1979.
RG45.T8 1979 Orien Viet
82-188739
329 p.

457
Hoàng Tích Linh. Gió chuyển mùa: kịch. Cánh võng Trường Sơn, chèo [của] Hồng Dương. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.
PL4378.9.H5585G5 1979 Orien Viet
83-114330
170 p.

458
Hoàng Tố Nguyên. Từ nhớ đến thương: thơ. In lần thứ 1. [s.l.] Tác Phẩm Mới, 1977.
MLCS83/5349 (P)
83-113369
107 p.

459
Hoàng Trinh. Về khoa học và nghệ thuật trong phê bình văn học. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1980.
PN81.H63 1980 Orien Viet
85-107917
235 p.

460
Hoàng Trinh *and others*. Văn học, cuộc sống, nhà văn. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1978.
PL4378.05.V3 Orien Viet
80-984135
555 p.
At head of title: Viện Văn Học. Errata slip inserted. Includes bibliographical references.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Xã Hội, 1977 [i.e., 1981]
PL4327.H6 Orien Viet
80-984173

2 v. 380 p. [v.l.], 590 p. [v.2]

432
Hoàng Khánh. Tìm hiểu quốc sách ấp chiến lược. [s.l., s.n.] 1962 (Saigon, Nhà in Nguyễn Bá Tòng)
DS556.9.H58 Orien Viet
80-984314

103 p. illus.

433
Hoàng Kim Quang. Vũ điệu trong bóng mờ của R. E. Sherwood. Fort Smith, AR, Sông Mới [1980?]
Pl4378.H5515V8 1980 Orien Viet
83-120068

268 p.
Adaptation of: Waterloo Bridge by R. E. Sherwood.

434
Hoàng Lại Giang. Chuyện về những người bạn: tập truyện ngắn. Hà Nội, Lao Động, 1979.
PL4378.9.H552C5 Orien Viet
81-211216

121 p.

435
Hoàng Lại Giang. Cửa Sava: tiểu thuyết. Hà Nội, Văn Học, 1976.
PL4378.9.H552C8 Orien Viet
80-984010

197 p.
Errata slip inserted.

436
Hoàng Lê. Cách mạng Trung-quốc và chủ nghĩa Mao. Hà Nội, Thông Tin Lý Luận, 1981.
DS777.75.H63 1981 Orien Viet
84-126448

81 p.

437
Hoàng Lê. Đánh bại giặc Nguyên: ký sự lịch sử. Hà Nội, Thanh Niên, 1979.
PL4378.9.H5524D3 1979 Orien Viet
83-101343

179 p.

438
Hoàng Lê *and* Khổng Doãn Hội. Chủ nghĩa Mao không có Mao. Hà Nội, Thông Tin Lý Luận, 1982.
DS779.26.H63 1982 Orien Viet
84-126440

347 p. illus.
Includes bibliographical references.

439
Hoàng Minh Châu. Anh có về thăm: thơ. In lần thứ 1. Hà Nội, Văn Học, 1966.
PL4378.9.H553A83 1966 Orien Viet
83-116886

108 p.

440
Hoàng Minh Thảo. Chiến dịch Tây nguyên đại thắng. Há Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1977.
DS557.8.C4H6 1977 Orien Viet
84-209075

204 p. illus., plates.

441
Hoàng Minh Tường. Đầu sóng: tiểu thuyết. Hà Nội, Lao Động, 1981.
MLCS82/9871 (P)
82-221232

234 p.

442
Hoàng Minh Tường. Đồng chiêm: tiểu thuyết. [Hà Nội] Thanh Niên [1979]
MLCS82/3819
82-155783

454 p.

443
Hoàng Nam Hùng. Năm mươi năm cách-mạng hải-ngoại: hồi-ký; Phạm-Giật-Đức biên-soạn. [s.l., s.n.] 1960 (Cholon, Hồng Phát)
DS556.93.H6A35 1960 Orien Viet
80-984146

247 p. illus.

444
Hoàng Ngọc Ẩn. Sài Gòn vĩnh biệt: thơ. [Missouri City, TX] Tiểu Thuyết Nguyệt San, c1981.
PL4378.9.H5543S2 1981 Orien Viet
85-133687

71 p. illus., plates (Tiểu thuyết nguyệt san; số đặc biệt 6).

445
Hoàng Ngọc Di. Góp phần tìm hiểu nghị quyết về cải cách giáo dục. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
LA1183.H63 1979 Orien Viet
83-146798

95 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

419
Hoàng Hải Thủy. Định mệnh đã an bài; tiểu thuyết. [Los Alamitos, CA, Việt Nam, 1980?]
PL4378.9.H55D56 1980 Orien Viet
80-984219

464 p.
Reprint of the 1970 ed. published by Chương Dương, Saigon.
Includes a reproduction of the t.p. of the 1970 ed.

420
Hoàng Hải Thủy. Gái trọ: tiểu thuyết. Fort Smith, AR, Sống Mới [1980?]
PL4378.9.H55G3 1980 Orien Viet
82-109721

295 p.
Reprint. Originally published: Saigon, Sống Mới, 1965.

421
Hoàng Hải Thủy. Hồng Loan hồng ngọc: tiểu thuyết gián điệp. [Lancaster, PA], Hồng, [1978?]
PL4378.9.H55H6 Orien Viet
79-984348

291 p.

422
Hoàng Hải Thủy. Máu đen vàng đỏ: tiểu thuyết gián điệp [của] Ian Fleming; Hoàng Hải Thủy. Fort Smith, AR, Sống Mới [198]
PL4378.9.H55M3 1980z Orien Viet
84-130825

285 p.

423
Hoàng Hải Thủy. Ngoài cửa thiên đường: tiểu thuyết phóng tác. [Los Alamitos, CA, Việt Nam, 1980?]
PL4378.9.H55N48 1980 Orien Viet
80-984217

301 p.
Adaptation of Maldonne by P. Boileau.

424
Hoàng Hải Thủy. Người vợ mất tích. Los Alamitos, CA, Việt Nam, 1980?]
PL4378.9.H55N49 1980 Orien Viet
80-984341

376 p.
Reprint of the 1970 ed. published by Chiêu-Dương, Saigon.
Includes a reproduction of the t.p. of the 1970 ed.

425
Hoàng Hải Thủy. Như chuyện thần tiên. [Glendale, CA] Tinh Hoa Miền Nam, [1980?]
PL4378.9.H55N5 1980 Orien Viet
80-984221

382 p.
Adaptation of Scorpion reef by Charles Williams.

426
Hoàng Hải Thủy. Nổ như tạc đạn. [Los Alamitos, CA, Việt Nam, 1980?]
PL4378.9H55N6 1980 Orien Viet
80-984343

191 p.
Reprint of the 1964 ed. published by Thái-Lai, Saigon.
Includes a reproduction of the t.p. of the 1964 ed.

427
Hoàng Hải Thủy. Trong vòng tay du đãng: tiểu thuyết. [Los Alamitos, CA, Việt Nam, 1980?]
PL4378.9.H55T7 1980 Orien Viet
80-984212

501 p.
Adaption of No orchids for Miss Blandish by James Hadley Chase.
Reprint of the 1970 ed. published by Chiêu Dương, Saigon.
Includes a reproduction of the t.p. of the 1970 ed.

428
Hoàng Hải Thủy. Vòng tay yêu tinh. [Glendale, CA] Tinh Hoa Miền Nam, [1980?]
PL4378.9.H55V6 1980 Orien Viet
80-984211

452 p.
Reprint of the 1970 ed. published by Chiêu Dương, Saigon.

429
Hoàng Hải Thủy. Yêu nhau bằng mồm: tiểu thuyết. [Los Alamitos, CA, Việt Nam, 1980?]
PL4378.9.H55Y4 1980 Orien Viet
80-984209

184 p.
Reprint of the 1970 ed. published by Chiêu Dương, Saigon.
Includes a reproduction of the t.p. of the 1970 ed.

430
Hoàng Học. Tự điển Khơme-Việt. v. [2]+ Hà Nội, Khoa Hoc Xã Hội [1979]+
PL4327.H595 Orien Viet
82-102347

431
Hoàng Học. Tư điển Việt-Khơme. Hà Nội, Khoa Học

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

405
Hoài Thanh. Chuyện thơ. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1978.
PL4378.2.H56 1978. Orien Viet
82-165156

323 p.

406
Hoài Thanh. Phan Bội Châu: cuộc đời và thơ văn. [Hà Nội] Văn Hóa, 1978.
DS556.83.P46H6 Orien Viet
80-984302

211 p. illus.

407
Hoài Thanh. Phê bình và tiểu luận. v. [3]+ Hà Nội, Văn Học. [1971]+
PL4378.05.H56 1971 Orien Viet
84-145115

408
Hoài Vũ. Quê chồng: tập truyện. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
PL4378.9.H5438Q4 Orien Viet
80-984305

202 p.

409
Hoài Vũ. Rừng dừa xào xạc: tập truyện ngắn. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1977.
PL4378.9.H5438R8 Orien Viet
80-984073

132 p.

410
Hoàn Nguyên. Thiên định theo pháp lý vô vi: một báu vật của thời đại. Mountain View, CA, Thiền Đường, [198]
BQ5618.V5H6 1980 Orien Viet
84-124465

2 v., illus.

411
Hoàng Anh Nhân, Vương Anh, *and* Bùi Thiện. Truyện cổ Mường. Hà Nội, Văn Hóa Dân Tộc, 1978.
GR313.5.M86T78 Orien Viet
80-984348

347 p.
Errata slip inserted.

412
Hoàng Bảo Châu *and* Trần Quốc Bảo. Xoa bóp dân tộc. Hà Nội, Y Học, 1982.
RM723.C5H63 1982 Orien Viet
83-144863

150 p. illus.

413
Hoàng Duy. Những điều cần biết tại Hoa-Kỳ. Gardena, CA, Bích-Sơn N. Hoàng [c1981]
E184.V53H6 1981 Orien Viet
82-148698

460 p. illus.

414
Hoàng Đạo. Con đường sáng: tiểu thuyết. Saigon, Khai-Trí, [1968]
PL4378.9.H545C5 1968 Orien Viet
80-984144

184 p.

415
Hoàng Đạo Thúy. Đi thăm đất nước. Hà Nội, Văn Hóa, 1978.
DS556.25.H6 Orien Viet
80-984063

529 p. illus., plates.
Errata slip inserted.

416
Hoàng Hạc *and others*. Đương qua mùa hoa đào: tập truyện ký. Hà Nội, Văn Hóa Dân Tộc, 1978.
MLCS83/5532 (P)
83-112765

146 p.

417
Hoàng Hải Thủy. Bạn và vợ: tiểu thuyết; [Los Alamitos, CA, Việt Nam, 1980?]
PL4378.9.H55B36 1980 Orien Viet
80-984220

208 p.
Reprint of the 1969 ed. published by Nhân Văn, Saigon.
Includes a reproduction of the t.p. of the 1969 ed.

418
Hoàng Hải Thủy. Bây giờ tháng mấy. [Los Alamitos, CA, Việt Nam, 1980?]
PL4378.9.H55B39 1980 Orien Viet
80-984210

255 p.
Reprint of the 1970 ed. published by Chiêu Dương, Saigon.
Includes a reproduction of the t.p. of the 1970 ed.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

390
Hồ Chủ tịch trong lòng nhân dân thế giới. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
DS560.72.H6H63 1979 Orien Viet
82-188748
190 p.

391
Hồ Huyền Qui. Truyện trinh thử; Ưu-Thiên Bùi Kỷ hiệu-đính. Bruxelles, Thanh-Long [1980].
PL4378.9.H5415T7 1980 Orien Viet
83-148846
55 p. (Collection viêtnamienne; no. 4)

392
Hồ Khải Đại. Quê hương đồng đội: thơ. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
PL4378.9.H5416Q4 1980 Orien Viet
83-181827
56 p.

393
Hồ Lê. Vấn đề cấu tạo từ của tiếng Việt hiện đại. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1976.
PL4376.H6 Orien Viet
81-203158
390 p. illus.
At head of title: Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, Viện Ngôn Ngữ Học.
Includes bibliographical references.

394
Hồ Phương. Biến gọi: tiểu thuyết. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
PL4378.9.H542B5 1979 Orien Viet
83-182789
341 p.

395
Hồ Phương. Những tiếng súng đầu tiên: tiểu thuyết. [Hà Nội] Hà Nội, 1980.
MLCS83/5347 (P)
83-113595
167 p.

396
Hồ Phương. Phía tây mặt trận: truyện và ký. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1978.
PL4378.9.H542P5 Orien Viet
80-984358

397
Hồ Phương *and* Nguyễn Minh Châu. Núi rừng yên tĩnh: truyện và ký. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1981
85-108433

398
Hồ Thủy Giang *and others*. Hoa Phượng; bìa và minh họa, Thế Vỵ. Hà Nội, Kim Đồng, 1978.
MLCS83/10364 (P)
83-107239
82 p. illus.

399
Hóa học hữu cơ: lớp mười hai phổ thông. In lần thứ 2, có sửa chữa. [s.l.] Giáo Dục Giải Phóng, 1976.
MLCS82/5094
82-164410
216 p. illus.

400
Hóa thạch đặc trưng ở miền Bắc Việt Nam [của] Tổng Cục Địa Chất, Viện Địa Chất và Khoáng sản; chủ biên, Dương Xuân Hảo. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1980.
QE756.V55 H6 1980 Orien Viet
82-129186
Bibliography: p. 270–71.

401
Hoa trăm miền: thơ. In lần thứ 1. v. [3]+ Hà Nội, Văn Học [1978]+
PL4378.6.H615 1978 Orien Viet
83-120696

402
Hoài Anh. Ngựa Ông đã về; bìa và minh họa của Trần Lương. Hà Nội, Kim Đồng, 1978.
PZ90.V5H617 Orien Viet
80-984066
illus.

403
Hoài Điệp Tử. Trên đầu sóng. [Norwalk, CA] Hải Ngoại, 1982.
PL4378.9.H5433T7 1982 Orien Viet
85-134032
199 p.

404
Hoài Lam. Tìm hiểu mỹ học Mác—Lê-Nin. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.
BH41.H625 1979 Orien Viet
83-146878
283 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Nội] Sự Thật.

DS556.8.H626 Orien Viet
80-984260

36 p.

"Trích những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch trong những dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và ngày Độc lập,"

376
Hồ Chí Minh. Thơ Hồ Chí Minh. Hà Nội, Giáo Dục, 1977

PL4378.9.H5T55 1977 Orien Viet
80-984092

335 p. illus., plates.

377
Hồ Chí Minh. Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Hà Nội, Văn Học, 1981.

DS556.3.H6 1981 Orien Viet
85-116906

528 p. illus., plates.

378
Hồ Chí Minh. Về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghiã xã hội. Hà Nội, Sự Thật, 1976.

HX400.5.A6H62 1976 Orien Viet
79-984372

236 p. port

379
Hồ Chí Minh. Về công tác Hậu cần quân đội. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1970.

DS558.5.H6 1970 Orien Viet
82-122216

117 p. plates.
Includes bibliographical references.

380
Hồ Chí Minh. Về đạo đức cách mạng. Hà Nội, Sự Thật, 1976.

BJ1390.H58 1976 Orien Viet
78-984234

159 p.

381
Hồ Chí Minh. Về giáo dục thanh niên. Hà Nội, Thanh Niên, 1980.

HQ799.V5H63 1980 Orien Viet
84-248311

455 p. illus., plates.

382
Hồ Chí Minh. Về Lê-nin và chủ nghĩa Lê-nin. Hà Nội, Sự Thật, 1977.

DK254.L4H554 1977 Orien Viet
80-984179

118 p. port.
Includes bibliographical references.

383
Hồ Chí Minh. Về liên minh công nông. Hà Nội, Sự Thật, 1977.

HD2080.5.H59 1977 Orien Viet
80-984139

272 p. port.

384
Hồ Chí Minh. Về nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước. Hà Nội, Sự Thật, 1967.

DS558.H6 1967 Orien Viet
82-190326

121 p. port.

385
Hồ Chí Minh. Về vai trò và nhiệm vụ của thanh niên Hồ Chí Minh. Hà Nội, Sự Thật, 1978.

HQ799.V5H64 1978 Orien Viet
80-984106

103 p. illus., plates, port.

386
Hồ Chí Minh. Về vấn đề học tập. In lần thứ 2. Hà Nội, Sự Thật, 1977.

JQ824.H6 1977 Orien Viet
83-193540

98 p.

387
Hồ Chí Minh. Về xây dựng Đảng. In lần thứ 3. Hà Nội, Sự Thật, 1980.

JQ898.W6H564 1980 Orien Viet
82-209244

242 p. illus., plates.

388
Hồ Chí Minh. Vì độc lập tự do vì chủ nghĩa xã hội thanh niên ta hăng hái tiến lên. Hà Nội, Thanh Niên, 1970.

82-190933

63 p. port.

389
Hồ Chủ tịch sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân Hà-Nội. [Hà Nội] Sở Văn Hóa Thông Tin Hà Nội, 1976.

DS560.72.H6H6 Orien Viet
79-984145

ca. 100 p. chiefly illus.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

361
Hãy nhớ lấy lời tôi: thơ. Hà Nội, Thanh Niên, 1966.
PL4378.6H39 1966 Orien Viet
82-190385

143 p. illus.

362
Hình chạm trổ Việt-Nam: qua các thời đại. v. [1]+ Hà Nội, Mỹ Thuật [197-]+
NK9778.6.V5H56 1970z Orien Viet
83-189915

chiefly illus.

363
Hồ Chí Minh. Bài nói chuyện với đồng bào và cán bộ Xã Đại-nghĩa (Hà-Đông). Hà Nội, Sự Thật, 1982.
HD2080.5.H58 1982 Orien Viet
85-195635

31 p. illus., plates.

364
Hồ Chí Minh. Các dân tộc đoàn kết bình đẳng giúp đỡ nhau cùng tiến bộ = Puôz mênhx cxux thoangx chêx finhx dăngv sik pangz mangx thôngx cxix ndê trux. Bản in 2 ngữ, Hmông và Quốc ngữ. Hà Nội, Văn Hoá, 1980.
82-217780

113 p.

365
Hồ Chí Minh. Các dân tộc đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ = Cook dân tộc đoàn kết pèng tăngs fị poong thểnh dòi tiến bô; bản in 2 ngữ, Dao và Quốc ngữ. Hà Nội, Văn Hóa, 1980.
DS560.54.H618 1980 Orien Yao
82-149286

120 p.

366
Hồ Chí Minh. Chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
HX400.5.A6H596 1979 Orien Viet
81-114793

131 p. port.

367
Hồ Chí Minh. Chiến tranh nhân dân Việt Nam. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
DS556.8.H6 1980 Orien Viet
82-184196

471 p. plates, port.
Includes bibliographical references.

368
Hồ Chí Minh. Đạo đức là cái gốc của người cách mạng. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1970.
BJ1390.H57 1970 Orien Viet
82-158964

131 p. port.

369
Hồ Chí Minh. Hồ-Chí-Minh toàn tập. v. [1]+ Hà Nội, Sự Thật, 1980+
DS560.72.H6A2 1980 Orien Viet
82-129137

illus., ports.
Contents.—tập 1. 1920–1925.

370
Hồ Chí Minh. Hồ-Chí-Minh tuyển tập. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
DS556.8.H62 1980 Orien Viet
81-151225

2 v. illus.
Contents.—v. 1. 1920–1954—v. 2. 1955–69.

371
Hồ Chí Minh. Lê-Nin và chủ nghĩa Lê-Nin. Hà Nội, Sự Thật, 1982.
DS556.58.S65H6 1982 Orien Viet
83-144963

155 p. illus.

372
Hồ Chí Minh. Nhật ký trong tù. Hà Nội, Văn Hóa Viện Văn Học, 1960.
PL2764.0115 Y818 1960 Orien Viet
84-209129

244 p. illus., plates.

373
Hồ Chí Minh. Những chặng đường lịch sử vẻ vang. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1973.
DS556.8.H624 1973 Orien Viet
82-129757

163 p. plates, port.

374
Hồ Chí Minh. Phát huy tinh thần cầu học cầu tiến bộ. Hà Nội, Sự Thật, 1960.
LA1186.H63 1960 Orien Viet
83-984014

95 p. illus., port.
"Một số bài nói chuyện của Hồ Chủ Tịch ở các lớp học chính trị và huấn thị về vấn đề huấn luyện và học tập."

375
Hồ Chí Minh. Tám năm kháng chiến thắng lợi. [Hà

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

An *and others*. [Hà Nội] Sở Văn Hóa Thông Tin Hà-Nội [1972]
DS559.93.H36H3 1972 Orien Viet
83-188970

[104] p. chiefly illus.

347
Hà Văn Cầu. Hề chèo: chọn lọc. [In lần thứ 2]. Hà Nội, Văn Hóa, 1977.
PL4378.3.H3 1977 Orien Viet
79-984354

322 p. illus., plates.

348
Hà Văn Cầu. Mấy vấn đề trong kịch bản chèo. Hà Nội, Văn Hóa, 1977.
PL4378.3.H34 Orien Viet
80-984138

228 p.

349
Hà Văn Cầu, Hoàng Châu Ký, *and* Hoàng Như Mai. 35 năm sân khấu: ca kịch cách mạng. Hà Nội, Văn Hóa, 1980.
PN2895.V5H3 1980 Orien Viet
83-135534

155 p.

350
Hà Văn Hóa. Đức-dục và công-dân giáo-dục. In lần thứ 1. [Saigon] Bộ Quốc-gia Giáo-dục, 1960.
JQ883.H3 1960 Orien Viet
83-153148

(Bình-dân giáo-dục) 98 p. illus.

351
Hà Văn Thư, Phúc Tước, *and* Quốc Thăng. Hợp tuyển thơ văn: các tác giả dân tộc thiểu số Việt Nam, 1945–1980; Nông Quốc Chấn, Viết lời tựa. Hà Nội, Văn Hóa, 1981.
83-146644

430 p.

352
Hà Việt. Hãy tiếp tục cảnh giác với bọn CIA. Hà Nội; Quân Đội Nhân Dân, 1978.
DS556.9.H3 Orien Viet
80-984161

78 p.

353
Hạ vui, hạ buồn của Vũ Trung Du. [United States] Nhất sơn Pub., c1985.
PL4378.9.V864H3 1985 Orien Viet
85-61120

312 p. illus.

354
Hà Xuân Trường. Dưới ánh sáng Đại hội IV của Đảng: tiểu luận và phê bình. [s.l.] Tác Phẩm Mới, 1978.
DS559.912H3 1978 Orien Viet
82-158891

141 p.

355
Hà Xuân Trường. Đường lối văn nghệ của Đảng: vũ khí, trí tuệ, ánh sáng. In lần thứ 2, có bổ sung. Hà Nội, Sự Thật, 1977.
HX521.H2 1977 Orien Viet
79-984123

295 p.
Includes bibliographical references.

356
Hà Xuân Trường. Tiếp tục đấu tranh xóa bỏ tàn dư "văn hóa" thực dân mới. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
DS559.912.H33 1979 Orien Viet
82-173535

38 p.

Hải Thương Lãn Ông;
see Lãn Ông

357
Hanoi 1960: kỷ niệm 15 năm thành lập nước Việt-Nam Dân chủ Cộng Hòa, (1945–1960). [s.l.] Sở Văn Hóa Hà-Nội, [196]
84-194683

143 p. illus.

358
Hào Vũ. Đất không giấu mặt: tiểu thuyết. [s.l.] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà văn Việt Nam, 1983.
PL4378.9.H37D3 1983 Orien Viet
85-225667

251 p.

359
Harivarman. Thành-thật luận; dịch-giả Trí-Nghiêm. Sàigòn, Tỳ-kheo Thích-Đăng-Quang, Trụ-trì Chùa Hải-Tuệ Tổ Chức Ấn-tống, 2514 [1971]
84-135550

496 p. (Phật-giáo Việt-nam)

360
Hạt gạo nghĩa tình: ký, của nhiều tác giả. [s.l.] Hà Nội, 1979.
PL4378.8.H38 1979. Orien Viet
83-115508

177 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

332
Hà Ân. Người Thăng Long: tiểu thuyết lịch sử. [s.l.] Hà Nội, 1980.
PL4378.9.H24N5 1980 Orien Viet
84-158121
367 p.

333
Hà Ân. Nguyễn Trung Trực; bìa và minh họa của Tạ Thúc Bình. In lần thứ 2. Hà Nội, Kim Đồng, 1977.
MLCS83/5343 (P)
95 p. illus.

334
Hà Ân. Trên sông truyền hịch; bìa và minh hoạ của Phan Thông. Hà Nội, Kim Đồng, 1973.
PZ90.V5H26 1973 Orien Viet
83-182802
141 p. illus.

335
Hà Đình Cẩn. Những ngôi sao Ìt-Xa-La: truyện anh hùng và chiến sĩ thi đua Quân đội giải phóng nhân dân Lào. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
U54.L28H33 1980 Orien Viet
83-146635
179 p.

336
Hà Đình Cẩn. Quần đảo San Hô; bìa và minh họa, Huy Toàn. Hà Nội, Kim Đồng, 1978.
MLCS82/10954 (P)
82-226268
78 p.

337
Hà Huy Giáp. Hồ Chủ Tịch với một vài vấn đề văn hóa, văn nghệ. In lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
DS556.42H27 1978 Orien Viet
82-163786
111 p.

338
Hà Lạc Dã Phu Việt Viêm Tử. Tử vi áo bí biện chứng học. [Alexandria, VA, Lê Tư Vinh, 1979?]
BF1708.8.V5H3 1979 Orien Viet
79-984422
729 p. illus.

339
Hà Lạc Dã Phu Việt Viêm Tử. Tướng pháp áo bí diện tướng học. [Alexandria, VA, Lê Tư Vinh, 1979?]
BF858.V53H3 1979 Orien Viet
79-984420
615 p. illus.

340
Hà Mai Phương. Địa-lý Việt-Nam. San Jose, CA, Mai Hiên, c1979.
DS556.39.H3 1979 Orien Viet
83-136096
188 leaves illus.
Bibliography: leaves 183–88.

341
Hà Mai Phương. Lược-sử tiền tệ Việt-Nam. v. [1]+ Campbell, CA, Mai Hiên, c1983+
CJ3596.H3 1983 Orien Viet
84-132578
illus.

342
Hà Mai Phương. Việt Nam kháng Pháp sử. [San Jose, CA] Mai Hiên, c1979.
DS556.8.H3 Orien Viet
79-984048
154 leaves illus., map.

343
Hà Mai Phương *and others*. Việt-Nam thương-mại niên-giám vùng Bay area. Vietnamese Bay Area directory. Campbell, CA, Mai-Hiên, c1981.
F868.S156V53 1981 Orien Viet
82-147488
174 p. illus.

344
Hà Minh Đức. Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà thơ lớn của dân tộc. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1979.
PL4378.9H5Z67 1979 Orien Viet
83-101331
278 p. illus., plates.
Bibliography: p. 275–76.

345
Hà Minh Tuấn. Vẻ đẹp bình dị: tiểu thuyết. [Hà Nội], Văn Học [1977]
PL4378.9.H26V4 Orien Viet
80-984008
213 p.

346
Hà-nội, di tích và thắng cảnh; với sự cộng tác: Trần

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

317
Gia-đình ông Bá, lớp tư: phần chỉ nam. [Saigon] Bộ Quốc-gia Giaó-dục, 1960.
JQ284.G53 1960 Orien Viet
83-191863
135 p. (Công-dân giáo-dục; tập 2)

318
Gia-đình ông Bá, lớp tư: phần học-sinh. [s.l.] Bộ Quốc-gia Giáo-dục, 1960.
JQ883.G53 1960 Orien Viet
84-194366
149 p. illus. (Sách Công-dân bậc tiểu-học)

319
Giai đoạn mới trong quan hệ Việt Nam-Liên Xô. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
82-183477
43 p. illus.

320
Giải thích một số từ ngữ trong báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ IV của Đảng [của] Vụ biên soạn, Ban tuyên huấn trung ương. Hà Nội, Sách giáo khoa Mác— Lê-Nin, 1978.
82-104364
301 p.

321
Giàng A Páo *and* Lâm Tâm. Truyền thống của dân tộc Mèo đòan kết đấu tranh báo vệ tổ quốc Việt Nam. Menhx cxux hmongz thoanx chex touy txenhz le yoanx thongr. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.
82-155765
71 p.

322
Giang Hà Vy *and* Tùng Sơn. Yết Kiêu: truyện ký lịch sử. [Thành Phố Hồ Chí Minh] Thanh Niên [1982]
PL4378.9.G48Y4 1982 Orien Viet
83-182640
263 p.

323
Giang Nam. Hạnh phúc từ nay: thơ. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1978.
PL4378.9.G5H3 Orien Viet
80-984160
116 p.

324
Giang Nam. Người anh hùng Đồng Tháp: thơ và trường ca [s.l.] Giải Phóng, 1969.
MLCS83/5273 (P)
83-117418
101 p.

325
Giảng văn, của khoa ngữ văn đại học sư phạm Hà Nội; biên tập, Lương Văn Đang, Đinh Thái Hương. v. [2]+ Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1982+
PL4378.A53 1982 Orien Viet
83-146007

326
Giát Hươn trở về: tập truyện và ký. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1984.
PL4378.8.G48 1984 Orien Viet
85-226294
180 p.

327
Giới thiệu tác phẩm, 1976–77. [Hà Nội] Văn Học [1978]
PL4378.G47 1978 Orien Viet
82-173248
75 p.
Errata slip inserted.

328
Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ ngữ. v. [1–2]+ Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1981+
PL4371.G58 1981 Orien Viet
83-145304

329
Góp phần nghiên cứu: bản lĩnh, bản sắc các dân tộc ở Việt Nam. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1980.
DS556.45.M6G66 1980 Orien Viet
83-138336
327 p. illus.

330
Góp phần tìm hiểu đường lối kinh tế của Đảng. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
HC444.G66 1981 Orien Viet
83-146032
88 p.

331
Gương chiến đấu của những người cộng sản. Xuất bản lần thứ 3 có sửa chữa và bổ sung. Hà Nội, Sự Thật, 1965.
DS556.8.G86 1965 Orien Viet
83-180765
101 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1977.
PL4374.D63 Orien Viet
79-984327

373 p. illus.
Bibliography: p. 346–65.

306
Độc Hành. Nỗi đau làm người: thơ. Los Angeles, Văn Nghệ, [1979?]
PL4378.9.D66N6 Orien Viet
80-984384

67 p. illus.
Cover title.

307
Độc lập dân tộc và chủ nghiã xã hội: ngọn cờ bách chiến, bách thắng của cách mạng Việt Nam; nghiên cứu văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IV. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
HX400.5.A6D62 1979 Orien Viet
82-245057

71 p.
Includes bibliographical references.

308
Độc tấu thơ: sáng tác và biểu diễn. Tựa của nhà thơ Thanh Tịnh. Hà Nội, Văn Hoá, 1978.
82-166979

221 p. illus, plates.

309
Đòn bút: tập thơ trào phúng đánh Mỹ. Hà Nội, Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1981.
PL4378.6.D66 1981 Orien Viet
84-241622

86 p.

310
Đơn vị anh hùng và anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; đợt tuyên dương, 14-10-1976. [Hà-Nội] Phổ Thông [1977]
DS557.72.D68 1977 Orien Viet
84-172506

138 p.

311
Đồng chí Tôn Đức Thắng: người chiến sĩ cộng sản kiên cường, mẫu mực [của] ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương. Hà Nội, Sự Thật, 1982.
DS560.72.T66D66 1982 Orien Viet
83-146038

55 p.
Includes bibliographical references.

312
Đông Ngàn. Thơ vui như Tết. [s.l.] Đông Ngàn, 1982.
PL4378.9.D67T47 1982 Orien Viet
85-122334

167 p.

313
Đức Hoài. Một nhà khoa học yêu nước; bìa và minh họa của Tín Nhượng, Nghiêm Trọng Cường. In lần thứ 2 Hà Nội, Kim Đồng, 1978.
PZ90.V5D78 1978 Orien Viet
80-984067

151 p. illus. port.

314
Đường vào khoa học. v. [5]+ [s.l.] Thanh Niên [1980]+
Q162.D9 1980 Orien Viet
82-215178

illus.

315
Đường vào: tập thơ. [Hà Nội] Lao Động, 1968.
MLCS82/7676
82-192642

81 p.

E

316
Em học địa-lý: lớp ba. [Saigon] Bộ Giáo-dục, 1965.
G126.E447 1965 Orien Viet
83-153177

111 p. illus.

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

291
Đỗ Quang Tiền. Trên từng cánh lá: tiểu thuyết. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
PL4378.9.D56T7 Orien Viet
80-984096
369 p.

292
Đỗ Quang Tiền. Vòm trời biên giới: tuổi trẻ Lê Quảng Ba: truyện [s.l.] Việt Bắc, 1972.
PL4378.9.D56V6 Orien Viet
80-984112
331 p.

293
Đỗ Quang Tiền. Vùng cao: truyện. In lần thứ 2, có sửa chữa. Hà Nội, Phụ Nữ, 1975.
PL4378.9.D56V8 1975 Orien Viet
80-984114
251 p.

294
Đỗ Tất Lợi. Dược liệu học và các vị thuốc Việt Nam. In lần thứ 2.
RS180.V5D587 1983 Orien Viet
82-212833
illus. v. [2]+ Hà Nội, Y Học [1963]+
Includes indexes.
Bibliography: v. 2, p. 654–655.

295
Đỗ Tất Lợi. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. In lần thứ 3, có sửa chữa và bổ sung. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1977.
RS180.V5D59 Orien Viet
79-984341
1182 p. illus.
Includes indexes.
Bibliography: p. 1166–72.

296
Đỗ Thị Hảo *and* Mai Thị Ngọc Chúc. Các Nữ thần Việt Nam: truyện. Hà Nội, Phụ Nữ, 1984.
PL4378.9.D567C3 1984 Orien Viet
85-198983
158 p.

297
Đỗ Tồn. Hoa vông vang. [s.l., s.n., 19]
MLCS82/9862 (P)
82-219089
180 p.

298
Đỗ Trọng Huề. Hương trà. [Saigon] Hoa-Lư [1968]
GT2905.D6 Orien Viet
80-984184
202 p. illus.

299
Đỗ Trọng Nguyên. Tự-điển Thành-ngữ Anh. A dictionary of English idioms. [Saigon] Khai Trí [1960]
PE1460.D6 Orien Viet
80-984168
415 p.

300
Đỗ Vĩnh Bảo. Bông hoa lửa trắng; bìa và minh họa của Huy Toàn. Hà Nội, Kim Đồng, 1981.
PZ90.V5D55 1981 Orien Viet
84-162396
98 p. illus.

301
Đỗ Vĩnh Bảo, Nguyễn Đắc Xuân, *and* Nguyễn Bảo. Đất đang gieo: truyện và ký. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1979.
PL4378.9.D575D3 1979 Orien Viet
82-166726
255 p.

302
Đỗ Xuân Hợp., Giải phẫu chức năng và ứng dụng chi trên, chi dưới. Hà Nội, Y Học, 1981.
QM100.D6 1981 Orien Viet
83-163643
133 p. illus.

303
Đoàn Nhật Tân. Chúng ta đi về đâu; khảo luận. [Saigon] Thời Mới [1969]
GN357.D62 Orien Viet
80-984034
161 p.
Includes bibliographical references.

304
Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Hỏi đáp về lịch sử đoàn. [Thành phố Hồ Chí Minh] Thanh Niên, [1977]
HQ799.V5H66 1977 Orien Viet
83-189543
95 p.

305
Đoàn Thiện Thuật. Ngữ âm tiếng Việt Nam. Hà Nội,

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

277
Đinh Quang. Nghệ thuật biểu diễn hiện thực tâm lý. Hà Nội, Văn Hóa, 1978.
PN2061.D52 1978 Orien Viet
81-203177

403 p.

278
Đinh Tuấn. Nơi đây vẫn quê người. Houston, TX, Trái Tim, [1982]
PL4378.9.D54N6 1982 Orien Viet
84-166013

70 p. illus.

279
Đỗ Chu. Đám cháy trước mặt: tiểu thuyết. Hà Nội, Thanh Niên, 1973.
PL4378.9.D55D3 1973 Orien Viet
83-185595

237 p.

280
Đỗ Chu. Nơi con đường gặp biển: tập truyện ngắn. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
PL4378.9.D55N6 Orien Viet
80-984159

72 p.

281
Đỗ Chu. Vòm Trời quen thuộc. Hà Nội, Thanh Niên, 1969.
PL4378.9.D55V6 1969 Orien Viet
83-181801

111 p.

282
Đỗ Đức Dục. Chủ nghĩa hiện thực phê phán trong văn học phương tây. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1981.
PN3499.D6 1981 Orien Viet
83-145029

255 p.
Bibliography: p. 253–54.

283
Đỗ Đức Hiểu. Phê phán văn học hiện sinh chủ nghĩa. Hà Nội, Văn Học, 1978.
PN49.D57 1978 Orien Viet
82-167233

262 p.
Errata slip inserted.
Includes bibliographical references.

284
Đỗ Hồng Chung, Nguyễn Hải Hà, *and* Nguyễn Trường Lịch. Lịch sử văn học Nga. v. [1] Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1982.
PG2959.D6 1982 Orien Viet
84-247963

illus.

285
Đỗ Hữu Du. Sổ tay công tác thư viện thiếu nhi. Hà Nội, Văn Hóa, 1980.
Z718.1.D6 1980 Orien Viet
82-216567

190 p. illus.

286
Đỗ Hữu Thức *and* Dương Tấn-Bé. Tự-điển Nhật-Việt-Anh. Japanese-Vietnamse [sic] English dictionary. [Wa-Etsu-Eị jiten] Tokyo, Japan, Tổ Hợp Xuất Bản Việt Nam [1980]
PL678.D6 1980 Orien Viet
83-122706

22, 722 p.
Cover title.
Reprint. Originally published: 1973.

287
Đố Nguồn: thi tập của Nguyễn Quang Nhạ (Tô-Giang-Tử). In lần thứ 1. Seattle, WA, Tủ Sách Hoa Bút, 1983.
PN6099.D6 1983 Orien Viet
84-132727

84 p. illus.

288
Đỗ Như Khánh. Mấy kinh nghiệm vận động tổ chức thi đua của công đoàn cơ sở. Hà Nội, Lao Động, 1981.
HC444.Z9S63 1981 Orien Viet
84-125293

83 p.

289
Đỗ Nhuận. Người tạc tượng: nhạc kịch ba màn. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1972.
PL4378.9.D555N4 1972 Orien Viet
83-182801.

94 p. illus.
Play with music; includes unaccompanied melodies with Vietnamese words.

290
Đỗ Quảng. Đường trên biển mang tên Bác. [Hà Nội] Phổ Thông, 1978.
DS558.7.D6 Orien Viet
80-984192

129 p. illus.

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1983.
PL4378.9.D34B5 1981 Orien Viet
84-241610

169 p.

263
Đào Vũ. Lưu lạc: tiểu thuyết. [Hà Nội] Phụ Nữ, 1973.
PL4378.9.D34L8 1973 Orien Viet
83-142019

205 p.

264
Đào Xuân Qúy. Đất này—năm tháng: thơ. Hà Nội, Văn Học, 1972.
MLCS82/10958 (P)
82-225114

89 p.

265
Đập tan chiến tranh tâm lý của bọn bành trướng Bắc Kinh. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
DS556.58.C5D36 1981 Orien Viet
84-125706

86 p.

266
Đất đất chi lăng người người dũng sĩ. Hà Nội, Thanh Niên, 1979.
MLCS82/5238
82-165538

143 p.

267
Đêm nay . . . ngày mai: tập kịch ngắn chống Mỹ, cứu nước. Hà Nội, Văn Hóa, 1975.
PL4378.7.D4 Orien Viet
80-984009

379 p.

268
Địa-lý, lớp nhì. [s.l.] Bộ Giáo-dục, 1966.
DS556.38.D53 1966 Orien Viet
83-153214

184 p. illus.

269
Điện và lời chào mừng đại hội lần thứ IV Đảng cộng sản Việt-Nam. Hà Nội, Sự Thật, 1977.
JQ298.D36D54 1977 Orien Viet
83-140349

389 p.

270
Điều Chính Nhìm. Păp san khhăm Pák Tãy-Keo-Eng; Ngũ-vựng Thái-Việt-Anh; Tai-Vietnamese-English vocabulary; [compiled] by Điêu Chính Nhìm le Jean Donaldson. Saigon, Bộ Giáo-Dục, 1970.
84-191043

476 p. illus (Tủ sách Ngôn-ngữ dân-tộc thiểu-số Việt Nam; cuốn 4)

271
Điều tra gia đình vùng thôn quê năm 1971 tại 16 tỉnh ở Việt Nam. Population survey in rural areas in Viet Nam 1971. Việt-Nam Cộng-Hòa. Bộ Kế Hoạch và Phát Triển Quốc Gia. Saigon, Viện Quốc Gia Thống Kê, 1973.
HB2524.5.A3D53 1973 Orien Viet
83-188323

40 p.

272
Đinh Gia Khánh *and others*. Điển cổ văn học. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1977.
PL4379.D53 Orien Viet
80-984162

441 p.
Errata slip inserted.

273
Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tân, *and* Mai Cao Chương. Văn học Việt Nam. v. [1]+ Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1978+
PL4378.D47 Orien Viet
80-984109

Includes bibliographical references.
Contents.—tập 1. Thế kỷ thứ X, nửa đầu thế kỷ thứ XVIII.

274
Đình Kính. Đảo mùa gió. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1981.
PL4378.9.D486D3 1981 Orien Viet
84-126910

141 p.

275
Đình Kính. Sóng cửa sông: truyện. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.
PL4378.9.D486S6 Orien Viet
80-984182

179 p.
Errata slip inserted.

276
Đinh Ngọc Ẩn *and others*. Địa-lý: lớp nhì; hoạ-sĩ, Lê Vĩnh Phát. [s.l.] Bộ Giáo-dục, 1966.
DS556.38.D53 1966 Orien Viet
83-153214

184 p. illus.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

249
Đặng Thị Hạnh. Vích-to Huy gô. Hà Nội, Văn Hóa, 1978.
PQ2293.D24 Orien Viet
81-173070
263 p. illus., plates.
Bibliography: p. 265.

250
Đặng Trần Côn. Chinh-phụ ngâm. Nguyên-tác Hán-văn của Đặng-Trần-Côn; Đoàn-Thị-Điểm diễn nôm; Đào-Đăng-Vỹ, Bùi-Hữu-Sủng, Hà-Mai-Phương sao lục và giới thiệu. Campbell, CA, Việt-Nam Thư-Xã, c1980.
PL4378.9.D33C532 1980 Orien Viet
84-161193
53 p.

251
Đặng Văn Lung, Hồng Thao, *and* Trần Linh Qúy. Quan họ: nguồn gốc và quá trình phát triển [biên tập, Hoàng thị Đậu]. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1978.
ML3758.V5D3 1978 Orien Viet
81-143894
illus., plates.
Bibliography: p. 517–523

252
Đào Cảng. Buồm trong phố: thơ. Hà Nội, Lao Động, 1978.
MLCS83/5345 (P)
83-113762
77 p.

253
Đào Công Vũ. Người cộng sản trẻ tuổi của Đào Công Vũ. Hạt giống của Xuân Tùng, Trần Hữu Thung. Hà Nội, Văn Hóa, 1980.
MLCS83/5274 (P)
83-117169
278 p.

254
Đào Duy Kỳ. Những người sống mãi. Hà Nội, Vụ Văn Hóa Đại Chung, 1956.
HX400.5.A6D36 Orien Viet
81-984058
29 p. (Loại sách văn nghệ đại chúng)

255
Đào Duy Tùng. Bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta: nghiên cứu văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IV. Hà Nội, Sự Thật, 1978.
JQ898.D293D36 1978 Orien Viet
82-169938
95 p.
Includes bibliographical references.

256
Đào Hồng Cẩm *and* Xuân Đức. Vì tổ quốc: kịch chín cảnh. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
PL4378.9.D337V5 1980 Orien Viet
83-116900
104 p.

257
Đào Thắng. Điểm cao thành phố: tiểu thuyết. [Hà Nội] Thanh Niên, 1981.
PL4378.9.D338D5 1981
85-200868
217 p.

258
Đào Thiêm. Tổ chức và quản lý sản xuất xí nghiệp công nghiệp quốc doanh: dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp. Hà Nội, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1980.
HD4300.5.D36 1980 Orien Viet
83-177929
311 p. illus.

259
Đào Văn Hội. Lịch-trình hành-chánh Nam-phần. [s.l., s.n.] 1961 (Chợ Quán, Văn Khoa).
JQ824.D36 Orien Viet
80-984317
87 p.
Errata slip inserted.
Bibilography: p. [3]

260
Đào Văn Tập. Tự-điển Việt-Nam phổ-thông. Saigon, Nhà Sách Viñh Bảo, c1951.
PL4377.D35 Orien Viet
78-984097
727 p.
Includes bibliographical references.

261
Đào Văn Tiến. Đất nước Hoa Chăm Pa. [Hà Nội] Thanh Niên, [1981]
DS555.382.D36 1981 Orien Viet
84-158139
116 p.

262
Đào Vũ. Bí thư cấp huyện: truyện. [s.l.] Tác Phẩm

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

235
Đảng Lao Đông Việt-Nam. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh: tiểu sử và sự nghiệp. In lần thứ 2, có sửa chữa và bổ sung. Hà Nội, Sự Thật, 1972.
DS560.72.H6D36 1972 Orien Viet
79-984096

169 p. illus.

236
Đặng Mộng Lân *and* Ngô Quốc Quýnh. Tự điển vật lý Anh-Việt. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1976.
QC5.T78 Orien Viet
79-984431

439 p.
Added t.p.: English-Vietnamese physics dictionary.

237
Đặng Nghiêm Vạn *and* Đinh Xuân Lâm. Diễn Biến trong lịch sử. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1979.
DS559.93.D53D36 Orien Viet
81-203168

253 p. illus.
Includes bibliographical references.

238
Đặng Nghiêm Vạn *and others*. Các dân tộc tỉnh Gia Lai-Công Tum. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1981.
83-145121

342 p. illus.

239
Đặng Ngọc Thanh. Khu hệ động vật không xương sống nước ngọt Bắc Việt Nam. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1980.
QL313.D26 Orien Viet
81-173155

464 p. illus.

240
Đặng Ngọc Thanh, Thái Trân Bái, *and* Phạm Văn Miên. Định loại động vật không xương sống nước ngọt bắc Việt Nam; Đặng Ngọc Thanh, chủ biên. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1980.
QL313.D25 1980 Orien Viet
84-126412

573 p. illus.
Bibilography: p. 570–73.

241
Đặng Phùng Quân and Nguyễn Văn Sâm. Miền thượng uyên xưa: tập truyện ngắn. Orange, CA, Bách Việt, 1983.
PL4378.9.D317M5 1983 Orien Viet
84-130354

242
Đặng Quốc Bảo. Mấy vấn đề cơ bản về công tác thanh niên hiện nay. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
HQ799.V5D355 1981 Orien Viet
82-173465

83 p.

243
Đặng T. Xuân Mai. Tình thơ trong mắt ngọc, của Đặng T. Xuân Mai (Thị Xuân Mai). Culver City, CA, Tiểu Thuyết Nguyệt San [1981]
PL4378.9.D32T5 1981 Orien Viet
83-151806

72 p. illus. (Tủ sách văn học)

244
Đặng Thái Hoàng. Hà-Nội nghìn năm xây dựng. [s.l.] Hà Nội, 1980.
DS559.93.H36D36 1980 Orien Viet
83-114298

95 p. illus.

245
Đặng Thái Hoàng. Lược khảo nghệ thuật kiến trúc thế giới. Hà Nội, Văn Hóa, 1976.
MLCS82/5955
82-179361

262 p. illus.

246
Đặng Thái Mai. Tác phẩm. v. [1]+ Hà Nội, Văn Học, 1978+
PL4378.D28 Orien Viet
80-984079

port.
Errata slip inserted.

247
Đặng Thanh Lê. Truyện kiều và thể loại truyện nôm. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1979.
82-165173

287 p.

248
Đặng Thế Bính *and others*. Tự điển Anh-Việt hiện đại. Modern English-Vietnamese dictionary. Hong Kong, Lee Man Pub., Distributed by Lee Yuen Subscription Agencies, 1982.
PL4376.T77 1982 Orien Viet
82-205066

1959 p.
Bibliography: p. [11]

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

ngữ. [Saigon] Đại Học, [1958]
PL4379.D36 Orien Viet
80-984309

112 p. (Tủ sách văn-học)

223
Đàm Văn Hiều. Quyền và nghiã vụ cơ bản của công dân. Hà Nội, Pháp Lý, 1981.
85-104662

66 p.

224
Đàm Xuân Thiều *and* Trần Trọng San. Việt-văn độc-bản lớp đệ-nhị. In lần thứ 4. Saigon, Bộ Văn-hóa Giáo-dục, 1965.
PL4378.5.D35 1965 Orien Viet
83-192682

372 p. illus. (Tủ sách Trung-học)

225
Đảng Cộng Sản Việt-Nam. Ban chấp hành trung ương. Một số văn kiện của Trung ương Đảng về phát triển công nghiệp. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
HD3616.V53D36 1980 Orien Viet
81-213490

232 p.

226
Đảng Cộng Sản Việt Nam. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng. Năm mươi năm hoạt động của Đảng cộng sản Việt Nam. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
JQ298.D36D36 1979 Orien Viet
82-169479

318 p. illus.

227
Đảng Cộng Sản Việt Nam. Ban tổ chức trung ương. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ: tài liệu dùng cho các chi bộ thảo luận để thực hiện. In lần thứ 2, có bổ sung và sửa chữa. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
JQ898.D293D35 1979 Orien Viet
82-202404

26 p.

228
Đảng Cộng Sản Việt Nam. Đại hội (4th: 1976: Hanoi, Vietnam). Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV. Hà Nội, Sự Thật, 1977.
JQ898.D293D355 1976 Orien Viet
83-137215

94 p.
"Đảng cộng sản Việt-Nam"—cover.

229
Đảng Cộng Sản Việt Nam. Đại hội (4th 1976: Hanoi, Vietnam) Tham luận tại Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-Nam từ ngày 14 tháng 12 đến ngày 20 tháng 12 năm 1976. Hà Nội, Sự Thật, 1977.
JQ898.D293D355 1976a Orien Viet
83-188951

224 p.

230
Đảng Cộng Sản Việt Nam. Điều lệ Đảng cộng sản Việt-Nam (do Đại hội biểu toàn quốc lần thứ IV thông qua). [Hà Nội] Ban Chấp Hành Trung Ương [1977]
JQ898.D293D355 1977 Orien Viet
83-180746

147 p.

231
Đảng Cộng Sản Việt Nam. Một số văn kiện của Đảng về công tác giáo dục lý luận và chính tri: tài liệu học tập nghiệp vụ huấn học lớp trung cấp. Hà Nội, Sách Giáo khoa Mác—Lê-nin, 1978.
LA1186.D36 1978 Orien Viet
82-101504

389 p.
"Lưu hành nội bộ."
Errata slip inserted.
Includes bibliographical references.

232
Đảng Cộng Sản Việt-Nam. Ban chấp hành trung ương. Một số văn kiện của Trung ương Đảng về phát triển công nghiệp. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
HD3616V53D36 1980 Orien Viet
81-213490

232 p.

233
Đặng Hải Lâm. Bước ngoặt: tiểu thuyết. Hà Nội, Lao động, 1982.
PL4378.9.D314B8 1982 Orien Viet
83-182348

256 p.

234
Đảng Lao Động Việt Nam. Ban chấp hành trung ương. Văn kiện Đảng về công tác thành vận: từ năm 1930 đến năm 1968. In lần thứ 2 có bổ sung. Hà Nội, Thanh Niên, 1969.
HQ799.V5D36 1969 Orien Viet
81-213023

159 p.
Includes bibliographical references.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

210
Duyên Anh. Đêm Thánh vô cùng. [San Diego, CA, Về Nguồn, 1978]
PL4378.9.D8D45 1978 Orien Viet
80-984234
125 p.
Reprint of the 1973 ed. published by Tủ Sách Bạn Ngọc, Saigon. Includes a reproduction of the t.p. of the 1973 ed.

211
Duyên Anh. Hoa thiên lý. [Los Alamitos, CA, Việt Nam. 1980?]
PL4378.9.D8H6 1980 Orien Viet
80-984233
204 p.
Reprint of the 1963 ed. published by Giao Điểm, Saigon. Includes a reproduction of the t.p. of the 1963 ed.

212
Duyên Anh. Hôn em, kỷ niệm: truyện. Bản lần thứ l. Glendale, CA, Dainamco [197]
PL4378.9.D8H66 1980 Orien Viet
82-157375
282 p.
Reprint of the 1974 ed. published by Tuổi Ngọc, Saigon.

213
Duyên Anh. Thư tình trên cát: truyện dài, của Duyên-Anh Vũ Mộng-Long. [Glendale, CA] Tinh Hoa Miền Nam [1980?]
PL4378.9.D8T57 1980 Orien Viet
80-984232
Reprint of the 1973 ed. published by Tuổi Ngọc, Saigon.

Đ

214
Đắc Trung. Đường chân trời: tập truyện. Hà Nội, Lao Động, 1979.
PL4378.9.D28D8 Orien Viet
80-984100
165 p.
Errata slip inserted.

215
Đại đoàn quân tiền phong: ký sự. In lần thứ 2. [v. 1–2; in 1]+ Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978+
DS558.5.D33 1978 Orien Viet
82-244749
illus.
Rev. ed. of: Sư đoàn Quân Tiền Phong, 1979.

216
Đại hội XXVI đảng cộng sản Liên Xô. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
85-108022
158 p.

217
Đại-Nam Nhất-thống-chí. Lục tỉnh Nam-Việt; dịch-giả, Nguyễn Tạo. Tái bản. v. [1]+ [Saigon] Nha Văn-hóa, Phủ quốc-vụ-khanh đặc-trách văn-hóa, 1973+
DS556.38.D35 1973 Orien Viet
83-154902
illus. (Văn hóa tùng thư; số 52)
Chinese and Vietnamese.
Contents.—tập 1. Biên-Hòa. Gia-Định.

218
Đại Nam thực lục; tổ phiên dịch Viện Sử Học phiên dịch. Hà Nội, Sử Học, 1962+
DS556.7.D35 1962 Orien Viet
79-984134
"Ta nan shih lu."

219
Đại việt sử ký toàn thư. Cao Huy Giu phiên dịch; Đào Duy Anh hiệu đính, chú giải và khảo chứng. v. [4] Hà Nội, Khoa Học Xã Hôi, 1968+
DS556.6.N45 1968 Orien Viet
82-218018

220
Đai Xuân Ninh. Hoạt động của từ tiếng Việt. Hà Nội; Khoa Học Xã Hội, 1978.
PL4374.D3 Orien Viet
80-984102
333 p.
Bibliography: p. 322–28.
Errata slip inserted.

221
Đăm Di đi săn. Kdăm Yi hiu mnăh: trường ca Ê-đê; Y Đứp và Nông Phúc Tước sưu tầm, phiên dịch, biên soạn. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.
83-189006
130 p.

222
Đàm Quang Hậu, Danh-từ chuyên-khoa trong Việt-

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

197
Dương Hùng Cường. Vĩnh biệt Phương: truyện dài. Fort Smith, AR, Sống Mới, [19]
MLCS83/2216 (P)
83-117407
512 p.

198
Dương Kinh Quốc. Việt Nam: những sự kiện lịch sử, 1858–1945. v. [1]+ Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1981+
DS556.8.D86 1981 Orien Viet
85-104378
At head of title: Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Ban cận đại Viện sử học. Companion volume of: Việt Nam, những sự kiện, 1945–1975.
Contents: tập 1. 1858–1896

199
Dương Quảng Hàm. Việt-Nam thi văn hợp tuyển. 1st ed. McLean, VA, Viet Nam Foundation, 1978.
84-189083
268 p.

200
Dương Thị Xuân Quý. Hoa rừng. Hà Nội, Văn Học, 1979.
PL4378.9.D758H6 1979 Orien Viet
82-129760
330 p. plates, port.

201
Dương Thoa. Bác Hồ với phong trào phụ nữ Việt Nam. [Hà Nội] Phụ Nữ, 1982.
DS560.72.H6D87 1982 Orien Viet
84-143518
71 p.
Includes bibliographical references.

202
Dương Thu Hương *and* Lê Thị Mây. Mùa thu mùa trăng: thơ. [s.l.] Tác Phẩm Mới, 1980.
MLCS/9869 (P)
82-224377
63 p.

203
Duy Đức. Quân với dân một ý chí. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
PL4378.9.D768 Q3 1980 Orien Viet
85-103806
145 p.

204
Duy Khoát. Câu chuyện ao cá Bác Hồ. Hà Nội, Nông Nghiệp, 1982.
SH155.5.D88 1982 Orien Viet
83-144270
109 p. illus.

205
Duy Ma Cật kinh. [Wei-mo-chieh ching] của Đoàn Trung Còn dịch. Saigon, Phật Học, 1971.
BQ2213.V5D63 1971 Orien Viet
83-155865
339 p. illus. (Phật-học tòng-thơ; 27)

206
Duy Phi. Cánh buồm mở hướng: trường ca. Hà Nội, Thanh Niên, 1983.
PL4378.9.D775C3 1983 Orien Viet
85-194573
76 p.

207
Duy Thanh *and others*. Tuyển truyện sáng-tạo. Fort Smith, AR, Sống Mới [1982?]
PL4378.8.T84 1982 Orien Viet
83-114112
139 p.
Contents: Đứng về phía những cái mới của Mai-Thảo—Giấc ngủ của Duy-Thanh—Rượu, chưa đủ của Dương Nghiễm Mậu—Những hạt ba-dăng của Niên của Mai Trung Tĩnh—Tiếng động dưới cỏ của Phạm Nguyên Vũ—Bức tranh của Song-Linh—Hương gió lướt đi của Thao-Trường—Tinh cầu của Thạch-Chương.

208
Duyên Anh. Ánh lửa đêm tù: tập truyện. [Los Alamitos, CA, Việt Nam, 1980?]
PL4378.9.D8A79 1980 Orien Viet
80-984235
199 p.
Reprint of the 1969 ed. published by Hồng Đức, Saigon. Includes a reproduction of the t.p. of the 1969 ed.

209
Duyên Anh. Dzũng Dakao: truyện dài. [Los Alamitos, CA, Việt Nam, 1980?]
PL4378.9.D8D9 1980 Orien Viet
80-984236
215 p.
Reprint of the 1966 ed. published by Đời Mới, Saigon.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

130 [i.e., 230] p.
Reprint. Originally published: 1974.

183
Dung Sàigòn. Tóc xõa ngang lưng. Lancaster, PA, Xuân Thu, 1981.
PL4378.9.D73T65 1981 Orien Viet
82-157501
206 p.

184
Dung Sàigòn. Trong vô số buổi chiều. Lancaster, PA, Xuân Thu. 1981.
PL4378.9.D73T7 1981 Orien Viet
82-102281
252 p.

185
Dung Sàigòn. Từ dạo biết buồn. Lancaster, PA, Xuân Thu, 1981.
PL4378.9.D73T78 1981 Orien Viet
82-102287
204 p.
Reprint. Originally published: 1974.

186
Dung Sàigòn. Từ giã thơ ngây. Lancaster, PA, Xuân Thu, 1981.
PL4378.9.D73T8 1981 Orien Viet
82-102277
246 p.
Reprint. Originally published: 1973.

187
Dung Sàigòn *and* Linh Phương. Những giọt long lanh. [Los Alamitos, CA, Viet Nam, 1980]
PL4378.9.D73N5 1980 Orien Viet
80-984225
231 p.

188
Dung Sàigòn *and* Võ Hà Anh. Dễ ghét. [Glendale, CA] Tinh Hoa Miền Nam [1980?]
PL4378.9.D73D38 1980 Orien Viet
80-984228
210 p.

189
Dung Sàigòn *and* Võ Hà Anh. Lối cỏ mù sương. [Glendale, CA] Tinh Hoa Miền Nam [1980]
PL4378.9.D73L64 1980 Orien Viet
80-984227
210 p.
Reprint of the 1974 ed. published by Như Ý, Saigon.

190
Dung Sàigòn *and* Võ Hà Anh. Ngày xưa chân sáo. [Glendale, CA] Tinh Hoa Miền Nam, 1980.
PL4378.9.D73N48 1980 Orien Viet
80-984224
212 p.

191
Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng. [Thành Phố Hồ Chí Minh, Thông Tấn Xã Việt Nam, 1976]
DS556.9.D86 Orien Viet
79-984143
279 p. illus.

192
Dương Công Hầu. Sách-số; diễn-cầm tạm-thể diễn nghĩa. [shih san chin yen] Soạn-giả Dương-Công-Hầu, hiệu Khương-Đức. [Houston, TX] Dương-Công-Hầu, 1982.
BF1714.C5D86 1982 Orien Viet
83-101924
344 p. illus., plates.
Cover title.
Reprint. Originally published: 1952.

193
Dương Đình Hy. Mùa dưa; tập truyện ngắn và ký. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
MLCS82/9863 (P)
82-223565
67 p.

194
Dương Hà. Bên giòng sông Trẹm: xã hội, tâm lý, ái tình, đồng quê tiểu thuyết. [Glendale, CA] Tinh Hoa Miền Nam, [1980?]
PL4378.9.D738B4 Orien Viet
80-984230
225 p.

195
Dương Hảo. Một chương bi thảm. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
DS557.7.D86 1980 Orien Viet
82-190393
293 p.

196
Dương Hồng Dật. Tìm hiểu về khoa học bảo vệ thực vật. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1979.
SB950.D86 1979 Orien Viet
81-203152
153 p. illus.
Errata slip inserted.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

169
Du Miên. Ba năm ở Mỹ: truyện ký. San Diego, CA, Hồn Việt, 1978.
PL4378.9.D69B3 1978 Orien Viet
82-157509
120 p.

170
Du Tử Lê. Tan theo ngày nắng vội; bìa Ngọc Dũng; phụ bản Nguyễn Khai *and others*; phụ bản thơ nhạc, Du Tử Lê, Trần Duy Đức. Garden Grove, CA, Nhân Chứng, 1984.
PL4378.9.D7T3 1984 Orien Viet
85-107432
184 p. illus. (Tủ sách văn học)

171
Du Tử Lê. Thơ Du Tử Lê. [Tái bản]. [Garden Grove, CA] Nhân Chứng, 1981.
PL4378.9.D7A6 1981 Orien Viet
82-102337
156 p. illus., music, plates.

172
Dũng Hà. Mảnh đất yêu thương: tiểu thuyết. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.
PL4378.9.D725M3 Orien Viet
80-984297
381 p.

173
Dung Sàigòn. Bâng khuâng tơ trời. [Glendale, CA, Dai-nam Co., 1980?]
PL4378.9.D73B36 1980 Orien Viet
80-984229
275 p.
Reprint of the 1973 ed. published by Hoàng Hà, Saigon. Includes a reproduction of the t.p. of the 1973 ed.

174
Dung Sàigòn. Bầy con gái. Lancaster, PA, Xuân Thu [1980?]
PL4378.9.D73B39 1980 Orien Viet
82-102286
216 p.

175
Dung Sàigòn. Bước khẽ nhé em. Lancaster, PA, Xuân Thu, 1981.
PL4378.9.D73B8 1981 Orien Viet
82-102274
214 p.
Reprint. Originally published: 1974.

176
Dung Sàigòn. Êm ả một đời. Lancaster, PA, Xuân Thu, 1981.
PL4378.9.D73E45 1981 Orien Viet
82-102282
207 p.
Reprint. Originally published: 1974.

177
Dung Sàigòn. Không còn là ngày xưa. [Glendale, CA] Tinh Hoa Miền Nam [1980?]
PL4378.9.D73K5 1980 Orien Viet
80-984226
258 p.
Reprint of the 1973 ed. published by Thùy Dương, Saigon.

178
Dung Sàigòn. Một thuở hẹn hò. [Glendale, CA] Tinh Hoa Miền Nam, [1980?]
PL4378.9.D73M64 1980 Orien Viet
80-984223
241 p.
Reprint of the 1973 ed.

179
Dung Sàigòn. Ngày tháng trôi qua tình yêu còn lại. Lancaster, PA, Xuân Thu, 1981.
PL4378.9.D73N46 1981 Orien Viet
82-157475
212 p.

180
Dung Sàigòn. Niềm hạnh phúc chợt thấy. Lancaster, PA, Xuân Thu, 1981.
PL4378.9.D73N55 1981 Orien Viet
82-157490
207 p.
Reprint. Originally published: 1974.

181
Dung Sàigòn. Tình yêu tình yêu ơi. [California] Đời Mới [1980?]
PL4378.9.D73T56 1980 Orien Viet
82-102279
201 p.
Reprint. Originally published: Saigon, Đời Mới, 1974.

182
Dung Sàigòn. Tóc mơ nghìn sợi. Lancaster, PA, Xuân Thu, 1981.
PL4378.9.D73T6 1981 Orien Viet
82-102265

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

30-4-1975. Downey, CA, Hồn Việt [1979]
DS559.9.S24C86 1979 Orien Viet
82-146677

[56] p. illus.
Cover title.

156
Cuộc họp mặt các chiến sĩ Trần Quốc Toản. Hà Nội, Kim Đồng, 1979.
HQ799.V5C86 1979 Orien Viet
83-152651

63 p. illus.

157
Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, 1954–1975; những sự kiện quân sự [của] Học viện quân sự cao cấp. Bản tổng kết kinh nghiệm chiến tranh. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
DS557.7.C84 1980 Orien Viet
82-166733

308 p.

158
Cuộc khởi nghĩa Trà Bông và miền tây Quảng Ngãi; chủ biên, Phạm Thanh Biền, Nguyễn Hữu Nghĩa; nghiên cứu, tham gia ý kiến, Võ Nghi ... [and others]. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1975.
DS559.92.T73C86 1975 Orien Viet
84-216178

154 p. illus., plates.

159
Cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa của Việt-Cộng Mậu Thân, 1968; chủ biên, Phạm-Văn-Sơn; soạn thảo, Lê-Văn-Dương; hình ảnh, Nguyễn-Ngọc-Hạnh; thực hiện, Trung-tâm ấn-loát ấn-phẩm. [Saigon] Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, 1968.
DS557.8.T4C86 1968 Orien Viet
83-189982

400 p. illus. (Loại lịch-sử chiến đấu)

160
Cuộc vận động cách mạng tháng tám ở Hà Nội (cuối năm 1939-đầu năm 1946). In lần thứ 2, có sửa chữa và bổ sung. [Hà Nội] Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Đảng Uỷ Hà Nội, 1975.
DS556.8.C86 1975 Orien Viet
82-188669

204 p.
Includes bibliographical references.

D

161
Damamùkanidàna sùtra. Vietnamese. Kinh hiền Phạm Thiên Thư thi hóa tư tưởng; Trần Thị Tuệ Mai nhuận sắc. Saigon, Cơ Sở Văn Chương, 1973.
83-180569

518 p. illus., plates.

162
Dân ca Cao Luận [của] Phương Bằng, sưu tầm và dịch. Hà Hội, Văn Hóa, 1981.
82-184945

111 p.

163
Dân ca miền Nam Trung bộ [của] Trần Việt Ngũ, Trương Đình Quang, Hoàng Chương, sưu tầm và giới thiệu. [s.l.] Văn Hóa, Viện Văn Học, 1963.
82-126456

2 v. illus.

164
Dân ca thái: hai trăm lẻ sáu bài dân thái về tình yêu [của] Mạc Phi, sưu tầm, dịch, giới thiệu. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.
82-165161

161 p.

165
Danh-từ khoa-học. v. [1–5] Saigon, Bộ Văn-hóa Giáo-dục, 1964+ illus. (Tủ sách khoa-học)
83-192768

166
Doãn Quốc Sỹ. Đàm thoại độc thoại: khu rừng lau. [s.l.] Sáng Tạo, 1966.
84-210152

195 p. illus.

167
Doãn Thanh *and* Lê Trung Vũ. Truyện cổ Dao. Hà Nội, Văn Hóa Dân Tộc, 1978.
GR308.5.Y36T78 Orien Viet
80-984349

292 p.
Errata slip inserted.

168
Doãn Thanh, Thương Nguyễn, *and* Hoàng Thao. Truyện cổ dân tộc Mèo. Hà Nội, Văn Học, 1963.
GR313.5.M5D6 Orien Viet
80-984394

486 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

142
Chuyện chị tham mưu trưởng: tập truyện ngắn. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
PL4378.8.C55 1978 Orien Viet
83-188055

145 p.
Contents: Chị tham mưu trưởng của Nam Hà—Tấm lòng người vợ của Trần Hữu Tòng—Chân Trời của Trần Mai Hương—Người bạn mới của Nam Hà—Như những ngày xưa của Nam Hà—Mẹ Tư của Trần Mai Hưởng—Mùa bướm trắng của Trần Mai Hưởng—Những đứa con Thím Ba của Nam Hà.

143
Cô Ngọc Ngà. Cẩm nang gia chánh làm bếp. [Glendale, CA] Tinh Hoa Miền Nam [1981]
TX724.5.V5N46 1981 Orien Viet
82-158976

474 p.
Reprint.

144
Cồ Nhi Tân. Tiểu-truyện danh-nhân: Nguyễn-Thái Học, Nguyễn-Thị-Giang, Nguyễn-Khắc-Nhu, Lê-Hữu-Cảnh. Saigon, Phạm-Quang-Khai [1969]
DS556.83.N45C6 1969 Orien Viet
83-102461

118 p. illus. (Tủ-sách tiền-bộ)

145
Cồ Nhi Tân. Tư Mã Quang, Vương An Thạch: tiểu truyện danh nhân. Saigon, Phạm-Quang-Khai [196]
DS734.9.S84C6 1969 Orien Viet
83-104135

143 p.

146
Cồ Tấn Long Châu *and others*. Miền nam Việt Nam đất nước, con người. v. [2]+ [Hà Nội] Giải Phóng, 1967+
N7314.M54 1967 Orien Viet
83-192403

illus.

147
Con đường cách mạng của chúng ta là con đường tất thắng. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
85-104004

43 p.

148
Con đường giải phóng: hồi ký. Tái bản lần thứ 1. v. [1]+ Hà Nội, Phụ Nữ, 1979+
DS556.8.C66 1979 Orien Viet
82-217969

149
Con đường hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
HD1491.V5C66 1979 Orien Viet
82-190307

50 p.
Includes bibliographical references.

150
Con đường sáng: tập truyện ngắn [của] nhiều tác giả. Hà Nội, Lao Động, 1979.
MLCS83/5500 (P)
83-136087

157 p.

151
Con đường về vang: truyện ngắn và ký sự. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1965.
MLCS83/5893 (P)
83-114998

153 p.

152
Confucius. Xuân-thu tam truyện. Chun Chiu xan chuan. Biên dịch Hoàng Khôi. In lần thứ 1. [s.l.] Bộ Giáo-dục, Trung-tâm Học-liệu, 1969–1971.
PL2489.6.V5K1 1969 Orien Viet
84-141342

5 v.

153
Công-cuộc cải-tiến dân sinh cho đồng-bào Thượng sau 5 năm chấp chánh của Ngô Tổng-thống. [Saigon] Nha Công-tác Xã-hội Miền Thượng, 1959.
DS556.45.M6C66 Orien Viet
80-984253

188 p. illus.
Cover title.

154
Cuộc diễu binh hùng vĩ: tập thơ viết về các liệt sĩ, anh hùng, chiến sĩ thi đua trẻ tuổi ở hai miền Nam Bắc. Hà Nội, Thanh Niên, 1968.
MLCS83/8006 (P)
83-114984

138 p.

155
Cuộc đổi đời bi thảm: tài liệu bằng hình vẽ quốc nạn

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Đội Nhân Dân, 1979.
MLCS82/5095
82-164502
455 p.

128
Chu Lai. Người im lặng: tập truyện. Hà Nội, Văn Học, 1978.
MLCS83/2723 (P)
83-136911
175 p.

129
Chu Lai. Vùng đất xa xăm: tập truyện. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1983.
PL4378.9.C4878V8 1983 Orien Viet
85-198452
142 p.

130
Chủ nghĩa cộng sản khoa học: chương trình trung cấp; Vụ biên soạn, Ban Tuyên Huấn Trung Ương. [Tái bản] Hà Nội, Sách Giao Khoa Mác-Lê-Nin, 1982.
HX73.C48 1982 Orien Viet
84-241859
132 p.

131
Chủ nghĩa Mao và văn hóa, văn nghệ Trung Quốc của Quang Đạm *and others*. [s.l.] Viện Văn Hóa, Bộ Văn Hóa, 1983.
HX521.C48.1983 Orien Viet
85-196026
370 p.

132
Chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước. Hà Nội, Sự Thật, 1981.
HC444.C48 1981 Orien Viet
84-125591
149 p.

133
Chủ nghĩa xã hội khoa học: chương trình trung cấp; vụ biên soạn, Ban Tuyên Huấn Trung Ương. In lần thứ 2. Hà Nội, Sách Giáo Khoa Mác—Lê-Nin, 1977.
HX72.C48 1977 Orien Viet
83-135038
195 p.

134
Chu Trọng Huyên. Chuyện kể từ làng sen; bìa và minh họa của Hòang Công Luân. Hà Nội, Kim Đồng, 1980.
MLCS82/5954
82-179331
107 p. illus.

135
Chu Văn. Bão biển: tiểu thuyết. In lần thứ 2. Hà Nội, Văn Học, 1978.
PL4378.9.C53B3 1978 Orien Viet
79-984429
2 v.
Errata slip inserted.

136
Chu Văn. Bông hoa trắng; tập truyện ngắn. In lần thứ 1. [s.l.] Tác Phẩm Mới, 1978.
MLCS83/5506 (P)
83-111698
127 p.

137
Chu Văn Mười. Biển xanh; tiểu thuyết. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1977.
PL4378.9.C4875 B5 1977 Orien Viet
79-984332
319 p.
Errata slip inserted.

138
Chu Văn Mười. Người vợ trẻ: tiểu thuyết. Hà Nội, Phụ Nữ, 1980.
MLCS83/5522 (P)
83-134229
105 p.

139
Chu Xuân Anh and *others*. Tự điển hóa học. v. [2]+ Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1982+
QD5.T795 1982 Orien Viet
83-145985
illus.

140
Chúng tôi làm công tác chi đoàn. [s.l.] Thanh Niên, 1981.
84-241913
73 p. illus.

141
Chương Thậu, Triệu Dướng, and Nguyễn Đình Chu. Thơ văn yêu nước và cách mạng, đầu thế kỷ XX, (1900–1930). In lần thứ 1. Hà Nội, Văn Học, 1972.
84-195289
742 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

112
Chiến hào biên giới: tập thơ văn. Hà Nội, Văn Học, 1980.
PL4378.5.C47 Orien Viet
81-203170
282 p.

113
Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ: một số văn kiện đảng. Hà Nội, Sự Thật, 1984.
DS553.3.D5C49 1984 Orien Viet
85-201321
150 p.

114
Chiến thắng mật khu Bời Lời. [Saigon] Nha Tổng Giám Đốc Thông Tin [1963]
84-189088
16 p. illus.

115
Chiều sâu quê hương: truyện và ký [của] nhiều tác giả. Hà Nội, Phụ Nữ, 1977.
MLCS83/2504 (P)
83-114050
125 p.

116
Chim Trắng. Những ngả đường: thơ. Thành Phố Hồ Chí Minh, Văn Nghệ, 1980.
MLCS82/9875 (P)
82-223874
82 p.

117
Chin, Yung. Cô gái Đồ Long: truyện dã sử võ hiệp Trung Hoa. Dịch giả Từ Khánh Phụng tức Tiền Phong. Los Alamitos, CA, Vietnam [19]
PL2848.Y8C6 1978 Orien Viet
84-140893
6 v.

118
Chin, Yung. Ma nữ đa tình: truyện võ hiệp Trung-Hoa; nguyên tác, Kim-Dung; dịch thuật, Thương-Lan. Los Alamitos, CA, Vietnam [19]
PL248.Y8M3 1978 Orien Viet
84-140940
4 v.

119
Chin, Yung. Thiên-long bát bộ: bản dịch của Hàn-Giang-Nhạn, tức Thứ-Lang. Los Alamitos, CA, Vietnam [19]
PL2848.Y8T45 1978 Orien Viet
84-140963
2 v.

120
Chính-quyền Quốc-gia là gì? Phòng Nghiên-huấn, Nha Thông-tin T.V. [s.l.] Nha Thông-tin T.V., 1955.
83-154330
16 p.

121
Chỉnh Túc, Thích. Tinh-thần bình-đẳng của đạo Phật. Cholon, Sen Vàng [195–?]
BQ4165.C48 1950z Orien Viet
83-155808
23 p.

122
Chu Bá Nam. Ngoài phòng thí nghiệm: truyện. Hà Nội, Phụ Nữ, 1981.
PL4378.9.C4868N45 1981 Orien Viet
84-143443
166 p.

123
Chủ đề chân dung tình yêu. Saigon, Thiện Mỹ, 1975.
84-190053
128 p. illus., plates.

124
Chu Huy Mẫn. Thanh niên trong các lực lượng vũ trang với sự nghiệp bảo vệ tổ quốc và xây dựng đất nước. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
UA853.V5 C48 1980 Orien Viet
85-130507
30 p.

125
Chư kinh tập yếu. [Chu ching chi yao], Đoàn-Trung-Còn dịch. Saigon, Phật-học, 1970.
MLCM83/2248 (B)
83-117757
363 p. illus. (Phật học tổng-thơ; 26)

126
Chu Lai. Đôi ngả thời gian: truyện và ký. Hà Nội, Tác Phẩm Mới, Hội Nhà văn Việt Nam, 1981.
PL4378.9.C4878D6 1981 Orien Viet
85-104567
207 p.

127
Chu Lai. Nắng đồng bằng: tiểu thuyết. Hà Nội, Quân

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Sơn, 1980.
MLCS82/5042
82-157425
164 p. illus. (Tủ sách gia bảo)

99
Cao Trường Thọ. Bí mật đại não. Hà Nội, Y Học, 1982.
Q315.C36 1982 Orien Viet
83-144868
88 p. illus.

100
Cao Văn Biền. Giai cấp công nhân Việt Nam, thời kỳ 1936–1939. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1979.
HD8700.5.C36 Orien Viet
81-169659
394 p.
At head of title: Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện sử học.
Bibliography: p. 389–92.

101
Cao Văn Luận. Bên giòng lịch-sử Việt Nam, 1940–1975. Sacramento, CA, Tantu Research, c1983.
DS556.8.C35 1983 Orien Viet
84-130479
389 p. illus., plates.

102
Cao Văn Luận *and others*. Công-dân giáo-dục, lớp đệ lục. In lần thứ 1. [Saigon] Bộ Quốc-gia Giáo-dục, 1960.
JQ883.C66 1960 Orien Viet
83-109727
112 p. (Tủ sách trung học)

103
Cao Văn Luận *and others*. Công-dân giáo-dục, lớp đệ-thất. In lần thứ 1. [Saigon] Bộ Quốc-gia Giáo-dục, 1960.
JQ883.C67 1960 Orien Viet
83-105268
154 p. (Tủ sách trung-học)

104
Cao Văn Lương, Phạm Quang Toàn, *and* Quỳnh Cư. Tìm hiểu phong trào đồng khởi ở miền nam Việt Nam. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1981.
DS556.9.C36 1981 Orien Viet
83-145129
390 p. illus.
At head of title: Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, Viện Sử Học.
Includes bibliographical references.

105
Câu lạc bộ chiến sĩ. v. [1]+ Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1977+
PL4378.5C38 Orien Viet
79-984283
illus.

106
Châm cứu học [của] Viện Đông y. v. [1]+ Hà Nội, Y Học, 1978+
RM184.C446 Orien Viet
81-159791

107
Chế Lan Viên. Nghĩ cạnh dòng thơ: tiểu luận. Hà Nội, Văn Học, 1981.
PL4378.2.C48 1981 Orien Viet
84-127054
368 p. (Văn học hiện đại Việt Nam)

108
Chế Viết Tấn. Bàn về phân công lại lao động xã hội ở Việt Nam. Hà Nội, Sự Thật, 1982.
HD8700.5.C44 1982 Orien Viet
84-126370
150 p.

109
Chế Viết Tấn. Một số vấn đề về đổi mới công tác kế hoạch hóa và xây dựng kế hoạch ở cơ sở và huyện. [Hà Nội] Sự Thật [1979]
HC444.C47 1979 Orien Viet
82-173433
90 p.
Includes bibliographical references.

110
Chiến cụ do Việt-cộng đã xử dụng tại miền Nam hoặc có thể đang được xử dụng tại miền Bắc Việt-nam. War material used by the Viet cong in South Vietnam or presumably available to North Vietnam. [Sàigòn, Bộ Tổng-Tham-Mưu, Phòng 2, 1966]
UC465.V55C48 1966 Orien Viet
83-181227
184 p. illus.

111
Chiến dấu bảo vệ Thà-Khẹc: tập truyện và ký; các tác giả, Xinh-Ca-Pô Xi-Khôt-Chu-La Ma-Ni; người dịch, Hùng Phi. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
MLCS83/2722 (P)
83-137005
67 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

84
Cách sống: gửi các bạn gái. [Hà Nội] Thanh Niên, [1978]
BJ1668.V5C33 Orien Viet
79-984280
109 p.

85
Cái đẹp. [Hà Nội] Thanh Niên [1978]
NX578.6.V5C3 1978 Orien Viet
82-163783
99 p.
Contents.—1. Âm nhạc và đời sống, của Phạm Tuyên—2. Cái hay, cái đẹp, cái tinh tế của nhạc khí dân tộc, của Nguyễn Chí Vũ—3. Từ ca khúc chuyển sang nhạc không lời, của Trinh Lại—Cái đẹp trong dân ca quan họ, của Tô Vũ, Trần Quang Huy—Cái đẹp trong tranh của Quốc Bảo . . .

86
Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm trong hợp tác xã nông nghiệp. [s.l.] Sự Thật. [1981]
84-241905
35 p.

87
Cẩm Lai. Sắc biển: thơ. In lần thứ 1. [s.l.] Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1979.
PL4378.9.C34S2 1979 Orien Viet
83-185762
96 p.

88
Cẩm-nang của cấp chỉ-huy. In lần thứ 1. [Saigon] Bộ Quốc Phòng [1957]
83-180847
218 p. illus.

89
Cam-pu-chia, thắng lợi của một cuộc cách mạng chân chính. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
DS554.8.C34 Orien Viet
81-211221
73 p.
Includes bibliographical references.

90
Cầm Trọng. Người Thái ở tây bắc Việt Nam. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1978.
DS556.45.T35C35 1978 Orien Viet
80-984172
596 p. illus.
At head of title: Viện Dân tộc học.
Bibliography: p. 587–91.

91
Cao Hữu Đính. Kinh Na Tiên Tỳ Kheo. In lần thứ 1. Saigon, Minh Đức, 1971.
83-155881
159 p.

92
Cao Lãng. Lịch triều tạp kỷ của người biên soạn, Cao Lãng; người bổ sung, Xiển Trai; Hoa Bằng dịch và chú giải; Văn Tân hiệu đính. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1975.
DS556.7.C36 1975 Orien Viet
83-191349
2 v. (Loại sách nghiên cứu tham khảo)
Includes bibliographical references.

93
Cao Ngọc Phượng. Thử tìm dấu chân trên cát: ghi chép về thơ Nhất Hạnh. In lần thứ 1. Paris, Lá Bối, 1981.
PL4378.9.N55 Z6 Orien Viet
82-109669
312 p. illus., plates.
Bibliography: p. [7]–[8]

94
Cao Thanh. Tội ác và di hại: tội ác Mỹ-ngụy sau Hiệp định Pa-ri. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1976.
DS559.2.C36 Orien Viet
79-984101
83 p.
Includes bibliographical references.

95
Cao Thanh *and* Đoàn Đình Ca. Hô-xê Mác-ti, 1853–1895 [Hà Nội] Thanh Niên [1978]
F1783.M38C218 Orien Viet
80-984166
163 p.

96
Cao Tiền Lê. Bên quê: tập truyện ngắn. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.
PL4378.9.C39B4 Orien Viet
80-984174
154 p.

97
Cao Tiền Lê. Mùa ca cao. Hà Nội, Thanh Niên, 1982.
PL4378.9.C39M8 1982 Orien Viet
83-185770
150 p.

98
Cao Trung. Địa lý Tả Ao: địa đạo diễn ca. [s.l.] Lam

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

71
Cá biển Việt Nam. Hà Nội, Khoa Học và Kĩ Thuật, 1973.
83-1811234
153 p. illus.

72
Ca dao chống Mỹ cứu nước: chọn lọc [của] sưu tập và biên soạn Trần Quang Nhật; giới thiệu Hà Minh Đức. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
PL4378.6.C27 1980 Orien Viet
83-146687
172 p.

73
Ca dao Việt Nam trước cách mạng: sưu tầm trong những năm 1961/1962. [s.l.] Văn Học, 1979 printing.
MLCS82/5089
82-164339
286 p.

74
Ca kịch lịch sử. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.
PL4378.7.C3 1979 Orien Viet
83-134997
427 p.
Contents.—Tình sử Loa thành [của] Lộng Chương, Trần Lê Văn—Trưng Vương [của] Việt Dũng—Thái hậu Dương Vân Nga [của] Trúc Đương—Nước cờ Tam Điệp [của] Hoài Việt—Hàng theo chính nghĩa [của] Nguyễn Ngọc Tiếp.

75
Các điển hình tiền tiến và phong trào quần chúng trong sự nghiệp giáo dục. Hà Nội, Sự Thật, 1979.
LA1186.C33 1979 Orien Viet
82-167636
161 p.
Includes bibliographical references.

76
Các Mác, sức sống mùa xuân của Tương Lai *and others*. Hà Nội, Thanh Niên, 1983.
HX39.5.C22 1983 Orien Viet
85-201313
79 p.

77
Các nước Đông-Nam Á. In lần thứ 2 có bổ sung. Hà Nội, Sự Thật, 1976.
DS522.6.C33 1976 Orien Viet
84-209069
230 p. illus., plates. (Tủ sách phổ thông kiến thức về thế giới)

78
Các tỉnh và thành phố nước ta. [Hà Nội] Phổ Thông, 1977.
DS556.39.C32 Orien Viet
79-984328
144 p. illus., plates.

79
Các vấn đề môi trường: báo cáo khoa học tại loạt hội thảo; do Ủy Ban Khoa Học và Kỹ Thuật Nhà Nước *and others*; phối hợp tổ chức vào tháng 4, 5, 6-1982 tại Hà Nội. Hà Nội [s.n.] 1982.
TD171.5.V5C33 1982 Orien Viet
85-230825
258 p.

80
Cách mạng khoa học kỹ thuật ở trên thế giới và ở Việt Nam: thư mục chuyên đề. Hà Nội, Bộ Văn Hóa và Thông Tin, Thư Viện Quốc Gia Việt Nam, 1979.
Z7401.C13 1979 Orien Viet
82-102345
206 p.

81
Cách mạng tháng Mười. In lần thứ 2 có bổ sung. Hà Nội, Phổ Thông, 1977.
DK265.C28 1977 Orien Viet
82-184510
73 p. illus., plates.

82
Cách mạng tháng tám (1945). In lần thứ 4 có sửa chữa và bổ sung. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
DS556.8.C328 1980 Orien Viet
83-135617
195 p.

83
Cách mạng và khoa học: nghiên cứu văn kiện đại hội Đảng lần thứ IV. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1977.
JQ898.D293C3 1977 Orien Viet
83-135047
295 p.
"Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện triết học." Errata slip inserted. Includes bibliographical references.

Digitized by Google
Original from UNIVERSITY OF ILLINOIS AT URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

1980+

PZ90.V5B84 1980 Orien Viet
84-161287

illus.

57
Bùi Phụng. Từ điển Việt-Anh. [Hà Nội] Trường Đại học tổng hợp Hà Nội, 1978.

PL4376.B78 Orien Viet
80-984201

1322 p.

58
Bùi Quang Tung. Biểu nhất lãm áp-dụng cho lịch-sử Việt-Nam. [s.l., s.n., 196]

DS556.5.B85 1960 Orien Viet
83-188289

42 p.

59
Bùi Quang Tung. Cuộc khởi nghĩa hai bà Trưng dưới mắt sử gia. [Huế] Viện Đại-học Huế, 1959.

83-188283

16 p.

60
Bùi Quang Tung. Nước Việt-Nam trên con đường suy vong (1858–1884). [Saigon] Hội Nghiên-cứu Liên-lạc Văn-hóa Á-Châu [1958?]

DS556.8.B85 1958 Orien Viet
83-188304

20 p.
"Trích trong Nguyệt-san văn-hóa Á-châu, số 3 tháng 6 năm 1958." Includes bibliographical references.

61
Bùi Văn Bảo. Câu đố vui: cũ và mới. [Toronto] Quê Hương [1977]

PN6377.V53B84 1980 Orien Viet
83-145975

104 p. illus.

62
Bùi Văn Nguyên. Chủ nghĩa yêu nước trong văn học thời khởi nghĩa Lam Sơn. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1980.

DS556.6.B83 1980 Orien Viet
82-185155

415 p.

63
Bùi Văn Nguyên. Chuyện anh Khum-Cọ: chuyện cổ dân tộc xá; bìa và minh họa của Thanh Mai. Hà Nội, Kim Đồng. 1978.

MLCM83/58 (P) Orien Viet
83-108487

14 p. illus.

64
Bùi Văn Nguyên. Nguyễn Trãi. Hà Nội, Văn Hóa, 1980.

DS556.73.N55B84 1980 Orien Viet
82-122199

366 p. illus., plates, port.

65
Bùi Vĩnh Phúc. Những cơn mưa trở về. Người Việt in lần thứ 1. [Irvine, CA] Hội Sinh Viên Việt Nam Đại Học Irvine, 1981.

PL4378.9.B87N4 1981 Orien Viet
82-150000

135 p. music.

66
Bùng nổ vì Việt Nam. Thành Phố Hồ Chí Minh, Thanh Niên [1979]

MLCS83/2727 (H)
83-118255

39 p. illus.

67
Bước ngoặt: tập kịch bản ngắn. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.

PL4378.7.B86 1979 Orien Viet
83-185847

168 p.

68
Bút Ngữ. Đêm về sáng: truyện ký. [Hà Nội] Thanh Niên [1979]

PL4378.9.B875D4 1979 Orien Viet
83-187785

185 p.

69
Bút Ngữ. Pháo đài đồng bằng: tiểu thuyết. [s.l.] Thanh Niên [1979]

MLCS82/5953
82-179307

375 p.

70
Bửu Cân. Hán-Việt thành-ngữ. Lexique des expressions sino-vietnamiennes usuelles. In lần thứ 2. [Saigon] Phủ Quốc-vụ-khanh Đặc-trách Văn-hóa, 1971.

PL4379.B8 1971 Orien Viet
79-984027

625 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

42
Bóng mát cuộc đời. [Hà Nội] Phụ Nữ, 1983.
PL4378.8.B66 1983 Orien Viet
84-241879

130 p.
Errata slip inserted.

Bùi Anh Tuấn;
see Người Thứ Tám

43
Bùi Bình Thi. Ban mai: tiểu thuyết. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
MLCS82/10956 (P)
82-226299

370 p.

44
Bùi Bình Thi. Chuyện Pren và Si va; bìa và minh họa của Huy Toàn. Hà Nội, Kim Đồng, 1979.
PL4378.9.B78C48 1979 Orien Viet
83-184926

70 p. illus.

45
Bùi Bình Thi. Mặt trời trên đỉnh thác: tiểu thuyết. Hà Nội, Phụ Nữ, 1979.
MLCS83/2211 (P)
83-108485

203 p.

46
Bùi Bình Thi. Mùa mưa đến sớm: tập truyện. Hà Nội, Văn Học. 1973.
PL4378.9.B78M8 1973 Orien Viet
83-185557

178 p.

47
Bùi Bình Thi. Tây Nguyên mùa cày: bút ký và ghi chép. [s.l.] Văn Hóa Dân Tộc, 1978.
PL4378.9.B78T3
80-984190

146 p.
Errata slip inserted.

48
Bùi Công Hùng. Góp phần tìm hiểu nghệ thuật thơ ca. Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1983.
PL4379.B78 1983 Orien Viet
85-199553

213 p. illus.
Bibliography: p. 210–13.

49
Bùi Công Kỳ. Nghệ thuật ngâm thơ. Hà Nội, Văn Hóa, 1980.
PN4151.B85 1980 Orien Viet
83-134985

176 p.

50
Bùi Hiển. Đường lớn: ký sự. In lần thứ 1. Hà Nội, Văn Học, 1966.
MLCS83/2214 (P)
83-108478

128 p.

51
Bùi Hiển. Một cuộc đời: truyện ký. [Hà Nội] Phụ Nữ. 1976.
PL4378.9.B84M6 Orien Viet
79-984053

148 p.

52
Bùi Huy Đáp. Cây lúa Việt Nam. Hà Nội, Khoa Học và Kỹ Thuật, 1980.
SB191.R5B827 1980 Orien Viet
82-190271

563 p. illus.
Includes summaries in English, French, and Russian. Errata slip inserted.

53
Bùi Huy Đáp. Lúa Việt Nam trong vùng nam và đông nam Châu Á. [Hà Nội] Nông Nghiệp, [1978]
SB191.R5B83 Orien Viet
80-984133

27 p.
Bibliography: p. 274.

54
Bùi Kỷ. Quốc văn cụ-thể. In lần thứ 2. [s.l.] Tân Việt [195 ?]
PL4378.5.B8 1950 Orien Viet
83-181217

170 p. (Sách giáo khoa)

55
Bùi Mạnh Nhi. Sen tháp mười: ca dao miền Nam về Chủ tịch Hồ Chí Minh. [s.l.] Thành Phố Hồ Chí Minh, 1980.
MLCS82/10965 (P)
82-226280

67 p.

56
Bùi Minh Quốc. Hồi đó ở Sa Kỳ; tiểu thuyết; bìa và minh họa của Ái Nhi. v. [1]+ Hà Nội, Kim Đồng,

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

28
Bằng Sĩ Nguyên. Hồn nhiên: thơ. [s.l.] Hội Nhà Văn Việt Nam, 1979.
MLCS83/5525 (P)
83-113386

78 p.

29
Bằng Việt. Đất sau mưa: thơ. [Hà Nội] Tác Phẩm Mới, 1977.
PL4378.9.B35D3 Orien Viet
79-984202

83 p.

30
Bằng Việt. Mô-da. Hà Nội, Văn Hóa, 1978.
MLCS82/9099
82-217263

230 p. plates.
(Tủ sách danh nhân văn hóa)

31
Bành Châu. Đêm Bến tre của Bành Châu, Bạch Điệp. Mối tình đầu của Hoàng Tích Chỉ, Hải Ninh. Hà Nội, Văn Hóa, 1978.
PL4378.8.B33 Orien Viet
80-984379

203 p.
Errata slip inserted.

32
Bành Châu. Nắng mới [của] Bành Châu. Bức tường không xây: tập truyện phim [của] Vũ Lê Mai, Khắc Lợi, Dương Đình Bá. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.
PL4378.8.B334 1979 Orien Viet
82.129762

201 p.
Errata slip inserted.

33
Bảo Định Giang. Mấy vấn đề văn nghệ yêu nước và cách mạng. Hà Nội, Văn Học. 1964.
PL4378.B28 1964 Orien Viet
83-139782

203 p.
Errata slip inserted.

34
Bão tháng giêng: tập truyện và ký. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
MLCS83/5499 (P)
83-136082

191 p.

35
Bảo Vân. Tục-ngữ, ca-dao [i.e. và] dân-ca. [Toronto] Quê Hương [1979]
GR313.B36 Orien Viet
80-984388

304 p.
Bibliography: p. 2

36
Bảo Vân. Việt Nam thường-thức, hay là, những điều cần biết về đất-nước và nòi giống Việt Nam. [Toronto] Quê Hương [1980]
DS556.25.B36 Orien Viet
80-984387

200 p. illus.
Bibliography: p. 2

37
Bảo Vân *and* Quỳnh Liên Tử. Giai-thoại câu-đối. Toronto, Ontario, Canada, Quê Hương [1983]
84-132449

96 p.

38
Bích Hồng. Con đường xây dựng nền kinh tế mới: nghiên cứu văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IV. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
HC444.B52 1980 Orien Viet
81-213060

167 p.

39
Bình Hải. Lửa rừng đêm: tiểu thuyết lịch sử. Hà Nội, Lao Động, 1979.
MLCS82/9864 (P)
82-223561

174 p.

40
Bỉnh, Philiphe. Sách số sang chép các việc; Thanh Lãng giới thiệu. [Đà-Lạt] Viện Đại Học Đà-Lạt [1968]
BX4705.B5195A37 1968 Orien Viet
83-192197

626 p.

41
Bội Điệp. Đổi đời. In lần 1. Houston, TX, Nhóm Con Ong Cái Kiến [1982?]
PL4378.9.B62D6 1982 Orien Viet
85-130496

193 p.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

13
35 năm chiến đấu và xây dựng. Hà Nội, Sự Thật, 1980.
DS556.8.A13 1980 Orien Viet
83-189533

426 p. illus., plates.
Includes bibliographical references.

14
Ba ngày lễ lớn năm 1980; đề cương tuyên truyện. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1980.
DS559.912.B3 Orien Viet
81-203188

129 p.

15
Bác Hồ kính yêu. Hà Nội, Kim Đồng, 1970–1975.
DS560.72.H6.B3 Orien Viet
79-984106

2 v. illus.

16
Bác Hồ với văn nghệ sĩ: hồi ký; Lữ Huy Nguyên sưu tầm và biên soạn. Hà Nội, Tác Phẩm Mới, Hội Nhà Văn Việt Nam, 1980.
DS560.72.H6B35 1980 Orien Viet
84-131083

250 p.

17
Bắc Kinh: đường lối bá quyền và sô vanh. Hà Nội, Ngoại Văn, 1981.
DS779.27.B33 1981 Orien Viet
84-171173

159 p.

18
Bắc Phong. Quốc-văn tổng-giảng: tú tài ABCD (dành riêng cho tú tài CD tự do). Sài-Gòn, Tủ sách tự-học, [19]
PL4378.B23 1970z Orien Viet
83-102475

665 p.

19
Bài ca biên phòng: tập thơ. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1979.
MLCS83/2213 (P)
83-108497

164 p.

20
Bài tập hình học: Lớp mười hai phổ thông, hệ 12 năm. In lại lần thứ 2. [s.l.] Giáo Dục, 1977.
QA459.B25 1977 Orien Viet
82-104360

229 p.

21
Balzac, Honoré de. Nông dân: cảnh đời nông thôn; Trọng Đức dịch và giới thiệu. [s.l.] Văn Học, 1981.
PQ2167.P2V5 1981 Orien Viet
84-210660

360 p.

22
Bản Quyên. Người du kích năm xưa. Hà Nội, Phụ Nữ, 1979.
MLCS83/5334 (P)
83-136075

245 p.

23
Bản Quyên. Từ mảnh đất này: truyện ký. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
PL4378.9.B27T8 Orien Viet
80-984377

209 p.

24
Bàn Tài Đoàn. Nơi ta ở. To ỏng bua diêm. Hà Nội, Văn Hóa, 1979.
82-173551

160 p.

25
Bàng Bá Lân. Cái hay của tiếng Việt qua tục-ngữ ca-dao: bình-khảo ngôn-ngữ văn-học dân-gian. [Toronto] Quê-Hương [1982?]
PL4371.B3 1981 Orien Viet
82-158989

80 p.

26
Bảng đối chiếu một số danh từ y-tế Anh-Việt dành cho các thông-dịch-viên. A short glossary of Australian health terms for interpreters and translators of Vietnamese. Dịch giả, Trần Văn Thịnh *and others*; soạn thảo viên, D. L. Sang. [s.l.] Health Education Unit, Public Health Dept, 1982.
84-131059

103 p.

27
Băng Giang *and others*. Bắn rơi tại chỗ máy bay B.52: hồi ký. Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978.
DS558.8.B36 Orien Viet
79-984426

381 p.
Errata slip inserted.

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

MONOGRAPHS

A

1
An Cương. Tiếng trống Mê Linh; bìa và minh họa của Thẩm Đức Tụ. In lần thứ 2. Hà Nội, Kim Đồng, 1978.
PZ90.V5A5 1978 Orien Viet
80-984061

94 p. illus.

2
An Quân. Theo bác đi chiến dịch: kỷ niệm của những người chiến sĩ cảnh vệ của bác. [s.l.] Văn Học Giải Phóng, 1976.
MLCS83/8000 (P)
83-113774

223 p.

Ảnh, I-Si-Ca-Oa Bun-Dô;
see Ishikawa, Bun' yō

3
Anh Chi, Yên Đức, *and* Thạch Qùy. Điệu hát nguồn sáng và đất: thơ. [s.l.] Tác Phẩm Mới, 1979.
MLCS82/5952
82-179347

167 p.

4
Anh Đông *and others*. Trăng tháng chạp: tập truyện ngắn. [s.l.] Tác Phẩm Mới, 1979.
MLCM82/952
82-164485

122 p.

5
Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. v. [1]+ Hà Nội, Quân Đội Nhân Dân, 1978+
U54.V53A56 Orien Viet
80-984099

6
Ánh lửa: tập truyện ký. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
PL4378.8.A5 Orien Viet
80-984062

83 p. illus.

7
Ánh lửa trong đôi mắt: tập truyện ngắn và ký [của] nhiều tác giả. [s.l.] Phụ Nữ, 1980
MLCS83/2089 (P)
82-114893

173 p.

8
Anh Vũ. Thực tế không phô trương. [s.l.] Thanh Niên, [1977]
HN59.A65 1977 Orien Viet
83-135031

147 p.

9
Avo óc Hồ: hồi ký. [s.l.] Văn Hóa Dân Tộc, [1977]
DS560.72.H6A95 Orien Viet
79-984279

220 p.
Errata slip inserted.

B

10
Bá Dũng. Ngày mai đã đến: tập truyện ngắn. Hà Nội, Phụ Nữ, 1978.
MLCS83/5342 (P)
83-113717

109 p.

11
Bá Dũng. Tiếng gọi: tập truyện ngắn. Hà Nội, Thanh Niên, 1971.
PL4378.9.B2T5 1971 Orien Viet
83-185610

117 p.
Contents: Tiếng gọi—Vẻ đẹp—Người trở về—Trách nghiệm—Bình minh xanh—Chuyện dưới vòm xanh.

12
33 truyện ngắn chọn lọc, 1945–1975. [Thành Phố Hồ Chí Minh] Tác Phẩm Mới, 1976.
PL4378.8.A113 1976 Orien Viet
82-244823

466 p.

Digitized by Google
Original from UNIVERSITY OF ILLINOIS AT URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

BIBLIOGRAPHY

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Preface

This volume is, in effect, a supplement to *Vietnamese Holdings in the Library of Congress*, published by the Library in 1982. Its publication is a response to the marked increase in the use of the Library's Vietnamese-language collection after the publication of the first bibliography of Vietnamese holdings, and to the increasing demand for information about more recent acquisitions. Cut off from access to resources in Vietnam itself, U.S. scholars of that area of the world must turn to libraries for their research sources. It is a testament to the continuing effectiveness of the Library's exchange program with libraries in Hanoi that so many of the materials needed for research are now available in Washington. Like the volume it supplements, this bibliography is intended to serve as a guide to the reader whose special interest is in using the Vietnamese-language collections in the custody of the Asian Division. It includes books, serials, and newspapers shelf-listed or in process, both in hard copy and in microform, excluding legal publications and pamphlets. All Vietnamese-language publications are included, whether issued in or outside of Vietnam.

Like the 1982 volume, this publication is divided into four parts: monographs, serials, newspapers, and an index to subjects, titles, and issuing bodies. Entries in each part are arranged alphabetically by author or main entry. The form of entry generally follows Library of Congress practice; variations are cross-referenced to the established form. The family name of a personal author appears first and the given name(s) follows with no intervening comma.

When the call number is not available (indicating works still in the cataloging process), the LC card number is given, if known, rather than the symbol "DLC," which was used in the earlier volume.

This work could not have been completed without the assistance of Nguyen H. Cuong, former Director of the National Library in Saigon. His unfailingly generous assistance in preparing records, especially for serial titles and holdings and in providing accurate diacritics constitutes an indispensable contribution.

To Louis A. Jacob, Head of the Southern Asia Section, Richard C. Howard, Assistant Chief of the Asian Division, and J. Thomas Rimer, former Chief of the Asian Division, I want to express my sincerest thanks for their encouragement and assistance in seeing this bibliographic project through to the press. My thanks also go to Iris Bodin Newsom and to Ruth Freitag for their time and editorial assistance on the project.

A. Kohar Rony
Southeast Asia Area Specialist

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Foreword

Although the war with Vietnam ended in 1975, more than a decade ago, scholarly and more general public interest in Vietnam has continued unabated. The circumstances surrounding the war, of course, are now as before the source of important scholarly debate, and the study of colonialism in many parts of the world has found in Vietnam a particularly complicated and significant example of how past policies are related to contemporary concerns. Then too, the presence of so many new American citizens with family origins in the Indochina peninsula has brought new readers and researchers, and with a wider variety of interests than ever before, to make use of the collections at the Library of Congress.

The Library has attempted to continue building its collections in this important area, including both retrospective materials and newer items published in the Socialist Republic of Vietnam. Because many of those interested in these collections may not be aware of the extensive holdings of the Library in the Vietnamese language, A. Kohar Rony, Area Specialist in the Asian Division, compiled in 1982 a bibliography of Vietnamese holdings in the Library. He has now supplemented that first volume with the present publication and so has brought up to date in a most useful fashion a record of the ever-expanding resources available here in the Library. The first bibliography was very well-received, and Mr. Rony and all of us in the Asian Division hope that this second volume can provide equally useful assistance to those wishing to do research on this important and complex country in any of its traditional, modern, or contemporary phases.

J. Thomas Rimer
Chief, Asian Division
1983–1986

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

DOC
LC 1.12/2:
1 6 3 / 1 9 8 5

Contents

Foreword	v
Preface	vii
Bibliography	1
Monographs	3
Serials	133
Newspapers	139
Indexes	141
Subject Index—Monographs	143
Title Index—Monographs	151
Corporate and Joint Authors—Monographs	163

Deposited Federal 3 988

Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN
Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

Library of Congress Cataloging-in-Publication Data

Library of Congress.
Vietnamese holdings in the Library of Congress.
Supplement, 1979–1985.

"A bibliography."
Includes indexes.
Supt. of Docs. no.: LC 1.12/2:V67/3/supp./979–85
1. Vietnam—Bibliography—Catalogs. 2. Vietnamese imprints—Catalogs. 3. Library of Congress—Catalogs. I. Rony, A. Kohar, 1933– . II. Library of Congress. Asian Division. Southeast Asia Section. III. Title.
Z3228.V5L52 1982 Suppl. 016.9597 87-600171
[DS556.3]
ISBN 0-8444-0564-7

For sale by the Superintendent of Documents, U.S. Government Printing Office
Washington, D.C. 20402

Digitized by Google

Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google

VIETNAMESE HOLDINGS
in the Library of Congress Supplement, 1979–1985

A Bibliography

Compiled by A. Kohar Rony
Southern Asia Section, Asian Division

LIBRARY OF CONGRESS WASHINGTON 1987

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-google
Digitized by Google
Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

DOC.
LC 1.12/2:
V67/3/SUPP.
1979-85

VIETNAMESE HOLDINGS

in the Library of Congress Supplement, 1979–1985

Digitized by Google

Original from
UNIVERSITY OF ILLINOIS AT
URBANA-CHAMPAIGN

Generated for Cindy Anh Nguyen (University of California, Berkeley) on 2016-03-09 19:35 GMT / http://hdl.handle.net/2027/uiug.30112039943912
Public Domain, Google-digitized / http://www.hathitrust.org/access_use#pd-us-google